

Phụ lục 2

DANH MỤC ĐIỀU CHUYỂN TÀI SẢN KẾT CẤU HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ: TÀI SẢN ĐƯỜNG HUYỆN SAU KHI PHÂN LOẠI THÀNH ĐƯỜNG XÃ VÀ TÀI SẢN ĐƯỜNG ĐÔ THỊ CHUYỂN VỀ UBND CẤP XÃ QUẢN LÝ

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /11/2025 của UBND tỉnh)

STT	Tài sản (Chỉ tiết theo từng loại tài sản)	Địa chỉ	Năm đưa vào sử dụng	Loại/cấp/hạng	Số lượng/Chiều dài (Km)	Diện tích (m2)			Giá trị (triệu đồng)		Tình trạng sử dụng của tài sản	Hình thức xử lý	Lý do xử lý
						Đất	Sàn sử dụng nhà	Cầu	Nguyên giá	Giá trị còn lại (đến 31/12/2024)			
(1)	(2)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)
I. Xã Cư M'gar													
01	Điều chuyển tài sản do chuyển tuyến đường huyện (ĐH.32 - Ea Kpam ÷ Ea Kiết) thành đường xã (ĐX.CMG.01- Đường xã CưMgar - Ea Kiết 01)				12,69				438.982,117	263.255,591			
	Đường xã CưMgar - Ea Kiết 01	Xã Cư M'Gar	Năm 2013	Cấp IV miền núi	12,69				438.982,117	263.255,591	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
02	Điều chuyển tài sản do chuyển tuyến đường huyện (ĐH.33 - Quảng Phú ÷ Ea Kiết) thành đường xã (ĐX.CMG.02- Đường xã Cư M'gar - Ea Mdroh 02)				7,79				227.468,000	148.991,540			
	Đường xã Cư M'gar - Ea Mdroh 02	Xã Cư M'Gar	Năm 2013	Cấp IV miền núi	7,79				227.468,000	148.991,540	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
03	Điều chuyển tài sản do chuyển tuyến đường huyện (ĐH.34 - Ea Kpam ÷ Ea Tar ÷ Ea Kuêh) thành đường xã (ĐX.CMG.03- Đường xã CưMgar - Ea Tul 03)				3,20				92.272,000	60.438,160			
	Đường xã CưMgar - Ea Tul 03	Xã Cư M'Gar	Năm 2013	Cấp IV miền núi	3,20				92.272,000	60.438,160	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
04	Điều chuyển tài sản do chuyển tuyến đường huyện (ĐH.35 - Ea Đing ÷ Ea Tar) thành đường xã (ĐX.CMG.04- Đường giao thông liên xã CưMgar 04)				1,50				43.216,000	28.306,480			
	Đường giao thông liên xã CưMgar 04	Xã Cư M'Gar	Năm 2013	Cấp IV miền núi	1,50				43.216,000	28.306,480	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
05	Điều chuyển tài sản do chuyển tuyến đường huyện (ĐH.41 - Ea H'ding ÷ Quảng Hiệp) thành đường xã (ĐX.CMG.05 - Đường xã Cư M'gar - Ea MDroh 05)				9,80				284.700,000	186.478,500			
	Đường giao thông liên xã CưMgar 05	Xã Cư M'Gar	Năm 2013	Cấp IV miền núi	9,80				284.700,000	186.478,500	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
II. Xã Cư M'ta													
01	Điều chuyển tài sản do chuyển tuyến đường huyện (Đường huyện từ xã Cư M'Ta đi xã CưKroá đến xã Ea Riêng) thành đường xã (ĐX.01 Đường xã từ QL 26 (xã Cư M'ta) đến giáp xã Ea Riêng)				6,00			240,00	105.588,000	75.495,42			
1.1	Phần đường và các công trình phụ trợ gắn liền với đường (kể cả cầu có chiều dài dưới 25m)												
	Đoạn từ Km 0 -Km0+090 và Km 0+120 - Km 6+0	Xã Cư M'Ta	Trước năm 2015	Cấp V miền núi	5,97				97.908,000	70.004,220	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
1.2	Cầu đường bộ và các công trình phụ trợ cầu đường bộ; tài sản, thiết bị chuyên dùng phục vụ riêng biệt cho cầu đường bộ												
	Cầu buôn Gô, lý trình từ Km0+090 đến Km 0+120	Xã Cư M'ta	Trước năm 2015		0,03			240,00	7.680,000	5.491,200	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
III. Xã Cư Pong													
01	Điều chuyển tài sản do chuyển tuyến đường huyện (ĐH.04 Đường huyện Quốc lộ 14 đi xã Ea Sin, Cư Pong) thành đường xã (ĐX.01a Đường giao thông liên xã từ buôn Mui, xã Krông Búk đi ngã 3 Ama Kim, xã Cư Pong)				16,80				241.920,000	172.972,800			
	Đường giao thông liên xã từ buôn Mui, xã Krông Búk đi ngã 3 Ama Kim, xã Cư Pong	Xã Cư Pong	Trước năm 2009	Cấp IV miền núi	16,80				241.920,000	172.972,800	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
02	Điều chuyển tài sản do chuyển tuyến đường huyện (ĐH.04 Đường huyện Quốc lộ 14 đi xã Cư Pong) thành đường xã (ĐX.01b Đường giao thông liên xã từ thôn 6, xã Krông Búk đi ngã 3 trung tâm xã Cư Pong)				9,30				133.920,000	95.752,80			
	Đường giao thông liên xã từ thôn 6, xã Krông Búk đi ngã 3 trung tâm xã Cư Pong	Xã Cư Pong	Trước năm 2009	Cấp IV miền núi	9,30				133.920,000	95.752,8000	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
IV. Xã Cư P rao													
01	Điều chuyển tài sản do chuyển tuyến đường huyện (Đường huyện D22 từ xã Ea Pil đến xã Cư P rao) thành đường xã (ĐX.01: Đường xã D22 xã Cư P rao từ Km0+00 đến Km12+00)				12,00				244.720,000	174.974,800			
	Đoạn từ Km0+00 đến Km12+00	Xã Cư P rao	Trước năm 2015	Cấp IV miền núi	12,00				244.720,000	174.974,800	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
V. Xã Cư Pui													
01	Điều chuyển tài sản do chuyển tuyến đường huyện (ĐH 01 Đường Hoà Phong - Cư Pui) thành đường xã (ĐX 01 Đường Hoà Phong - Cư Pui)				10,19				114.723,000	80.873,000			

STT	Tài sản <i>(Chỉ tiết theo từng loại tài sản)</i>	Địa chỉ	Năm đưa vào sử dụng	Loại/cấp/hạng	Số lượng/Chiều dài (Km)	Diện tích (m2)			Giá trị (triệu đồng)		Tình trạng sử dụng của tài sản	Hình thức xử lý	Lý do xử lý
						Đất	Sàn sử dụng nhà	Cầu	Nguyên giá	Giá trị còn lại (đến 31/12/2024)			
(1)	(2)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)
	Đường Hoà Phong - Cự Pui	Xã Cự Pui	Trước năm 2013	Cấp IV miền núi	10,19				114.723,000	80.873,000	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
VI. Xã Cự Yang													
01	Điều chuyển tài sản do chuyển tuyến đường huyện (ĐH.07.01 - Đường Ea Kar - Cự Yang, đoạn từ Km24+100 - Km36+000) thành đường xã (ĐX.01 Đoạn nối từ ranh giới xã Cự Yang và xã Ea Pal đến nhà điều hành hồ chứa nước Krông Pách Thượng)				11,90			343,00	178.543,40	127.658,53			
1.1	Phần đường và các công trình phụ trợ gắn liền với đường (kể cả cầu có chiều dài dưới 25m)												
	Đoạn nối từ ranh giới xã Cự Yang và xã Ea Pal đến nhà điều hành hồ chứa nước Krông Pách Thượng.	Xã Cự Yang	Trước năm 2015	Cấp IV miền núi	11,85				170.654,400	122.017,896	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
1.2	Cầu đường bộ và các công trình phụ trợ cầu đường bộ; tài sản, thiết bị chuyên dùng phục vụ riêng biệt cho cầu đường bộ												
	Cầu thôn 12 (Km24+00)	Xã Cự Yang	Trước năm 2015	BTCT	0,05			343,00	7.889,000	5.640,635	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
02	Điều chuyển tài sản do chuyển tuyến đường huyện (ĐH.07.04 - Đường Ea Ô - Cự Bông - Cự Yang đoạn từ Km8+00 đến Km18+00) thành đường xã (ĐX.02 - Đoạn từ ngã ba trường THCS Hoàng Hoa Thám xã Cự Yang đến Thôn 1A xã Ea Ô)				10,00			897,00	164.631,000	117.711,165			
02.1	Phần đường và các công trình phụ trợ gắn liền với đường (kể cả cầu có chiều dài dưới 25m)												
	Đoạn từ ngã ba trường THCS Hoàng Hoa Thám xã Cự Yang đến Thôn 1A xã Ea Ô.	Xã Cự Yang	Trước năm 2015	Cấp IV miền núi	9,86				144.000,000	102.960,000	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
02.2	Cầu đường bộ và các công trình phụ trợ cầu đường bộ; tài sản, thiết bị chuyên dùng phục vụ riêng biệt cho cầu đường bộ												
	Cầu Km17+500	Xã Cự Yang	Trước năm 2015	BTCT	0,14			897,00	20.631,000	14.751,165	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
03	Điều chuyển tài sản do chuyển tuyến đường huyện (ĐH.07.13 - Đường Cự Yang - H. M'Drăk) thành đường xã (ĐX.03 -Đoạn ngã 3 nghĩa địa thôn 9 xã Cự Yang đến giáp ranh xã Krông Á)				6,91			208,00	103.827,200	74.236,448			
03.1	Phần đường và các công trình phụ trợ gắn liền với đường (kể cả cầu có chiều dài dưới 25m)												
	Đoạn ngã 3 nghĩa địa thôn 9 xã Cự Yang đến giáp ranh xã Krông Á	Xã Cự Yang	Trước năm 2015	Cấp IV miền núi	6,88				99.043,200	70.815,888	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
03.2	Cầu đường bộ và các công trình phụ trợ cầu đường bộ; tài sản, thiết bị chuyên dùng phục vụ riêng biệt cho cầu đường bộ												
	Cầu thôn 9	Xã Cự Yang	Trước năm 2015	BTCT	0,03			208,00	4.784,000	3.420,560	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
VII. Xã Cuôr Đăng													
01	Điều chuyển tài sản do chuyển tuyến đường huyện (ĐH.31 Quảng Tiến đi Cuôr Đăng) thành đường xã (ĐX.CD.01 Cuôr Đăng - Quảng Phú)				10,52				307.184,000	201.205,520			
	Cuôr Đăng - Quảng Phú	Xã Cuôr Đăng	Trước năm 2013	Cấp IV miền núi	10,52				307.184,000	201.205,520	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
VIII. Xã Đắk Liêng													
01	Điều chuyển tài sản do chuyển tuyến đường huyện (ĐH.127 Đường liên xã Liên Sơn - Đắk Liêng - Đắk Phơi) thành đường xã (ĐX.DL.01 Đường xã Đắk Liêng 01)				2,91				50.043,836	27.566,058			
	Đường xã Đắk Liêng 01	Xã Đắk Liêng	Trước năm 2015	Cấp V miền núi	2,91				50.043,836	27.566,058	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
02	Điều chuyển tài sản do chuyển tuyến đường huyện (ĐH.128 Đường liên xã Đắk Liêng-Đắk Phơi) thành đường xã (ĐX.DL.02 Đường xã Đắk Liêng 02)				2,65				50.475,739	37.738,852			
	Đường xã Đắk Liêng 02	Xã Đắk Liêng	Trước năm 2015	Cấp V miền núi	2,65				50.475,739	37.738,852	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
IX. Xã Đắk Phơi													
01	Điều chuyển tài sản do chuyển tuyến đường huyện (ĐH.126 Đường liên xã Đắk Nuê - Đắk Phơi) thành đường xã (ĐX.126 Đường Giao thông từ Buôn Dham 2 đến Buôn Chiêng Kao)				3,05				50.803,105	36.448,672			
	Đường Giao thông từ Buôn Dham 2 đến Buôn Chiêng Kao	Xã Đắk Phơi	Trước năm 2015	Cấp V miền núi	3,05				50.803,105	36.448,672	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
02	Điều chuyển tài sản do chuyển tuyến đường huyện (ĐH.127 Đường Liên xã Liên Sơn – Đắk Liêng – Đắk Phơi) thành đường xã (ĐX.127 Đường Giao thông từ Buôn Pair đến Buôn Năm)												
2.1	Phần đường và các công trình phụ trợ gắn liền với đường (kể cả cầu có chiều dài dưới 25m)				7,00				125.583,391	68.076,306			

STT	Tài sản <i>(Chỉ tiết theo từng loại tài sản)</i>	Địa chỉ	Năm đưa vào sử dụng	Loại/cấp/hạng	Số lượng/Chiều dài (Km)	Diện tích (m2)			Giá trị (triệu đồng)		Tình trạng sử dụng của tài sản	Hình thức xử lý	Lý do xử lý
						Đất	Sàn sử dụng nhà	Cầu	Nguyên giá	Giá trị còn lại (đến 31/12/2024)			
(1)	(2)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)
	Đường Giao thông từ Buôn Pair đến Buôn Năm	Xã Đắk Phơi	Trước năm 2015	Cấp V miền núi	6,96				119.967,391	66.082,626	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
2.2	Cầu đường bộ và các công trình phụ trợ cầu đường bộ; tài sản, thiết bị chuyên dùng phục vụ riêng biệt cho cầu đường bộ												
	<i>Cầu Thép buôn Tlong Km10+140</i>	Xã Đắk Phơi	Trước năm 2003	Cầu thép	0,04				5.616,000	1.993,680	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
03	Điều chuyển tài sản do chuyển tuyến đường huyện (ĐH.128 Đường Liên xã Đắk Liêng – Đắk Phơi) thành đường xã (ĐX.128 Đường Giao thông từ Buôn Pair đến Buôn Năm)				5,15				84.460,000	60.388,900			
	Đường Giao thông từ Buôn Pair đến Buôn Năm	Xã Đắk Phơi	Trước năm 2015	Cấp V miền núi	5,15				84.460,000	60.388,900	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
X. Xã Dang Kang													
01	Điều chuyển tài sản do chuyển tuyến đường huyện (ĐH.01 Đường liên xã Hoà Thành, huyện Krông Bông đi xã Ea Hu, huyện Cư Kuin) thành đường xã (ĐX.DK.01 Đường liên xã Dang Kang đi xã Ea Ning)				4,10				12.100,000	10.829,500			
	Đường liên xã Dang Kang đi xã Ea Ning	Xã Dang Kang	Trước năm 2013	Cấp IV miền núi	4,10				12.100,000	10.829,500	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
02	Điều chuyển tài sản do chuyển tuyến đường huyện (ĐH.02 Đường liên xã Cư Kty, huyện Krông Bông đi xã Ea Yiêng, huyện Krông Pắc) thành đường xã (ĐX.DK.02 Đường liên xã Dang Kang đi xã Tân Tiến)				6,40				102.039,630	69.503,458			
	Đường liên xã Dang Kang đi xã Tân Tiến	Xã Dang Kang	Trước năm 2013	Cấp IV miền núi	6,40				102.039,630	69.503,458	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
03	Điều chuyển tài sản do chuyển tuyến đường huyện (ĐH.02 Đường liên xã Hoà Tân - Hoà Thành) thành đường xã (ĐX.DK.03 Đường liên xã Dang Kang)				8,75				35.647,027	28.083,740			
	Đường liên xã Dang Kang	Xã Dang Kang	Trước năm 2012	Cấp IV miền núi	8,75				35.647,027	28.083,740	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
XI. Xã Dliê Ya													
01	Điều chuyển tài sản do chuyển tuyến đường huyện (ĐH.111 - Ngã ba thôn Quảng An xã Ea Hồ giáp ranh xã Ea Tóh đến Km 27+ 00 tại xã Ea Tân (Giáp ranh Ea Hiao)) thành đường xã (ĐX.01 Ngã ba thôn Quảng An xã Ea Hồ giáp ranh xã Ea Tóh đến Km 27+ 00 tại xã Ea Tân (Giáp ranh Ea Hiao) đoạn xã Dliê Ya)				20,80			162,00	17284,000	12980,860			
01.1	Phần đường và các công trình phụ trợ gắn liền với đường (kể cả cầu có chiều dài dưới 25m)												
	Ngã ba thôn Quảng An xã Ea Hồ giáp ranh xã Ea Tóh đến Km 27+ 00 tại xã Ea Tân (Giáp ranh Ea Hiao) đoạn xã Dliê Ya	Xã Dliê Ya	Trước năm 2006	Cấp V miền núi	20,77				12.100,000	10.829,500	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
01.2	Cầu đường bộ và các công trình phụ trợ cầu đường bộ; tài sản, thiết bị chuyên dùng phục vụ riêng biệt cho cầu đường bộ												
	Cầu Ea Dua (Ma Khuôn)	Xã Dliê Ya	Năm 2005	BTCT	0,03			162,00	5.184,000	2.151,360	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
02	Điều chuyển tài sản do chuyển tuyến đường huyện (ĐH.112 - Ngã ba cây xăng Quý Điều xã Dliêya đến Km 13 + 600 tại thôn Tân Thành Giáp ranh xã Ea Hiao, huyện Ea H'leo) thành đường xã (ĐX.02 - Ngã ba cây xăng Quý Điều xã Dliêya đến Km 13 + 600 tại thôn Tân Thành Giáp ranh xã Ea Hiao, huyện Ea H'leo đoạn xã Dliê Ya)												
02.1	Phần đường và các công trình phụ trợ gắn liền với đường (kể cả cầu có chiều dài dưới 25m)				13,60			240,50	31442,552	13991,936			
	Ngã ba cây xăng Quý Điều xã Dliêya đến Km 13 + 600 tại thôn Tân Thành Giáp ranh xã Ea Hiao, huyện Ea H'leo đoạn xã Dliê Ya	Xã Dliê Ya	Trước năm 2006	Cấp V miền núi	13,56				23.746,552	10.567,216	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
02.2	Cầu đường bộ và các công trình phụ trợ cầu đường bộ; tài sản, thiết bị chuyên dùng phục vụ riêng biệt cho cầu đường bộ												
	<i>Cầu Ea Blong (Suối Mơ)</i>	Xã Dliê Ya	Năm 2005	BTCT	0,04			240,50	7.696,000	3.424,720	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
03	Điều chuyển tài sản do chuyển tuyến đường huyện (ĐH.113 - Công chào thông Tân Nam, xã Phú Lộc đến ngã 3 xã Ea Tóh giao với ĐH.111) thành đường xã (ĐX.03 - Công chào thông Tân Nam, xã Phú Lộc đến ngã 3 xã Ea Tóh đoạn xã Dliê Ya)				1,90				8.244,100	7.131,147			
	Công chào thông Tân Nam, xã Phú Lộc đến ngã 3 xã Ea Tóh đoạn xã Dliê Ya	Xã Dliê Ya	Năm 2020	Cấp IV miền núi	1,90				8.244,100	7.131,147	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
04	Điều chuyển tài sản do chuyển tuyến đường huyện (ĐH.116 - Giáp ranh xã Ea Tam (cầu Trạm I) đến ngã ba Hội Ngõ, xã Ea Tân giao với ĐH.111) thành đường xã (ĐX.04 - Giáp ranh xã Ea Tam (cầu Trạm I) đến ngã ba Hội Ngõ, xã Ea Tân đoạn xã Dliê Ya)				13,90				19.606,933	12.254,333			
	Giáp ranh xã Ea Tam (cầu Trạm I) đến ngã ba Hội Ngõ, xã Ea Tân đoạn xã Dliê Ya	Xã Dliê Ya	Năm 2012	Cấp V miền núi	13,90				19.606,933	12.254,333	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản

STT	Tài sản <i>(Chỉ tiết theo từng loại tài sản)</i>	Địa chỉ	Năm đưa vào sử dụng	Loại/cấp/hạng	Số lượng/Chiều dài (Km)	Diện tích (m2)			Giá trị (triệu đồng)		Tình trạng sử dụng của tài sản	Hình thức xử lý	Lý do xử lý
						Đất	Sàn sử dụng nhà	Cầu	Nguyên giá	Giá trị còn lại (đến 31/12/2024)			
(1)	(2)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)
05	Điều chuyển tài sản do chuyển tuyến đường huyện (ĐH.117 - Ngã ba rẽ đi Sinh Kê, xã Ea Tóh đến Ngã ba cây Xăng Đại Đạt giao với ĐH.121, xã Ea Tân) thành đường xã (ĐX.05 - Ngã ba rẽ đi Sinh Kê, xã Ea Tóh đến Ngã ba cây Xăng Đại Đạt đoạn xã Dliê Ya)				11,30				18.274,000	10.324,810			
	Ngã ba rẽ đi Sinh Kê, xã Ea Tóh đến Ngã ba cây Xăng Đại Đạt đoạn xã Dliê Ya	Xã Dliê Ya	Năm 2012	Cấp V miền núi	11,30				18.274,000	10.324,810	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
06	Điều chuyển tài sản do chuyển tuyến đường huyện (ĐH.120 - Km0+00 tại Ngã ba Đồi 900, (Km 7+700 ĐH.112) đến giáp ranh xã Cư Klông) thành đường xã (ĐX.06 - Km0+00 tại Ngã ba Đồi 900 (Km 7+700 ĐH.112) đến giáp ranh xã Cư Klông đoạn xã Dliê Ya)				3,10				10.586,661	6.934,263			
	Km0+00 tại Ngã ba Đồi 900 (Km 7+700 ĐH.112) đến giáp ranh xã Cư Klông đoạn xã Dliê Ya	Xã Dliê Ya	Năm 2013	Cấp V miền núi	3,10				10.586,661	6.934,263	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
07	Điều chuyển tài sản do chuyển tuyến đường huyện (ĐH.121 - Ngã ba Nhà thờ Đồi trực, xã Ea Tân đến Đồi 900 giao với ĐH.112 xã Dliêya) thành đường xã (ĐX.07 - KNã ba Nhà thờ Đồi trực, xã Ea Tân đến Đồi 900 xã Dliê Yadoan xã Dliê Ya)				11,30				26.978,059	18.479,970			
	Ngã ba Nhà thờ Đồi trực, xã Ea Tân đến Đồi 900 xã Dliê Yadoan xã Dliê Ya	Xã Dliê Ya	Năm 2014	Cấp V miền núi	11,30				26.978,059	18.479,970	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
XII. Xã Đồng Xuân													
A. Điều chuyển tài sản đường huyện về cho xã quản lý													
01	Điều chuyển tài sản do chuyển tuyến đường huyện (ĐH.42) thành đường xã (ĐX.42 Đường từ thôn Long Thăng xã Đồng Xuân đến giáp thôn Đồng Hội xã Phú Mỹ)				10,60				152.640,000	117.532,800			
	Đường từ thôn Long Thăng xã Đồng Xuân đến giáp thôn Đồng Hội xã Phú Mỹ	Xã Đồng Xuân	Trước năm 2015	Cấp IV miền núi	10,60				152.640,000	117.532,800	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
02	Điều chuyển tài sản do chuyển tuyến đường huyện (ĐH.44) thành đường xã (ĐX.44 Đường từ thôn Tân Phước đi thôn Tân Thọ xã Đồng Xuân)				4,00				57.600,000	44.352,000			
	Đường từ thôn Tân Phước đi thôn Tân Thọ xã Đồng Xuân	Xã Đồng Xuân	Trước năm 2015	Cấp IV miền núi	4,00				57.600,000	44.352,000	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
03	Điều chuyển tài sản do chuyển tuyến đường huyện (ĐH.45) thành đường xã (ĐX.45 Đường từ thôn Long Hà xã Đồng Xuân đi thôn Phước Lộc xã Xuân Phước)				0,700				10.080,000	7.761,600			
	Đường từ thôn Long Hà xã Đồng Xuân đi thôn Phước Lộc xã Xuân Phước	Xã Đồng Xuân	Trước năm 2015	Cấp IV miền núi	0,700				10.080,000	7.761,600	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
04	Điều chuyển tài sản do chuyển tuyến đường huyện (ĐH.46) thành đường xã (ĐX.46 Đường từ giáp thôn Thạnh Đức, xã Xuân Phước đến xóm Thác Dài thôn Phú Sơn, xã Đồng Xuân)				4,88				70.272,000	54.109,440			
	Đường từ giáp thôn Thạnh Đức, xã Xuân Phước đến xóm Thác Dài thôn Phú Sơn, xã Đồng Xuân	Xã Đồng Xuân	Trước năm 2015	Cấp V miền núi	4,88				70.272,000	54.109,440	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
05	Điều chuyển tài sản do chuyển tuyến đường huyện (ĐH.48) thành đường xã (ĐX.48 Xóm khẩu thôn Long Châu đi thôn Long Hòa xã Đồng Xuân)				3,07				44.208,000	34.040,160			
	Xóm khẩu thôn Long Châu đi thôn Long Hòa xã Đồng Xuân	Xã Đồng Xuân	Trước năm 2015	Cấp IV miền núi	3,07				44.208,000	34.040,160	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
B. Điều chuyển tài sản đường đô thị về cho xã quản lý													
01	Đường Trần Phú	Xã Đồng Xuân	Trước năm 2015	ĐĐT	1,47				63.288,000	48.731,760	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
02	Đường Lương Tấn Thịnh	Xã Đồng Xuân	Trước năm 2015	ĐĐT	0,30				12.960,000	9.979,200	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
03	Đường Nguyễn Huệ	Xã Đồng Xuân	Trước năm 2015	ĐĐT	1,40				60.480,000	46.569,600	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
04	Đường Phan Trọng Đường	Xã Đồng Xuân	Trước năm 2015	ĐĐT	0,34				14.817,600	11.409,552	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
05	Đường Võ Thị Sáu	Xã Đồng Xuân	Trước năm 2015	ĐĐT	0,42				18.187,200	14.004,144	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
06	Đường Lê Thành Phương	Xã Đồng Xuân	Trước năm 2015	ĐĐT	1,38				59.616,000	45.904,320	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
07	Đường Phan Lưu Thanh	Xã Đồng Xuân	Trước năm 2015	ĐĐT	0,68				29.376,000	22.619,520	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
08	Đường Võ Văn Dũng	Xã Đồng Xuân	Trước năm 2015	ĐĐT	0,60				25.920,000	19.958,400	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
09	Đường Trường Chinh	Xã Đồng Xuân	Trước năm 2015	ĐĐT	1,13				48.772,800	37.555,056	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
10	Đường Nguyễn Hào Sự	Xã Đồng Xuân	Trước năm 2015	ĐĐT	0,60				26.092,800	20.091,456	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
11	Đường Lê Lợi	Xã Đồng Xuân	Trước năm 2015	ĐĐT	0,36				15.724,800	12.108,096	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản

[illegible]

[illegible]

STT	Tài sản <i>(Chỉ tiết theo từng loại tài sản)</i>	Địa chỉ	Năm đưa vào sử dụng	Loại/cấp/hạng	Số lượng/Chiều dài (Km)	Diện tích (m2)			Giá trị (triệu đồng)		Tình trạng sử dụng của tài sản	Hình thức xử lý	Lý do xử lý
						Đất	Sàn sử dụng nhà	Cầu	Nguyên giá	Giá trị còn lại (đến 31/12/2024)			
(1)	(2)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)
	Cầu Km 6+184	Xã Ea Bung	Năm 2024	Cầu BTCT	0,076			643,88	14.089,000	13.737,000	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
02	Điều chuyển tài sản do chuyển tuyến đường huyện (ĐH - Đường đi trung tâm xã Ya Tờ Mốt đến ngã 3 nhà máy mía đường) thành đường xã (ĐX.EB.02 - Đường xã Ea Bung đi đến nhà máy mía đường)				24,05				394.420,000	234.679,900			
	Đường xã Ea Bung đi đến nhà máy mía đường	Xã Ea Bung	Trước năm 2015	Cấp IV	24,05				394.420,000	234.679,900	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
03	Điều chuyển tài sản do chuyển tuyến đường huyện (ĐH - Đường ngã 4 Cư Mlan đi xã Ya Tờ Mốt) thành đường xã (ĐX.EB.03 - Đường xã Ea Bung từ giáp xã Ea Súp đến trung tâm xã Ya Tờ Mốt cũ)				6,62				108.568,000	77.626,120			
	Đường xã Ea Bung từ giáp xã Ea Súp đến trung tâm xã Ya Tờ Mốt cũ	Xã Ea Bung	Trước năm 2015	Cấp IV	6,62				108.568,000	77.626,120	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
XVIII. Xã Ea Drăng													
A. Điều chuyển tài sản đường đô thị về cho xã quản lý													
01	Trần Phú	Xã Ea Drăng	Trước năm 2015	ĐĐT	0,95				20.474,079	14.917,078	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
02	Đường Lê Thị Hồng Gấm	Xã Ea Drăng	Trước năm 2015	ĐĐT	0,10				1.960,000	1.401,400	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
03	Đường Nguyễn Thị Minh Khai	Xã Ea Drăng	Trước năm 2012	ĐĐT	0,15				2.940,000	1.837,500	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
04	Đường Nơ Trang Long	Xã Ea Drăng	Trước năm 2019	ĐĐT	0,86				5.375,587	4.488,615	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
05	Đường Nguyễn Chí Thanh	Xã Ea Drăng	Trước năm 2010	ĐĐT	1,50				29.400,000	16.611,000	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
06	Đường Trần Quốc Toàn	Xã Ea Drăng	Trước năm 2018	ĐĐT	0,99				4.330,242	3.485,845	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
07	Đường Ama Khê	Xã Ea Drăng	Trước năm 2023	ĐĐT	3,58				8.760,000	8.322,000	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
08	Đường Quang Trung	Xã Ea Drăng	Trước năm 2004	ĐĐT	0,80				15.680,000	6.036,800	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
09	Đường Quang Trung	Xã Ea Drăng	Trước năm 2012	ĐĐT	0,80				658,633	411,646	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
10	Đường Lý Thường Kiệt	Xã Ea Drăng	Trước năm 2008	ĐĐT	0,32				6.272,000	3.167,360	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
11	Đường Phạm Văn Đồng	Xã Ea Drăng	Trước năm 2010	ĐĐT	2,23				1.868,283	1.055,580	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
12	Đường Phan Đăng Lưu	Xã Ea Drăng	Trước năm 2010	ĐĐT	1,20				4.510,848	2.548,629	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
13	Đường Lý Tự Trọng	Xã Ea Drăng	Trước năm 2023	ĐĐT	1,33				4.500,000	4.275,000	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
14	Đường Nguyễn Trãi	Xã Ea Drăng	Trước năm 2010	ĐĐT	0,38				7.448,000	4.208,120	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
15	Đường Mạc Thị Bưởi	Xã Ea Drăng	Trước năm 2007	ĐĐT	0,39				7.644,000	3.630,900	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
16	Đường Nguyễn Khuyến	Xã Ea Drăng	Trước năm 2010	ĐĐT	0,37				878,588	496,402	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
17	Đường Lê Duẩn	Xã Ea Drăng	Trước năm 2019	ĐĐT	0,09				3.011,411	2.514,528	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
18	Đường Nguyễn Văn Cừ	Xã Ea Drăng	Trước năm 2008	ĐĐT	1,14				22.344,000	11.283,720	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
19	Đường Nguyễn Văn Trỗi	Xã Ea Drăng	Trước năm 2010	ĐĐT	0,43				8.428,000	4.761,820	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
20	Đường Ngô Gia Tự	Xã Ea Drăng	Trước năm 2010	ĐĐT	0,90				3.212,489	1.815,056	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
21	Đường Y Jút	Xã Ea Drăng	Trước năm 2007	ĐĐT	0,28				5.488,000	2.606,800	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
22	Đường Phạm Hồng Thái	Xã Ea Drăng	Trước năm 1998	ĐĐT	0,15				2.940,000	602,700	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
23	Đường Phan Chu Trinh	Xã Ea Drăng	Trước năm 2010	ĐĐT	0,18				3.528,000	1.993,320	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
24	Đường Trường Chinh	Xã Ea Drăng	Trước năm 2004	ĐĐT	0,39				7.644,000	2.942,940	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
25	Đường Xô Viết Nghệ Tĩnh	Xã Ea Drăng	Trước năm 1995	ĐĐT	1,08				21.168,000	2.434,320	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
26	Đường Cù Chính Lan	Xã Ea Drăng	Trước năm 1995	ĐĐT	0,99				19.404,000	2.231,460	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản

STT	Tài sản <i>(Chỉ liệt theo từng loại tài sản)</i>	Địa chỉ	Năm đưa vào sử dụng	Loại/cấp/hạng	Số lượng/Chiều dài (Km)	Diện tích (m2)			Giá trị (triệu đồng)		Tình trạng sử dụng của tài sản	Hình thức xử lý	Lý do xử lý
						Đất	Sàn sử dụng nhà	Cầu	Nguyên giá	Giá trị còn lại (đến 31/12/2024)			
(1)	(2)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)
27	Đường Nguyễn Lương Bằng	Xã Ea Drăng	Trước năm 2000	ĐĐT	0,37				7.252,000	1.921,780	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
28	Đường Nguyễn Kiệm	Xã Ea Drăng	Trước năm 2000	ĐĐT	0,43				8.428,000	2.233,420	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
29	Đường Nguyễn Viết Xuân	Xã Ea Drăng	Trước năm 2000	ĐĐT	0,43				8.428,000	2.233,420	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
30	Đường Nguyễn Đức Cảnh	Xã Ea Drăng	Trước năm 2005	ĐĐT	0,72				14.112,000	5.856,480	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
31	Đường Hà Huy Tập	Xã Ea Drăng	Trước năm 2005	ĐĐT	1,32				25.872,000	10.736,880	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
32	Đường Hà Huy Tập nối dài	Xã Ea Drăng	Trước năm 2010	ĐĐT	0,24				4.704,000	2.657,760	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
33	Đường Nguyễn Thị Định	Xã Ea Drăng	Trước năm 2005	ĐĐT	0,31				6.076,000	2.521,540	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
34	Đường Tô Hiệu	Xã Ea Drăng	Trước năm 2005	ĐĐT	0,57				11.172,000	4.636,380	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
35	Đường Hoàng Văn Thụ	Xã Ea Drăng	Trước năm 2005	ĐĐT	1,06				20.776,000	8.622,040	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
36	Đường A MA Thương	Xã Ea Drăng	Trước năm 2008	ĐĐT	1,07				20.972,000	10.590,860	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
37	Đường Y Ngông Nié KĐăm	Xã Ea Drăng	Trước năm 2010	ĐĐT	0,33				6.468,000	3.654,420	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
38	Đường Ngô Quyền	Xã Ea Drăng	Trước năm 2005	ĐĐT	0,95				18.620,000	7.727,300	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
39	Đường Bà Triệu	Xã Ea Drăng	Trước năm 2005	ĐĐT	0,83				16.268,000	6.751,220	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
40	Đường Phan Đình Phùng	Xã Ea Drăng	Trước năm 2004	ĐĐT	1,09				21.364,000	8.225,140	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
41	Đường Kim Đồng	Xã Ea Drăng	Trước năm 2012	ĐĐT	0,27				5.292,000	3.307,500	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
42	Đường Lê Lợi	Xã Ea Drăng	Trước năm 2010	ĐĐT	0,30				5.880,000	3.322,200	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
43	Đường Lê Lai	Xã Ea Drăng	Trước năm 2010	ĐĐT	0,32				6.272,000	3.543,680	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
44	Đường Chu Văn An	Xã Ea Drăng	Trước năm 2010	ĐĐT	0,35				6.860,000	3.875,900	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
45	Đường Hồ Xuân Hương	Xã Ea Drăng	Trước năm 2012	ĐĐT	0,75				14.700,000	9.187,500	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
46	Đường An Dương Vương	Xã Ea Drăng	Trước năm 2007	ĐĐT	0,60				11.760,000	5.586,000	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
47	Đường Bế Văn Đàn	Xã Ea Drăng	Trước năm 2015	ĐĐT	0,50				9.800,000	7.007,000	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
48	Đường Hùng Vương	Xã Ea Drăng	Trước năm 2015	ĐĐT	0,35				6.860,000	4.904,900	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
49	ĐườngNguyễn Thái Bình	Xã Ea Drăng	Trước năm 2015	ĐĐT	0,54				10.584,000	7.567,560	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
50	Đường Nguyễn Công Trứ	Xã Ea Drăng	Trước năm 2015	ĐĐT	0,35				6.860,000	4.904,900	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
51	Đường Cao Bá Quát	Xã Ea Drăng	Trước năm 2015	ĐĐT	0,37				7.252,000	5.185,180	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
52	Đường Lý Thái Tổ	Xã Ea Drăng	Trước năm 2015	ĐĐT	0,35				6.860,000	4.904,900	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
53	Đường Hoàng Diệu	Xã Ea Drăng	Trước năm 2015	ĐĐT	0,37				7.252,000	5.185,180	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
54	Đường Nguyễn Bình Khiêm	Xã Ea Drăng	Trước năm 1995	ĐĐT	0,55				10.780,000	1.239,700	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
XIX. Xã Ea Drông													
01	Điều chuyển tài sản do chuyển tuyến đường huyện (ĐH.01 - Đường Buôn Hồ - Ea Blang -Ea Drông - Phú Xuân (NT49)) thành đường xã (ĐX.01 - Đường Buôn Hồ - -Ea Drông - Phú Xuân (NT49))				9,20				173.978,609	133.191,605			
	Đường Buôn Hồ - Ea Blang -Ea Drông - Phú Xuân (NT49)	Xã Ea Drông	Trước năm 2015	Cấp IV miền núi	9,20				173.978,609	133.191,605	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
02	Điều chuyển tài sản do chuyển tuyến đường huyện (ĐH.02 - Thôn 1B xã Ea Siên đi xã Krông Búk (Krông Pách)) thành đường xã (ĐX.02 - Thôn 1B xã Ea Drông đi xã Ea Kly)				3,60				51.840,000	37.065,600			
	Thôn 1B xã Ea Drông đi xã Ea Kly	Xã Ea Drông	Trước năm 2015	Cấp IV miền núi	3,60				51.840,000	37.065,600	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản

STT	Tài sản (Chỉ tiết theo từng loại tài sản)	Địa chỉ	Năm đưa vào sử dụng	Loại/cấp/hạng	Số lượng/Chiều dài (Km)	Diện tích (m2)			Giá trị (triệu đồng)		Tình trạng sử dụng của tài sản	Hình thức xử lý	Lý do xử lý
						Đất	Sàn sử dụng nhà	Cầu	Nguyên giá	Giá trị còn lại (đến 31/12/2024)			
(1)	(2)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)
03	Điều chuyển tài sản do chuyển tuyến đường huyện (ĐH.03 - Đường Thôn 7 xã Ea Drông đến Thôn 6A xã Ea Siên) thành đường xã (ĐX.03 - Đường Thôn 7 xã Ea Drông đến Thôn 6B xã Ea Drông)				8,10				116.640,000	83.397,600			
	Đường Thôn 7 xã Ea Drông đến Thôn 6B xã Ea Drông	Xã Ea Drông	Trước năm 2015	Cấp IV/ miền núi	8,10				116.640,000	83.397,600	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
04	Điều chuyển tài sản do chuyển tuyến đường huyện (ĐH.04 - Đường từ Bình Thuận - T7 xã Ea Siên) thành đường xã (ĐX.04 - Đường từ phường Cư Bao - thôn 7B xã Ea Drông)				2,60				38.440,000	27.694,600			
	Đường từ phường Cư Bao - thôn 7B xã Ea Drông	Xã Ea Drông	Trước năm 2015	Cấp IV/ miền núi	2,60				38.440,000	27.694,600	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
05	Điều chuyển tài sản do chuyển tuyến đường huyện (ĐH.05 - Đường từ Ea Drông - Ea Hồ (Krông Năng)) thành đường xã (ĐX.05 - Đường từ Ea Drông - xã Krông Năng)				2,31				39.704,000	28.967,960			
	Đường từ Ea Drông - xã Krông Năng	Xã Ea Drông	Trước năm 2015	Cấp IV/ miền núi	2,31				39.704,000	28.967,960	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
06	Điều chuyển tài sản do chuyển tuyến đường huyện (ĐH.06 - Đường từ Hà Lan - EaSiên - Ea Phê (Đường Lý Chính Thắng)) thành đường xã (ĐX.06 - Đường từ phường Buôn Hồ - Ea Drông - xã Ea Phê)				6,40				112.196,271	82.172,454			
06.1	Phần đường và các công trình phụ trợ gắn liền với đường (kể cả cầu có chiều dài dưới 25m)												
	Đường từ phường Buôn Hồ - Ea Drông - xã Ea Phê	Xã Ea Drông	Trước năm 2015	Cấp IV/ miền núi	6,30				98.909,271	72.871,554	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
06.2	Cầu đường bộ và các công trình phụ trợ cầu đường bộ; tài sản, thiết bị chuyên dùng phục vụ riêng biệt cho cầu đường bộ												
	Cầu Ea Siên Km8+00 trên đường từ Hà Lan - EaSiên - Ea Phê	Xã Ea Drông	Trước năm 2015	Cấp IV/ miền núi	0,10				13.287,000	9.300,900	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
07	Điều chuyển tài sản do chuyển tuyến đường huyện (ĐH.07 - Đường từ xã Ea Blang đi xã Ea Siên) thành đường xã (ĐX.07 - Đường từ thôn Đông Xuân đi thôn1A, xã Ea Drông)				11,42				166.148,000	119.237,820			
	Đường từ thôn Đông Xuân đi thôn 1A, xã Ea Drông	Xã Ea Drông	Trước năm 2015	Cấp IV/ miền núi	11,42				166.148,000	119.237,820	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
XX. Xã Ea Hiao													
01	Điều chuyển tài sản do chuyển tuyến đường huyện (ĐH - Đường liên huyện Ea H'Leo - Krông Năng) thành đường xã (ĐX.01 - Đường liên xã Ea Hiao đi xã Diêc Ya, tỉnh Đắk Lắk)				16,00				513.079,229	227.736,177			
	Đường liên xã Ea Hiao đi xã Diêc Ya, tỉnh Đắk Lắk	Xã Ea Hiao	Trước năm 2016	Cấp IV/ miền núi	16,00				513.079,229	227.736,177	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
XXI. Xã Ea H'Leo													
01	Điều chuyển tài sản do chuyển tuyến đường huyện (ĐH - Đường liên huyện Ea H'Leo - Ea Súp phía Tây Bắc) thành đường xã (ĐX.01 - Đường liên xã Ea H'Leo đi xã Ia Lốp)				21,90			1378,00	729423,56	317377,38			
01.1	Phần đường và các công trình phụ trợ gắn liền với đường (kể cả cầu có chiều dài dưới 25m)												
	Đường liên xã Ea H'Leo đi xã Ia Lốp	Xã Ea H'Leo	Trước năm 2016	Cấp IV/ miền núi	21,74				696.069,600	288.868,884	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
02.2	Cầu đường bộ và các công trình phụ trợ cầu đường bộ; tài sản, thiết bị chuyên dùng phục vụ riêng biệt cho cầu đường bộ												
	Cầu Km8+273,92	Xã Ea H'Leo	Năm 2016	BTCT	0,03			255,00	2.855,660	2.127,467	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
	Cầu Km 12+685,01	Xã Ea H'Leo	Năm 2020	BTCT	0,03			281,00	10.296,996	8.906,901	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
	Cầu Km 20+618,38	Xã Ea H'Leo	Năm 2020	BTCT	0,10			842,00	20.201,299	17.474,124	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
XXII. Xã Ea Kar													
A. Điều chuyển tài sản đường huyện về cho xã quản lý													
01	Điều chuyển tài sản do chuyển tuyến đường huyện (ĐH.07.01 - Đường Ea Kar - Cư Yang) thành đường xã (ĐX.EK.01 - Đường xã Ea Kar 1)				12,00				216.312,000	154.663,080			
	Đường xã Ea Kar 1	Xã Ea Kar	Trước năm 2015	Cấp IV/ miền núi	12,00				216.312,000	154.663,080	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
02	Điều chuyển tài sản do chuyển tuyến đường huyện (ĐH.07.05 - Đường Ea Kar - Cư Yang) thành đường xã (ĐX.EK.02 - Đường xã Ea Kar 2)				8,80			759,05	151.999,080	116.250,367			
02.1	Phần đường và các công trình phụ trợ gắn liền với đường (kể cả cầu có chiều dài dưới 25m)												
	Đường xã Ea Kar 2	Xã Ea Kar	Trước năm 2015	Cấp IV/ miền núi	8,71				125.434,080	89.685,367	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ

STT	Tài sản <i>(Chỉ tiết theo từng loại tài sản)</i>	Địa chỉ	Năm đưa vào sử dụng	Loại/cấp/hạng	Số lượng/Chiều dài (Km)	Diện tích (m2)			Giá trị (triệu đồng)		Tình trạng sử dụng của tài sản	Hình thức xử lý	Lý do xử lý
						Đất	Sàn sử dụng nhà	Cầu	Nguyên giá	Giá trị còn lại (đến 31/12/2024)			
(1)	(2)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)
	Cầu hầm long	Xã Ea Kar	Năm 2024	BTCT	0,09			759,05	26.565,000	26.565,000	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
03	Điều chuyển tài sản do chuyển tuyến đường huyện (ĐH.07.06 - Đường Ea Đar - Xuân Phú) thành đường xã (ĐX.EK.01 - Đường xã Ea Kar 3)				8,00				115.200,000	82.368,000			
	Đường xã Ea Kar 3	Xã Ea Kar	Trước năm 2015	Cấp IV miền núi	8,00				115.200,000	82.368,000	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
04	Điều chuyển tài sản do chuyển tuyến đường huyện (ĐH.07.07 - Đường Ea Kmút - Ea Ô) thành đường xã (ĐX.EK.04 - Đường xã Ea Kar 4)				13,90				405.880,000	209.204,200			
	Đường xã Ea Kar 4	Xã Ea Kar	Trước năm 2015	Cấp IV miền núi	13,90				405.880,000	209.204,200	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
05	Điều chuyển tài sản do chuyển tuyến đường huyện (ĐH.07.09 - Đường Cư Ni - Ea Pal) thành đường xã (ĐX.EK.04 - Đường xã Ea Kar 5)				11,20				220.480,000	157.643,200			
	Đường xã Ea Kar 5	Xã Ea Kar	Trước năm 2015	Cấp IV miền núi	11,20				220.480,000	157.643,200	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
06	Điều chuyển tài sản do chuyển tuyến đường huyện (ĐH.07.11 - Đường Ea Đar - Cư Ni) thành đường xã (ĐX.EK.06 - Đường xã Ea Kar 6)				6,40				92.160,000	65.894,400			
	Đường xã Ea Kar 6	Xã Ea Kar	Trước năm 2015	Cấp IV miền núi	6,40				92.160,000	65.894,400	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
07	Điều chuyển tài sản do chuyển tuyến đường huyện (ĐH.07.14 - Đường Cư Huê - Krông Búk) thành đường xã (ĐX.EK.07 - Đường xã Ea Kar 7)				8,10				131.440,000	93.979,600			
	Đường xã Ea Kar 7	Xã Ea Kar	Trước năm 2015	Cấp IV miền núi	8,10				131.440,000	93.979,600	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
08	Điều chuyển tài sản do chuyển tuyến đường huyện (ĐH.07.15 - Quốc lộ 26 đi Ea Sar) thành đường xã (ĐX.EK.08 - Đường xã Ea Kar 8)				1,00				29.200,000	20.878,000			
	Đường xã Ea Kar 8	Xã Ea Kar	Trước năm 2015	Cấp IV miền núi	1,00				29.200,000	20.878,000	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
B. Điều chuyển tài sản đường đô thị về cho xã quản lý													
01	Đường Trần Hưng Đạo	Xã Ea Kar	Trước năm 2015	ĐĐT	0,94				18.424,000	13.173,160	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
02	Đường Ngô Gia Tự	Xã Ea Kar	Trước năm 2015	ĐĐT	1,35				26.411,000	18.883,865	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
03	Đường Chu Văn An	Xã Ea Kar	Trước năm 2015	ĐĐT	0,21				4.116,000	2.942,940	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
04	Đường Hoàng Diệu	Xã Ea Kar	Trước năm 2015	ĐĐT	0,17				3.371,200	2.410,408	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
05	Đường Nguyễn Công Trứ	Xã Ea Kar	Trước năm 2015	ĐĐT	0,80				15.680,000	11.211,200	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
06	Đường Hai Bà Trưng	Xã Ea Kar	Trước năm 2015	ĐĐT	0,71				13.994,400	10.005,996	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
07	Đường Đinh Núp	Xã Ea Kar	Trước năm 2015	ĐĐT	1,03				20.266,400	14.490,476	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
08	Đường Mai Hắc Đế	Xã Ea Kar	Trước năm 2015	ĐĐT	0,86				16.906,960	12.088,476	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
09	Đường Lạc Long Quân	Xã Ea Kar	Trước năm 2015	ĐĐT	0,61				12.034,400	8.604,596	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
10	Đường Nguyễn Du	Xã Ea Kar	Trước năm 2015	ĐĐT	0,30				5.880,000	4.204,200	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
11	Đường Y Ngông Niê KĐăm	Xã Ea Kar	Trước năm 2015	ĐĐT	0,63				12.426,400	8.884,876	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
12	Đường Mạc Đình Chi	Xã Ea Kar	Trước năm 2015	ĐĐT	0,44				8.712,200	6.229,223	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
13	Đường Lê Lợi	Xã Ea Kar	Trước năm 2015	ĐĐT	0,26				5.029,360	3.595,992	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
14	Đường Lê Thị Hồng Gấm	Xã Ea Kar	Trước năm 2015	ĐĐT	2,65				51.959,600	37.151,114	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
15	Đường Âu Cơ	Xã Ea Kar	Trước năm 2015	ĐĐT	0,86				16.797,200	12.009,998	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
16	Đường Lý Thường Kiệt	Xã Ea Kar	Trước năm 2015	ĐĐT	0,26				5.037,200	3.601,598	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
17	Đường Trần Thánh Tông	Xã Ea Kar	Trước năm 2015	ĐĐT	0,21				4.068,960	2.909,306	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
18	Đường Phạm Ngũ Lão	Xã Ea Kar	Trước năm 2015	ĐĐT	0,25				4.900,000	3.503,500	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
19	Đường Y Thuyền KSơ	Xã Ea Kar	Trước năm 2015	ĐĐT	0,70				13.661,200	9.767,758	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
20	Đường Bà Triệu	Xã Ea Kar	Trước năm 2015	ĐĐT	1,24				24.264,800	17.349,332	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản

STT	Tài sản <i>(Chỉ liệt theo từng loại tài sản)</i>	Địa chỉ	Năm đưa vào sử dụng	Loại/cấp/hạng	Số lượng/Chiều dài (Km)	Diện tích (m2)			Giá trị (triệu đồng)		Tình trạng sử dụng của tài sản	Hình thức xử lý	Lý do xử lý
						Đất	Sàn sử dụng nhà	Cầu	Nguyên giá	Giá trị còn lại (đến 31/12/2024)			
(1)	(2)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)
21	Đường Trần Bình Trọng	Xã Ea Kar	Trước năm 2015	ĐĐT	0,45				8.820,000	6.306,300	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
22	Đường Trần Huy Liệu	Xã Ea Kar	Trước năm 2015	ĐĐT	0,91				17.875,200	12.780,768	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
23	Đường Lê Hồng Phong	Xã Ea Kar	Trước năm 2015	ĐĐT	0,55				10.780,000	7.707,700	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
24	Đường Nguyễn Thị Minh Khai	Xã Ea Kar	Trước năm 2015	ĐĐT	1,30				25.480,000	18.218,200	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
25	Đường Lê Quý Đôn	Xã Ea Kar	Trước năm 2015	ĐĐT	0,60				11.760,000	8.408,400	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
26	Đường Ngô Quyền	Xã Ea Kar	Trước năm 2015	ĐĐT	0,93				18.145,680	12.974,161	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
27	Đường Nguyễn Chí Thanh	Xã Ea Kar	Trước năm 2015	ĐĐT	0,98				19.184,480	13.716,903	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
28	Đường Trần Quang Khải	Xã Ea Kar	Trước năm 2015	ĐĐT	0,93				18.149,600	12.976,964	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
29	Đường Trần Quốc Tuấn	Xã Ea Kar	Trước năm 2015	ĐĐT	0,30				5.880,000	4.204,200	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
30	Đường Lê Thánh Tông	Xã Ea Kar	Trước năm 2015	ĐĐT	0,35				6.860,000	4.904,900	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
31	Đường Nguyễn Văn Trỗi	Xã Ea Kar	Trước năm 2015	ĐĐT	0,50				9.800,000	7.007,000	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
32	Đường Lương Thế Vinh	Xã Ea Kar	Trước năm 2015	ĐĐT	0,55				10.780,000	7.707,700	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
33	Đường Nguyễn Bình Khiêm	Xã Ea Kar	Trước năm 2015	ĐĐT	0,46				9.016,000	6.446,440	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
34	Đường Nguyễn Tri Phương	Xã Ea Kar	Trước năm 2015	ĐĐT	0,65				12.740,000	9.109,100	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
35	Đường Cao Bá Quát	Xã Ea Kar	Trước năm 2015	ĐĐT	0,30				5.821,200	4.162,158	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
36	Đường Nguyễn Thái Học	Xã Ea Kar	Trước năm 2015	ĐĐT	0,36				7.036,400	5.031,026	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
37	Đường Mạc Thị Bưởi	Xã Ea Kar	Trước năm 2015	ĐĐT	0,50				9.800,000	7.007,000	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
38	Đường Nguyễn Văn Cừ	Xã Ea Kar	Trước năm 2015	ĐĐT	0,90				17.640,000	12.612,600	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
39	Đường Trần Nhân Tông	Xã Ea Kar	Trước năm 2015	ĐĐT	0,71				13.837,600	9.893,884	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
40	Đường Hoàng Văn Thụ	Xã Ea Kar	Trước năm 2015	ĐĐT	1,24				24.382,400	17.433,416	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
41	Đường Nguyễn Trãi	Xã Ea Kar	Trước năm 2015	ĐĐT	0,87				17.022,600	12.171,159	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
42	Đường Hồ Xuân Hương	Xã Ea Kar	Trước năm 2015	ĐĐT	0,70				13.720,000	9.809,800	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
43	Đường Kim Đồng	Xã Ea Kar	Trước năm 2015	ĐĐT	0,20				3.920,000	2.802,800	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
44	Đường Ama Pui	Xã Ea Kar	Trước năm 2015	ĐĐT	0,53				10.388,000	7.427,420	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
45	Đường số 27	Xã Ea Kar	Trước năm 2015	ĐĐT	1,06				20.776,000	14.854,840	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
46	Đường Phan Bội Châu	Xã Ea Kar	Trước năm 2015	ĐĐT	0,78				15.303,680	10.942,131	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
47	Đường Khu 2	Xã Ea Kar	Trước năm 2015	ĐĐT	5,30				103.880,000	74.274,200	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
48	Đường Khu 3	Xã Ea Kar	Trước năm 2015	ĐĐT	3,96				77.694,400	55.551,496	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
49	Đường Khu 5	Xã Ea Kar	Trước năm 2015	ĐĐT	5,00				98.000,000	70.070,000	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
50	Đường số 15	Xã Ea Kar	Trước năm 2015	ĐĐT	0,79				15.484,000	11.071,060	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
51	Đường số 17	Xã Ea Kar	Trước năm 2015	ĐĐT	0,15				2.940,000	2.102,100	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
52	Đường số 19a	Xã Ea Kar	Trước năm 2015	ĐĐT	0,83				16.189,600	11.575,564	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
53	Đường số 37	Xã Ea Kar	Trước năm 2015	ĐĐT	0,90				17.542,000	12.542,530	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản

STT	Tài sản <i>(Chỉ tiết theo từng loại tài sản)</i>	Địa chỉ	Năm đưa vào sử dụng	Loại/cấp/hạng	Số lượng/Chiều dài (Km)	Diện tích (m2)			Giá trị (triệu đồng)		Tình trạng sử dụng của tài sản	Hình thức xử lý	Lý do xử lý
						Đất	Sàn sử dụng nhà	Cầu	Nguyên giá	Giá trị còn lại (đến 31/12/2024)			
(1)	(2)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)
01	Điều chuyển tài sản do chuyển tuyến đường huyện (ĐH.06.08 - Đường GT từ xã Ea Kly đi xã Vự Bốn, huyện Krông Pắc) thành đường xã (ĐX.06.08 - Đường GT từ QL26 đi xã Ea Kly)				10,20				34.586,537	33.721,873			
	Đường giao thông từ QL26 đi xã Ea Kly	Xã Ea Kly	Năm 2024	Cấp IV miền núi	10,20				34.586,537	33.721,873	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
XXVI. Xã Ea Knốp													
A. Điều chuyển tài sản đường huyện về cho xã quản lý													
01	Điều chuyển tài sản do chuyển tuyến đường huyện (ĐH.07.02 - Đường GT từ xã Ea Knốp đi xã Ea Pal, đoạn từ Km0+00-Km4+00) thành đường xã (ĐX.01 - Đường xã Ea Knốp 1)				4,00				116.800,000	83.512,000			
	Đường xã Ea Knốp 1	Xã Ea Knốp	Trước năm 2015	cấp IV miền núi	4,00				116.800,000	83.512,000	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
02	Điều chuyển tài sản do chuyển tuyến đường huyện (ĐH.07.03 - Đường Giao thông từ xã Ea Tyh đi xã Ea Pal, đoạn từ Km0+00-Km6+00) thành đường xã (ĐX.02 - Đường xã Ea Knốp 2)				6,00				145.600,000	104.104,000			
	Đường xã Ea Knốp 2	Xã Ea Knốp	Trước 2015	Cấp IV miền núi	6,00				145.600,000	104.104,000	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
03	Điều chuyển tài sản do chuyển tuyến đường huyện (ĐH.07.05 - Đường Giao thông từ xã Xuân Phú đi xã Ea Sar, Đoạn Km10+00-Km12+00) thành đường xã (ĐX.03 - Đường xã Ea Knốp 3)				2,00				28.800,000	20.592,000			
	Đường xã Ea Knốp 3	Xã Ea Knốp	Trước năm 2015	Cấp IV miền núi	2,00				28.800,000	20.592,000	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
04	Điều chuyển tài sản do chuyển tuyến đường huyện (ĐH.07.12 - Đường Giao thông từ xã Ea Tyh đi xã Ea S6, Đoạn Km0+0.00-Km15+800) thành đường xã (ĐX.04 - Đường xã Ea Knốp 4)												
04.1	Phần đường và các công trình phụ trợ gắn liền với đường (kể cả cầu có chiều dài dưới 25m)				15,954			1.078,00	250.096,400	162.863,987			
	Đường xã Ea Knốp 4	Xã Ea Knốp	Trước năm 2015	Cấp IV miền núi	15,80				225.302,400	161.091,216	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
04.2	Cầu đường bộ và các công trình phụ trợ cầu đường bộ; tài sản, thiết bị chuyên dùng phục vụ riêng biệt cho cầu đường bộ												
	Cầu Ea Tyh	Xã Ea Knốp	Trước năm 2015	BTCT	0,154			1.078,00	24.794,000	1.772,771	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
05	Điều chuyển tài sản do chuyển tuyến đường huyện (ĐH.07.15 - Đường Giao thông từ Quốc lộ 26 đi xã Ea Sar) thành đường xã (ĐX.03 - Đường xã Ea Knốp 3)				14,60				426.320,000	304.818,800			
	Đường xã Ea Knốp 5	Xã Ea Knốp	Trước năm 2015	cấp IV miền núi	14,60				426.320,000	304.818,800	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
B. Điều chuyển tài sản đường đô thị về cho xã quản lý													
01	Nguyễn Văn Linh	Xã Ea Knốp	Trước năm 2015	ĐĐT	1,07				17.359,500	12.412,043	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
02	Tôn Thất Tùng	Xã Ea Knốp	Trước năm 2015	ĐĐT	0,48				7.824,000	5.594,160	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
03	Tôn Đức Thắng	Xã Ea Knốp	Trước năm 2015	ĐĐT	1,01				16.430,400	11.747,736	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
04	Trần Kiên	Xã Ea Knốp	Trước năm 2015	ĐĐT	0,68				11.051,400	7.901,751	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
05	Nguyễn Sơn	Xã Ea Knốp	Trước năm 2015	ĐĐT	0,41				6.617,800	4.731,727	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
06	Đinh Tiên Hoàng	Xã Ea Knốp	Trước năm 2015	ĐĐT	0,38				6.177,700	4.417,056	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
07	Lý Nam Đế	Xã Ea Knốp	Trước năm 2015	ĐĐT	0,36				5.884,300	4.207,275	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
08	Lý Thái Tổ	Xã Ea Knốp	Trước năm 2015	ĐĐT	0,41				6.731,900	4.813,309	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
09	Trần Quang Diệu	Xã Ea Knốp	Trước năm 2015	ĐĐT	1,6				26.080,000	18.647,200	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
10	Hải Thượng Lãng Ông	Xã Ea Knốp	Trước năm 2015	ĐĐT	0,11				1.825,600	1.305,304	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
11	Trần Đại Nghĩa	Xã Ea Knốp	Trước năm 2015	ĐĐT	0,4				6.471,100	4.626,837	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
12	Chưa đặt tên	Xã Ea Knốp	Trước năm 2015	ĐĐT	0,6				9.780,000	6.992,700	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
13	Võ Nguyên Giáp	Xã Ea Knốp	Trước năm 2015	ĐĐT	1,3				21.157,400	15.127,541	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
14	Tôn Thất Thuyết	Xã Ea Knốp	Trước năm 2015	ĐĐT	0,8				13.040,000	9.323,600	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản

STT	Tài sản <i>(Chỉ tiết theo từng loại tài sản)</i>	Địa chỉ	Năm đưa vào sử dụng	Loại/cấp/hạng	Số lượng/Chiều dài (Km)	Diện tích (m2)			Giá trị (triệu đồng)		Tình trạng sử dụng của tài sản	Hình thức xử lý	Lý do xử lý
						Đất	Sàn sử dụng nhà	Cầu	Nguyên giá	Giá trị còn lại (đến 31/12/2024)			
(1)	(2)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)
15	Tăng Bạt Hổ	Xã Ea Knốp	Trước năm 2015	ĐBT	1,04				16.919,400	12.097,371	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
16	Đoàn Khuê	Xã Ea Knốp	Trước năm 2015	ĐBT	1,58				9.454,000	6.759,610	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
17	Nguyễn Đình Thi	Xã Ea Knốp	Trước năm 2015	ĐBT	1,2				19.576,300	13.997,055	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
18	Nguyễn Đình Chiểu	Xã Ea Knốp	Trước năm 2015	ĐBT	0,48				7.807,700	5.582,506	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
19	Lê Trọng Tấn	Xã Ea Knốp	Trước năm 2015	ĐBT	0,33				5.444,200	3.892,603	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
20	Phạm Hồng Thái	Xã Ea Knốp	Trước năm 2015	ĐBT	1,06				17.196,500	12.295,498	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
21	Phạm Hùng	Xã Ea Knốp	Trước năm 2015	ĐBT	1,49				24.287,000	17.365,205	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
22	Hàm Nghi	Xã Ea Knốp	Trước năm 2015	ĐBT	1,14				2.200,500	1.573,358	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
23	Nguyễn Hữu Thọ	Xã Ea Knốp	Trước năm 2015	ĐBT	0,5				8.150,000	5.827,250	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
24	Phan Chu Trinh	Xã Ea Knốp	Trước năm 2015	ĐBT	0,5				8.166,300	5.838,905	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
25	Chưa đặt tên	Xã Ea Knốp	Trước năm 2015	ĐBT	0,16				2.575,400	1.841,411	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
26	Trần Quốc Toàn	Xã Ea Knốp	Trước năm 2015	ĐBT	0,62				10.106,000	7.225,790	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
27	Hùng Vương	Xã Ea Knốp	Trước năm 2015	ĐBT	0,33				5.427,900	3.880,949	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
28	Chu Huy Mân	Xã Ea Knốp	Trước năm 2015	ĐBT	0,42				6.846,000	4.894,890	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
29	Văn Tiến Dũng	Xã Ea Knốp	Trước năm 2015	ĐBT	0,68				11.132,900	7.960,024	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
XXVII. Xã Ea Knuéc													
01	Điều chuyển tài sản do chuyển tuyến đường huyện (ĐH.06.09 - Đường GT từ xã Hoà Đông đi xã Cuôr Đăng, huyện Cư M'gar) thành đường xã (ĐX.EKN.01 - Đường GT từ xã Ea Knuéc đi xã Cuôr Đăng)				3,60				5.632,948	2.168,685			
	Đường GT từ xã Ea Knuéc đi xã Cuôr Đăng	Xã Ea Knuéc	Trước năm 2015	Cấp IV miền núi	3,60				5.632,948	2.168,685	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
02	Điều chuyển tài sản do chuyển tuyến đường huyện (ĐH.06.10 - Đường GT từ xã Ea Kênh huyện Krông Pắc đi xã Cư Bao, TX Buôn Hồ) thành đường xã (ĐX.EKN.02 - Đường GT từ xã Ea Knuéc đi phường Cư Bao)				5,30				5.632,948	4.703,511			
	Đường GT từ xã Ea Knuéc đi phường Cư Bao	Xã Ea Knuéc	Trước năm 2015	Cấp IV miền núi	5,30				5.632,948	4.703,511	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
03	Điều chuyển tài sản do chuyển tuyến đường huyện (ĐH.06.11 -Đường GT từ xã Hoà Đông, huyện Krông Pắc đi xã Ea Ktur huyện Cư Kuin) thành đường xã (ĐX.EKN.03 - Đường GT từ xã Ea Knuéc đi xã Ea Ktur)				4,13				9.182,400	8.493,720			
	Đường GT từ xã Ea Knuéc đi xã Ea Ktur	Xã Ea Knuéc	Trước năm 2015	Cấp IV miền núi	4,13				9.182,400	8.493,720	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
04	Điều chuyển tài sản do chuyển tuyến đường huyện (ĐH.06.12 -Đường từ xã Ea Knuéc huyện Krông Pắc đi xã Cư Êwi, huyện Cư Kuin) thành đường xã (ĐX.EKN.04 - Đường từ xã Ea Knuéc đi xã Ea Ning)				8,85				4.559,996	4.081,197			
	Đường GT từ xã Ea Knuéc đi xã Ea Ktur	Xã Ea Knuéc	Trước năm 2015	Cấp IV miền núi	8,85				4.559,996	4.081,197	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
XXVIII. Xã Ea Ktur													
01	Điều chuyển tài sản do chuyển tuyến đường huyện (ĐH.05 -Đường giao thông từ QL 27 đi xã Ea Ning (Ngã 3 Ea Sim)) thành đường xã (ĐX.01 - Đường giao thông từ QL 27 đi xã Ea Ning (Ngã 3 Ea Sim))				8,00				115.200,000	82.368,000			
	Đường giao thông từ QL 27 đi xã Ea Ning (Ngã 3 Ea Sim)	Xã Ea Ktur	Trước năm 1993	Cấp IV miền núi	8,00				115.200,000	82.368,000	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
02	Điều chuyển tài sản do chuyển tuyến đường huyện (ĐH.03 -Đường giao thông từ xã Ea Tiêu đi xã Ea Kao) thành đường xã (ĐX.02 - Đường giao thông từ xã Ea Ktur đ phường Ea Kao)				8,00				123.100,000	88.858,000			
	Đường giao thông từ xã Ea Ktur đ phường Ea Kao	Xã Ea Ktur	Trước năm 2018	Cấp IV miền núi	8,00				123.100,000	88.858,000	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
XXIX. Xã Ea Ly													
01	Điều chuyển tài sản do chuyển tuyến đường huyện (ĐH.63 -Đường giao thông từ QL29 đi xã EaBá, xã EaLâm) thành đường xã (ĐX.63A - Đường Giao thông từ đường Đông Trường Sơn đi giáp xã Ea Bá)				7,80				266.400,000	205.128,000			

STT	Tài sản <i>(Chỉ tiết theo từng loại tài sản)</i>	Địa chỉ	Năm đưa vào sử dụng	Loại/cấp/hạng	Số lượng/Chiều dài (Km)	Diện tích (m2)			Giá trị (triệu đồng)		Tình trạng sử dụng của tài sản	Hình thức xử lý	Lý do xử lý
						Đất	Sàn sử dụng nhà	Cầu	Nguyên giá	Giá trị còn lại (đến 31/12/2024)			
(1)	(2)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)
	Đường Giao thông từ đường Đông Trường Sơn đi giáp xã Ea Bá	Xã Ea Ly	Trước năm 2015		7,80				266.400,000	205.128,000	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
02	Điều chuyển tài sản do chuyển tuyến đường huyện (ĐH.66-Đường Giao thông liên xã Ea Bar đi xã Ea Ly) thành đường xã (ĐX.66 - Đường giao thông từ QL29 đi thôn Tân Bình xã Ea Ly)				7,20				103.680,000	79.834,000			
	Đường giao thông từ QL29 đi thôn Tân Bình xã Ea Ly	Xã Ea Ly	Trước năm 2015		7,20				103.680,000	79.834,000	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
XXX. Xã Ea M'Droh													
01	Điều chuyển tài sản do chuyển tuyến đường huyện (ĐH.33 - Quảng Hiệp ÷ Ea M'Droh ÷ Ea Kiết) thành đường xã (ĐX.01 - Đường xã Ea M'Droh 01)				12,50				365.000,000	239.075,000			
	Đường xã Ea M'Droh 01	Xã Ea M'Droh	Trước năm 2013	Cấp IV miền núi	12,50				365.000,000	239.075,000	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
02	Điều chuyển tài sản do chuyển tuyến đường huyện (ĐH.38 - Quảng Phú ÷ Ea M'ngang) thành đường xã (ĐX.02 - 'Đường xã Ea M'Droh 02)				10,97				320.324,000	209.812,220			
	Đường xã Ea M'Droh 02	Xã Ea M'Droh	Trước năm 2013	Cấp IV miền núi	10,97				320.324,000	209.812,220	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
03	Điều chuyển tài sản do chuyển tuyến đường huyện (ĐH.39 - Ea Pôk ÷ Ea M'ngang) thành đường xã (ĐX.03 - Đường xã Ea MDroh 03)				8,83				257.836,000	168.882,580			
	Đường xã Ea M'Droh 03	Xã Ea M'Droh	Trước năm 2013	Cấp IV miền núi	8,83				257.836,000	168.882,580	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
04	Điều chuyển tài sản do chuyển tuyến đường huyện (ĐH.40 - Ea Pôk ÷ Ea M'ngang) thành đường xã (ĐX.04 -Đường xã Ea MDroh 04)				7,33				214.036,000	140.193,580			
	Đường xã Ea M'Droh 04	Xã Ea M'Droh	Trước năm 2013	Cấp IV miền núi	7,33				214.036,000	140.193,580	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
05	Điều chuyển tài sản do chuyển tuyến đường huyện (ĐH.41 - Ea H'đing ÷ Quảng Hiệp) thành đường xã (ĐX.05 -Đường xã Ea MDroh 05)				9,75				284.700,000	186.478,500			
	Đường xã Ea M'Droh 05	Xã Ea M'Droh	Trước năm 2013	Cấp IV miền núi	9,75				284.700,000	186.478,500	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
06	Điều chuyển tài sản do chuyển tuyến đường huyện (ĐH.42 - Quảng Hiệp ÷ Ea M'ngang) thành đường xã (ĐX.06 -'Đường xã Ea MDroh 06)				6,08				177.536,000	116.286,080			
	Đường xã Ea M'Droh 06	Xã Ea M'Droh	Trước năm 2013	Cấp IV miền núi	6,08				177.536,000	116.286,080	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
XXXI. Xã Ea Na													
01	Điều chuyển tài sản do chuyển tuyến đường huyện (ĐH.80 - Đường huyện ĐH.81 (thửa 130 TBD 98 Thôn Dray Sáp cũ) đến Giáp ranh giới xã Hoà Phú, TP Buôn Ma Thuột cũ)) thành đường xã (ĐX.80 - Đường giao thông từ thôn Dray Sáp, xã Ea Na đến xã Hoà Phú)				3,00				93.648,874	67.866,276			
	Đường giao thông từ thôn Dray Sáp, xã Ea Na đến Giáp xã Hoà Phú	Xã Ea Na	Trước năm 2015	Cấp IV miền núi	3,00				93.648,874	67.866,276	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
02	Điều chuyển tài sản do chuyển tuyến đường huyện (ĐH.81 - (Tỉnh lộ 698 Giáp ranh giới xã Hoà Khánh, TP Buôn Ma Thuột cũ đến Sông Sêrêpok Giáp xã Đăk Sôr, Đăk Nông cũ) thành đường xã (ĐX.81 - Đường giao thông từ xã Ea Na đến Sông Sêrêpok)				13,00				379.600,000	271.414,000			
	Đường giao thông từ xã Ea Na đến Sông Sêrêpok	Xã Ea Na	Trước năm 2015	Cấp IV miền núi	13,00				379.600,000	271.414,000	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
03	Điều chuyển tài sản do chuyển tuyến đường huyện (ĐH.82-Tỉnh lộ 698 Buôn Tuôr A đến Giáp ranh giới xã Hoà Phú, TP. Buôn Ma Thuột cũ) thành đường xã (ĐX.82 - Đường giao thông từ Buôn Tuôr A, xã Ea Na đến xã Hoà Phú)				4,00				57.600,000	41.184,000			
	Đường giao thông từ Buôn Tuôr A, xã Ea Na đến xã Hoà Phú	Xã Ea Na	Trước năm 2015	Cấp IV miền núi	4,00				57.600,000	41.184,000	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
04	Điều chuyển tài sản do chuyển tuyến đường huyện (ĐH.83-Tỉnh lộ 698 Buôn Tuôr A đến Giáp ranh giới xã Hoà Phú, TP. Buôn Ma Thuột cũ) thành đường xã (ĐX.83 - Đường giao thông từ Buôn Tuôr A, xã Ea Na đến xã Hoà Phú)				4,30				106.320,000	76.018,800			
	Đường giao thông từ Buôn Tuôr A, xã Ea Na đến xã Hoà Phú	Xã Ea Na	Trước năm 2015	Cấp VI miền núi & Loại khác	4,30				106.320,000	76.018,800	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
05	Điều chuyển tài sản do chuyển tuyến đường huyện (ĐH.84 - ĐT.698 đến ĐH.85) thành đường xã (ĐX.84 - Đường giao thông từ Buôn Tuôr A, xã Ea Na đến xã Hoà Phú)				4,00				57.600,000	41.184,000			
	Đường giao thông từ Buôn Tuôr A, xã Ea Na đến xã Hoà Phú	Xã Ea Na	Trước năm 2015	Cấp VI miền núi	4,00				57.600,000	41.184,000	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản

STT	Tài sản <i>(Chỉ tiết theo từng loại tài sản)</i>	Địa chỉ	Năm đưa vào sử dụng	Loại/cấp/hạng	Số lượng/ Chiều dài (Km)	Diện tích (m2)			Giá trị (triệu đồng)		Tình trạng sử dụng của tài sản	Hình thức xử lý	Lý do xử lý
						Đất	Sàn sử dụng nhà	Cầu	Nguyên giá	Giá trị còn lại (đến 31/12/2024)			
(1)	(2)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)
06	Điều chuyển tài sản do chuyển tuyến đường huyện (ĐH.85 - ĐT698 đến ĐT698C) thành đường xã (ĐX.85 - Đường Giao thông từ Đường tỉnh ĐT.698 đến ĐT.698C (theo quy hoạch tỉnh))				10,12				145.728,000	104.195,520			
	Đường Giao thông từ Đường tỉnh ĐT.698 đến ĐT.698C (theo quy hoạch tỉnh)	Xã Ea Na	Trước năm 2015	Cấp VI miền núi	10,12				145.728,000	104.195,520	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
07	Điều chuyển tài sản do chuyển tuyến đường huyện (ĐH.86 - ĐT698C đến hết ranh xã Ea Na) thành đường xã (ĐX.86 - Đường giao thông từ Đường ĐT.698C (theo quy tỉnh) đến hết ranh xã Ea Na)				1,80				25.920,000	18.532,800			
	Đường giao thông từ Đường ĐT.698C (theo quy tỉnh) đến hết ranh xã Ea Na	Xã Ea Na	Trước năm 2015	Cấp VI miền núi	1,80				25.920,000	18.532,800	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
08	Điều chuyển tài sản do chuyển tuyến đường huyện (ĐH.87 - ĐT 698 đến ĐT690) thành đường xã (ĐX.87 - Đường giao thông từ đường tỉnh ĐT.698 đến đường tỉnh ĐT.690)				11,90				171.360,000	122.522,400			
	Đường giao thông từ đường tỉnh ĐT.698 đến đường tỉnh ĐT.690	Xã Ea Na	Trước năm 2015	Cấp IV miền núi & Loại khác	11,90				171.360,000	122.522,400	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
09	Điều chuyển tài sản do chuyển tuyến đường huyện (ĐH.88 - ĐH.87 đến ĐT698) thành đường xã (ĐX.88 - Đường giao thông từ đường ĐX.87 đến đường tỉnh ĐT.698)				4,50				64.800,000	46.332,000			
	Đường giao thông từ đường ĐX.87 đến đường tỉnh ĐT.698	Xã Ea Na	Trước năm 2015	Loại khác	4,50				64.800,000	46.332,000	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
10	Điều chuyển tài sản do chuyển tuyến đường huyện (ĐH.89 - ĐT690 đến ĐH90) thành đường xã (ĐX.89 - Đường giao thông từ đường ĐT.690 đến trung tâm xã Ea Na)				4,00				57.600,000	41.184,000			
	Đường giao thông từ đường ĐT.690 đến trung tâm xã Ea Na	Xã Ea Na	Trước năm 2015	Cấp VI miền núi & Loại khác	4,00				57.600,000	41.184,000	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
11	Điều chuyển tài sản do chuyển tuyến đường huyện (ĐH.89A - ĐT690 đến hết ranh xã Ea Bông cũ) thành đường xã (ĐX.89A -Đường giao thông từ đường ĐT.690 đến hết ranh xã Ea Na)				3,30				47.520,000	33.976,800			
	Đường giao thông từ đường ĐT.690 đến trung tâm xã Ea Na	Xã Ea Na	Trước năm 2015	Loại khác	3,30				47.520,000	33.976,800	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
XXXII. Xã Ea Ning													
01	Điều chuyển tài sản do chuyển tuyến đường huyện (ĐH - Ea Bhôk -Cư Êwi (Cây gòn) Đoạn từ Km6+00 đến Km11+200) thành đường xã (ĐX.01 - Đường Giao thông từ xã Dray Bhang đi xã Ea Ning)				5,2				18.000,000	17.550,000			
	Đường Giao thông từ xã Dray Bhang đi xã Ea Ning	Xã Ea Ning			5,2				18.000,000	17.550,000	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
02	Điều chuyển tài sản do chuyển tuyến đường huyện (ĐH - QL 27 - Ea Hu - Cư Êwi đoạn từ Km12+00 đến Km15+500) thành đường xã (ĐX.02 - Đường Giao thông từ Quốc lộ 27 đi xã Ea Ning)				3,5				10.500,000	9.975,000			
	Đường Giao thông từ Quốc lộ 27 đi xã Ea Ning	Xã Ea Ning			3,5				10.500,000	9.975,000	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
XXXIII. Xã Ea Ô													
01	Điều chuyển tài sản do chuyển tuyến đường huyện (ĐH.07.01 -Đường Ea Kar - Cư Yang) thành đường xã (ĐX.01 - Đường xã Ea Ô 01)				4,60				100.724,000	72.017,660			
	Đường xã Ea Ô 01	Xã Ea Ô	Trước năm 2015	Cấp VI miền núi	4,60				100.724,000	72.017,660	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
02	Điều chuyển tài sản do chuyển tuyến đường huyện (ĐH.07.04 - Đường Ea Ô - Cư Bông - Cư Yang) thành đường xã (ĐX.EO.02 - Đường xã Ea Ô 02)				6,50			110,00	45.298,000	32.388,070			
02.1	Phần đường và các công trình phụ trợ gắn liền với đường (kể cả cầu có chiều dài dưới 25m)												
	Đường xã Ea Ô 02	Xã Ea Ô	Trước năm 2015	Cấp VI miền núi	6,47				42.768,000	30.579,120	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
02.2	Cầu đường bộ và các công trình phụ trợ cầu đường bộ; tài sản, thiết bị chuyên dùng phục vụ riêng biệt cho cầu đường bộ												
	Cầu Thống Nhất	Xã Ea Ô	Trước năm 2015	BTCT	0,03			110,00	2.530,000	1.808,950	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
03	Điều chuyển tài sản do chuyển tuyến đường huyện (ĐH.07.07 -Đường Ea Kmút - Ea Ô) thành đường xã (ĐX.EO.03 - Đường xã Ea Ô 03)				4,60				134.320,000	96.038,800			
	Đường xã Ea Ô 03	Xã Ea Ô	Trước năm 2015	Cấp VI miền núi	4,60				134.320,000	96.038,800	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
04	Điều chuyển tài sản do chuyển tuyến đường huyện (ĐH.07.10 - Đường Ea Ô - Cư Elang) thành đường xã (ĐX.EO.04 - Đường xã Ea Ô 04)				12,60			1.155,00	279.629,000	199.934,735			

STT	Tài sản <i>(Chỉ tiết theo từng loại tài sản)</i>	Địa chỉ	Năm đưa vào sử dụng	Loại/cấp/hạng	Số lượng/Chiều dài (Km)	Diện tích (m2)			Giá trị (triệu đồng)		Tình trạng sử dụng của tài sản	Hình thức xử lý	Lý do xử lý
						Đất	Sàn sử dụng nhà	Cầu	Nguyên giá	Giá trị còn lại (đến 31/12/2024)			
(1)	(2)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)
04.1	Phân đường và các công trình phụ trợ gắn liền với đường (kể cả cầu có chiều dài dưới 25m)												
	Đường xã Ea Ô 04	Xã Ea Ô	Trước năm 2015	Cấp VI miền núi	12,44				253.064,000	180.940,760	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
04.2	Cầu đường bộ và các công trình phụ trợ cầu đường bộ; tài sản, thiết bị chuyên dùng phục vụ riêng biệt cho cầu đường bộ												
	Cầu Ea Rók (thôn 7A-Ea Ô)	Xã Ea Ô	Trước năm 2015	BTCT	0,17			1.155,00	26.565,000	18.993,975	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
XXXIV. Xã Ea Pál													
01	Điều chuyển tài sản do chuyển tuyến đường huyện (ĐH.07.01 - Đường Ea Kar - Cư Yang) thành đường xã (ĐX.EO.01 - Đường xã Ea Pál 01)				12,00			343,00	179.983,400	128.688,131			
01.1	Phân đường và các công trình phụ trợ gắn liền với đường (kể cả cầu có chiều dài dưới 25m)												
	Đường xã Ea Pál 01	Xã Ea Pál	Trước năm 2015	Cấp IV miền núi	11,951				172.094,400	123.047,496	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
01.2	Cầu đường bộ và các công trình phụ trợ cầu đường bộ; tài sản, thiết bị chuyên dùng phục vụ riêng biệt cho cầu đường bộ												
	Cầu Thôn 12 - xã Ea Pál	Xã Ea Pál	Trước năm 2015	BTCT	0,049			343,00	7.889,000	5.640,635	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
02	Điều chuyển tài sản do chuyển tuyến đường huyện (ĐH.07.02 -Đường Ea Knốp - Ea Pál) thành đường xã (ĐX.EP.02 - Đường xã Ea Pál 02)				4,00				116.800,000	83.512,000			
	Đường xã Ea Pál 02	Xã Ea Pál	Trước năm 2015	Cấp IV miền núi	4,00				116.800,000	83.512,000	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
03	Điều chuyển tài sản do chuyển tuyến đường huyện (ĐH.07.03 - Đường Ea Tých - Ea Pál) thành đường xã (ĐX.EP.03 - Đường xã Ea Pál 03)				4,00				116.800,000	83.512,000			
	Đường xã Ea Pál 03	Xã Ea Pál	Trước năm 2015	Cấp IV miền núi	4,00				116.800,000	83.512,000	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
03	Điều chuyển tài sản do chuyển tuyến đường huyện (ĐH.07.08 - Đường Ea Pál - Cư Prông) thành đường xã (ĐX.EP.04 - Đường xã Ea Pál 04)				12,60				219.920,000	157.242,800			
	Đường xã Ea Pál 04	Xã Ea Pál	Trước năm 2015	Cấp IV miền núi	12,60				219.920,000	157.242,800	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
XXXV. Xã Ea Phê													
01	Điều chuyển tài sản do chuyển tuyến đường huyện (ĐH.06.03 - Đường Ea Phê đi xã Ea Kuăng đến xã Vụ Bồn, huyện Krông Pắc) thành đường xã (ĐX.06.03 - Đường GT từ quốc lộ 26, xã Ea Phê đi đến cầu Ea Phê giáp với xã Vụ Bồn)				11,52			264,00	73.476,463	68.681,481			
01.1	Phân đường và các công trình phụ trợ gắn liền với đường (kể cả cầu có chiều dài dưới 25m)												
	Đường GT từ quốc lộ 26, xã Ea Phê đi đến cầu Ea Phê giáp với xã Vụ Bồn	Xã Ea Phê	Năm 2023	Cấp IV miền núi	11,487				63.727,258	60.540,895	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
01.2	Cầu đường bộ và các công trình phụ trợ cầu đường bộ; tài sản, thiết bị chuyên dùng phục vụ riêng biệt cho cầu đường bộ												
	Cầu suối đục	Xã Ea Phê	Năm 2019	BTCT	0,033			264,00	9.749,205	8.140,586	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
02	Điều chuyển tài sản do chuyển tuyến đường huyện (ĐH.06.04 -Đường từ xã Ea Phê đi xã Bình Thuận) thành đường xã (ĐX.06.04 - Đường GT từ Quốc Lộ 26 đi xã Ea Phê)				7,16				44.078,557	42.976,593			
	Đường GT từ Quốc Lộ 26 đi xã Ea Phê	Xã Ea Phê	Năm 2024	Cấp IV miền núi	7,16				44.078,557	42.976,593	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
XXXVI. Xã Ea Riêng													
01	Điều chuyển tài sản do chuyển tuyến đường huyện (ĐH-Đường huyện từ xã Ea Riêng đến xã Ea H'Mlay) thành đường xã (ĐX.ER.01 - Đường giao thông từ Quốc lộ 19C đi xã Ea Riêng)				12,00			240,00	201.828,000	144.307,020			
01.1	Phân đường và các công trình phụ trợ gắn liền với đường (kể cả cầu có chiều dài dưới 25m)												
	Đường giao thông từ Quốc lộ 19C đi xã Ea Riêng	Xã Ea Riêng	Trước năm 2015	Cấp V miền núi	11,97				196.308,000	140.360,220	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
01.2	Cầu đường bộ và các công trình phụ trợ cầu đường bộ; tài sản, thiết bị chuyên dùng phục vụ riêng biệt cho cầu đường bộ												
	Cầu số 2	Xã Ea Riêng	Trước năm 2015	BTCT	0,03			240,00	5.520,000	3.946,800	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
02	Điều chuyển tài sản do chuyển tuyến đường huyện (ĐH-Đường huyện Buôn M'Bhao từ thị trấn xã Ea Riêng) thành đường xã (ĐX.ER.02 - Đường xã từ giáp xã M'Drăk đến Quốc lộ 19C)				1,05				17.220,000	12.312,300			
	Đường xã từ giáp xã M'Drăk đến Quốc lộ 19C	Xã Ea Riêng	Trước năm 2015	Cấp V miền núi	1,05				17.220,000	12.312,300	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản

STT	Tài sản <i>(Chỉ tiết theo từng loại tài sản)</i>	Địa chỉ	Năm đưa vào sử dụng	Loại/cấp/hạng	Số lượng/Chiều dài (Km)	Diện tích (m2)			Giá trị (triệu đồng)		Tình trạng sử dụng của tài sản	Hình thức xử lý	Lý do xử lý
						Đất	Sàn sử dụng nhà	Cầu	Nguyên giá	Giá trị còn lại (đến 31/12/2024)			
(1)	(2)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)
03	Điều chuyển tài sản do chuyển tuyến đường huyện (ĐH-Đường huyện từ xã Cự M'Ta đi xã Cự Krôa đến xã Ea Riêng) thành đường xã (ĐX.ER.03 - Đường xã từ giáp xã Cự M'Ta đến QL19C)				1,00				16.400,000	11.726,000			
	Đường xã từ giáp xã Cự M'Ta đến QL19C	Xã Ea Riêng	Trước năm 2015	Cấp V miền núi	1,00				16.400,000	11.726,000	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
XXXVII. Xã Ea Rôk													
01	Điều chuyển tài sản do chuyển tuyến đường huyện (ĐH.03.1-Đường huyện Ngã 3 xã Ea Lê - Trung tâm xã IaJLôi) thành đường xã (ĐX.ER.01-Đường từ Cầu Trắng xã Ea Rôk đi trung tâm xã Ia Jloi (cũ))				4,99			508,12	84941,22	60732,97			
01.1	Phần đường và các công trình phụ trợ gắn liền với đường (kể cả cầu có chiều dài dưới 25m)												
	Đường từ Cầu Trắng xã Ea Rôk đi trung tâm xã Ia Jloi (cũ)	Xã Ea Rôk	Trước năm 2015	Cấp IV miền núi	4,88				68.681,376	49.107,184	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
01.2	Cầu đường bộ và các công trình phụ trợ cầu đường bộ; tài sản, thiết bị chuyên dùng phục vụ riêng biệt cho cầu đường bộ												
	Cầu Trắng	Xã Ea Rôk	Năm 2015	BTCT	0,11			508,12	16.259,840	11.625,786	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
02	Điều chuyển tài sản do chuyển tuyến đường huyện (ĐH.03.2- Đường từ ngã 3 Quảng Đại Ea Rôk - Trung tâm xã Ia Rvê) thành đường xã (ĐX.ER.02 - Đường từ ngã 3 Quảng Đại đến ranh giới xã Ea Bung)				6,33			643,88	109544,50	64780,89			
02.1	Phần đường và các công trình phụ trợ gắn liền với đường (kể cả cầu có chiều dài dưới 25m)												
	Đường từ ngã 3 Quảng Đại đến ranh giới xã Ea Bung	Xã Ea Rôk	Trước năm 2010	Cấp IV miền núi	6,25				102.500,000	57.912,500	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
02.2	Cầu đường bộ và các công trình phụ trợ cầu đường bộ; tài sản, thiết bị chuyên dùng phục vụ riêng biệt cho cầu đường bộ												
	Cầu Km6+184	Xã Ea Rôk	Năm 2024	BTCT	0,07575			643,88	7.044,500	6.868,388	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
03	Điều chuyển tài sản do chuyển tuyến đường huyện (ĐH.03.3 - Đường đi trung tâm xã Cự Kbang) thành đường xã (ĐX.ER.03 - Đường ngã ba 3 Làng Mông đến ranh giới xã Ea Lê (cũ))				7,353			297,50	133.467,00	73.974,40			
03.1	Phần đường và các công trình phụ trợ gắn liền với đường (kể cả cầu có chiều dài dưới 25m)												
	Đường ngã ba 3 Làng Mông đến ranh giới xã Ea Lê (cũ)	Xã Ea Rôk	Trước năm 2009	Cấp IV miền núi	7,31				128.707,000	70.571,000	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
03.2	Cầu đường bộ và các công trình phụ trợ cầu đường bộ; tài sản, thiết bị chuyên dùng phục vụ riêng biệt cho cầu đường bộ												
	Cầu Bà Sâm trên tuyến đường đi TT xã Cự Kbang	Xã Ea Rôk	Năm 2015	BTCT	0,0425			297,50	4.760,000	3.403,400	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
04	Điều chuyển tài sản do chuyển tuyến đường huyện (ĐH.03.4 - Đường đi trung tâm xã Ia Lốp) thành đường xã (ĐX.ER.04 - Đường ngã ba 3 xã Ia Jloi (cũ) đến ranh giới xã Ia Lốp)				9,28				152.192,000	85.988,480			
	Đường ngã ba 3 xã Ia Jloi (cũ) đến ranh giới xã Ia Lốp	Xã Ea Rôk	Trước năm 2009	Cấp IV miền núi	9,28				152.192,000	85.988,480	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
XXXVIII. Xã Ea Súp													
A. Điều chuyển tài sản đường huyện về cho xã quản lý													
01	Điều chuyển tài sản do chuyển tuyến đường huyện (ĐH- Đường đi trung tâm xã Cự Kbang) thành đường xã (ĐX.01a - Đường liên xã Ea Súp đi xã Ea Rôk (đoạn từ ngã 3 chợ Ea Lê đến trường tiểu Nguyễn Văn Trỗi)				2,60				43.484,600	20.872,608			
	Đường liên xã Ea Súp đi xã Ea Rôk (đoạn từ ngã 3 chợ Ea Lê đến trường tiểu Nguyễn Văn Trỗi)	Xã Ea Súp	Trước năm 2009	Cấp IV miền núi	2,60				43.484,600	20.872,608	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
02	Điều chuyển tài sản do chuyển tuyến đường huyện (ĐH- Đường ngã 4 Cự Mlan đi xã Ya Tờ Mốt) thành đường xã (ĐX.01b - Đường liên xã Ea Súp đi xã Ea Bung (đoạn từ ngã 4 Cự Mlan cũ đi xã Ea Bung))				2,10				34.440,000	10.332,000			
	Đường liên xã Ea Súp đi xã Ea Bung (đoạn từ ngã 4 Cự Mlan cũ đi xã Ea Bung)	Xã Ea Súp	Trước năm 2015	Cấp IV miền núi	2,10				34.440,000	10.332,000	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
03	Điều chuyển tài sản do chuyển tuyến đường huyện (ĐH- Đường liên huyện Cự Mgar- Ea Súp) thành đường xã (ĐX.01c - Đường liên xã Ea Súp đi xã Ea Kiết)				12,96				212.544,000	107.334,720			
	Đường liên xã Ea Súp đi xã Ea Kiết	Xã Ea Súp	Trước năm 2008	Cấp IV miền núi	12,96				212.544,000	107.334,720	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
B. Điều chuyển tài sản đường đô thị về cho xã quản lý													
01	Đường Lý Thường Kiệt	Xã Ea Súp	Trước năm 2015	ĐĐT	1,40				24.750,000	17.696,250	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
02	Đường Phạm Ngọc Thạch	Xã Ea Súp	Trước năm 2015	ĐĐT	0,57				12.825,000	9.169,875	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản

STT	Tài sản <i>(Chỉ liệt theo từng loại tài sản)</i>	Địa chỉ	Năm đưa vào sử dụng	Loại/cấp/hạng	Số lượng/Chiều dài (Km)	Diện tích (m2)			Giá trị (triệu đồng)		Tình trạng sử dụng của tài sản	Hình thức xử lý	Lý do xử lý
						Đất	Sàn sử dụng nhà	Cầu	Nguyên giá	Giá trị còn lại (đến 31/12/2024)			
(1)	(2)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)
03	Đường Lê Lai	Xã Ea Súp	Trước năm 2015	ĐĐT	0,70				11.410,000	8.158,150	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
04	Đường Tôn Thất Tùng	Xã Ea Súp	Trước năm 2015	ĐĐT	0,48				7.824,000	5.594,160	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
05	Đường N13	Xã Ea Súp	Trước năm 2015	ĐĐT	0,22				3.586,000	2.563,990	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
06	Đường Nguyễn Thị Minh Khai	Xã Ea Súp	Trước năm 2015	ĐĐT	1,30				29.250,000	20.913,750	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
07	Đường Đinh Tiên Hoàng	Xã Ea Súp	Trước năm 2015	ĐĐT	0,65				14.625,000	10.456,875	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
08	Đường Pi Lăng Tắc	Xã Ea Súp	Trước năm 2015	ĐĐT	0,86				14.018,000	10.022,870	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
09	Đường Nguyễn Trung Trực	Xã Ea Súp	Trước năm 2015	ĐĐT	0,45				7.335,000	5.244,525	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
10	Đường Chu Văn An	Xã Ea Súp	Trước năm 2015	ĐĐT	0,52				8.476,000	6.060,340	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
11	Đường Bà Triệu	Xã Ea Súp	Trước năm 2015	ĐĐT	0,60				9.780,000	6.992,700	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
12	Lương Thế Vinh	Xã Ea Súp	Trước năm 2015	ĐĐT	0,35				5.705,000	4.079,075	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
13	Đường N9	Xã Ea Súp	Trước năm 2015	ĐĐT	0,48				3.912,000	2.797,080	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
14	Đường Tô Hiệu	Xã Ea Súp	Trước năm 2015	ĐĐT	0,38				6.194,000	4.428,710	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
15	Đường Âu Cơ	Xã Ea Súp	Trước năm 2015	ĐĐT	1,40				60.480,000	43.243,200	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
16	Đường NơTrang Gưh	Xã Ea Súp	Trước năm 2015	ĐĐT	0,65				10.595,000	7.575,425	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
17	Đường Ama Jao	Xã Ea Súp	Trước năm 2015	ĐĐT	0,65				10.595,000	7.575,425	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
18	Đường Nguyễn Văn Trỗi	Xã Ea Súp	Trước năm 2015	ĐĐT	0,66				10.758,000	7.691,970	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
19	Đường Trần Phú	Xã Ea Súp	Trước năm 2015	ĐĐT	0,45				7.335,000	5.244,525	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
20	Đường Hùng Vương	Xã Ea Súp	Trước năm 2015	ĐĐT	2,20				95.040,000	67.953,600	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
21	Đường Bùi Thị Xuân	Xã Ea Súp	Trước năm 2015	ĐĐT	0,65				10.595,000	7.575,425	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
22	Đường Lạc Long Quân	Xã Ea Súp	Trước năm 2015	ĐĐT	0,75				32.400,000	23.166,000	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
23	Đường N10	Xã Ea Súp	Trước năm 2015	ĐĐT	0,57				9.291,000	6.643,065	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
24	Đường Lê Quý Đôn	Xã Ea Súp	Trước năm 2015	ĐĐT	0,40				6.520,000	4.661,800	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
25	Đường Đinh Núp	Xã Ea Súp	Trước năm 2015	ĐĐT	0,70				11.410,000	8.158,150	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
26	Đường NơTrang Long	Xã Ea Súp	Trước năm 2015	ĐĐT	0,66				10.758,000	7.691,970	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
27	Đường Trần Bình Trọng	Xã Ea Súp	Trước năm 2015	ĐĐT	0,64				10.432,000	7.458,880	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
28	Đường Lê Hồng Phong	Xã Ea Súp	Trước năm 2015	ĐĐT	0,96				15.648,000	11.188,320	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
29	Đường Nguyễn Du	Xã Ea Súp	Trước năm 2015	ĐĐT	0,72				16.200,000	11.583,000	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
30	Đường Nguyễn Đình Chiểu	Xã Ea Súp	Trước năm 2015	ĐĐT	0,25				4.075,000	2.913,625	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
31	Đường Điện Biên Phủ	Xã Ea Súp	Trước năm 2015	ĐĐT	0,96				41.472,000	29.652,480	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
32	Đường Nguyễn Trãi	Xã Ea Súp	Trước năm 2015	ĐĐT	1,10				24.750,000	17.696,250	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
33	Đường Y Ngông	Xã Ea Súp	Trước năm 2015	ĐĐT	0,60				9.780,000	6.992,700	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
34	Đường N8	Xã Ea Súp	Trước năm 2015	ĐĐT	0,94				15.322,000	10.955,230	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
35	Đường Hồ Xuân Hương	Xã Ea Súp	Trước năm 2015	ĐĐT	0,65				10.595,000	7.575,425	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản

STT	Tài sản <i>(Chỉ tiết theo từng loại tài sản)</i>	Địa chỉ	Năm đưa vào sử dụng	Loại/cấp/hạng	Số lượng/Chiều dài (Km)	Diện tích (m2)			Giá trị (triệu đồng)		Tình trạng sử dụng của tài sản	Hình thức xử lý	Lý do xử lý
						Đất	Sàn sử dụng nhà	Cầu	Nguyên giá	Giá trị còn lại (đến 31/12/2024)			
(1)	(2)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)
36	Đường Y NiK Sor	Xã Ea Súp	Trước năm 2015	ĐĐT	0,65				10.595,000	7.575,425	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
XXXIX. Xã Ea Trang													
01	Điều chuyển tài sản do chuyển tuyến đường huyện (ĐH.01- Đường huyện từ Ea Trang đến xã Cư San) thành đường xã (ĐX.ET.01 - Đường xã từ Ea Trang đến xã Krông Á)				8,30				136.120,000	97.326,000			
	Đường xã từ Ea Trang đến xã Krông Á	Xã Ea Trang	Trước năm 2015	Cấp IV miền núi	8,30				136.120,000	97.326,000	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
XXXX. Xã Ea Tul													
01	Điều chuyển tài sản do chuyển tuyến đường huyện (ĐH.34- Đường huyện ĐH.34 đường liên xã Ea Tar đi Ea Kuêh) thành đường xã (ĐX.34 - Đường xã Ea Tul đi xã Ea Kiết)				11,21				327.332,000	214.402,460			
	Đường xã Ea Tul đi xã Ea Kiết	Xã Ea Tul	Năm 2013	Cấp IV miền núi	11,21				327.332,000	214.402,460	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
02	Điều chuyển tài sản do chuyển tuyến đường huyện (ĐH.35- Đường xã Ea Hding đi xã Ea Tar) thành đường xã (ĐX.35 - Đường xã Ea Tul đi xã Cư Mgar)				2,74				80.008,000	52.405,240			
	Đường xã Ea Tul đi xã Cư Mgar	Xã Ea Tul	Năm 2013	Cấp IV miền	2,74				80.008,000	52.405,240	Còn sử dụng được, sử	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản
03	Điều chuyển tài sản do chuyển tuyến đường huyện (ĐH.43- Đường giao thông Cư Mgar đi Buôn Hô) thành đường xã (ĐX.34 - Đường xã Ea Tul đi phường Cư Bao)				7,30				105.120,000	68.853,600			
	Đường xã Ea Tul đi phường Cư Bao	Xã Ea Tul	Năm 2013	Cấp IV miền	7,30				105.120,000	68.853,600	Còn sử dụng được, sử	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản
04	Điều chuyển tài sản do chuyển tuyến đường huyện (ĐH.43- Đường giao thông liên xã EaTul đi Cư Đliê Nmgông) thành đường xã (ĐX.43 - Đường giao thông xã Ea Tul)				6,88				112.832,000	73.904,960			
	Đường giao thông xã Ea Tul	Xã Ea Tul	Năm 2013	Cấp IV miền	6,88				112.832,000	73.904,960	Còn sử dụng được, sử	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản
XXXXI. Xã Ea Wy													
01	Điều chuyển tài sản do chuyển tuyến đường huyện (ĐH- Đoạn đường Ea H'Leo - Ea Súp phía Tây bắc) thành đường xã (ĐX.01 - Đường liên xã Ea Wy đi xã Ea Súp)				20,00			1377,00	617.353,957	270.868,493			
01.1	Phần đường và các công trình phụ trợ gắn liền với đường (kể cả cầu có chiều dài dưới 25m)												
	Đường liên xã Ea Wy đi xã Ea Súp	Xã Ea Wy	Năm 2005	Cấp IV miền núi	19,84				584.000,000	242.360,000	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
01.2	Cầu đường bộ và các công trình phụ trợ cầu đường bộ; tài sản, thiết bị chuyên dùng phục vụ riêng biệt cho cầu đường bộ												
	Cầu Km8+273,92, L=30m, nằm trên đường đường Ea H'Leo - Ea Súp phía Tây bắc	Xã Ea Wy	Năm 2016	BTCT	0,03			255,00	2.855,661	2.127,467	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
	Cầu Km 12+685,01, L=33m nằm trên đường Ea H'Leo - Ea Súp phía Tây bắc	Xã Ea Wy	Năm 2020	BTCT	0,03			280,50	10.296,996	8.906,902	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
	Cầu Km 20+618,38, L=99m, nằm trên đường Ea H'Leo - Ea Súp phía Tây bắc	Xã Ea Wy	Năm 2020	BTCT	0,10			841,50	20.201,300	17.474,124	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
XXX XII. Xã Hòa Mỹ													
01	Điều chuyển tài sản do chuyển tuyến đường huyện (ĐH.75-Phủ Thứ - Hòa Thịnh) thành đường xã (ĐX.75 - Đoạn từ cầu Cháy đến cầu Bến Cui (phía Bắc cầu Bến cui))				2,56				37.527,000	37.197,750			
	Đoạn từ cầu Cháy đến cầu Bến Cui (phía Bắc cầu Bến cui)	Xã Hòa Mỹ	Năm 2019	Cấp A	2,56				37.527,000	37.197,750	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
02	Điều chuyển tài sản do chuyển tuyến đường huyện (ĐH.76- Xuân Mỹ - Đập Suối Lạnh) thành đường xã (ĐX.76 - Ngã Ba Xuân Mỹ đến Nhà Tránh Lũ thôn Lạc Chi)				2,50			216,00	25.662,000	19.246,500			
02.1	Phần đường và các công trình phụ trợ gắn liền với đường (kể cả cầu có chiều dài dưới 25m)												
	Ngã Ba Xuân Mỹ đến Nhà Tránh Lũ thôn Lạc Chi	Xã Hòa Mỹ	Trước Năm 2013	Cấp A	2,44				18.750,000	14.062,500	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
02.2	Cầu đường bộ và các công trình phụ trợ cầu đường bộ; tài sản, thiết bị chuyên dùng phục vụ riêng biệt cho cầu đường bộ												
	Cầu Bến Trầu	Xã Hòa Mỹ	Năm 2013	BTCT	0,06			216,00	6.912,000	5.184,000	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
03	Điều chuyển tài sản do chuyển tuyến đường huyện (ĐH.77- Lạc chi - Hòa Thịnh) thành đường xã (ĐX.77 - Lạc chi - Hòa Thịnh)				1,40				10.500,000	7.875,000			
	Lạc chi - Hòa Thịnh	Xã Hòa Mỹ	Năm 2013	Cấp IV	1,40				10.500,000	7.875,000	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản

STT	Tài sản (Chỉ tiết theo từng loại tài sản)	Địa chỉ	Năm đưa vào sử dụng	Loại/cấp/hạng	Số lượng/Chiều dài (Km)	Diện tích (m2)			Giá trị (triệu đồng)		Tình trạng sử dụng của tài sản	Hình thức xử lý	Lý do xử lý
						Đất	Sàn sử dụng nhà	Cầu	Nguyên giá	Giá trị còn lại (đến 31/12/2024)			
(1)	(2)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)
04	Điều chuyển tài sản do chuyển tuyến đường huyện (ĐH.78- Phú Thuận - Mỹ Thành) thành đường xã (ĐX.78 - Phú Thuận - Mỹ Thành)				10,72			600,000	192.120,000	184.775,000			
04.1	Phần đường và các công trình phụ trợ gắn liền với đường (kể cả cầu có chiều dài dưới 25m)												
	Phú Thuận - Mỹ Thành	Xã Hòa Mỹ	Năm 2021	Cấp IV	10,60				150.520,000	150.520,000	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
04.2	Cầu đường bộ và các công trình phụ trợ cầu đường bộ; tài sản, thiết bị chuyên dùng phục vụ riêng biệt cho cầu đường bộ												
	Cầu Bến Nhiều	Xã Hòa Mỹ	Năm 2021	BTCT	0,06			300,00	29.900,000	28.405,000	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
	Cầu Bến Mít	Xã Hòa Mỹ	Năm 2021	BTCT	0,06			300,00	11.700,000	5.850,000	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
05	Điều chuyển tài sản do chuyển tuyến đường huyện (ĐH.79- UBND xã Hòa Mỹ Đông đến Ga Hòn Sặc) thành đường xã (ĐX.79 - UBND xã Hòa Mỹ Đông đến Ga Hòn Sặc)				3,75				28.087,500	21.065,625			
	UBND xã Hòa Mỹ Đông đến Ga Hòn Sặc	Xã Hòa Mỹ	Năm 2020	Cấp IV	3,75				28.087,500	21.065,625	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
06	Điều chuyển tài sản do chuyển tuyến đường huyện (ĐH.82- Phú Nhiều (chợ Phú Nhiều) - Hòa Phong (Cầu Hào Ba)) thành đường xã (ĐX.82 - Phú Nhiều (chợ Phú Nhiều) - Hòa Phong (Cầu Hào Ba))				2,10			156,00	35.904,000	26.928,000			
06.1	Phần đường và các công trình phụ trợ gắn liền với đường (kể cả cầu có chiều dài dưới 25m)												
	ĐX.82 - Phú Nhiều (chợ Phú Nhiều) - Hòa Phong (Cầu Hào Ba)	Xã Hòa Mỹ	Năm 2020	Cấp IV	2,08				29.820,000	22.365,000	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
06.2	Cầu đường bộ và các công trình phụ trợ cầu đường bộ; tài sản, thiết bị chuyên dùng phục vụ riêng biệt cho cầu đường bộ												
	Cầu Bến Lợi	Xã Hòa Mỹ	Năm 2020	BTCT	0,02			156,00	6.084,000	4.563,000	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
07	Điều chuyển tài sản do chuyển tuyến đường huyện (ĐH.83 - Cầu Bà Chuộng xã Hòa Phú đến Trụ sở UBND xã Hòa Mỹ Tây) thành đường xã (ĐX.83B - Ngã Ba Ga Hòn Sặc đến Trụ sở Đảng ủy xã Hòa Mỹ)				4,22				59.924,000	44.943,000			
	Ngã Ba Ga Hòn Sặc đến Trụ sở Đảng ủy xã Hòa Mỹ	Xã Hòa Mỹ	Năm 2018	Cấp IV	4,22				59.924,000	44.943,000	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
08	Điều chuyển tài sản do chuyển tuyến đường huyện (ĐH.84 - Từ UBND xã Sơn Thành Đông đến Cầu Bến Mít xã Hòa Mỹ Tây) thành đường xã (ĐX.84 - Từ Ngã ba Mỹ Thành (gần cầu Bến Mít) đến Lâm Viên Vi Na)				4,22				48.000,000	36.000,000			
	Từ Ngã ba Mỹ Thành (gần cầu Bến Mít) đến Lâm Viên Vi Na	Xã Hòa Mỹ	Năm 2018	Cấp A	4,22				48.000,000	36.000,000	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
XXXXIII. Xã Hòa Sơn													
01	Điều chuyển tài sản do chuyển tuyến đường huyện (ĐH.04 - Đường Ea Trul - Yang Rêh) thành đường xã (ĐX.01 - TĐường xã Hoà Sơn 01)				2,08				6.040,652	3.956,627			
	Đường xã Hoà Sơn 01	Xã Hòa Sơn	Năm 2013	Cấp IV miền núi	2,08				6.040,652	3.956,627	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
02	Điều chuyển tài sản do chuyển tuyến đường huyện (ĐH.07 - Đường Hoà Sơn - Ea Trul) thành đường xã (ĐX.02 - Đường xã Hoà Sơn 02)				2,78				47.977,884	33.769,550			
	Đường xã Hoà Sơn 02	Xã Hòa Sơn	Năm 2013	Cấp IV miền núi	2,78				47.977,884	33.769,550	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
03	Điều chuyển tài sản do chuyển tuyến đường huyện (ĐH.08 - Đường Hòa Sơn - Khuê Ngọc Điền) thành đường xã (ĐX.03 - Đường xã Hoà Sơn 03)				3,96				77.174,000	56.008,735			
	Đường xã Hoà Sơn 03	Xã Hòa Sơn	Năm 2013	Cấp IV miền núi	3,96				77.174,000	56.008,735	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
XXXXIV. Xã Hòa Thịnh													
01	Điều chuyển tài sản do chuyển tuyến đường huyện (ĐH.74 - Ga gò mằm- nhà 5 Bình) thành đường xã (ĐX.74B - Cầu suối- nhà 5 Bình)				1,88				14.100,000	10.575,000			
	Cầu suối- nhà 5 Bình	Xã Hòa Thịnh	Năm 2013	Cấp A	1,88				14.100,000	10.575,000	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
02	Điều chuyển tài sản do chuyển tuyến đường huyện (ĐH.75- Phú Thứ- Hòa Thịnh) thành đường xã (ĐX.75B - Từ nhà ông Nguyễn Trọng - Hòa Thịnh)				10,80			650,00	122.140,400	100.709,150			
02.1	Phần đường và các công trình phụ trợ gắn liền với đường (kể cả cầu có chiều dài dưới 25m)												
	Từ nhà ông Nguyễn Trọng - Hòa Thịnh	Xã Hòa Thịnh	Năm 2019	Cấp IV	10,70				85.725,000	64.293,750	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
02.2	Cầu đường bộ và các công trình phụ trợ cầu đường bộ; tài sản, thiết bị chuyên dùng phục vụ riêng biệt cho cầu đường bộ												

STT	Tài sản (Chỉ tiết theo từng loại tài sản)	Địa chỉ	Năm đưa vào sử dụng	Loại/cấp/hạng	Số lượng/Chiều dài (Km)	Diện tích (m2)			Giá trị (triệu đồng)		Tình trạng sử dụng của tài sản	Hình thức xử lý	Lý do xử lý
						Đất	Sàn sử dụng nhà	Cầu	Nguyên giá	Giá trị còn lại (đến 31/12/2024)			
(1)	(2)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)
	Cầu Bến cùi (cũ)	Xã Hòa Thịnh	Năm 2019	BTCT	0,05			325,00	10.558,400	10.558,400	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
	Cầu Bến cùi (mới)	Xã Hòa Thịnh	Năm 2019	BTCT	0,05			325,00	25.857,000	25.857,000	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
03	Điều chuyển tài sản do chuyển tuyến đường huyện (ĐH.76- Xuân Mỹ- Đập suối lạnh) thành đường xã (ĐX.76B - Từ nhà ông Nguyễn Thanh Hóa- Đập suối lạnh)				9,10			162,50	71522,500	54460,000			
03.1	Phần đường và các công trình phụ trợ gắn liền với đường (kể cả cầu có chiều dài dưới 25m)												
	Từ nhà ông Nguyễn Thanh Hóa- Đập suối lạnh	Xã Hòa Thịnh	Năm 2013	Cấp A	9,08				68.250,000	51.187,500	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
03.2	Cầu đường bộ và các công trình phụ trợ cầu đường bộ; tài sản, thiết bị chuyên dùng phục vụ riêng biệt cho cầu đường bộ												
	Cầu Mỹ Tài	Xã Hòa Thịnh	Năm 2013	BTCT	0,03			162,50	3.272,500	3.272,500	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
04	Điều chuyển tài sản do chuyển tuyến đường huyện (ĐH.77 - Lạc Chi- Hòa Thịnh) thành đường xã (ĐX.77B - Từ ranh giới xã Hòa Mỹ- Hòa Thịnh)				2,76				20.700,000	15.525,000			
	Từ ranh giới xã Hòa Mỹ- Hòa Thịnh	Xã Hòa Thịnh	Năm 2013	Cấp V	2,76				20.700,000	15.525,000	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
05	Điều chuyển tài sản do chuyển tuyến đường huyện (ĐH.81 - Kênh N6- Hòa Đông) thành đường xã (ĐX.81B - Từ nhà ông Nguyễn Văn Lý đến cuối xã Hòa Đông (cũ))				5,55				41.625,000	31.218,750			
	Từ nhà ông Nguyễn Văn Lý đến cuối xã Hòa Đông (cũ)	Xã Hòa Thịnh	Năm 2013	Cấp A	5,55				41.625,000	31.218,750	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
XXXXV. Xã Hòa Xuân													
01	Điều chuyển tài sản do chuyển tuyến đường huyện (ĐH.91 - Phú Khê - Phước Tân) thành đường xã (ĐX.91 - Phú Khê - Phước Tân)				8,13				60.975,000	46.950,750			
	Phú Khê - Phước Tân	Xã Hòa Xuân	Năm 2015	Cấp IV	8,13				60.975,000	46.950,750	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
01	Điều chuyển tài sản do chuyển tuyến đường huyện (ĐH.92 - Phú Khê - Phước Giang) thành đường xã (ĐX.92 - Phú Khê - Phước Giang)				4,00				30.000,000	23.100,000			
	Phú Khê - Phước Giang	Xã Hòa Xuân	Năm 2015	Cấp IV	4,00				30.000,000	23.100,000	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
XXXXVI. Xã Ia Lốp													
01	Điều chuyển tài sản do chuyển tuyến đường huyện (ĐH.03.04- Đường đi trung tâm xã Ia Lốp) thành đường xã (ĐX.01 - Đường trục chính đi trung tâm xã Ia Lốp)				18,44				307.008,000	173.459,520			
	Đường trục chính đi trung tâm xã Ia Lốp	Xã Ia Lốp	Năm 2010	Cấp IV miền núi	18,44				307.008,000	173.459,520	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
XXXXVII. Xã Ia Rvê													
01	Điều chuyển tài sản do chuyển tuyến đường huyện (ĐH.53 - Đường từ thôn 6 xã Ia Rvê hướng đi nhà máy mía đường đến giáp ranh xã Ea Bung) thành đường xã (ĐX.53 - Đường từ thôn 6 xã Ia Rvê hướng đi nhà máy mía đường đến giáp ranh xã Ea Bung)				20,00			220,00	478396,50	270956,42			
01.1	Phần đường và các công trình phụ trợ gắn liền với đường (kể cả cầu có chiều dài dưới 25m)												
	Đường từ thôn 6 xã Ia Rvê hướng đi nhà máy mía đường đến giáp ranh xã Ea Bung	Xã Ia Rvê	Năm 2015	Cấp IV miền núi	19,96				473.980,500	267.798,983	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
01.2	Cầu đường bộ và các công trình phụ trợ cầu đường bộ; tài sản, thiết bị chuyên dùng phục vụ riêng biệt cho cầu đường bộ												
	Cầu trên tuyến đường từ thôn 6 xã Ia Rvê hướng đi nhà máy mía đường đến giáp ranh xã Ea Bung	Xã Ia Rvê	Năm 2015	cấp IV miền núi	0,040			220,00	4.416,000	3.157,440	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
XXXXVIII. Xã Krông Á													
01	Điều chuyển tài sản do chuyển tuyến đường huyện (ĐH: Đường huyện từ Ea Trang đến xã Cư San) thành đường xã (ĐX: Đường xã từ giáp xã Ea Trang đến trung tâm xã Krông Á)				12,70			576,00	225.997,897	161.588,496			
01.1	Phần đường và các công trình phụ trợ gắn liền với đường (kể cả cầu có chiều dài dưới 25m)												
	Đường xã từ giáp xã Ea Trang đến trung tâm xã Krông Á	Xã Krông Á	Năm 2015	Cấp IV miền núi	12,63				207.565,897	148.409,616	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
01.2	Cầu đường bộ và các công trình phụ trợ cầu đường bộ; tài sản, thiết bị chuyên dùng phục vụ riêng biệt cho cầu đường bộ												
	Cầu số 1 , lý trình Km11+900 - Km11+972	Xã Krông Á	Năm 2015	BTCT	0,07			576,00	18.432,000	13.178,880	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
XXXXIX. Xã Krông Ana													
A. Điều chuyển tài sản đường huyện về cho xã quản lý													

STT	Tài sản <i>(Chỉ tiết theo từng loại tài sản)</i>	Địa chỉ	Năm đưa vào sử dụng	Loại/cấp/hạng	Số lượng/ Chiều dài (Km)	Diện tích (m2)			Giá trị (triệu đồng)		Tình trạng sử dụng của tài sản	Hình thức xử lý	Lý do xử lý
						Đất	Sàn sử dụng nhà	Cầu	Nguyên giá	Giá trị còn lại (đến 31/12/2024)			
(1)	(2)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)
01	Điều chuyển tài sản do chuyển tuyến đường huyện (ĐH.85 - Từ đường tránh Buôn Tơ Lor đến cầu suối tôm, TT Buôn Trấp cũ) thành đường xã (ĐX.01 - Đường xã 01 (Từ đường tránh Buôn Tơ Lor đến cầu suối tôm, TT Buôn Trấp cũ))				10,48				150.912,000	107.902,080			
	Đường xã 01 (Từ đường tránh Buôn Tơ Lor đến cầu suối tôm, TT Buôn Trấp cũ)	Xã Krông Ana	Năm 2015	Cấp A	10,48				150.912,000	107.902,080	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
02	Điều chuyển tài sản do chuyển tuyến đường huyện (ĐH.85A-Từ cầu suối tôm, TT Buôn Trấp cũ đến ngã 3 buôn ÊCăm) thành đường xã (ĐX.02 - Đường xã 02 (Từ cầu suối tôm, TT Buôn Trấp cũ đến ngã 3 buôn ÊCăm))				3,00				43.200,000	30.888,000			
	Đường xã 02 (Từ cầu suối tôm, TT Buôn Trấp cũ đến ngã 3 buôn ÊCăm)	Xã Krông Ana	Năm 2015	Cấp A	3,00				43.200,000	30.888,000	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
03	Điều chuyển tài sản do chuyển tuyến đường huyện (ĐH.85B -Từ Hồ Ea Chang (ĐH 85C) đến cầu bệnh viện) thành đường xã (ĐX.03 - Đường xã 03 (Từ Hồ Ea Chang (ĐH 85C) đến cầu bệnh viện))				3,70				53.280,000	38.095,200			
	Đường xã 03 (Từ Hồ Ea Chang (ĐH 85C) đến cầu bệnh viện)	Xã Krông Ana	Năm 2015	Cấp A	3,70				53.280,000	38.095,200	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
04	Điều chuyển tài sản do chuyển tuyến đường huyện (ĐH.85C - Từ ĐT 698 (thôn 1) qua nút giao hồ Ea Chang đến ĐH 85) thành đường xã (ĐX.04 - Đường xã 04 (Từ ĐT 698 (thôn 1) qua nút giao hồ Ea Chang đến ĐH 85)				3,00				43.200,000	30.888,000			
	Đường xã 04 (Từ ĐT 698 (thôn 1) qua nút giao hồ Ea Chang đến ĐH 85)	Xã Krông Ana	Năm 2015	Cấp A	3,00				43.200,000	30.888,000	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
05	Điều chuyển tài sản do chuyển tuyến đường huyện (ĐH.85D - ĐT 698 đến ĐH85) thành đường xã (ĐX.05 - Đường xã 05 (Từ ĐT 698 đến ĐH 85))				2,90				41.760,000	29.858,400			
	Đường xã 05 (Từ ĐT 698 đến ĐH 85)	Xã Krông Ana	Năm 2015	Cấp A	2,90				41.760,000	29.858,400	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
06	Điều chuyển tài sản do chuyển tuyến đường huyện (ĐH.90 - Từ cổng chào thôn 5 xã Quảng Điền cũ đến giáp ranh xã Dư Kmăl cũ) thành đường xã (ĐX.06 - Đường xã 06 (Từ cổng chào thôn 5 xã Quảng Điền cũ đến giáp ranh xã Dư Kmăl cũ))				3,34				59.538,593	42.570,094			
	Đường xã 06 (Từ cổng chào thôn 5 xã Quảng Điền cũ đến giáp ranh xã Dư Kmăl cũ)	Xã Krông Ana	Năm 2015	Cấp IV	3,34				59.538,593	42.570,094	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
07	Điều chuyển tài sản do chuyển tuyến đường huyện (ĐH.90A-Từ giáp ranh sông Krông Ana địa phận Bình Hòa cũ, qua cổng chào thôn 3 Quảng Điền cũ đến ranh giới xã Dư Kmăl) thành đường xã (ĐX.07 - Đường xã 07(Từ giáp ranh sông Krông Ana địa phận Bình Hòa cũ, qua cổng chào thôn 3 Quảng Điền cũ đến ranh giới xã Dư Kmăl)				14,95				215.280,000	153.925,200			
	Đường xã 07(Từ giáp ranh sông Krông Ana địa phận Bình Hòa cũ, qua cổng chào thôn 3 Quảng Điền cũ đến ranh giới xã Dư Kmăl)	Xã Krông Ana	Năm 2015	Cấp IV	14,95				215.280,000	153.925,200	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
08	Điều chuyển tài sản do chuyển tuyến đường huyện (ĐH.90B - từ cây đa hồ cá Thôn Sơn Trà qua cầu Ea Chai đến giáp Sông Krông Ana) thành đường xã (ĐX08 - Đường xã 08 (từ cây đa hồ cá Thôn Sơn Trà qua cầu Ea Chai đến giáp Sông Krông Ana))				5,10			416,00	79887,809	58280,389			
08.1	Phần đường và các công trình phụ trợ gắn liền với đường (kể cả cầu có chiều dài dưới 25m)												
	Đường xã 08 (từ cây đa hồ cá Thôn Sơn Trà qua cầu Ea Chai đến giáp Sông Krông Ana)	Xã Krông Ana	Năm 2015	Cấp IV	5,00				73.440,000	52.509,600	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
08.2	Cầu đường bộ và các công trình phụ trợ cầu đường bộ; tài sản, thiết bị chuyên dùng phục vụ riêng biệt cho cầu đường bộ												
	Cầu Ea Chai - Bình Hòa (Dự án LRAMP)	Xã Krông Ana	Năm 2021	BTCT	0,10			416,00	6.447,809	5.770,789	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
09	Điều chuyển tài sản do chuyển tuyến đường huyện (ĐH.90D - từ cầu bệnh viện đến chợ cây cóc, xã Quảng Điền cũ) thành đường xã (ĐX.09 - Đường xã 09 (từ cầu bệnh viện đến chợ cây cóc, xã Quảng Điền cũ))				4,60				103.240,000	73.816,600			
	Đường xã 09 (từ cầu bệnh viện đến chợ cây cóc, xã Quảng Điền cũ)	Xã Krông Ana	Năm 2015	Cấp IV	4,60				103.240,000	73.816,600	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
10	Điều chuyển tài sản do chuyển tuyến đường huyện (ĐH - từ Ngã ba Quỳnh Tân, TT Buôn Trấp đến ranh xã Băng Adrênh cũ) thành đường xã (ĐX.10 - Đường xã 10 (từ Ngã ba Quỳnh Tân, TT Buôn Trấp đến ranh xã Băng Adrênh cũ))				2,60				87.552,334	49.745,712			
	Đường xã 10 (từ Ngã ba Quỳnh Tân, TT Buôn Trấp đến ranh xã Băng Adrênh cũ)	Xã Krông Ana	Năm 2015	Cấp IV	2,60				87.552,334	49.745,712	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
B. Điều chuyển tài sản đường đô thị về cho xã quản lý													
01	Hẻm 1 Hoàng Văn Thụ (Từ Hoàng Văn Thụ đến Phạm Ngũ Lão)	Xã Krông Ana	Năm 2015	ĐĐT	0,07				1.372,000	980,980	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản

STT	Tài sản <i>(Chỉ tiết theo từng loại tài sản)</i>	Địa chỉ	Năm đưa vào sử dụng	Loại/cấp/hạng	Số lượng/Chiều dài (Km)	Diện tích (m2)			Giá trị (triệu đồng)		Tình trạng sử dụng của tài sản	Hình thức xử lý	Lý do xử lý
						Đất	Sàn sử dụng nhà	Cầu	Nguyên giá	Giá trị còn lại (đến 31/12/2024)			
(1)	(2)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)
02	Đường Trần Khánh Dư (từ Nhà H Yán Eban đếnNhà Trần Văn Phúc Buôn Ê Cầm)	Xã Krông Ana	Năm 2015	ĐĐT	0,40				7.840,000	5.605,600	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
03	Đường Hồ Xuân Hương	Xã Krông Ana	Năm 2015	ĐĐT	1,02				19.894,000	14.224,210	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
04	Đường Lương Thế Vinh	Xã Krông Ana	Năm 2015	ĐĐT	0,70				13.720,000	9.809,800	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
05	Đường Nguyễn Chí Thanh	Xã Krông Ana	Năm 2015	ĐĐT	1,37				71.103,000	50.838,645	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
06	Đường Trần Hưng Đạo (từ đường Chu Văn An đến đường Võ Nguyên Giáp)	Xã Krông Ana	Năm 2015	ĐĐT	0,53				14.310,000	10.231,650	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
07	Đường Phan Đình Giót	Xã Krông Ana	Năm 2015	ĐĐT	0,40				10.800,000	7.722,000	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
08	Đường Nơ Trang Gùh	Xã Krông Ana	Năm 2015	ĐĐT	1,44				74.736,000	53.436,240	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
09	Đường Nguyễn Chánh	Xã Krông Ana	Năm 2015	ĐĐT	0,20				3.920,000	2.802,800	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
10	Đường Nơ Trang Long	Xã Krông Ana	Năm 2015	ĐĐT	0,40				7.800,800	5.577,572	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
11	Đường Trần Hưng Đạo (từ đường Hùng Vương đến đường Chu Văn An)	Xã Krông Ana	Năm 2015	ĐĐT	0,68				13.328,000	9.529,520	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
12	Đường YBi Alê Ô	Xã Krông Ana	Năm 2015	ĐĐT	0,43				8.447,600	6.040,034	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
13	Đường Điện Biên Phủ	Xã Krông Ana	Năm 2015	ĐĐT	0,55				10.740,800	7.679,672	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
14	Đường Chu Văn An	Xã Krông Ana	Năm 2015	ĐĐT	0,72				37.108,500	26.532,578	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
15	Đường Mai Hắc Đế	Xã Krông Ana	Năm 2015	ĐĐT	0,15				2.940,000	2.102,100	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
16	Đường Phan Chu Trinh (Từ Đường Hùng Vương đếnĐường Nguyễn Văn Trỗi)	Xã Krông Ana	Năm 2015	ĐĐT	0,62				12.191,200	8.716,708	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
17	Đường Hai Bà Trưng	Xã Krông Ana	Năm 2015	ĐĐT	1,70				33.378,800	23.865,842	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
18	Đường Nguyễn Khuyến	Xã Krông Ana	Năm 2015	ĐĐT	0,25				4.900,000	3.503,500	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
19	Đường Nguyễn Tri Phương	Xã Krông Ana	Năm 2015	ĐĐT	0,63				12.406,800	8.870,862	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
20	Đường Lý Thường Kiệt	Xã Krông Ana	Năm 2015	ĐĐT	0,35				6.860,000	4.904,900	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
21	Đường Lê Lợi	Xã Krông Ana	Năm 2015	ĐĐT	0,56				15.147,000	10.830,105	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
22	Đường Y Jút	Xã Krông Ana	Năm 2015	ĐĐT	0,50				13.500,000	9.652,500	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
23	Đường Trần Phú	Xã Krông Ana	Năm 2015	ĐĐT	0,55				14.796,000	10.579,140	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
24	Đường Bùi Thị Xuân	Xã Krông Ana	Năm 2015	ĐĐT	0,70				13.720,000	9.809,800	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
25	Đường Nguyễn Thông	Xã Krông Ana	Năm 2015	ĐĐT	0,14				2.724,400	1.947,946	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
26	Đường Lê Quý Đôn	Xã Krông Ana	Năm 2015	ĐĐT	1,22				23.833,600	17.041,024	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
27	Đường Ngô Quyền (từ đường Chu Văn An đến đường Võ Nguyên Giáp)	Xã Krông Ana	Năm 2015	ĐĐT	0,54				14.580,000	10.424,700	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
28	Đường Hoàng Diệu	Xã Krông Ana	Năm 2015	ĐĐT	0,17				3.332,000	2.382,380	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
29	Đường Lý Tự Trọng	Xã Krông Ana	Năm 2015	ĐĐT	0,58				11.426,800	8.170,162	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
30	Đường Nguyễn Văn Trỗi (từ đường An Dương Vương đến đường Hồ Xuân Hương)	Xã Krông Ana	Năm 2015	ĐĐT	0,36				6.997,200	5.002,998	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
31	Đường Lê Thánh Tông	Xã Krông Ana	Năm 2015	ĐĐT	0,93				25.056,000	17.915,040	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
32	Đường Xô Viết Nghệ Tĩnh	Xã Krông Ana	Năm 2015	ĐĐT	0,46				8.957,200	6.404,398	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
33	Đường Phạm Sỹ	Xã Krông Ana	Năm 2015	ĐĐT	0,30				5.880,000	4.204,200	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
34	Đường Nguyễn Thái Học	Xã Krông Ana	Năm 2015	ĐĐT	0,20				3.920,000	2.802,800	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
35	Đường Tống Duy Tân	Xã Krông Ana	Năm 2015	ĐĐT	0,32				6.330,800	4.526,522	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
36	Đường Phan Đăng Lưu	Xã Krông Ana	Năm 2015	ĐĐT	0,50				9.800,000	7.007,000	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản

STT	Tài sản <i>(Chỉ liệt theo từng loại tài sản)</i>	Địa chỉ	Năm đưa vào sử dụng	Loại/cấp/hạng	Số lượng/Chiều dài (Km)	Diện tích (m2)			Giá trị (triệu đồng)		Tình trạng sử dụng của tài sản	Hình thức xử lý	Lý do xử lý
						Đất	Sàn sử dụng nhà	Cầu	Nguyên giá	Giá trị còn lại (đến 31/12/2024)			
(1)	(2)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)
37	Đường Ngô Quyền (từ đường Hùng Vương đến đường Chu Văn An)	Xã Krông Ana	Năm 2015	ĐĐT	0,50				9.800,000	7.007,000	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
38	Đường Nguyễn Công Trứ	Xã Krông Ana	Năm 2015	ĐĐT	0,25				4.958,800	3.545,542	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
39	Đường Y Ngổng	Xã Krông Ana	Năm 2015	ĐĐT	0,50				9.800,000	7.007,000	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
40	Đường Huỳnh Thúc Kháng	Xã Krông Ana	Năm 2015	ĐĐT	0,50				9.800,000	7.007,000	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
41	Đường Tân Thành (Buôn Rung)	Xã Krông Ana	Năm 2015	ĐĐT	1,57				30.830,800	22.044,022	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
42	Đường Y on	Xã Krông Ana	Năm 2015	ĐĐT	0,39				7.663,600	5.479,474	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
43	Đường Nguyễn Hữu Thọ	Xã Krông Ana	Năm 2015	ĐĐT	0,20				3.920,000	2.802,800	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
44	Đường Võ Chí Công	Xã Krông Ana	Năm 2015	ĐĐT	0,22				4.370,800	3.125,122	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
45	Đường Hòa Bình	Xã Krông Ana	Năm 2015	ĐĐT	0,19				3.724,000	2.662,660	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
46	Đường Lê Duẩn	Xã Krông Ana	Năm 2015	ĐĐT	0,76				20.520,000	14.671,800	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
47	Đường vành đai Hồ Sen	Xã Krông Ana	Năm 2015	ĐĐT	2,87				56.252,000	40.220,180	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
48	Đường Đinh Công Tráng	Xã Krông Ana	Năm 2015	ĐĐT	0,43				8.447,600	6.040,034	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
49	Đường Nguyễn Trãi	Xã Krông Ana	Năm 2015	ĐĐT	0,95				25.677,000	18.359,055	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
50	Đường Phạm Ngũ Lão	Xã Krông Ana	Năm 2015	ĐĐT	0,30				5.880,000	4.204,200	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
51	Đường Phan Đình Phùng	Xã Krông Ana	Năm 2015	ĐĐT	0,35				6.918,800	4.946,942	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
52	Đường Nguyễn Đức Cảnh	Xã Krông Ana	Năm 2015	ĐĐT	0,25				4.958,800	3.545,542	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
53	Đường Võ Thị Sáu	Xã Krông Ana	Năm 2015	ĐĐT	0,30				5.880,000	4.204,200	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
54	Đường Nguyễn Viết Xuân	Xã Krông Ana	Năm 2015	ĐĐT	0,27				5.331,200	3.811,808	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
55	Đường Đoàn Thị Điểm	Xã Krông Ana	Năm 2015	ĐĐT	0,22				4.214,000	3.013,010	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
56	Đường Trương Công Định	Xã Krông Ana	Năm 2015	ĐĐT	0,87				16.954,000	12.122,110	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
57	Đường Tú Xương (Từ Đường An Dương Vương đếnĐường Hồ Xuân Hương)	Xã Krông Ana	Năm 2015	ĐĐT	0,35				6.879,600	4.918,914	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
58	Đường Mai Xuân Thưởng	Xã Krông Ana	Năm 2015	ĐĐT	0,75				14.719,600	10.524,514	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
59	Đường Nguyễn Huệ	Xã Krông Ana	Năm 2015	ĐĐT	0,93				25.056,000	17.915,040	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
60	Đường ngõ xóm thôn 2 (0,81)	Xã Krông Ana	Năm 2015	ĐĐT	0,81				15.876,000	11.351,340	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
61	Đường Phạm Văn Đồng	Xã Krông Ana	Năm 2015	ĐĐT	0,22				4.370,800	3.125,122	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
62	Đường Nguyễn Du	Xã Krông Ana	Năm 2015	ĐĐT	4,51				233.965,200	167.285,118	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
63	Đường Tôn Thất Tùng	Xã Krông Ana	Năm 2015	ĐĐT	0,30				5.880,000	4.204,200	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
64	Đường Nguyễn Thượng Hiền(Từ Đường Hùng Vương đến Cuối đường)	Xã Krông Ana	Năm 2015	ĐĐT	0,56				11.034,800	7.889,882	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
65	Đường Đào Tấn	Xã Krông Ana	Năm 2015	ĐĐT	0,18				3.606,400	2.578,576	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
66	Đường Ngô Thị Nhậm	Xã Krông Ana	Năm 2015	ĐĐT	0,84				16.424,800	11.743,732	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
67	Đường Phan Bội Châu	Xã Krông Ana	Năm 2015	ĐĐT	1,05				28.377,000	20.289,555	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
68	Đường A Ma Khê	Xã Krông Ana	Năm 2015	ĐĐT	0,24				4.762,800	3.405,402	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
69	Đường Nguyễn Thị Minh Khai	Xã Krông Ana	Năm 2015	ĐĐT	0,22				4.370,800	3.125,122	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
70	Đường Cao Thắng	Xã Krông Ana	Năm 2015	ĐĐT	0,65				12.700,800	9.081,072	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
71	Đường Nguyễn Bình Khiêm	Xã Krông Ana	Năm 2015	ĐĐT	0,26				5.135,200	3.671,668	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản

STT	Tài sản (Chỉ tiết theo từng loại tài sản)	Địa chỉ	Năm đưa vào sử dụng	Loại/cấp/hạng	Số lượng/Chiều dài (Km)	Diện tích (m2)			Giá trị (triệu đồng)		Tình trạng sử dụng của tài sản	Hình thức xử lý	Lý do xử lý
						Đất	Sàn sử dụng nhà	Cầu	Nguyên giá	Giá trị còn lại (đến 31/12/2024)			
(1)	(2)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)
72	Đường Bà Triệu	Xã Krông Ana	Năm 2015	ĐĐT	0,15				2.940,000	2.102,100	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
73	Đường Võ Văn Kiệt	Xã Krông Ana	Năm 2015	ĐĐT	0,41				8.036,000	5.745,740	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
74	Đường Âm Jao	Xã Krông Ana	Năm 2015	ĐĐT	0,64				12.465,600	8.912,904	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
75	Đường Trần Quý Cáp	Xã Krông Ana	Năm 2015	ĐĐT	0,55				10.780,000	7.707,700	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
76	Đường Hoàng Văn Thụ	Xã Krông Ana	Năm 2015	ĐĐT	0,88				17.248,000	12.332,320	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
77	Đường Võ Nguyễn Giáp	Xã Krông Ana	Năm 2015	ĐĐT	0,48				9.310,000	6.656,650	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
78	Đường Ô Ất	Xã Krông Ana	Năm 2015	ĐĐT	0,21				4.037,600	2.886,884	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
79	Đường Lê Hồng Phong	Xã Krông Ana	Năm 2015	ĐĐT	0,55				14.715,000	10.521,225	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
C	Cầu đường bộ và các công trình phụ trợ cầu đường bộ; tài sản, thiết bị chuyên dùng phục vụ riêng biệt cho cầu đường bộ			ĐĐT	0,13			350,00	23.623	18.898			
1	Cầu Buôn Trấp trên đường Nơ Trang Gùh do SGTVT đầu tư trước đây	Xã Krông Ana	Năm 2015	BTCT	0,13			350,00	23.623	18.898	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
XXXXX. Xã Krông Bông													
A. Điều chuyển tài sản đường huyện về cho xã quản lý													
01	Điều chuyển tài sản do chuyển tuyến đường huyện (ĐH- Đường Hòa Sơn - Khuê Ngọc Điền) thành đường xã (ĐX.01 - Đường Hòa Sơn - Krông Bông)				2,71				52.782,59	38.423,16			
	Đường Hòa Sơn - Krông Bông	Xã Krông Bông	Năm 2013	Cấp IV	2,71				52.782,594	38.423,162	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
B. Điều chuyển tài sản đường đô thị về cho xã quản lý													
01	Đường Nam Cao xã Krông Bông	xã Krông Bông	Năm 2022	ĐĐT	0,28				2.794,177	2.584,614	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
02	Đường Đinh Núp xã Krông Bông	xã Krông Bông	Năm 2022	ĐĐT	0,43				831,278	768,932	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
03	Đường 30/4 TDP 3, xã Krông Bông	xã Krông Bông	Năm 2024	ĐĐT	0,38				900,000	877,500	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
04	Đường 30/4 (Đoạn từ nhà ông Nguyễn Thái đến nút giao tỉnh lộ 9)	xã Krông Bông	Năm 2020	ĐĐT	0,52				900,000	778,500	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
05	Đường Tôn Thất Tùng	xã Krông Bông	Năm 2023	ĐĐT	0,35				426,748	405,411	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
06	Đường Ama Pui xã Krông Bông	xã Krông Bông	Năm 2023	ĐĐT	0,17				350,000	332,500	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
07	Đường Y Thuyền Ksor	xã Krông Bông	Năm 2016	ĐĐT	0,40				500,000	372,500	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
08	Đường xã Krông Bông các trục: Lê Lai, Lê Quý Đôn, Võ văn Kiệt	xã Krông Bông	Năm 2023	ĐĐT	0,43				472,000	448,400	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
09	Đường vào khu nghĩa địa tổ dân phố 4 xã Krông Bông	xã Krông Bông	Năm 2021	ĐĐT	0,47				700,000	626,500	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
10	Đường vào suối Thanh Niên xã Krông Bông	xã Krông Bông	Năm 2020	ĐĐT	0,41				700,000	605,500	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
11	Đường Y Ôn, xã Krông Bông	xã Krông Bông	Năm 2020	ĐĐT	0,33				589,140	509,606	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
12	Đường A Ma Thao tổ dân phố 7, xã Krông Bông	xã Krông Bông	Năm 2019	ĐĐT	0,17				257,346	214,884	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
13	Đường Y Thuyền Ksor TDP 3, xã Krông Bông	xã Krông Bông	Năm 2019	ĐĐT	0,18				257,346	214,884	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
XXXXXI. Xã Krông Búk													
01	Điều chuyển tài sản do chuyển tuyến đường huyện (ĐH.04- Đường huyện Quốc lộ 14 đi huyện Krông Năng) thành đường xã (ĐX.01a - Đường giao thông liên xã từ Quốc lộ 14 xã Krông Búk đi xã Diê Ya)				4,00				57.600,000	41.184,000			
	Đường giao thông liên xã từ Quốc lộ 14 xã Krông Búk đi xã Diê Ya	Xã Krông Búk	Năm 2008	Cấp IV miền núi	4,00				57.600,000	41.184,000	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
XXXXXII. Xã Krông Năng													
A. Điều chuyển tài sản đường huyện về cho xã quản lý													

STT	Tài sản <i>(Chỉ tiết theo từng loại tài sản)</i>	Địa chỉ	Năm đưa vào sử dụng	Loại/cấp/hạng	Số lượng/Chiều dài (Km)	Diện tích (m2)			Giá trị (triệu đồng)		Tình trạng sử dụng của tài sản	Hình thức xử lý	Lý do xử lý
						Đất	Sàn sử dụng nhà	Cầu	Nguyên giá	Giá trị còn lại (đến 31/12/2024)			
(1)	(2)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)
01	Điều chuyển tài sản do chuyển tuyến đường huyện (DH.113 - Km0+00 tại Cầu đập Đông Hồ (giao với đường Hùng Vương) đến Công chào thông Tân Nam, xã Ea Tóh)) thành đường xã (ĐX.K01 - Đường giao thông từ Cầu đập Đông Hồ (giao với đường Hùng Vương) đến Công chào thông Tân Nam, xã Diê Ya)				8,10				35.145,900	30.401,203			
	Đường giao thông từ Cầu đập Đông Hồ (giao với đường Hùng Vương) đến Công chào thông Tân Nam, xã Diê Ya	Xã Krông Năng	2020	Cấp IV miền núi	8,10				35.145,900	30.401,203	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
02	Điều chuyển tài sản do chuyển tuyến đường huyện (DH.111-Km0+00 tại Ngã tư Ea Hồ (giao với Km 171+200 Quốc lộ 29) đến Ngã ba thôn Quảng An xã Ea Hồ giáp ranh xã Ea Tóh)) thành đường xã (ĐX.K02 - Đường giao thông từ Ngã tư Ea Hồ (giao với Km 171+200 Quốc lộ 29) đến giáp ranh xã xã Diê Ya)				6,20				10.836,470	4.822,229			
	Đường giao thông từ Ngã tư Ea Hồ (giao với Km 171+200 Quốc lộ 29) đến giáp ranh xã xã Diê Ya	Xã Krông Năng	2006	Cấp IV miền núi	6,20				10.836,470	4.822,229	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
03	Điều chuyển tài sản do chuyển tuyến đường huyện (ĐH 119 - Km 0+00 tại Km 170+500 Quốc lộ 29, xã Ea Hồ đến Ranh giới xã Phú Xuân)) thành đường xã (ĐX.K03 - Đường giao thông Quốc lộ 29, xã Ea Hồ đến Ranh giới xã Phú Xuân)				3,80				6.635,066	4.744,072			
	Đường giao thông Quốc lộ 29, xã Ea Hồ đến Ranh giới xã Phú Xuân	Xã Krông Năng	Năm 2015	Cấp V miền núi	3,80				6.635,066	4.744,072	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
04	Điều chuyển tài sản do chuyển tuyến đường huyện (DH.122 - Km0+00 tại Ngã tư Ea Hồ (giao với Km 171+200 Quốc lộ 29) đến giáp ranh với xã Ea Drông, thị xã Buôn Hồ)) thành đường xã (ĐX.K04 - Đường giao thông từ Quốc lộ 29 đến giáp ranh với xã Ea Drông)				3,40				14.990,000	14.615,250			
	Đường giao thông từ Quốc lộ 29 đến giáp ranh với xã Ea Drông	Xã Krông Năng	Năm 2024	Cấp IV miền núi	3,40				14.990,000	14.615,250	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
05	Điều chuyển tài sản do chuyển tuyến đường huyện (ĐH.124 (Km0+00 tại Công trần Đập Đà Lạt đến công đập Buôn Cú giáp xã Phú Xuân)) đến giáp ranh với xã Ea Drông, thị xã Buôn Hồ)) thành đường xã (ĐX.K05 - Đường giao thông từ Công trần Đập Đà Lạt đến công đập Buôn Cú giáp ranh xã Phú Xuân)				4,12				12.788,414	11.061,978			
	Đường giao thông từ Công trần Đập Đà Lạt đến công đập Buôn Cú giáp ranh xã Phú Xuân	Xã Krông Năng	Năm 2020	Cấp V miền núi	4,12				12.788,414	11.061,978	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
06	Điều chuyển tài sản do chuyển tuyến đường huyện (DH.125 (Km0+00 giao đường Y Wang đến giáp ranh xã Phú Xuân)) đến giáp ranh với xã Ea Drông, thị xã Buôn Hồ)) thành đường xã (ĐX.K05 - Đường giao thông từ Y Wang, xã Krông Năng đến giáp ranh xã Phú Xuân)				0,68				3.978,000	3.878,550			
	Đường giao thông từ Y Wang, xã Krông Năng đến giáp ranh xã Phú Xuân	Xã Krông Năng	Năm 2024	Cấp IV miền núi	0,68				3.978,000	3.878,550	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản

B. Điều chuyển tài sản đường đô thị về cho xã quản lý

01	Đường Võ Thị Sáu	Xã Krông Năng	Năm 2013	ĐĐT	0,45				1.821,920	1.193,358	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
02	Phan Chu Trinh	Xã Krông Năng	Năm 2024	ĐĐT	2,10				14.980,000	14.605,500	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
03	Phan Đăng Lưu	Xã Krông Năng	Năm 2023	ĐĐT	2,30				15.590,000	14.810,500	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
04	Lê Thánh Tông	Xã Krông Năng	Năm 2020	ĐĐT	3,20				11.020,000	9.532,300	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
05	Đường Nguyễn Du	Xã Krông Năng	Năm 2019	ĐĐT	0,89				836,930	698,837	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
06	Đường Ngô Quyền	Xã Krông Năng	Năm 2020	ĐĐT	1,63				11.100,060	9.601,552	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
07	Đường Phan Đình Phùng	Xã Krông Năng	Năm 2019	ĐĐT	0,98				12.000,000	11.700,000	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
08	Đường Huỳnh Thúc Kháng	Xã Krông Năng	Năm 2024	ĐĐT	0,93				10.000,000	9.750,000	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
09	Đường Nguyễn Viết Xuân	Xã Krông Năng	Năm 2024	ĐĐT	0,70				800,000	780,000	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
10	Đường Tôn Đức Thắng	Xã Krông Năng	Năm 2020	ĐĐT	1,57				25.591,000	22.136,215	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
11	Đường Lê Duẩn	Xã Krông Năng	Năm 2015	ĐĐT	0,78				12.714,000	9.090,510	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản

STT	Tài sản <i>(Chỉ tiết theo từng loại tài sản)</i>	Địa chỉ	Năm đưa vào sử dụng	Loại/cấp/hạng	Số lượng/Chiều dài (Km)	Diện tích (m2)			Giá trị (triệu đồng)		Tình trạng sử dụng của tài sản	Hình thức xử lý	Lý do xử lý
						Đất	Sàn sử dụng nhà	Cầu	Nguyên giá	Giá trị còn lại (đến 31/12/2024)			
(1)	(2)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)
12	Đường Trần Hưng Đạo	Xã Krông Năng	Năm 2020	ĐĐT	2,30				37.490,000	32.428,850	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
13	Đường Nơ Trang Long	Xã Krông Năng	Năm 2011	ĐĐT	0,90				3.371,463	2.006,020	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
14	Đường Hùng Vương	Xã Krông Năng	Năm 2018	ĐĐT	1,00				10.000,000	8.050,000	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
15	Đường Tuệ Tĩnh	Xã Krông Năng	Năm 2020	ĐĐT	0,86				14.018,000	12.125,570	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
16	Đường Phan Bội Châu	Xã Krông Năng	Năm 2020	ĐĐT	0,70				11.410,000	9.869,650	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
17	Đường số 4 (Nhà ông Chắt)	Xã Krông Năng	Năm 2015	ĐĐT	0,22				250,000	178,750	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
18	Đường Trần Phú	Xã Krông Năng	Năm 2015	ĐĐT	0,72				1.257,170	898,877	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
19	Đường Nguyễn Văn Trỗi	Xã Krông Năng	Năm 2020	ĐĐT	0,80				2.996,856	2.592,280	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
20	Đường Y Jút	Xã Krông Năng	Năm 2020	ĐĐT	0,45				7.335,000	6.344,775	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
21	Đường Trần Cao Văn	Xã Krông Năng	Năm 2018	ĐĐT	0,30				523,821	421,676	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
22	Đường Y Nuê	Xã Krông Năng	Năm 2018	ĐĐT	0,45				785,732	632,514	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
XXXXXIII. Xã Krông Nô													
01	Điều chuyển tài sản do chuyển tuyến đường huyện (ĐH.132 - Đường vào bến đò Liêng Krăk) thành đường xã (ĐX.KRN 01 - Đường vào bến đò Liêng Krăk)				9,50				155.242,400	110.998,316			
	Đường vào bến đò Liêng Krăk	Xã Krông Nô	Năm 2015	V	9,50				155.242,400	110.998,316	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
XXXXXIV. Xã Krông Pắc													
A. Điều chuyển tài sản đường huyện về cho xã quản lý													
01	Điều chuyển tài sản do chuyển tuyến đường huyện (ĐH.06.01 - Đường GT từ xã Ea Yông huyện Krông Pắc đi xã Bình Thuận, TX Buôn Hồ) thành đường xã (ĐX.06.01 - Đường xã Krông Pắc 01)				6,50				11.841,673	11.249,589			
	Đường xã Krông Pắc 01	Xã Krông Pắc	Năm 2023	Cấp IV miền núi	6,50				11.841,673	11.249,589	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
B. Điều chuyển tài sản đường đô thị về cho xã quản lý													
01	Đường Ngô Tất Tố (Lê Hồng Phong đến Lê Đại Hành)	Xã Krông Pắc	Năm 2015	ĐĐT	0,40				6.520,000	4.661,800	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
02	Đường Tú Xương (Trần Phú Đền cà phê Tân Hiệp)	Xã Krông Pắc	Năm 2023	ĐĐT	0,75				1.023,098	971,943	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
03	Đường Nguyễn Viết Xuân (từ Quang Trung đến Nguyễn Chí Thanh)	Xã Krông Pắc	Năm 2018	ĐĐT	0,90				2.160,000	1.738,800	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
04	Đường Nguyễn Đình Chiểu (đoạn từ Trần Phú đến Lê Lợi)	Xã Krông Pắc	Năm 2020	ĐĐT	0,18				704,118	609,062	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
05	Đường Nguyễn Thượng Thuật (Nguyễn Thượng Hiền Đền Giải Phóng)	Xã Krông Pắc	Năm 2015	ĐĐT	0,44				7.172,000	5.127,980	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
06	Nguyễn Chí Thanh (Trần Phú Nơ Trang Long)	Xã Krông Pắc	Năm 2018	ĐĐT	3,33				1.900,039	1.529,531	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
07	Đường Đào Duy Từ (y yut đến Tú Xương)	Xã Krông Pắc	Năm 2018	ĐĐT	0,94				4.241,409	3.414,334	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
08	Đường Hùng Vương (Giải Phóng Đền Lý Thường Kiệt)	Xã Krông Pắc	Năm 2011	ĐĐT	0,13				146,729	87,304	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
09	Duơng Nguyễn Trung Trực (Trần Hưng Đạo đến Hoàng Hoa Thám)	Xã Krông Pắc	Năm 2012	ĐĐT	0,31				510,635	319,147	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
10	Đường Hồ Xuân Hương (Nguyễn Hữu Thọ đến Lê lai)	Xã Krông Pắc	Năm 2015	ĐĐT	0,58				9.454,000	6.759,610	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
11	Đường Phan Đình Giót	Xã Krông Pắc	Năm 2011	ĐĐT	0,15				119,143	70,890	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
12	Đường Nơ Trang Long (đoạn giải Phóng giáp ruộng ea Yong)	Xã Krông Pắc	Năm 2018	ĐĐT	1,74				11.471,578	9.234,620	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
13	Đường Lê Trọng Tấn (Quang Trung đến Phan Bội Châu)	Xã Krông Pắc	Năm 2015	ĐĐT	0,21				3.423,000	2.447,445	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
14	Đường Mạc Đình Chi (Giải Phóng đến Lê Hồng Phong)	Xã Krông Pắc	Năm 2010	ĐĐT	0,59				1.159,168	654,930	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
15	Đường Nguyễn Thông (Quang Trung đến Nguyễn Trãi)	Xã Krông Pắc	Năm 2015	ĐĐT	0,10				1.630,000	1.165,450	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
16	Đường Điện Biên Phủ (Lê Duẩn đến Nguyễn Chí Thanh)	Xã Krông Pắc	Năm 2011	ĐĐT	0,19				352,026	209,455	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản

STT	Tài sản <i>(Chỉ liệt theo từng loại tài sản)</i>	Địa chỉ	Năm đưa vào sử dụng	Loại/cấp/hạng	Số lượng/Chiều dài (Km)	Diện tích (m2)			Giá trị (triệu đồng)		Tình trạng sử dụng của tài sản	Hình thức xử lý	Lý do xử lý
						Đất	Sàn sử dụng nhà	Cầu	Nguyên giá	Giá trị còn lại (đến 31/12/2024)			
(1)	(2)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)
17	Đường Lý Tự Trọng (Xô viết Nghệ Tĩnh đến Mạc Thị Bưởi)	Xã Krông Pắc	Năm 2012	ĐĐT	0,19				299,340	187,088	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
18	Đường Nguyễn Lương Bằng (Trần Hưng Đạo đến Lê Hồng Phong)	Xã Krông Pắc	Năm 2014	ĐĐT	0,62				913,563	625,791	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
19	Đường Phan Ảnh (đoạn từ Hoàng Hoa Thám đến Ngô thị Nhậm(	Xã Krông Pắc	Năm 2018	ĐĐT	0,25				559,440	450,349	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
20	Đường Tổng Duy Tân(Trần Hưng Đạo đến Ngô Tất Tố)	Xã Krông Pắc	Năm 2015	ĐĐT	0,87				14.099,500	10.081,143	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
21	Đường Nguyễn Hữu Thọ (Y Wang đến Ngô thị Nhậm)	Xã Krông Pắc	Năm 2014	ĐĐT	0,32				654,551	448,367	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
22	Đường Ngô Đức Kế(Hoàng Hoa thám Đến Trần Hưng Đạo)	Xã Krông Pắc	Năm 2015	ĐĐT	0,34				5.542,000	3.962,530	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
23	Đường Kỳ Đồng(đoạn từ Trần Hưng Đạo đến Ngô Đức Kế)	Xã Krông Pắc	Năm 2020	ĐĐT	0,20				384,000	332,160	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
24	Đường Trần Xuân Soạn	Xã Krông Pắc	Năm 2015	ĐĐT	0,31				5.053,000	3.612,895	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
25	Đường Lê Thị Riêng (42 Trần Phú Đến Lê Lợi)	Xã Krông Pắc	Năm 2015	ĐĐT	0,21				3.423,000	2.447,445	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
26	Đường Trần Bình Trọng (Lê Duẩn đến Nguyễn Chí Thanh)	Xã Krông Pắc	Năm 2015	ĐĐT	0,21				3.341,500	2.389,173	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
27	Đường Kỳ Đồng(Trần Hưng Đạo đến Ngô Đức Kế)	Xã Krông Pắc	Năm 2020	ĐĐT	0,21				601,000	519,865	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
28	Đường Tô Đoàn (Y jut đến ngô Quyền)	Xã Krông Pắc	Năm 2015	ĐĐT	0,38				6.194,000	4.428,710	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
29	Đường Lê Lợi (Lê duẩn đến Y jut)	Xã Krông Pắc	Năm 2010	ĐĐT	1,38				2.215,163	1.251,567	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
30	Đường Lê Đại Hành (Nơ trang Long đến Nguyễn an Ninh)	Xã Krông Pắc	Năm 2010	ĐĐT	0,89				1.393,658	787,417	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
31	Đường Khu dân Cư số 6 (Nơ trang Long đến Giải Phóng)	Xã Krông Pắc	Năm 2015	ĐĐT	0,21				3.423,000	2.447,445	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
32	Nguyễn Văn Trỗi (Giải Phóng đường Vành Đai)	Xã Krông Pắc	Năm 2020	ĐĐT	1,10				13.346,007	11.544,296	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
33	Lê Hồng Phong (đoạn từ Giải phóng đến Ngô Thị Nhậm)	Xã Krông Pắc	Năm 2014	ĐĐT	0,60				857,941	587,690	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
34	Trần Phú (đoạn từ Y Jut đến Quảng trường Tân An)	Xã Krông Pắc	Năm 2024	ĐĐT	1,26				10.000,000	9.750,000	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
35	Lý Thường Kiệt (đoạn từ Lê Duẩn đến Phan Chu Trinh)	Xã Krông Pắc	Năm 2024	ĐĐT	0,61				2.768,420	2.699,209	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
36	Kha Vạn Cản (Đoạn từ Nguyễn An đến Lương Bằng)	Xã Krông Pắc	Năm 2014	ĐĐT	0,47				1.194,973	818,557	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
37	Đoàn Thị Điểm (đoạn từ Thái Phiên đến Hoàng Hoa Thám)	Xã Krông Pắc	Năm 2014	ĐĐT	1,10				1.179,058	807,655	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
38	Nguyễn Trãi (Từ Lê Duẩn đến Âu Cơ)	Xã Krông Pắc	Năm 2023	ĐĐT	0,19				306,667	291,333	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
39	Hoàng Hoa Thám thị trấn Phước An	Xã Krông Pắc	Năm 2023	ĐĐT	1,05				3.102,203	2.947,093	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
40	Hoàng Văn Thụ (đoạn từ Hoàng Hoa Thám Đến Ngô Thị Nhậm)	Xã Krông Pắc	Năm 2024	ĐĐT	0,60				320,000	312,000	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
41	Ngô Thị Nhậm (đoạn từ Hoàng Vưn Thu Đến Trần Hưng Đạo)	Xã Krông Pắc	Năm 2023	ĐĐT	0,25				300,000	285,000	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
42	Hà Huy Giáp (đoạn từ Nguyễn An Nin h đến Nguyễn Lương Bằng)	Xã Krông Pắc	Năm 2014	ĐĐT	1,07				1.163,232	796,814	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
43	Bùi Thị Xuân (đoạn từ Giải Phóng đến Nguyễn Chí Thanh)	Xã Krông Pắc	Năm 2006	ĐĐT	0,73				1.007,000	448,115	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
44	Phan Huy Chú (Nguyễn Văn Trỗi đến vào dân)	Xã Krông Pắc	Năm 2021	ĐĐT	0,73				1.828,328	1.636,354	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
45	Nguyễn Thượng Hiền TDP 14(Đoạn Trần Hưng Đạo đến Hoàng Hoa Thám)	Xã Krông Pắc	Năm 2024	ĐĐT	0,56				699,809	682,314	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
46	Phạm Ngũ Lão (đoạn từ Giải Phóng đến Nguyễn Thị Minh Khai)	Xã Krông Pắc	Năm 2024	ĐĐT	0,14				190,000	185,250	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
47	Lương Thế Vinh (từ Lê Duẩn đến Nguyễn Đình Chiểu)	Xã Krông Pắc	Năm 2022	ĐĐT	0,18				350,000	323,750	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
48	Lê Quý Đôn (đoạn từ Giải Phóng đến Nguyễn Chí Thanh)	Xã Krông Pắc	Năm 2022	ĐĐT	0,10				175,000	161,875	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
49	Tô Ký (đoạn từ Trần Hưng Đạo đến Kha Vạn Cản)	Xã Krông Pắc	Năm 2015	ĐĐT	0,38				858,718	613,983	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản

STT	Tài sản <i>(Chỉ tiết theo từng loại tài sản)</i>	Địa chỉ	Năm đưa vào sử dụng	Loại/cấp/hạng	Số lượng/Chiều dài (Km)	Diện tích (m2)			Giá trị (triệu đồng)		Tình trạng sử dụng của tài sản	Hình thức xử lý	Lý do xử lý
						Đất	Sàn sử dụng nhà	Cầu	Nguyên giá	Giá trị còn lại (đến 31/12/2024)			
(1)	(2)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)
50	Võ Thị Sáu (đoạn từ Giải Phóng đến Nguyễn Thị Minh Khai)	Xã Krông Pắc	Năm 2024	ĐĐT	0,15				411,030	400,755	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
51	Nguyễn Tri Phương Từ Hoàng Hoa Thám đến Khu dân cư TDP 14)	Xã Krông Pắc	Năm 2015	ĐĐT	0,60				1.900,332	1.358,737	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
52	Tôn Thất Tùng (đoạn từ Trần Phú đến Đào Duy Từ)	Xã Krông Pắc	Năm 2014	ĐĐT	0,34				708,500	485,323	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
53	Nguyễn Thị Minh khai (đoạn từ Lê Duẩn đến Nguyễn Văn Trỗi)	Xã Krông Pắc	Năm 2022	ĐĐT	0,70				6.042,844	5.589,631	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
54	Trương Công Định (đoạn Hoàng Hoa Thám đến cánh đồng TPD 14)	Xã Krông Pắc	Năm 2011	ĐĐT	0,82				2.503,718	1.489,712	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
55	Tân Đà (đoạn từ quảng trường đến Lê Lợi)	Xã Krông Pắc	Năm 2014	ĐĐT	0,29				909,914	623,291	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
56	Trần Quý Cáp (đoạn từ Giải Phóng đến vào khu dân cư TDP 9)	Xã Krông Pắc	Năm 2022	ĐĐT	0,25				1.481,689	1.370,562	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
57	Bình Thới (đoạn từ Hoàng Hoa Thám đến Ngô Thị nhậm)	Xã Krông Pắc	Năm 2014	ĐĐT	0,26				447,010	306,202	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
58	Tuệ Tĩnh (đoạn Giải Phóng đến Trương Công Định)	Xã Krông Pắc	Năm 2022	ĐĐT	0,18				320,000	296,000	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
59	Cao Thắng (Đoạn Từ Quang Trung đến Nguyễn Lương Bằng)	Xã Krông Pắc	Năm 2014	ĐĐT	0,64				1.039,887	712,323	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
60	Lê Lai (đoạn từ Giải Phóng Hoàng Hoa Thám)	Xã Krông Pắc	Năm 2022	ĐĐT	0,85				3.268,962	3.023,790	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
61	Đào Tấn (đoạn từ Huỳnh Thúc Khán đến Tô Ký)	Xã Krông Pắc	Năm 2014	ĐĐT	0,86				746,044	511,040	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
62	Đường Phạm Ngọc Thạch (đoạn từ Y wang đến Ngô Thị Nhậm)	Xã Krông Pắc	Năm 2020	ĐĐT	0,32				750,000	648,750	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
63	Nguyễn Thị Định (đoạn từ quang Trung vào Khu dân cư TDP11)	Xã Krông Pắc	Năm 2014	ĐĐT	0,54				1.463,320	1.002,374	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
64	Huỳnh Thúc Kháng (đoạn từ trần Hưng Đạo đến Cao Bá Quát)	Xã Krông Pắc	Năm 2014	ĐĐT	0,17				376,731	258,061	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
65	Tô Hiến Thành (đoạn Nguyễn Thị minh Khai đến Nguyễn Trường Tộ)	Xã Krông Pắc	Năm 2024	ĐĐT	0,40				9.756,554	9.512,640	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
66	Đoàn Văn Bơ (đoạn từ Ngô quyền đến Y Jut)	Xã Krông Pắc	Năm 2020	ĐĐT	0,56				1.220,000	1.055,300	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
67	Nguyễn Bình Khiêm (Từ Nơ trang Long đến quang trung)	Xã Krông Pắc	Năm 2021	ĐĐT	0,65				1.722,608	1.541,734	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
68	Đường Cô Giang (đoạn giải Phóng đến Trương Công Định)	Xã Krông Pắc	Năm 2023	ĐĐT	0,29				291,250	276,688	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
69	Trần Nào (đoạn từ giải Phóng đến Lý thường Kiệt)	Xã Krông Pắc	Năm 2022	ĐĐT	0,18				173,333	160,333	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
70	Nguyễn Du (đoạn từ Nơ Trang Long đến Mạc đình Chi)	Xã Krông Pắc	Năm 2020	ĐĐT	0,65				1.132,753	979,831	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
71	Đường Khánh Hội (đoạn từ Trương Công Định đến Lê Lai)	Xã Krông Pắc	Năm 2022	ĐĐT	0,21				370,831	343,019	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
72	Nguyễn An Ninh (đoạn từ Lê Hồng Phong đến THCS Thị Trấn)	Xã Krông Pắc	Năm 2014	ĐĐT	0,65				1.185,154	811,830	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
73	Trần Khánh Dư (đoạn từ Bùi Thị Xuân đến Ruộng giáp suối)	Xã Krông Pắc	Năm 2018	ĐĐT	0,26				1.006,630	810,337	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
74	Ấu cơ (đoạn từ Lý Thường Kiệt đến Bùi Thị Xuân)	Xã Krông Pắc	Năm 2015	ĐĐT	0,32				890,043	636,381	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
75	Lê Thánh Tông (đoạn từ Nguyễn Viết Xuân đến Nguyễn Chí Thanh)	Xã Krông Pắc	Năm 2024	ĐĐT	0,39				877,561	855,622	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
76	Giang Văn Minh(đoạn từ Bùi Thị Xuân đến Suối e Yông)	Xã Krông Pắc	Năm 2021	ĐĐT	0,38				875,000	783,125	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
77	Đình Công Tráng (đoạn từ Lê Duẩn đến Mạc Đình Chi)	Xã Krông Pắc	Năm 2023	ĐĐT	0,78				1.601,202	1.521,142	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
78	Lê Đức Thọ (đoạn từ quang Trung đến Nguyễn An Ninh)	Xã Krông Pắc	Năm 2018	ĐĐT	0,26				371,000	298,655	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
79	Đường Hồ Tùng Mậu (Nguyễn Trường Tộ đến Ngô Mây)	Xã Krông Pắc	Năm 2015	ĐĐT	0,85				13.855,000	9.906,325	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
80	Đường Nguyễn Văn Trỗi	Xã Krông Pắc	Năm 2020	ĐĐT	1,10				7.446,000	6.440,790	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
81	Đường Y wang (Trần Hưng Đạo đến Lê Hồng Phong)	Xã Krông Pắc	Năm 2018	ĐĐT	1,13				2.475,082	1.992,441	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
82	Đường Nguyễn Trường Tộ (Lê Duẩn Đến Nguyễn Văn Trỗi)	Xã Krông Pắc	Năm 2008	ĐĐT	1,05				2.999,339	1.514,666	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản

STT	Tài sản <i>(Chỉ tiết theo từng loại tài sản)</i>	Địa chỉ	Năm đưa vào sử dụng	Loại/cấp/hạng	Số lượng/Chiều dài (Km)	Diện tích (m2)			Giá trị (triệu đồng)		Tình trạng sử dụng của tài sản	Hình thức xử lý	Lý do xử lý
						Đất	Sàn sử dụng nhà	Cầu	Nguyên giá	Giá trị còn lại (đến 31/12/2024)			
(1)	(2)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)
83	Đường Văn Cao (Trần Hưng Đạo đến Hoàng Văn Thụ)	Xã Krông Pắc	Năm 2015	ĐĐT	0,21				3.341,500	2.389,173	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
84	Đường Nguyễn Viết Xuân (Quang Trung đến Nguyễn Chí Thanh)	Xã Krông Pắc	Năm 2023	ĐĐT	0,90				496,347	471,530	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
85	Đường Nguyễn Văn Dũng (Lê hồng Phong đến Nguyễn Chí Thanh)	Xã Krông Pắc	Năm 2015	ĐĐT	0,54				8.802,000	6.293,430	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
86	Đường Đinh Tiên Hoàng (đoạn từ Y yut đến Quảng Trường)	Xã Krông Pắc	Năm 2023	ĐĐT	0,86				5.341,446	5.074,374	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
87	Đường Bế Chương Dương(Y Yut đến Ngõ Quyền)	Xã Krông Pắc	Năm 2015	ĐĐT	0,38				6.194,000	4.428,710	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
88	Đường Phan Chu Trinh (đoạn từ Chu Văn An đến Trần Khánh Dư)	Xã Krông Pắc	Năm 2023	ĐĐT	0,57				1.880,231	1.786,219	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
89	Đường Khu đô thị Đông Bắc	Xã Krông Pắc	Năm 2015	ĐĐT	1,92				31.296,000	22.376,640	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
90	Đường Nguyễn Văn Bé (Quang Trung đến Lê đại Hành)	Xã Krông Pắc	Năm 2015	ĐĐT	0,23				3.749,000	2.680,535	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
91	Đường Lê Quốc Hưng (Giải Phóng Đến Trương Công Định)	Xã Krông Pắc	Năm 2015	ĐĐT	0,40				6.520,000	4.661,800	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
92	Đường An Dương Vương (Mai Xuân Thưởng đến Ngõ Đức Kê)	Xã Krông Pắc	Năm 2015	ĐĐT	0,34				5.542,000	3.962,530	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
93	Đường Thủ Khoa Huân (Quang Trung đến Lê Đại Hành)	Xã Krông Pắc	Năm 2008	ĐĐT	0,22				3.504,500	2.505,718	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
94	Đường Trương Nữ Vương (Lê Hồng Phong đến Nơ Trang Long)	Xã Krông Pắc	Năm 2015	ĐĐT	0,30				4.890,000	3.496,350	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
95	Đường Cao Bá Quát (Giải Phóng đến Quang Trung)	Xã Krông Pắc	Năm 2011	ĐĐT	0,28				314,327	187,025	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
96	Đường Nguyễn Oanh (Lê hồng Phong Đến Nguyễn Chí thanh)	Xã Krông Pắc	Năm 2015	ĐĐT	0,54				8.802,000	6.293,430	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
97	Đường Nguyễn Biểu (Trần Hưng Đạo đến Lê Hồng Phong)	Xã Krông Pắc	Năm 2005	ĐĐT	0,80				13.040,000	9.323,600	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
98	Đường Ngõ Chí Quốc (Ngõ Đức Kế đến YWang)	Xã Krông Pắc	Năm 2005	ĐĐT	0,48				7.824,000	5.594,160	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
99	Đường Thái Phiên (Đoàn Thị Điểm đến Nguyễn Thượng Hiền)	Xã Krông Pắc	Năm 2015	ĐĐT	0,34				5.542,000	3.962,530	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
100	Đường Lê Ngọc Thạch (Giải phóng đến Phan Huy Chú)	Xã Krông Pắc	Năm 2005	ĐĐT	0,42				6.846,000	4.894,890	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
101	Đường Nguyễn Văn Công (Nguyễn An Ninh Đến Đào chính Nhất)	Xã Krông Pắc	Năm 2015	ĐĐT	0,32				5.216,000	3.729,440	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
102	Đường Võ Đức Tấn (YWang đến Ngõ Thị Nhậm)	Xã Krông Pắc	Năm 2015	ĐĐT	0,32				5.216,000	3.729,440	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
103	Đường Mai Xuân Thưởng(Trần Hưng Đạo Đến Hoàng Hoa Thám)	Xã Krông Pắc	Năm 2012	ĐĐT	0,45				981,796	613,623	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
104	Đường Lê văn Linh (Nguyễn Trường Tộ đến Ngõ mây)	Xã Krông Pắc	Năm 2015	ĐĐT	0,70				11.410,000	8.158,150	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
105	Đường Quang Trung (Trần Hưng Đạo đến Nguyễn CHÍ thanh)	Xã Krông Pắc	Năm 2022	ĐĐT	1,40				22.954,799	21.233,189	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
106	Đường Xuân Thuý	Xã Krông Pắc	Năm 2015	ĐĐT	0,30				4.890,000	3.496,350	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
107	Đường A Ma Thao (Phan Chu Trinh đến giáp suối)	Xã Krông Pắc	Năm 2015	ĐĐT	0,41				6.683,000	4.778,345	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
108	Đường Lý Thái Tổ (Bùi Thị Xuân đến Giáp Suối)	Xã Krông Pắc	Năm 2015	ĐĐT	0,31				5.053,000	3.612,895	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
109	Đường Đinh Tiên Hoàng (Y Yut đến Quảng Trường)	Xã Krông Pắc	Năm 2010	ĐĐT	0,87				2.641,806	1.492,620	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
110	Đường Tô Ngọc Vân (hẻm 89 Giải Phóng)	Xã Krông Pắc	Năm 2015	ĐĐT	0,25				4.075,000	2.913,625	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
111	Đường Phan Bội Châu (đoạn Giải Phóng Đến Quang Trung)	Xã Krông Pắc	Năm 2023	ĐĐT	0,24				1.282,807	1.218,667	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
112	Đường Phú Châu (Quang Trung đến Nguyễn Văn Công)	Xã Krông Pắc	Năm 2015	ĐĐT	0,43				7.009,000	5.011,435	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
113	Đường Mạc Thị Bưởi (Lê Duẩn đến Nơ Trang Long)	Xã Krông Pắc	Năm 2015	ĐĐT	0,26				4.238,000	3.030,170	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
114	Đường Lê Duẩn (đoạn từ Nguyễn Trường Tộ đến Nguyễn Chí Thanh)	Xã Krông Pắc	Năm 2021	ĐĐT	2,20				6.210,136	5.558,072	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
115	Đường Đào Chính Nhất (Trần Hưng Đạo đến Kha Cản)	Xã Krông Pắc	Năm 2015	ĐĐT	0,42				6.846,000	4.894,890	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản

STT	Tài sản <i>(Chỉ tiết theo từng loại tài sản)</i>	Địa chỉ	Năm đưa vào sử dụng	Loại/cấp/hạng	Số lượng/Chiều dài (Km)	Diện tích (m2)			Giá trị (triệu đồng)		Tình trạng sử dụng của tài sản	Hình thức xử lý	Lý do xử lý
						Đất	Sàn sử dụng nhà	Cầu	Nguyên giá	Giá trị còn lại (đến 31/12/2024)			
(1)	(2)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)
116	Đường Chu Văn An (Nguyễn Chí Thanh đến Ngõ Quyền)	Xã Krông Pắc	Năm 2012	ĐĐT	0,53				7.926,160	4.953,850	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
XXXXXV. Xã Liên Sơn Lắc													
A. Điều chuyển tài sản đường huyện về cho xã quản lý													
01	Điều chuyển tài sản do chuyển tuyến đường huyện (ĐH.127_Đường liên xã Liên Sơn - Đăk Liêng - Đăk Phơi) thành đường xã (ĐX.LS.01- Đường xã Liên Sơn Lắc 01)				0,84				14.384,373	7.923,462			
	Đường xã Liên Sơn Lắc 01	Xã Liên Sơn Lắc	Năm 2015	Cấp V miền núi	0,84				14.384,373	7.923,462	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
02	Điều chuyển tài sản do chuyển tuyến đường huyện (ĐH.133_Đường liên xã Yang Tao - Đăk Liêng) thành đường xã (ĐX.LS.02- Đường xã Liên Sơn Lắc 02)				5,50				13.259,348	11.867,116			
	Đường xã Liên Sơn Lắc 02	Xã Liên Sơn Lắc	Năm 2021	Cấp V miền núi	5,50				13.259,348	11.867,116	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
B. Điều chuyển tài sản đường đô thị về cho xã quản lý													
01	Nơ Trang Long	Xã Liên Sơn Lắc	Năm 2021	ĐĐT	0,66				11.836,936	8.657,618	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
02	Y Ngông	Xã Liên Sơn Lắc	Năm 2015	ĐĐT	1,08				17.604,000	12.586,860	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
03	Tôn Thất Tùng	Xã Liên Sơn Lắc	Năm 2015	ĐĐT	0,26				5.134,642	3.805,765	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
04	Trần Phú	Xã Liên Sơn Lắc	Năm 2015	ĐĐT	0,30				4.890,000	3.496,350	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
05	Hùng Vương	Xã Liên Sơn Lắc	Năm 2015	ĐĐT	0,41				6.683,000	4.778,345	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
06	Nguyễn Văn Trỗi	Xã Liên Sơn Lắc	Năm 2015	ĐĐT	0,15				2.445,000	1.748,175	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
07	Nguyễn Thị Minh Khai	Xã Liên Sơn Lắc	Năm 2015	ĐĐT	0,42				7.947,531	5.847,714	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
08	Nguyễn Du	Xã Liên Sơn Lắc	Năm 2015	ĐĐT	0,12				1.956,000	1.398,540	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
09	Phan Bội Châu	Xã Liên Sơn Lắc	Năm 2015	ĐĐT	0,12				1.956,000	1.398,540	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
10	Âu Cơ	Xã Liên Sơn Lắc	Năm 2015	ĐĐT	2,76				44.988,000	32.166,420	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
11	Nguyễn Huệ	Xã Liên Sơn Lắc	Năm 2015	ĐĐT	0,76				12.388,000	8.857,420	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
12	Hồ Xuân Hương	Xã Liên Sơn Lắc	Năm 2015	ĐĐT	0,34				5.542,000	3.962,530	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
13	Võ Thị Sáu	Xã Liên Sơn Lắc	Năm 2015	ĐĐT	0,09				1.467,000	1.048,905	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
14	Chu Văn An 1	Xã Liên Sơn Lắc	Năm 2015	ĐĐT	0,36				5.868,000	4.195,620	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
15	Chu Văn An 2	Xã Liên Sơn Lắc	Năm 2015	ĐĐT	0,29				4.727,000	3.379,805	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
16	Nơ Trang Gưh	Xã Liên Sơn Lắc	Năm 2015	ĐĐT	1,06				17.774,959	12.783,639	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
17	Nguyễn Đình Chiểu	Xã Liên Sơn Lắc	Năm 2015	ĐĐT	1,65				28.272,992	20.421,888	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
18	Lương Thế Vinh	Xã Liên Sơn Lắc	Năm 2015	ĐĐT	0,80				13.040,000	9.323,600	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
19	Bùi Thị Xuân	Xã Liên Sơn Lắc	Năm 2015	ĐĐT	0,49				7.987,000	5.710,705	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
20	Tô Hiệu	Xã Liên Sơn Lắc	Năm 2015	ĐĐT	0,87				14.181,000	10.139,415	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
21	Nguyễn Trung Trực	Xã Liên Sơn Lắc	Năm 2015	ĐĐT	0,19				3.097,000	2.214,355	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
22	Lê Hồng Phong	Xã Liên Sơn Lắc	Năm 2015	ĐĐT	0,33				5.379,000	3.845,985	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
23	Lạc Long Quân	Xã Liên Sơn Lắc	Năm 2015	ĐĐT	0,18				2.934,000	2.097,810	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
24	Hai Bà Trưng	Xã Liên Sơn Lắc	Năm 2015	ĐĐT	0,18				2.934,000	2.097,810	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
25	Ngõ Quyền	Xã Liên Sơn Lắc	Năm 2015	ĐĐT	0,36				6.791,186	4.994,176	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
26	Bà Triệu	Xã Liên Sơn Lắc	Năm 2015	ĐĐT	0,16				2.608,000	1.864,720	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản

STT	Tài sản (Chỉ tiết theo từng loại tài sản)	Địa chỉ	Năm đưa vào sử dụng	Loại/cấp/hạng	Số lượng/Chiều dài (Km)	Diện tích (m2)			Giá trị (triệu đồng)		Tình trạng sử dụng của tài sản	Hình thức xử lý	Lý do xử lý	
						Đất	Sàn sử dụng nhà	Cầu	Nguyên giá	Giá trị còn lại (đến 31/12/2024)				
(1)	(2)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	
27	Nguyễn Trãi	Xã Liên Sơn Lắc	Năm 2015	ĐBT	0,07				1.141,000	815,815	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản	
28	Lê Lai	Xã Liên Sơn Lắc	Năm 2015	ĐBT	0,18				2.934,000	2.097,810	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản	
29	Trần Bình Trọng	Xã Liên Sơn Lắc	Năm 2015	ĐBT	0,12				2.519,548	1.886,009	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản	
30	Đình Tiên Hoàng	Xã Liên Sơn Lắc	Năm 2015	ĐBT	0,64				10.432,000	7.458,880	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản	
31	Điện Biên Phủ	Xã Liên Sơn Lắc	Năm 2015	ĐBT	0,78				12.714,000	9.090,510	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản	
32	Y Jut	Xã Liên Sơn Lắc	Năm 2015	ĐBT	1,21				19.723,000	14.101,945	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản	
33	Lê Quý Đôn	Xã Liên Sơn Lắc	Năm 2015	ĐBT	0,25				4.075,000	2.913,625	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản	
34	Nguyễn Công Trứ	Xã Liên Sơn Lắc	Năm 2015	ĐBT	0,13				2.119,000	1.515,085	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản	
XXXXXXVI. Xã M'Drắk														
A. Điều chuyển tài sản đường huyện về cho xã quản lý														
01	Điều chuyển tài sản do chuyển tuyến đường huyện (ĐH.Đường huyện (Đường huyện từ Trường Sơn Đông đến Tỉnh lộ 13)(Đoạn Km 0 - Km0+300)) thành đường xã (ĐX.01a - Đường Trường Sơn Đông đến tỉnh lộ 13 xã M'Drắk)					0,30				4.920,000	3.517,800			
	Đường Trường Sơn Đông đến tỉnh lộ 13 xã M'Drắk		Xã M'Drắk	Trước Năm 2015	Cấp V miền núi	0,30				4.920,000	3.517,800	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
02	Điều chuyển tài sản do chuyển tuyến đường huyện (ĐH.Đường huyện (Đường huyện từ Trường Sơn Đông đến Tỉnh lộ 13)(Đoạn Km 0 - Km0+300)) thành đường xã (ĐX.01a - Đường Trường Sơn Đông đến tỉnh lộ 13 xã M'Drắk)					3,75				61.500,000	43.972,500			
	Đường Trường Sơn Đông đến tỉnh lộ 13 xã M'Drắk		Xã M'Drắk	Trước Năm 2015	Cấp V miền núi	3,75				61.500,000	43.972,500	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
B. Điều chuyển tài sản đường đô thị về cho xã quản lý														
01	Đường Quang Trung		Xã M'Drắk	Năm 2015	ĐBT	1,24				20.212,000	14.151,580	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
02	Đường Nguyễn Trãi		Xã M'Drắk	Năm 2015	ĐBT	0,50				8.150,000	5.827,250	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
03	Đường Hùng Vương		Xã M'Drắk	Năm 2013	ĐBT	0,20				4.256,213	2.787,820	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
04	Đường Lê Lợi TDP 2		Xã M'Drắk	Năm 2015	ĐBT	0,17				2.697,650	1.928,820	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
05	Đường Bà Triệu		Xã M'Drắk	Năm 2015	ĐBT	0,12				2.030,980	1.452,151	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
06	Đường Giải Phóng		Xã M'Drắk	Năm 2015	ĐBT	0,36				5.884,300	4.207,275	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
07	Đường Ngô Quyền kéo dài (cuối đường ngô quyền vào chân núi)		Xã M'Drắk	Năm 2015	ĐBT	2,11				34.409,300	24.602,650	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
08	Đường Ngô Quyền kéo dài (cuối đường ngô quyền vào chân núi)		Xã M'Drắk	Năm 2015	ĐBT	0,29				4.727,000	3.379,805	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
09	Đường An Dương Vương thị trấn MĐrắk (TDP 9)		Xã M'Drắk	Năm 2015	ĐBT	0,37				6.079,900	4.347,129	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
10	Đường Hùng Vương kéo dài (từ nhà ông sanh đến đường phan bội châu)		Xã M'Drắk	Năm 2015	ĐBT	0,35				5.705,000	4.079,075	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
11	Đường Ngô Quyền		Xã M'Drắk	Năm 2015	ĐBT	0,51				8.296,700	5.932,141	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
12	Đường Phan Bội Châu		Xã M'Drắk	Năm 2015	ĐBT	1,84				29.926,800	21.397,662	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
13	Đường Lý Thường Kiệt		Xã M'Drắk	Năm 2015	ĐBT	0,50				8.172,820	5.843,566	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
14	Đường Trần Phú		Xã M'Drắk	Năm 2015	ĐBT	0,13				2.119,000	1.515,085	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
15	Đường Nguyễn Trãi nối dài		Xã M'Drắk	Năm 2015	ĐBT	0,10				1.630,000	1.165,450	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
XXXXXXVII. Xã Nam Ka														
01	Điều chuyển tài sản do chuyển tuyến đường huyện (ĐH.131- Đường Liên xã Nam Ka - Ea Rbín) thành đường xã (ĐX.NK.01- Đường xã Nam Ka 01)					26,82			195,00	353.660,355	118.779,286			
01.1	Phần đường và các công trình phụ trợ gắn liền với đường (kể cả cầu có chiều dài dưới 25m)													

STT	Tài sản <i>(Chỉ tiết theo từng loại tài sản)</i>	Địa chỉ	Năm đưa vào sử dụng	Loại/cấp/hạng	Số lượng/Chiều dài (Km)	Diện tích (m2)			Giá trị (triệu đồng)		Tình trạng sử dụng của tài sản	Hình thức xử lý	Lý do xử lý
						Đất	Sàn sử dụng nhà	Cầu	Nguyên giá	Giá trị còn lại (đến 31/12/2024)			
(1)	(2)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)
	Đường xã Nam Ka 01	Xã Nam Ka	Năm 2015	Cấp V miền núi	26,79				347.030,355	115.232,236	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
01.2	Cầu đường bộ và các công trình phụ trợ cầu đường bộ; tài sản, thiết bị chuyên dùng phục vụ riêng biệt cho cầu đường bộ												
	Cầu Km11+700	Xã Nam Ka	Năm 2019		0,03			195,00	6.630,000	3.547,050	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
XXXXXVIII. Xã Ô Loan													
01	Điều chuyển tài sản do chuyển tuyến đường huyện (ĐH.34 -An Hiệp - An Lành) thành đường xã (ĐX.34 - Đoạn từ Quốc lộ 1 đến điểm giáp xã Tuy An Tây)				7,30				114.133,336	72.597,261			
	Đoạn từ Quốc lộ 1 đến điểm giáp xã Tuy An Tây	Xã Ô Loan	Năm 2012	Cấp IV	7,30				114.133,336	72.597,261	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
02	Điều chuyển tài sản do chuyển tuyến đường huyện (ĐH.35- An Ninh Đông - An Cư) thành đường xã (ĐX.35- Đoạn từ cầu Long Phú đến điểm giáp xã Tuy An Đông)				6,39			5.634,00	195.592,125	130.517,657			
02.1	Phần đường và các công trình phụ trợ gắn liền với đường (kể cả cầu có chiều dài dưới 25m)												
	Đoạn từ cầu Long Phú đến điểm giáp xã Tuy An Đông	Xã Ô Loan	Năm 2010	Cấp IV	5,20				73.840,000	41.719,600	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
02.2	Cầu đường bộ và các công trình phụ trợ cầu đường bộ; tài sản, thiết bị chuyên dùng phục vụ riêng biệt cho cầu đường bộ												
	Cầu Phú Long	Xã Ô Loan	Năm 2013	BTCT	1,19			5.634,00	121.752,125	88.798,057	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
03	Điều chuyển tài sản do chuyển tuyến đường huyện (ĐH.36 -An Cư - An Hiệp - An Hòa Hải) thành đường xã (ĐX.36 - An Cư - An Hiệp - An Hòa Hải)				10,60				152.251,244	23.470,082			
	An Cư - An Hiệp - An Hòa Hải	Xã Ô Loan	Năm 1996	Cấp IV	10,60				152.251,244	23.470,082	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
XXXXXXIX. Xã Phú Hòa 1													
A. Điều chuyển tài sản đường huyện về cho xã quản lý													
01	Điều chuyển tài sản do chuyển tuyến đường huyện (ĐH.21 - Đường Giao thông từ Quốc lộ 25 đi thành phố Tuy Hòa) thành đường xã (ĐX.21 - Đường Giao thông từ Quốc lộ 25 đến Cao tốc Bắc Nam (thôn Phú Ân))				1,15				8.625,000	6.468,750			
	Đường Giao thông từ Quốc lộ 25 đến Cao tốc Bắc Nam (thôn Phú Ân)	Xã Phú Hòa 1	Năm 2013	Cấp V	1,15				8.625,000	6.468,750	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
02	Điều chuyển tài sản do chuyển tuyến đường huyện (ĐH.22B - Đường Giao thông từ khu phố Định Thọ 1 đến thôn Mậu Lâm Bắc) thành đường xã (ĐX.22B - Đường Giao thông từ Khu phố Định Thọ 1 đến thôn Định Thọ Thái)				0,90				6.375,000	4.781,250			
	Đường Giao thông từ Khu phố Định Thọ 1 đến thôn Định Thọ Thái	Xã Phú Hòa 1	Năm 2013	Cấp VI	0,90				6.375,000	4.781,250	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
03	Điều chuyển tài sản do chuyển tuyến đường huyện (ĐH.24 - Đường Giao thông từ Quốc lộ 25 đến thôn Phụng Tường 1, xã Hòa Trị) thành đường xã (ĐX.24 - Đường Giao thông từ Quốc lộ 25 đến Gò Tơ, thôn Đông Lộc)				0,83				11.786,000	8.839,500			
	Đường Giao thông từ Quốc lộ 25 đến Gò Tơ, thôn Đông Lộc	Xã Phú Hòa 1	Năm 2013	Cấp V	0,83				11.786,000	8.839,500	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
04	Điều chuyển tài sản do chuyển tuyến đường huyện (ĐH.25 - Đường Giao thông từ Bờ Kè thôn Phong Niên đến thôn Mậu Lâm Bắc) thành đường xã (ĐX.25 - Đường Giao thông từ Bờ kè thôn Phong Niên đến thôn Định Thành)				3,01				42.742,000	32.056,500			
	Đường Giao thông từ Bờ kè thôn Phong Niên đến thôn Định Thành	Xã Phú Hòa 1	Năm 2013	Cấp V	3,01				42.742,000	32.056,500	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
05	Điều chuyển tài sản do chuyển tuyến đường huyện (ĐH.27 - Đường Giao thông từ Quốc lộ 25 đến Cao tốc Bắc Nam) thành đường xã (ĐX.27 - Đường Giao thông từ Quốc lộ 25 đến Cao tốc Bắc Nam)				5,70				42.750,000	32.062,500			
	Đường Giao thông từ Quốc lộ 25 đến Cao tốc Bắc Nam	Xã Phú Hòa 1	Năm 2013	Cấp VI	5,70				42.750,000	32.062,500	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
06	Điều chuyển tài sản do chuyển tuyến đường huyện (ĐH.28 - Đường Giao thông từ Quốc lộ 25 đến thôn Long Phụng) thành đường xã (ĐX.28 - Đường Giao thông từ Quốc lộ 25 đến thôn Định Thành)				3,20				24.000,000	18.000,000			
	Đường Giao thông từ Quốc lộ 25 đến thôn Định Thành	Xã Phú Hòa 1	Năm 2013	Cấp V	3,20				24.000,000	18.000,000	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
07	Điều chuyển tài sản do chuyển tuyến đường huyện (ĐH.29 - Đường Giao thông từ thôn Định Thọ 1 đến thôn Long Phụng) thành đường xã (ĐX.29 - Đường Giao thông từ thôn Định Thọ 1 đến thôn Định Thọ Thái)				3,78				28.350,000	21262,500			

STT	Tài sản <i>(Chỉ tiết theo từng loại tài sản)</i>	Địa chỉ	Năm đưa vào sử dụng	Loại/cấp/hạng	Số lượng/ Chiều dài (Km)	Diện tích (m2)			Giá trị (triệu đồng)		Tình trạng sử dụng của tài sản	Hình thức xử lý	Lý do xử lý
						Đất	Sàn sử dụng nhà	Cầu	Nguyên giá	Giá trị còn lại (đến 31/12/2024)			
(1)	(2)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)
	Đường Giao thông từ thôn Định Thọ 1 đến thôn Định Thọ Thái	Xã Phú Hòa 1	Năm 2013	Cấp VI	3,78				28.350,000	21262,500	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
08	Điều chuyển tài sản do chuyển tuyến đường huyện (ĐH.30 - Đường Giao thông từ Đập đồng cam thôn Phong Hậu đến thôn Nhất Sơn) thành đường xã (ĐX.30 - Đường Giao thông từ Đập đồng cam thôn Phong Hậu đến thôn Nhất Sơn)				5,60				79.520,000	59640,000			
	Đường Giao thông từ Đập đồng cam thôn Phong Hậu đến thôn Nhất Sơn	Xã Phú Hòa 1	Năm 2013	Cấp V	5,60				79.520,000	59640,000	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
B. Điều chuyển tài sản đường đô thị về cho xã quản lý													
01	Đường Võ Nguyên Giáp (Đường Đông - Tây)	Xã Phú Hòa 1	Năm 2012	ĐĐT	1,10				47.520,000	35640,000	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
02	Đường Trần Hào (Đường Bắc - Nam)	Xã Phú Hòa 1	Năm 2012	ĐĐT	0,88				38.059,200	28544,400	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
03	Đường Cao Các (Đường G48 - G62 (R3A)	Xã Phú Hòa 1	Năm 2012	ĐĐT	1,74				75.168,000	56376,000	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
04	Đường Trần Suyền (Đường G7 - G48 (Đường Bao phía Đông)	Xã Phú Hòa 1	Năm 2012	ĐĐT	0,73				31.536,000	23652,000	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
05	Đường G1 - G62 (đường Bao phía Bắc R2B)	Xã Phú Hòa 1	Năm 2012	ĐĐT	1,10				24.750,000	18562,500	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
06	Đường Nguyễn Thế Bảo (Đường R1)	Xã Phú Hòa 1	Năm 2012	ĐĐT	0,54				12.195,000	8719,425	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
07	Đường Trần Rền (đường R4)	Xã Phú Hòa 1	Năm 2012	ĐĐT	0,65				14.512,500	10376,438	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
08	Đường Đặng Thế Vĩ (đường R9)	Xã Phú Hòa 1	Năm 2012	ĐĐT	0,54				12.150,000	8687,250	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
09	Đường Lương Phụng Tường (đường R10)	Xã Phú Hòa 1	Năm 2012	ĐĐT	0,30				4.841,100	3461,387	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
10	Đường Lương Văn Cương (đường R13)	Xã Phú Hòa 1	Năm 2012	ĐĐT	0,12				1.882,483	1741,297	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
11	Đường Phan Lưu Thanh (đường R14)	Xã Phú Hòa 1	Năm 2012	ĐĐT	0,46				10.372,500	7416,338	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
12	Đường Dương Văn Khoa (đường R16)	Xã Phú Hòa 1	Năm 2012	ĐĐT	0,35				5.705,000	4079,075	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
13	Đường Nguyễn Công Nhân (đường R18)	Xã Phú Hòa 1	Năm 2012	ĐĐT	0,68				15.322,500	10955,588	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
14	Đường Đào Tấn Tú (đường R19)	Xã Phú Hòa 1	Năm 2012	ĐĐT	0,22				3.586,000	2563,990	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
15	Đường Võ Thượng Hải (đường R20)	Xã Phú Hòa 1	Năm 2012	ĐĐT	0,22				3.586,000	2563,990	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
16	Đường Nguyễn Quang Huy (QH11,5m, khu dân cư N07)	Xã Phú Hòa 1	Năm 2012	ĐĐT	0,29				4.727,000	3379,805	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
17	Đường Lương Văn Trục (QH11,5m, khu dân cư N09)	Xã Phú Hòa 1	Năm 2012	ĐĐT	0,18				2.901,400	2074,501	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
18	Đường QH11,5m, khu dân cư N09	Xã Phú Hòa 1	Năm 2012	ĐĐT	0,23				3.716,400	2657,226	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
19	Đường Lê Thông (QH11,5m, khu dân cư N09)	Xã Phú Hòa 1	Năm 2012	ĐĐT	0,32				5.232,300	3741,095	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
XXXXXX. Xã Phú Hòa 2													
01	Điều chuyển tài sản do chuyển tuyến đường huyện (ĐH.22 - Đường Giao thông từ QL25 đi thôn Thạnh Lâm, xã Hòa Quang Bắc) thành đường xã (ĐX.22 - Đường giao thông từ Cao tốc Bắc Nam, thôn Phụng Tường 1 đến thôn Thạnh Lâm)				7,20				102.240,000	76.680,000			
	Đường giao thông từ Cao tốc Bắc Nam, thôn Phụng Tường 1 đến thôn Thạnh Lâm	Xã Phú Hòa 2	Năm 2013	Cấp V	7,20				102.240,000	76.680,000	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
02	Điều chuyển tài sản do chuyển tuyến đường huyện (ĐH.22B - Đường Giao thông từ khu phố Định Thọ 1 đến thôn Mậu Lâm Bắc) thành đường xã (ĐX.22B - Đường giao thông từ thôn Mậu Lâm Bắc đến thôn Quang Hưng)				3,23				24.225,000	18.168,750			
	Đường giao thông từ thôn Mậu Lâm Bắc đến thôn Quang Hưng	Xã Phú Hòa 2	Năm 2013	Cấp VI	3,23				24.225,000	18.168,750	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
03	Điều chuyển tài sản do chuyển tuyến đường huyện (ĐH.24 - Đường Giao thông từ Quốc lộ 25 đến thôn Phụng Tường 1, xã Hòa Trị) thành đường xã (ĐX.24 - Đường Giao thông từ thôn Phụng Tường 1 đến Gò Tơ, thôn Phụng Tường 1)				2,27				32.234,000	24.175,500			
	Đường Giao thông từ thôn Phụng Tường 1 đến Gò Tơ, thôn Phụng Tường 1	Xã Phú Hòa 2	Năm 2013	Cấp V	2,27				32.234,000	24.175,500	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản

STT	Tài sản <i>(Chỉ tiết theo từng loại tài sản)</i>	Địa chỉ	Năm đưa vào sử dụng	Loại/cấp/hạng	Số lượng/Chiều dài (Km)	Diện tích (m2)			Giá trị (triệu đồng)		Tình trạng sử dụng của tài sản	Hình thức xử lý	Lý do xử lý
						Đất	Sàn sử dụng nhà	Cầu	Nguyên giá	Giá trị còn lại (đến 31/12/2024)			
(1)	(2)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)
04	Điều chuyển tài sản do chuyển tuyến đường huyện (ĐH.25 - Đường Giao thông từ Bờ Kê thôn Phong Niên đến thôn Mậu Lâm Bắc) thành đường xã (ĐX.25 - Đường Giao thông từ thôn Mậu Lâm Bắc đến thôn Đại Bình)				2,82				40.044,000	30.033,000			
	Đường Giao thông từ thôn Mậu Lâm Bắc đến thôn Đại Bình	Xã Phú Hòa 2	Năm 2013	Cấp V	2,82				40.044,000	30.033,000	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
05	Điều chuyển tài sản do chuyển tuyến đường huyện (ĐH.25B - Đường Giao thông từ thôn Cẩm Sơn, xã Hòa Quang Bắc đến thôn Mậu Lâm Bắc, xã Hòa Quang Bắc) thành đường xã (ĐX.25B - Đường Giao thông từ thôn Cẩm Sơn đến thôn Mậu Lâm Bắc)				3,30				46.860,000	35.145,000			
	Đường Giao thông từ thôn Cẩm Sơn đến thôn Mậu Lâm Bắc	Xã Phú Hòa 2	Năm 2013	Cấp V	3,30				46.860,000	35.145,000	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
06	Điều chuyển tài sản do chuyển tuyến đường huyện (ĐH.26 - Đường giao thông từ thôn Long Phụng, xã Hòa Trĩ đến thôn Phụng Tường 2, xã Hòa Trĩ) thành đường xã (ĐX.26 - Đường Giao thông từ thôn Long Phụng đến thôn Phụng Tường 2)				2,685			363,66	39.604,180	29.703,135			
6.1	Phần đường và các công trình phụ trợ gắn liền với đường (kể cả cầu có chiều dài dưới 25m)												
	Đường Giao thông từ thôn Long Phụng đến thôn Phụng Tường 2	Xã Phú Hòa 2	Năm 2013	Cấp V	2,20				31.240,000	23.430,000	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
6.2	Cầu đường bộ và các công trình phụ trợ cầu đường bộ; tài sản, thiết bị chuyên dùng phục vụ riêng biệt cho cầu đường bộ												
	Cầu Bến Lợi	Xã Phú Hòa 2	Năm 2013	BTCT	0,485			363,66	8.364,180	6.273,135	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
07	Điều chuyển tài sản do chuyển tuyến đường huyện (ĐH.28 - Đường Giao thông từ Quốc lộ 25 đến thôn Long Phụng) thành đường xã (ĐX.28 - Đường Giao thông từ thôn Đại Bình đến thôn Long Phụng)				5,20				39.000,000	29.250,000			
	Đường Giao thông từ thôn Đại Bình đến thôn Long Phụng	Xã Phú Hòa 2	Năm 2013	Cấp VI	5,20				39.000,000	29.250,000	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
8	Điều chuyển tài sản do chuyển tuyến đường huyện (ĐH.29 - Đường Giao thông từ thôn Long Phụng đến thôn Định Thọ 1) thành đường xã (ĐX.29 - Đường Giao thông thôn Long Phụng đến thôn Phú Thạnh)				13,86			242,00	106.216,00	79.662,00			
8.1	Phần đường và các công trình phụ trợ gắn liền với đường (kể cả cầu có chiều dài dưới 25m)												
	Đường Giao thông thôn Long Phụng đến thôn Phú Thạnh	Xã Phú Hòa 2	Năm 2013	Cấp VI	13,42				100.650,000	75.487,500	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
8.2	Cầu đường bộ và các công trình phụ trợ cầu đường bộ; tài sản, thiết bị chuyên dùng phục vụ riêng biệt cho cầu đường bộ												
	Cầu Đồng Hòa	Xã Phú Hòa 2	Năm 2013	BTCT	0,44			242,00	5.566,000	4.174,500	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
XXXXXXI. Xã Phú Mỹ													
01	Điều chuyển tài sản do chuyển tuyến đường huyện (ĐH.41 - Lãnh Văn - Phú Lợi) thành đường xã (ĐX.PM01 - Đường Phú Lợi - Phú Hải)				7,40				106.560,000	82.051,200			
	Đường Phú Lợi - Phú Hải	Xã Phú Mỹ	Năm 2013	Cấp V miền núi	7,40				106.560,000	82.051,200	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
02	Điều chuyển tài sản do chuyển tuyến đường huyện (ĐH.42 - La Hai - Đồng Hội) thành đường xã (ĐX.PM03 - Đường La Hai - Đồng Hội)				7,50				108.000,000	83.160,000			
	Đường La Hai - Đồng Hội	Xã Phú Mỹ	Năm 2013	Cấp IV miền núi	7,50				108.000,000	83.160,000	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
03	Điều chuyển tài sản do chuyển tuyến đường huyện (ĐH.49 - Phú Lợi - Phú Hải) thành đường xã (ĐX.PX03 - Đường Phú Lợi - Phú Hải)				7,64				110.016,000	84.712,320			
	Đường Phú Lợi - Phú Hải	Xã Phú Mỹ		Cấp V miền núi	7,64				110.016,000	84.712,320	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
XXXXXXII. Xã Phú Xuân													
01	Điều chuyển tài sản do chuyển tuyến đường huyện (ĐH.118 - Ngã ba Diệu Hóa, Phú Xuân (giao Km16+450 ĐT.699) đến giao ngã tư xã Ea Dăh (Km 153 +730, Quốc lộ 29) thành đường xã (ĐX.01P - Đường giao thông từ Quốc lộ 29 đi Ngã ba Diệu Hóa, xã Phú Xuân)				4,50			455,00	18.868,065	14.127,011			
01.1	Phần đường và các công trình phụ trợ gắn liền với đường (kể cả cầu có chiều dài dưới 25m)												
	ĐH.118 (Ngã ba Diệu Hóa, Phú Xuân (giao Km16+450 ĐT.699) đến giao ngã tư xã Ea Dăh (Km 153 +730, Quốc lộ 29))	Xã Phú Xuân	Năm 2014	Cấp V miền núi	4,43				5.508,210	3.773,124	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
01.2	Cầu đường bộ và các công trình phụ trợ cầu đường bộ; tài sản, thiết bị chuyên dùng phục vụ riêng biệt cho cầu đường bộ												
	Cầu Ea Dăh - Phú Xuân		Năm 2017		0,07			455,00	13.359,855	10.353,888	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản

STT	Tài sản <i>(Chỉ tiết theo từng loại tài sản)</i>	Địa chỉ	Năm đưa vào sử dụng	Loại/cấp/hạng	Số lượng/Chiều dài (Km)	Diện tích (m2)			Giá trị (triệu đồng)		Tình trạng sử dụng của tài sản	Hình thức xử lý	Lý do xử lý
						Đất	Sàn sử dụng nhà	Cầu	Nguyên giá	Giá trị còn lại (đến 31/12/2024)			
(1)	(2)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)
02	Điều chuyển tài sản do chuyển đoạn đường của tuyến đường huyện (ĐH.119 - (Giáp ranh Ea Hô) đến Ngã ba Phú Xuân giao với Km 19+800.ĐT.699) thành đường xã (ĐX.02P - Đường giao thông từ xã Krông Năng đến Ngã ba Phú Xuân giao với Km 19+800 tuyến ĐT.699)				3,10				5.412,817	3.870,164			
	Đường giao thông từ xã Krông Năng đến Ngã ba Phú Xuân giao với Km 19+800 tuyến ĐT.699	Xã Phú Xuân	Năm 2015	Cấp V miền núi	3,10				5.413	3.870	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
03	Điều chuyển tài sản do chuyển tuyến đường huyện (ĐH.123 - Ngã ba cây xăng Hoa Lánh (giao với Km 10+800 Tỉnh lộ 3) đến Giáp ranh Thôn 7, Ea Drông) thành đường xã (ĐX.P03 - Đường giao thông liên xã Phú Xuân đi xã Ea Drông)												
	Đường giao thông liên xã Phú Xuân đi xã Ea Drông	Xã Phú Xuân	Năm 2023	Cấp IV miền núi	1,70				4.668,319	4.434,903	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
4	Điều chuyển tài sản do chuyển đoạn đường của tuyến đường huyện (ĐH.124 - (Km 16 +500 Tỉnh lộ 3 đến cổng đập Buôn Cú giáp thôn Bình Minh, TT Krông Năng) thành đường xã (ĐX.04P - Đường giao thông từ Tỉnh lộ 3 đến cổng đập Buôn Cú giáp thôn Bình Minh, xã Krông Năng)				0,58				1.800,311	1.557,269			
	Đường giao thông từ Tỉnh lộ 3 đến cổng đập Buôn Cú giáp thôn Bình Minh, xã Krông Năng	Xã Phú Xuân	Năm 2020	Cấp V miền núi	0,58				1.800,311	1.557,269	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
05	Điều chuyển tài sản do chuyển đoạn đường của tuyến đường huyện (ĐH. 125 - ĐH.119 đến giáp ranh thị trấn Krông Năng) thành đường xã (ĐX.05P - Đường giao thông từ Tỉnh lộ 3 đến cổng đập Buôn Cú giáp thôn Bình Minh, xã Krông Năng)				0,32				1.872,000	1.825,200			
	Đường giao thông từ Tỉnh lộ 3 đến cổng đập Buôn Cú giáp thôn Bình Minh, xã Krông Năng	Xã Phú Xuân	Năm 2024	Cấp IV miền núi	0,32				1.872,000	1.825,200	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
06	Điều chuyển tài sản do chuyển đoạn đường của tuyến đường huyện (ĐH.114 - Cầu giáp ranh xã Tam Giang đến giáp ranh xã Ea Tam) thành đường xã (ĐX.06P - Cầu giáp ranh xã Tam Giang đến xã Phú Xuân)				4,10				14.731,993	14.363,693			
	Cầu giáp ranh xã Tam Giang đến xã Phú Xuân	Xã Phú Xuân	Năm 2024	Cấp IV miền núi	4,10				14.731,993	14.363,693	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
XXXXXXIII. Xã Pong Drang													
A. Điều chuyển tài sản đường huyện về cho xã quản lý													
01	Điều chuyển tài sản do chuyển tuyến đường huyện (ĐH. 01 - Quốc lộ 14 đi xã Tân Lập) thành đường xã (ĐX.01 - Quốc lộ 14 đi Quốc lộ 29)				3,533			214,50	56.788,800	40.603,992			
01.1	Phần đường và các công trình phụ trợ gần liên với đường (kể cả cầu có chiều dài dưới 25m)												
	Quốc lộ 14 đi Quốc lộ 29	Xã Pong Drang	2008	cấp IV miền núi	3,5				49.924,800	35.696,232	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
01.2	Cầu đường bộ và các công trình phụ trợ cầu đường bộ; tài sản, thiết bị chuyên dùng phục vụ riêng biệt cho cầu đường bộ												
	Cầu số 1 , lý trình Km1+400	Xã Pong Drang	2008	cấp IV miền núi	0,033			214,50	6.864,000	4.907,760	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
B. Điều chuyển tài sản đường đô thị về cho xã quản lý													
01	Đường A Ma Pui Tồ dân phố Tăng Mai	Xã Pong Drang	Năm 2017	ĐĐT	1,10				630,000	488,250	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
02	Đường Lương Thế Vinh Tồ dân phố 8	Xã Pong Drang	Năm 2017	ĐĐT	0,54				136,947	106,134	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
03	Đường Lạc Long Quân Tồ dân phố 14	Xã Pong Drang	Năm 2017	ĐĐT	0,54				424,987	329,365	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
04	Đường Trần Phú Tồ Dân Phố 10	Xã Pong Drang	Năm 2017	ĐĐT	0,36				275,260	213,327	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
05	Đường giao thông Tồ dân phố 2	Xã Pong Drang	Năm 2017	ĐĐT	0,38				28,902	22,399	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
06	Đường Cao Thắng - TDP Cư Blang	Xã Pong Drang	Năm 2017	ĐĐT	0,20				151,511	117,421	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
07	Đường Nơ Trang Long - TDP 2	Xã Pong Drang	Năm 2017	ĐĐT	0,29				218,870	169,624	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
08	Đường giao thông Tồ dân phố 11	Xã Pong Drang	Năm 2017	ĐĐT	0,11				82,419	63,875	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
09	Đường Y Ngông Ni ê Kdăm -TDP Cư Blang	Xã Pong Drang	Năm 2017	ĐĐT	0,25				188,599	146,164	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
11	Đường Nguyễn Đình Chiểu -TDP 7	Xã Pong Drang	Năm 2017	ĐĐT	0,18				137,001	106,176	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
12	Đường Trường Chinh -TDP 3	Xã Pong Drang	Năm 2017	ĐĐT	0,14				109,602	84,942	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
13	Đường Tôn Đức Thắng -TDP 2 và TDP 3	Xã Pong Drang	Năm 2017	ĐĐT	0,46				346,884	268,835	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản

STT	Tài sản <i>(Chỉ liệt theo từng loại tài sản)</i>	Địa chỉ	Năm đưa vào sử dụng	Loại/cấp/hạng	Số lượng/Chiều dài (Km)	Diện tích (m2)			Giá trị (triệu đồng)		Tình trạng sử dụng của tài sản	Hình thức xử lý	Lý do xử lý
						Đất	Sàn sử dụng nhà	Cầu	Nguyên giá	Giá trị còn lại (đến 31/12/2024)			
(1)	(2)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)
14	Đường giao thông Tô dân phố 16	Xã Pong Drang	Năm 2017	ĐĐT	0,11				82,592	64,009	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
15	Đường Mạc Đình Chi -TDP 3	Xã Pong Drang	Năm 2017	ĐĐT	0,12				85,000	65,875	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
16	Đường Lý Nam Đế - TDP 9	Xã Pong Drang	Năm 2017	ĐĐT	0,27				3888,000	3013,200	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
18	Đường Y Ngông Ni ê Kdâm -TDP Cư Blang	Xã Pong Drang	Năm 2017	ĐĐT	0,10				74,960	58,094	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
19	Đường Trần Nhân Tông -TDP 4	Xã Pong Drang	Năm 2017	ĐĐT	0,12				82,580	64,000	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
20	Đường Rơ Chăm Yon TDP Ea Nur	Xã Pong Drang	Năm 2017	ĐĐT	0,54				412,990	320,067	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
21	Đường Ngô Thị Thắm TDP 9	Xã Pong Drang	Năm 2017	ĐĐT	0,14				110,121	85,344	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
22	Đường Mai Xuân Thưởng và Lê Văn Tám - TDP 12	Xã Pong Drang	Năm 2017	ĐĐT	0,36				275,059	213,171	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
23	Đường Diên Hồng TDP 15	Xã Pong Drang	Năm 2018	ĐĐT	0,16				207,000	166,635	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
24	Đường giao thông Siu Bleh Tô dân phố Tăng Mai	Xã Pong Drang	Năm 2019	ĐĐT	0,15				204,787	170,997	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
25	Đường Y Ngông Niê Kdâm -TDP Cư Blang	Xã Pong Drang	Năm 2019	ĐĐT	0,17				299,000	249,665	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
26	Đường Ngô Gia Tự -TDP 13	Xã Pong Drang	Năm 2019	ĐĐT	0,15				252,736	211,035	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
27	Đường Trần Phú -TDP Ea Tút	Xã Pong Drang	Năm 2019	ĐĐT	0,37				567,333	473,723	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
28	Đường Diên Hồng TDP 15	Xã Pong Drang	Năm 2019	ĐĐT	0,26				346,638	289,443	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
29	Đường Y Don Niê - TDP Tăng Mai	Xã Pong Drang	Năm 2020	ĐĐT	0,14				184,762	159,819	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
30	Đường Trường Chinh -TDP 3	Xã Pong Drang	Năm 2020	ĐĐT	0,30				140,000	121,100	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
31	Đường Ngô Quyền -TDP 3	Xã Pong Drang	Năm 2020	ĐĐT	0,26				220,000	190,300	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
32	Đường Nguyễn Khuyến -TDP 12	Xã Pong Drang	Năm 2020	ĐĐT	0,30				139,923	121,033	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
33	Đường Hàm Nghi TDP 8	Xã Pong Drang	Năm 2020	ĐĐT	0,40				177,859	153,848	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
34	Đường Nguyễn Thái Học TDP 10	Xã Pong Drang	Năm 2020	ĐĐT	0,37				168,243	145,530	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
35	Đường giao thông TDP 14	Xã Pong Drang	Năm 2020	ĐĐT	0,37				163,581	141,498	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
36	Đường Thích Quảng Đức - TDP 15	Xã Pong Drang	Năm 2020	ĐĐT	0,24				285,632	247,072	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
37	Đường Lê Lợi TDP 12	Xã Pong Drang	Năm 2021	ĐĐT	0,23				227,542	203,650	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
38	Đường Huỳnh Thúc Kháng TDP 13	Xã Pong Drang	Năm 2021	ĐĐT	0,23				227,542	203,650	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
42	Đường A Ma Di Hao TDP 16	Xã Pong Drang	Năm 2021	ĐĐT	0,20				198,544	177,697	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
44	Đường A Ma Di Hao TDP 16	Xã Pong Drang	Năm 2021	ĐĐT	0,13				126,138	112,894	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
45	Đường Lý Thái Tổ TDP 13	Xã Pong Drang	Năm 2022	ĐĐT	0,28				265,805	245,870	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
46	Đường Hai Bà Trưng TDP Ea Tút	Xã Pong Drang	Năm 2022	ĐĐT	0,30				645,248	596,854	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
47	Đường giao thông Siu Bleh+Đào Tâm+Nguyễn An ninh Tô dân phố Tăng Mai	Xã Pong Drang	Năm 2023	ĐĐT	1,43				1094,556	1039,828	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
49	Đường Tô Hiến Thành TDP 2	Xã Pong Drang	Năm 2023	ĐĐT	0,09				130,000	123,500	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
50	Đường Xô Viết Nghệ Tĩnh - TDP Cư Blang	Xã Pong Drang	Năm 2017	ĐĐT	0,40				500,000	387,500	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
51	Phan Đăng Lưu	Xã Pong Drang	Năm 2024	ĐĐT	0,52				7488,000	5353,920	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
52	Đường giao thông TDP 15	Xã Pong Drang	Năm 2016	ĐĐT	0,35				80,000	59,600	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản

STT	Tài sản <i>(Chỉ liệt theo từng loại tài sản)</i>	Địa chỉ	Năm đưa vào sử dụng	Loại/cấp/hạng	Số lượng/Chiều dài (Km)	Diện tích (m2)			Giá trị (triệu đồng)		Tình trạng sử dụng của tài sản	Hình thức xử lý	Lý do xử lý
						Đất	Sàn sử dụng nhà	Cầu	Nguyên giá	Giá trị còn lại (đến 31/12/2024)			
(1)	(2)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)
53	Đường Nguyễn Chí Thanh TDP 11	Xã Pong Drang	Năm 2016	ĐĐT	0,55				340,000	253,300	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
54	Tổ Hữu	Xã Pong Drang	Năm 2024	ĐĐT	0,22				3168,000	2265,120	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
55	Đường Y Ngông Ní ê Kđrăm Cư Blang	Xã Pong Drang	Năm 2017	ĐĐT	0,56				570,000	441,750	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
56	Lê Đình Chính	Xã Pong Drang	Năm 2024	ĐĐT	0,68				9792,000	7001,280	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
59	Đường giao thông Siu Bleh+Ydon Niê	Xã Pong Drang	Năm 2017	ĐĐT	0,32				500,000	387,500	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
60	Phạm Hồng Thái	Xã Pong Drang	Năm 2024	ĐĐT	0,46				6624,000	4736,160	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
61	Đường Nguyễn Viết Xuân - TDP 10	Xã Pong Drang	Năm 2017	ĐĐT	0,70				1300,000	1007,500	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
63	Đường Võ Văn Kiệt- TDP Ea Tút	Xã Pong Drang	Năm 2017	ĐĐT	0,32				215,000	166,625	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
64	Phan Đình Phùng	Xã Pong Drang	Năm 2024	ĐĐT	0,53				7632,000	5456,880	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
65	Hồ Tùng Mậu	Xã Pong Drang	Năm 2024	ĐĐT	1,05				15120,000	10810,800	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
66	Đường Ngô Thị Thắm TDP 10	Xã Pong Drang	Năm 2017	ĐĐT	0,64				387,300	300,158	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
67	Trần Khánh Dư	Xã Pong Drang	Năm 2024	ĐĐT	0,14				2016,000	1441,440	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
68	Đường Trần Phú TDP 9	Xã Pong Drang	Năm 2017	ĐĐT	0,32				210,000	162,750	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
69	Đường Trần Nhật Duật -TDP Ea Nur	Xã Pong Drang	Năm 2017	ĐĐT	0,38				500,000	387,500	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
70	Lê Lợi - TDP 9	Xã Pong Drang	Năm 2024	ĐĐT	0,67				9648,000	6898,320	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
71	Võ Văn Kiệt	Xã Pong Drang	Năm 2024	ĐĐT	0,31				4464,000	3191,760	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
72	Đường Trần Đại Nghĩa - TDP 16	Xã Pong Drang	Năm 2017	ĐĐT	0,16				115,000	89,125	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
73	Nguyễn Xuân Nguyên	Xã Pong Drang	Năm 2024	ĐĐT	0,34				4896,000	3500,640	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
74	Lê Thị Hồng Gấm	Xã Pong Drang	Năm 2024	ĐĐT	0,24				3456,000	2471,040	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
75	Đường Thích Quảng Đức - TDP 15	Xã Pong Drang	Năm 2017	ĐĐT	1,00				802,000	621,550	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
76	Đường giao thông TDP 8	Xã Pong Drang	Năm 2018	ĐĐT	0,37				106,000	85,330	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
77	Phạm Hùng	Xã Pong Drang	Năm 2024	ĐĐT	0,78				11232,000	8030,880	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
78	Đường Lê Lợi -TDP 14	Xã Pong Drang	Năm 2017	ĐĐT	0,11				130,000	100,750	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
79	Nguyễn Lương Bằng	Xã Pong Drang	Năm 2024	ĐĐT	0,60				8640,000	6177,600	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
80	Đường Trường Chinh TDP 7+TDP 8	Xã Pong Drang	Năm 2018	ĐĐT	0,26				125,000	100,625	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
81	Đường Lê Văn Tám -TDP 13	Xã Pong Drang	Năm 2017	ĐĐT	0,30				232,000	179,800	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
82	Lê Vự	Xã Pong Drang	Năm 2024	ĐĐT	0,42				6048,000	4324,320	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
83	Mai Hắc Đế	Xã Pong Drang	Năm 2024	ĐĐT	0,60				8640,000	6177,600	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
84	Đường Hồ Xuân Hương -TDP 13	Xã Pong Drang	Năm 2017	ĐĐT	0,36				224,000	173,600	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
85	Đoàn Thị Điểm	Xã Pong Drang	Năm 2024	ĐĐT	0,50				7200,000	5148,000	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
86	Đường Đồng Khởi TDP 14	Xã Pong Drang	Năm 2017	ĐĐT	0,30				150,000	116,250	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
87	Đường Y Jút TDP Ea Nur	Xã Pong Drang	Năm 2018	ĐĐT	0,42				700,000	563,500	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
88	Lê Duẩn	Xã Pong Drang	Năm 2024	ĐĐT	1,40				20160,000	14414,400	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản

STT	Tài sản <i>(Chỉ liệt theo từng loại tài sản)</i>	Địa chỉ	Năm đưa vào sử dụng	Loại/cấp/hạng	Số lượng/Chiều dài (Km)	Diện tích (m2)			Giá trị (triệu đồng)		Tình trạng sử dụng của tài sản	Hình thức xử lý	Lý do xử lý
						Đất	Sàn sử dụng nhà	Cầu	Nguyên giá	Giá trị còn lại (đến 31/12/2024)			
(1)	(2)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)
89	Kim Đồng	Xã Pong Drang	Năm 2024	ĐĐT	0,25				3600,000	2574,000	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
90	Đường TDP 11	Xã Pong Drang	Năm 2019	ĐĐT	0,17				66,000	55,110	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
91	Lê Hồng Phong- TDP 6	Xã Pong Drang	Năm 2024	ĐĐT	0,97				13968,000	9987,120	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
92	Xô Viết Nghệ Tĩnh	Xã Pong Drang	Năm 2024	ĐĐT	0,98				14112,000	10090,080	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
93	Nguyễn Trường Tộ	Xã Pong Drang	Năm 2024	ĐĐT	0,20				2880,000	2059,200	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
94	Văn Cao	Xã Pong Drang	Năm 2024	ĐĐT	0,22				3168,000	2265,120	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
95	Đường Nguyễn Văn Linh -TDP 1	Xã Pong Drang	Năm 2019	ĐĐT	0,26				600,000	501,000	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
96	Nguyễn Hữu Thọ - TDP 9+10	Xã Pong Drang	Năm 2024	ĐĐT	1,02				14688,000	10.501,920	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
97	Đường Tô Hiến Thành -TDP 1	Xã Pong Drang	Năm 2019	ĐĐT	0,26				500,000	417,500	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
98	Nguyễn Thị Định	Xã Pong Drang	Năm 2024	ĐĐT	0,44				6336,000	4.530,240	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
99	Nguyễn Văn Trỗi	Xã Pong Drang	Năm 2024	ĐĐT	0,52				7488,000	5.353,920	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
100	Kpả Klong	Xã Pong Drang	Năm 2024	ĐĐT	0,77				11088,000	7.927,920	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
101	Đường Hồ Xuan Hương - TDP 2	Xã Pong Drang	Năm 2019	ĐĐT	0,34				102,000	85,170	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
102	Giải Phóng	Xã Pong Drang	Năm 2024	ĐĐT	0,42				6048,000	4.324,320	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
103	Ấu Cơ	Xã Pong Drang	Năm 2024	ĐĐT	0,60				8640,000	6.177,600	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
104	Nguyễn Cư Trinh -- TDP 13	Xã Pong Drang	Năm 2024	ĐĐT	0,32				4608,000	3.294,720	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
105	Nguyễn Văn Cừ	Xã Pong Drang	Năm 2024	ĐĐT	0,25				3600,000	2.574,000	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
106	Hoàng Diệu	Xã Pong Drang	Năm 2024	ĐĐT	0,76				10944,000	7.824,960	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
107	Nguyễn Tri Phương	Xã Pong Drang	Năm 2024	ĐĐT	0,21				3024,000	2.162,160	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
108	Bùi Thị Xuân	Xã Pong Drang	Năm 2024	ĐĐT	0,13				1872,000	1.338,480	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
109	Nguyễn Thị Minh Khai	Xã Pong Drang	Năm 2024	ĐĐT	0,68				9792,000	7.001,280	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
110	Tú Xương	Xã Pong Drang	Năm 2024	ĐĐT	0,29				4176,000	2.985,840	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
111	Phan Bội Châu	Xã Pong Drang	Năm 2024	ĐĐT	0,48				6912,000	4.942,080	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
112	Nguyễn Công Trứ	Xã Pong Drang	Năm 2024	ĐĐT	0,34				4896,000	3.500,640	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
113	Lý Nam Đế	Xã Pong Drang	Năm 2024	ĐĐT	0,95				13680,000	9.781,200	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
114	Lý Nam Đế = TDP 9	Xã Pong Drang	Năm 2024	ĐĐT	0,27				3888,000	2.779,920	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
115	Phan Đình Giót	Xã Pong Drang	Năm 2024	ĐĐT	0,54				7776,000	5.559,840	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
116	Ngô Tất Tố	Xã Pong Drang	Năm 2024	ĐĐT	0,20				2880,000	2.059,200	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
117	Y Nuê B'Krông	Xã Pong Drang	Năm 2024	ĐĐT	0,51				7344,000	5.250,960	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
118	Lê Văn Nhiễu	Xã Pong Drang	Năm 2024	ĐĐT	0,65				9360,000	6.692,400	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
119	Nơ Trang Guh -tdp 6	Xã Pong Drang	Năm 2024	ĐĐT	0,58				8352,000	5.971,680	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
120	Nguyễn Hồng	Xã Pong Drang	Năm 2024	ĐĐT	0,19				2736,000	1.956,240	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
121	Trần Hưng Đạo	Xã Pong Drang	Năm 2024	ĐĐT	1,38				19872,000	14.208,480	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản

STT	Tài sản <i>(Chỉ tiết theo từng loại tài sản)</i>	Địa chỉ	Năm đưa vào sử dụng	Loại/cấp/hạng	Số lượng/Chiều dài (Km)	Diện tích (m2)			Giá trị (triệu đồng)		Tình trạng sử dụng của tài sản	Hình thức xử lý	Lý do xử lý
						Đất	Sàn sử dụng nhà	Cầu	Nguyên giá	Giá trị còn lại (đến 31/12/2024)			
(1)	(2)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)
122	Lê Quý don	Xã Pong Drang	Năm 2024	ĐĐT	0,20				2880,000	2.059,200	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
123	Hà Huy Tập	Xã Pong Drang	Năm 2024	ĐĐT	0,58				8352,000	5.971,680	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
124	Hoàng Văn Thụ	Xã Pong Drang	Năm 2024	ĐĐT	0,34				4896,000	3.500,640	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
125	Nguyễn Hữu Thấu	Xã Pong Drang	Năm 2024	ĐĐT	0,21				3024,000	2.162,160	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
126	Nguyễn Trãi	Xã Pong Drang	Năm 2024	ĐĐT	0,40				5760,000	4.118,400	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
127	An Dương Vương	Xã Pong Drang	Năm 2024	ĐĐT	0,35				5040,000	3.603,600	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
128	Hoàng Việt	Xã Pong Drang	Năm 2024	ĐĐT	0,63				9072,000	6.486,480	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
129	Phù Đồng Thiên Vương	Xã Pong Drang	Năm 2024	ĐĐT	0,29				4176,000	2.985,840	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
XXXXXXIV. Xã Quảng Phú													
A. Điều chuyển tài sản đường huyện về cho xã quản lý													
01	Điều chuyển tài sản do chuyển đoạn đường của tuyến đường huyện (ĐH.31 - Từ Quảng Tiến ÷ Ea Đrong (cũ), điểm đầu đoạn từ Công trào thôn Tiên Cường đến điểm cuối giáp xã Cuôr Đăng) thành đường xã (ĐX.01-Đường giao thông từ thôn Tiên Cường, xã Quảng Phú đến xã Cuôr Đăng)				4,48				130.816,000	85.684,480			
	Đường giao thông từ thôn Tiên Cường, xã Quảng Phú đến xã Cuôr Đăng	Xã Quảng Phú	Năm 2013	Cấp IV miền núi	4,48				130.816,000	85.684,480	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
02	Điều chuyển tài sản do chuyển đoạn đường của tuyến đường huyện (ĐH.38 - Từ Quảng Phú ÷ Ea M'ngang (cũ), điểm đầu đoạn từ giáp Quảng Phú đến điểm cuối giáp cầu Ea M'ngang) thành đường xã (ĐX.02-Đường giao thông từ xã Quảng Phú đến cầu Ea M'ngang, xã Ea M'Droh)				6,30				183.960,000	120.493,800			
	Đường giao thông từ xã Quảng Phú đến cầu Ea M'ngang, xã Ea M'Droh	Xã Quảng Phú	Năm 2013	Cấp IV miền núi	6,30				183.960,000	120.493,800	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
03	Điều chuyển tài sản do chuyển đoạn đường của tuyến đường huyện (ĐH -Từ Quảng Phú ÷ Ea Kpam (cũ), điểm đầu đoạn từ giáp Nghĩa trang thị trấn Quảng Phú đến điểm cuối giáp Đập Buôn Jông) thành đường xã (ĐX.03-Đường giao thông từ nghĩa trang xã Quảng Phú đến giáp Đập Buôn Jông)				4,60				134.320,000	87.979,600			
	Đường giao thông từ nghĩa trang xã Quảng Phú đến giáp Đập Buôn Jông	Xã Quảng Phú	Năm 2013	Cấp IV miền núi	4,60				134.320,000	87.979,600	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
04	Điều chuyển tài sản do chuyển đoạn đường của tuyến đường huyện (ĐH.04 - Từ Quảng Phú ÷ Ea Đrong (cũ), điểm đầu đoạn từ giáp Cầu Cấn đến điểm cuối giáp Ea Đrong) thành đường xã (ĐX.04-Đường giao thông từ giáp Cầu Cấn xã Quảng Phú đến xã Cuôr Đăng)				6,50				189.800,000	124.319,000			
	Đường giao thông từ giáp Cầu Cấn xã Quảng Phú đến xã Cuôr Đăng	Xã Quảng Phú	Năm 2025	Cấp IV miền núi	6,50				189.800,000	124.319,000	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
05	Điều chuyển tài sản do chuyển đoạn đường của tuyến đường huyện (ĐH.39 - Từ thị trấn Ea Pôk ÷ Ea M'ngang (cũ), điểm đầu đoạn Km3+800 (ĐT688) đến điểm cuối giáp xã Ea M'ngang) thành đường xã (ĐX.05-Đường Giao thông từ Km3+800 tuyến ĐT.688 (Tỉnh lộ 8) đi xã Ea M'Droh)				7,42				216.664,000	141.914,920			
	Đường Giao thông từ Km3+800 tuyến ĐT.688 (Tỉnh lộ 8) đi xã Ea M'Droh	Xã Quảng Phú	Năm 2013	Cấp IV miền núi	7,42				216.664,000	141.914,920	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
06	Điều chuyển tài sản do chuyển đoạn đường của tuyến đường huyện (ĐH.40 - Từ Cư Suê ÷ Ea M'ngang (cũ), điểm đầu đoạn Km2+800 (ĐT688) đến điểm cuối giáp xã Ea M'ngang) thành đường xã (ĐX.06 - Đường Giao thông từ Km2+800 tuyến ĐT.688 (Tỉnh lộ 8) đi xã Ea M'Droh)				7,33				214.036,000	140.193,580			
	Đường Giao thông từ Km2+800 tuyến ĐT.688 (Tỉnh lộ 8) đi xã Ea M'Droh	Xã Quảng Phú	Năm 2013	Cấp IV miền núi	7,33				214.036,000	140.193,580	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
B. Điều chuyển tài sản đường đô thị về cho xã quản lý													
01	Đường Hùng Vương	Xã Quảng Phú	Năm 2013	ĐĐT	2,05				106.395,000	69.688,725	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
02	Đường Phù Đồng	Xã Quảng Phú	Năm 2013	ĐĐT	0,91				24.570,000	16.093,350	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
03	Đường Bà Triệu	Xã Quảng Phú	Năm 2013	ĐĐT	0,72				14.112,000	9.243,360	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
04	Đường Lý Nam Đế	Xã Quảng Phú	Năm 2013	ĐĐT	0,92				18.032,000	11.810,960	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản

STT	Tài sản <i>(Chỉ liệt theo từng loại tài sản)</i>	Địa chỉ	Năm đưa vào sử dụng	Loại/cấp/hạng	Số lượng/Chiều dài (Km)	Diện tích (m2)			Giá trị (triệu đồng)		Tình trạng sử dụng của tài sản	Hình thức xử lý	Lý do xử lý
						Đất	Sàn sử dụng nhà	Cầu	Nguyên giá	Giá trị còn lại (đến 31/12/2024)			
(1)	(2)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)
05	Đường Mai Hắc Đế	Xã Quảng Phú	Năm 2013	ĐBT	0,72				14.112,000	9.243,360	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
06	Đường Ngô Quyền	Xã Quảng Phú	Năm 2013	ĐBT	0,95				18.620,000	12.196,100	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
07	Đường Đinh Tiên Hoàng	Xã Quảng Phú	Năm 2013	ĐBT	0,70				13.720,000	8.986,600	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
08	Đường Lê Đại Hành	Xã Quảng Phú	Năm 2013	ĐBT	0,77				15.092,000	9.885,260	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
09	Đường Lý Thường Kiệt	Xã Quảng Phú	Năm 2013	ĐBT	0,85				16.660,000	10.912,300	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
10	Đường Trần Hưng Đạo	Xã Quảng Phú	Năm 2013	ĐBT	0,90				17.640,000	11.554,200	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
11	Đường Trần Quang Khải	Xã Quảng Phú	Năm 2013	ĐBT	0,75				14.700,000	9.628,500	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
12	Đường Lê Lợi	Xã Quảng Phú	Năm 2013	ĐBT	0,95				18.620,000	12.196,100	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
13	Đường Nguyễn Trãi	Xã Quảng Phú	Năm 2013	ĐBT	0,87				17.052,000	11.169,060	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
14	Đường Hàm Nghi	Xã Quảng Phú	Năm 2013	ĐBT	1,08				21.168,000	13.865,040	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
15	Đường Xô viết Nghệ Tĩnh	Xã Quảng Phú	Năm 2013	ĐBT	0,51				13.770,000	9.019,350	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
16	Đường Cách mạng Tháng Tám	Xã Quảng Phú	Năm 2013	ĐBT	0,52				14.040,000	9.196,200	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
17	Đường Điện Biên Phủ	Xã Quảng Phú	Năm 2013	ĐBT	0,35				9.450,000	6.189,750	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
18	Đường Trần Phú	Xã Quảng Phú	Năm 2013	ĐBT	0,24				4.704,000	3.081,120	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
19	Đường Lê Hồng Phong	Xã Quảng Phú	Năm 2013	ĐBT	0,32				6.272,000	4.108,160	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
20	Đường Hà Huy Tập	Xã Quảng Phú	Năm 2013	ĐBT	0,33				6.468,000	4.236,540	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
21	Đường Nguyễn Văn Cừ	Xã Quảng Phú	Năm 2013	ĐBT	0,32				6.272,000	4.108,160	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
22	Đường Trường Chinh	Xã Quảng Phú	Năm 2013	ĐBT	0,25				4.900,000	3.209,500	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
23	Đường Lê Duẩn	Xã Quảng Phú	Năm 2013	ĐBT	0,45				8.820,000	5.777,100	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
24	Đường Nguyễn Văn Linh	Xã Quảng Phú	Năm 2013	ĐBT	1,01				27.270,000	17.861,850	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
25	Đường Tôn Đức Thắng	Xã Quảng Phú	Năm 2013	ĐBT	0,53				10.388,000	6.804,140	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
26	Đường Nguyễn Hữu Thọ	Xã Quảng Phú	Năm 2013	ĐBT	0,13				2.548,000	1.668,940	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
27	Đường Lê Hữu Trác	Xã Quảng Phú	Năm 2013	ĐBT	0,73				14.308,000	9.371,740	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
28	Đường Nguyễn Du	Xã Quảng Phú	Năm 2013	ĐBT	1,19				23.324,000	15.277,220	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
29	Đường Nguyễn Công Trứ	Xã Quảng Phú	Năm 2013	ĐBT	0,64				12.544,000	8.216,320	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
30	Đường Lê Quý Đôn	Xã Quảng Phú	Năm 2013	ĐBT	0,41				8.036,000	5.263,580	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
31	Đường Nguyễn Đình Chiểu	Xã Quảng Phú	Năm 2013	ĐBT	0,56				10.976,000	7.189,280	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
32	Đường Đoàn Thị Điểm	Xã Quảng Phú	Năm 2013	ĐBT	0,12				2.352,000	1.540,560	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
33	Đường Y Jút	Xã Quảng Phú	Năm 2013	ĐBT	0,41				8.036,000	5.263,580	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
34	Đường Phan Bội Châu	Xã Quảng Phú	Năm 2013	ĐBT	0,35				9.450,000	6.189,750	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
35	Đường Hồ Xuân Hương	Xã Quảng Phú	Năm 2013	ĐBT	0,11				2.156,000	1.412,180	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
36	Đường Huỳnh Thúc Kháng	Xã Quảng Phú	Năm 2013	ĐBT	0,27				5.292,000	3.466,260	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
37	Đường Phan Chu Trinh	Xã Quảng Phú	Năm 2013	ĐBT	0,27				5.292,000	3.466,260	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản

STT	Tài sản <i>(Chỉ liệt theo từng loại tài sản)</i>	Địa chỉ	Năm đưa vào sử dụng	Loại/cấp/hạng	Số lượng/Chiều dài (Km)	Diện tích (m2)			Giá trị (triệu đồng)		Tình trạng sử dụng của tài sản	Hình thức xử lý	Lý do xử lý
						Đất	Sàn sử dụng nhà	Cầu	Nguyên giá	Giá trị còn lại (đến 31/12/2024)			
(1)	(2)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)
38	Đường Hoàng Diệu	Xã Quảng Phú	Năm 2013	ĐBT	0,64				12.544,000	8.216,320	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
39	Đường Nguyễn Thị Minh Khai	Xã Quảng Phú	Năm 2013	ĐBT	0,72				14.112,000	9.243,360	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
40	Đường Ngô Gia Tự	Xã Quảng Phú	Năm 2013	ĐBT	0,24				4.704,000	3.081,120	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
41	Đường Kim Đồng	Xã Quảng Phú	Năm 2013	ĐBT	0,41				8.036,000	5.263,580	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
42	Đường Võ Thị Sáu	Xã Quảng Phú	Năm 2013	ĐBT	0,12				2.352,000	1.540,560	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
43	Đường Tô Hiệu	Xã Quảng Phú	Năm 2013	ĐBT	0,22				4.312,000	2.824,360	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
44	Đường Lý Tự Trọng	Xã Quảng Phú	Năm 2013	ĐBT	0,46				9.016,000	5.905,480	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
45	Đường Hoàng Văn Thụ	Xã Quảng Phú	Năm 2013	ĐBT	0,13				2.548,000	1.668,940	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
46	Đường Phạm Hồng Thái	Xã Quảng Phú	Năm 2013	ĐBT	0,11				2.156,000	1.412,180	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
47	Đường Y Ngông Niê Kđăm	Xã Quảng Phú	Năm 2013	ĐBT	0,74				19.980,000	13.086,900	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
48	Đường Nơ Trang Long	Xã Quảng Phú	Năm 2013	ĐBT	0,27				5.292,000	3.466,260	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
49	Đường A Ma Jhao	Xã Quảng Phú	Năm 2013	ĐBT	0,50				9.800,000	6.419,000	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
50	Đường Y Ôn	Xã Quảng Phú	Năm 2013	ĐBT	0,30				5.880,000	3.851,400	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
51	Đường Nơ Trang Gưh	Xã Quảng Phú	Năm 2013	ĐBT	0,28				5.488,000	3.594,640	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
52	Đường Đinh Núp	Xã Quảng Phú	Năm 2013	ĐBT	0,67				13.132,000	8.601,460	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
53	Đường Nguyễn Chí Thanh	Xã Quảng Phú	Năm 2013	ĐBT	1,14				30.780,000	20.160,900	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
54	Đường Trần Đại Nghĩa	Xã Quảng Phú	Năm 2013	ĐBT	0,12				2.352,000	1.540,560	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
55	Đường Lê Văn Tám	Xã Quảng Phú	Năm 2013	ĐBT	0,11				2.156,000	1.412,180	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
56	Đường Lê Thị Hồng Gấm	Xã Quảng Phú	Năm 2013	ĐBT	0,12				2.352,000	1.540,560	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
57	Đường Nguyễn Văn Trỗi	Xã Quảng Phú	Năm 2013	ĐBT	0,20				3.920,000	2.567,600	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
58	Đường Nguyễn Thị Định	Xã Quảng Phú	Năm 2013	ĐBT	0,26				5.096,000	3.337,880	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
XXXXXXV. Xã Sơn Hòa													
A. Điều chuyển tài sản đường huyện về cho xã quản lý													
01	Điều chuyển tài sản do chuyển đoạn đường của tuyến đường huyện (ĐH.51 - Ngăn Diên - Suối Bùn) thành đường xã (ĐX.51-Đường Giao thông từ thôn Ngăn Diên đi Suối Bùn)				8,47				121.968,000	93.915,360			
	Đường Giao thông từ thôn Ngăn Diên đi Suối Bùn	Xã Sơn Hòa	Năm 2012	Cấp VI miền núi	8,47				121.968,000	93.915,360	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
02	Điều chuyển tài sản do chuyển đoạn đường của tuyến đường huyện (ĐH.52 - QL25 - Làng Suối Bạc) thành đường xã (ĐX.52-Đường Giao thông từ Quốc lộ 25 đi làng Suối Bạc)				4,16				59.904,000	46.126,080			
	Đường Giao thông từ Quốc lộ 25 đi làng Suối Bạc	Xã Sơn Hòa	Năm 2012	Cấp VI miền núi	4,16				59.904,000	46.126,080	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
03	Điều chuyển tài sản do chuyển đoạn đường của tuyến đường huyện (ĐH.54 - Sơn Nguyên-Suối Bạc) thành đường xã (ĐX.54-Đường Giao thông từ xã Sơn Hòa đi làng Suối Bạc)				5,88				84.672,000	65.197,440			
	Đường Giao thông từ xã Sơn Hòa đi làng Suối Bạc	Xã Sơn Hòa	Năm 2012	Cấp VI miền núi	5,88				84.672,000	65.197,440	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
04	Điều chuyển tài sản do chuyển đoạn đường của tuyến đường huyện (ĐH.56 - Tịnh Sơn-Suối Trai) thành đường xã (ĐX.54-Đường giao thông từ xã Sơn Hòa đi xã Suối Trai)				4,03				58.032,000	44.684,640			
	Đường giao thông từ xã Sơn Hòa đi xã Suối Trai	Xã Sơn Hòa	Năm 2012	Cấp VI miền núi	4,03				58.032,000	44.684,640	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
B. Điều chuyển tài sản đường đô thị về cho xã quản lý													
01	Đường 24/3	Xã Sơn Hòa	Năm 2010	ĐBT	8,50				367.200,000	282.744,000	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản

STT	Tài sản <i>(Chỉ liệt theo từng loại tài sản)</i>	Địa chỉ	Năm đưa vào sử dụng	Loại/cấp/hạng	Số lượng/Chiều dài (Km)	Diện tích (m2)			Giá trị (triệu đồng)		Tình trạng sử dụng của tài sản	Hình thức xử lý	Lý do xử lý
						Đất	Sàn sử dụng nhà	Cầu	Nguyên giá	Giá trị còn lại (đến 31/12/2024)			
(1)	(2)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)
02	Đường Trần Phú	Xã Sơn Hòa	Năm 2010	ĐĐT	4,54				196.128,000	151.018,560	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
03	Đường Trần Hưng Đạo	Xã Sơn Hòa	Năm 2010	ĐĐT	1,30				29.250,000	22.522,500	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
04	Đường Nguyễn Thị Minh Khai	Xã Sơn Hòa	Năm 2010	ĐĐT	1,16				26.100,000	20.097,000	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
05	Đường Nguyễn Chí Thanh	Xã Sơn Hòa	Năm 2010	ĐĐT	1,19				26.775,000	20.616,750	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
06	Đường Lê Lợi	Xã Sơn Hòa	Năm 2010	ĐĐT	1,86				41.850,000	32.224,500	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
07	Đường Công viên - Huyện Đội	Xã Sơn Hòa	Năm 2010	ĐĐT	0,25				4.075,000	3.137,750	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
08	Đường Hai Bà Trưng	Xã Sơn Hòa	Năm 2010	ĐĐT	0,41				6.683,000	5.145,910	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
09	Đường Huyện Ủy - Nhà Văn Hoá Nguyễn Hữu Thọ	Xã Sơn Hòa	Năm 2010	ĐĐT	0,12				1.956,000	1.506,120	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
10	Đường Hùng Vương	Xã Sơn Hòa	Năm 2010	ĐĐT	0,76				12.388,000	9.538,760	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
11	Đường Võ Thị Sáu	Xã Sơn Hòa	Năm 2010	ĐĐT	0,51				8.313,000	6.401,010	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
13	Đường Hòn Ngang - Đường 24/3	Xã Sơn Hòa	Năm 2010	ĐĐT	0,60				9.780,000	7.530,600	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
XXXXXXVI. Xã Sơn Thành													
01	Điều chuyển tài sản do chuyển đoạn đường của tuyến đường huyện (ĐH.83 - Tuyến từ cầu xếp thông đến Núi lá) thành đường xã (ĐX.83-TTuyến từ Cầu xếp thông đến giáp cổng chào thôn Mỹ Phú)				1,20				17.040,000	12.780,000			
	Tuyến từ Cầu xếp thông đến giáp cổng chào thôn Mỹ Phú	Xã Sơn Thành	Năm 2018	Cấp A	1,20				17.040,000	12.780,000	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
02	Điều chuyển tài sản do chuyển đoạn đường của tuyến đường huyện (ĐH.84 - 'Sơn Thành Đông cũ đến cầu Bến Mít) thành đường xã (ĐX.84-Tuyến từ Quốc lộ 29 đến giáp Ban Quản lý rừng phòng hộ thôn Mỹ Phú)				5,50				41.250,000	30.937,500			
	Tuyến từ Quốc lộ 29 đến giáp Ban Quản lý rừng phòng hộ thôn Mỹ Phú	Xã Sơn Thành	Năm 2013	Cấp A	5,50				41.250,000	30.937,500	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
XXXXXXVII. Xã Sông Hinh													
A. Điều chuyển tài sản đường huyện về cho xã quản lý													
01	Điều chuyển tài sản do chuyển đoạn đường của tuyến đường huyện (ĐH.61 - Ea Trol-Ea Bar) thành đường xã (ĐX.61-Đường từ Buôn Thu đi xã Ea Bá)				7,80				210.240,000	157.680,000			
	Đường từ Buôn Thu đi xã Ea Bá	Xã Sông Hinh	Năm 2012	Cấp VI miền núi	7,80				210.240,000	157.680,000	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
02	Điều chuyển tài sản do chuyển đoạn đường của tuyến đường huyện (ĐH.65 - Hai Riêng-Ea Trol) thành đường xã (ĐX.65 - Đường từ thôn 5 đi buôn Ly)				7,34				105.696,000	79.272,000			
	Đường từ thôn 5 đi buôn Ly	Xã Sông Hinh	Năm 2012	Cấp VI miền núi	7,34				105.696,000	79.272,000	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
03	Điều chuyển tài sản do chuyển đoạn đường của tuyến đường huyện (ĐH.68 QL29- xã Ea Bia) thành đường xã (ĐX.68 - Đường từ thôn 3 đi buôn Krông)				3,38				48.672,000	36.504,000			
	Đường từ thôn 3 đi buôn Krông	Xã Sông Hinh	Năm 2012	Cấp A	3,38				48.672,000	36.504,000	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
B. Điều chuyển tài sản đường đô thị về cho xã quản lý													
01	Đường Trần Hưng Đạo	Xã Sông Hinh	Năm 2010	ĐĐT	1,10				57.090,000	43.959,300	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
02	Đường Nguyễn Trãi	Xã Sông Hinh	Năm 2010	ĐĐT	0,90				46.710,000	35.966,700	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
03	Đường Lê Lợi	Xã Sông Hinh	Năm 2010	ĐĐT	0,80				41.520,000	31.970,400	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
04	Đường Trần Phú	Xã Sông Hinh	Năm 2010	ĐĐT	0,70				36.330,000	27.974,100	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
05	Đường Nguyễn Huệ	Xã Sông Hinh	Năm 2010	ĐĐT	0,70				22.836,000	17.583,720	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
06	Đường Hồ Xuân Hương	Xã Sông Hinh	Năm 2010	ĐĐT	1,00				51.900,000	39.963,000	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
07	Đường Hai Bà Trưng	Xã Sông Hinh	Năm 2010	ĐĐT	0,80				41.520,000	31.970,400	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
08	Đường Nguyễn Đình Chiểu	Xã Sông Hinh	Năm 2010	ĐĐT	0,35				20.241,000	15.585,570	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản

STT	Tài sản (Chỉ tiết theo từng loại tài sản)	Địa chỉ	Năm đưa vào sử dụng	Loại/cấp/hạng	Số lượng/Chiều dài (Km)	Diện tích (m2)			Giá trị (triệu đồng)		Tình trạng sử dụng của tài sản	Hình thức xử lý	Lý do xử lý
						Đất	Sàn sử dụng nhà	Cầu	Nguyên giá	Giá trị còn lại (đến 31/12/2024)			
(1)	(2)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)
09	Đường Lương Văn Chánh	Xã Sông Hinh	Năm 2010	ĐĐT	1,30				67.470,000	51.951,900	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
10	Đường Nơ Trang Long	Xã Sông Hinh	Năm 2010	ĐĐT	0,15				15.570,000	11.988,900	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
11	Đường Nguyễn Văn Trỗi	Xã Sông Hinh	Năm 2010	ĐĐT	0,80				10.380,000	7.992,600	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
12	Đường Nguyễn Công Trứ	Xã Sông Hinh	Năm 2010	ĐĐT	0,50				5.190,000	3.996,300	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
13	Đường Ngô Quyền	Xã Sông Hinh	Năm 2010	ĐĐT	0,60				11.760,000	9.055,200	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
14	Đường Lý Thường Kiệt	Xã Sông Hinh	Năm 2010	ĐĐT	0,20				3.920,000	3.018,400	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
15	Đường Lê Thành Phương	Xã Sông Hinh	Năm 2010	ĐĐT	0,10				3.920,000	3.018,400	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
16	Đường Chu Văn An	Xã Sông Hinh	Năm 2010	ĐĐT	0,10				1.960,000	1.509,200	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
17	Đường Lê Quý Đôn	Xã Sông Hinh	Năm 2010	ĐĐT	0,35				5.880,000	4.527,600	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
18	Đường Bà Triệu	Xã Sông Hinh	Năm 2010	ĐĐT	0,38				5.880,000	4.527,600	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
19	Đường Võ Trứ	Xã Sông Hinh	Năm 2010	ĐĐT	0,75				11.760,000	9.055,200	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
20	Đường Hoàng Văn Thụ	Xã Sông Hinh	Năm 2010	ĐĐT	0,60				11.760,000	9.055,200	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
21	Đường Bà Triệu	Xã Sông Hinh	Năm 2010	ĐĐT	0,50				9.800,000	7.546,000	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
22	Đường Nguyễn Thị Minh Khai	Xã Sông Hinh	Năm 2010	ĐĐT	0,20				3.997,420	3.078,013	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
23	Đường Lê Hồng Phong	Xã Sông Hinh	Năm 2010	ĐĐT	0,21				4.126,780	3.177,621	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
24	Đường Nguyễn Văn Cừ	Xã Sông Hinh	Năm 2010	ĐĐT	0,88				17.248,000	13.280,960	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
25	Đường Võ Trứ	Xã Sông Hinh	Năm 2010	ĐĐT	0,75				12.210,800	9.402,316	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
26	Đường Tuệ Tĩnh	Xã Sông Hinh	Năm 2010	ĐĐT	0,14				2.665,600	2.052,512	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
XXXXXXXXVIII. Xã Suối Trai													
01	Điều chuyển tài sản do chuyển tuyến đường huyện (ĐH.53 - QL25- UBND xã Suối Trai -QL25) thành đường xã (ĐX.53- Đường giao thông từ Km51+050 Quốc lộ 25 đi Trung tâm xã Suối Trai đến Km54+700 Quốc lộ 25)				17,70			1050,00	557.790,000	429.498,300			
01.1	Phần đường và các công trình phụ trợ gắn liền với đường (kể cả cầu có chiều dài dưới 25m)												
	Đường giao thông từ Km51+050 Quốc lộ 25 đi Trung tâm xã Suối Trai đến Km54+700 Quốc lộ 25	Xã Suối Trai	Năm 2012	Cấp IV	17,58				516.840,000	397.966,800	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
01.2	Cầu đường bộ và các công trình phụ trợ cầu đường bộ; tài sản, thiết bị chuyên dùng phục vụ riêng biệt cho cầu đường bộ												
	Cầu qua kênh xả thủy điện	Xã Suối Trai	Năm 2012	BTCT	0,06			504,00	21.294,000	16.396,380	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
	Cầu qua kênh dẫn thủy điện	Xã Suối Trai	Năm 2012	BTCT	0,06			546,00	19.656,000	15.135,120	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
XXXXXXXXXIX. Xã Tam Giang													
01	Điều chuyển tài sản do chuyển đoạn đường của tuyến đường huyện (ĐH.114 - Ngã 3 giáp ranh xã Ea Púk đến ĐH.115, xã Ea Tam) thành đường xã (ĐX.T01)				5,40				19.403,113	18.918,035			
	Đường giao thông liên xã Tam Giang - Ea Púk - Ea Tam đoạn xã Tam Giang	Xã Tam Giang	Năm 2024	Cấp IV miền núi	5,40				19.403,113	18.918,035	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
02	Điều chuyển tài sản do chuyển đoạn đường của tuyến đường huyện (ĐH.115 - ĐH.114, xã Ea Tam đến ĐH.120, xã Cư Klông) thành đường xã (ĐX.T02)				9,20				16.063,844	11.003,733			
	Đường giao thông liên xã Ea Tam - Cư Klông đoạn xã Tam Giang	Xã Tam Giang	Năm 2014	Cấp V miền núi	9,20				16.063,844	11.003,733	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
03	Điều chuyển tài sản do chuyển đoạn đường của tuyến đường huyện (ĐH.116 - ĐH.115 xã Ea Tam đến xã Diêv'a) thành đường xã (ĐX.T03)				4,80			198,00	13.044,675	6.822,362			
03.1	Phần đường và các công trình phụ trợ gắn liền với đường (kể cả cầu có chiều dài dưới 25m)												

STT	Tài sản <i>(Chỉ tiết theo từng loại tài sản)</i>	Địa chỉ	Năm đưa vào sử dụng	Loại/cấp/hạng	Số lượng/Chiều dài (Km)	Diện tích (m2)			Giá trị (triệu đồng)		Tình trạng sử dụng của tài sản	Hình thức xử lý	Lý do xử lý
						Đất	Sàn sử dụng nhà	Cầu	Nguyên giá	Giá trị còn lại (đến 31/12/2024)			
(1)	(2)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)
	Đường giao thông liên xã Ea Tam - Ea Tòh - Ea Tân (đường vào xã Ea Tân) đoạn xã Tam Giang	Xã Tam Giang	Năm 2012	Cấp V miền núi	4,76				6.708,675	4.192,922	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
03.2	Cầu đường bộ và các công trình phụ trợ cầu đường bộ; tài sản, thiết bị chuyên dùng phục vụ riêng biệt cho cầu đường bộ												
	Cầu trạm I	Xã Tam Giang	Năm 2005	BTCT	0,04			198,00	6.336,000	2.629,440	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
04	Điều chuyển tài sản do chuyển đoạn đường của tuyến đường huyện (ĐH.120 - Giáp ranh xã Diên्या đến ĐH.115 xã Cư Klông) thành đường xã (ĐX.T04)				16,70				57.031,368	37.355,546			
	Đường giao thông liên xã Diên्या - Cư Klông đoạn xã Tam Giang	Xã Tam Giang	Năm 2013	Cấp V miền núi	16,70				57.031,368	37.355,546	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
05	Điều chuyển tài sản do chuyển đoạn đường của tuyến đường huyện (ĐH.114 - Ngã ba Tam Giang (giao với Km 158+150 và Km 159 + 00 Quốc lộ 29) qua cầu giáp ranh xã Ea Púk) thành đường xã (ĐX.T05)				2,40				8.623,606	8.408,016			
	Đường giao thông liên xã Tam Giang - Ea Púk - Ea Tam đoạn xã Tam Giang	Xã Tam Giang	Năm 2024	Cấp IV miền núi	2,40				8.623,606	8.408,016	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
XXXXXXX. Xã Tân Tiến													
01	Điều chuyển tài sản do chuyển đoạn đường của tuyến đường huyện (ĐH.06.06 - Đường GT xã Tân tiến đi xã Ea Uy đến xã Ea Yiêng (cũ)) thành đường xã (ĐX.06.06 - Đường GT xã Tân tiến đi xã Ea Uy đến xã Ea Yiêng (cũ))				11,32				43.974,937	40.676,811			
	Đường GT xã Tân tiến đi xã Ea Uy đến xã Ea Yiêng (cũ)	Xã Tân Tiến	Năm 2019	Cấp IV miền núi	11,32				43.974,937	40.676,811	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
XXXXXXXI. Xã Tây Hòa													
01	Điều chuyển tài sản do chuyển đoạn đường của tuyến đường huyện (ĐH.71 - Cầu Phước Nông - Hòa Tân Đông) thành đường xã (ĐX.71 - Cầu Phước Nông - Hòa Tân Đông)				1,50				213,000	154,430			
	Cầu Phước Nông - Hòa Tân Đông	Xã Tây Hòa	Năm 2013	Cấp A	1,50				213,000	154,430	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
02	Điều chuyển tài sản do chuyển đoạn đường của tuyến đường huyện (ĐH.72 - Đường vào Bãi Rác và Nghĩa trang huyện) thành đường xã (ĐX.72 - Đường vào Bãi Rác và Nghĩa trang huyện)				2,50				183,750	133,220			
	Đường vào Bãi Rác và Nghĩa trang huyện	Xã Tây Hòa	Năm 2007	Cấp V	2,50				183,750	133,220	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
03	Điều chuyển tài sản do chuyển đoạn đường của tuyến đường huyện (ĐH.73 - Chợ Chiểu - Hồ Hoắc Răm) thành đường xã (ĐX.73 - Chợ Chiểu - Hồ Hoắc Răm)				7,20				50.250,000	35.175,000			
	Chợ Chiểu - Hồ Hoắc Răm	Xã Tây Hòa	Năm 2013	Cấp A	7,20				50.250,000	35.175,000	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
04	Điều chuyển tài sản do chuyển đoạn đường của tuyến đường huyện (ĐH.74 - Ga Gò Mắm - Hòa Thịnh) thành đường xã (ĐX.74 - Ga Gò Mắm - Hòa Thịnh)				2,60				19.500,000	14.625,000			
	Ga Gò Mắm - Hòa Thịnh	Xã Tây Hòa	Năm 2013	Cấp A	2,60				19.500,000	14.625,000	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
05	Điều chuyển tài sản do chuyển đoạn đường của tuyến đường huyện (ĐH.75 - Phú Thứ - Hoà Thịnh) thành đường xã (ĐX.75 - Phú Thứ - Hoà Thịnh)				1,20				9.525,000	7.143,750			
	Phú Thứ - Hoà Thịnh	Xã Tây Hòa	Năm 2019	Cấp IV	1,20				9.525,000	7.143,750	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
06	Điều chuyển tài sản do chuyển đoạn đường của tuyến đường huyện (ĐH.81 - Kênh N6- Hòa Đông) thành đường xã (ĐX.81- Kênh N6- Hòa Đông)				1,00				7.500,000	5.625,000			
	Kênh N6- Hòa Đông	Xã Tây Hòa	Năm 2013	Cấp A	1,00				7.500,000	5.625,000	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
07	Điều chuyển tài sản do chuyển đoạn đường của tuyến đường huyện (ĐH.82 - Phú Nhiêu - Hoà Phong) thành đường xã (ĐX.82- Phú Nhiêu - Hoà Phong)				2,70				68.728,000	49.827,800			
	Kênh N6- Hòa Đông	Xã Tây Hòa	Năm 2020	Cấp IV	2,70				68.728,000	49.827,800	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
XXXXXXXII. Xã Tây Sơn													
01	Điều chuyển tài sản do chuyển đoạn đường của tuyến đường huyện (ĐH.55 - Đường từ Km96+900 Quốc lộ 19C ngã tư Trà Kê, xã Sơn Hội đến trạm bơm Ma Dao, xã Cà Lúi) thành đường xã (ĐX.55- Đường từ Km96+900 Quốc lộ 19C ngã tư Trà Kê, xã Sơn Hội đến trạm bơm Ma Dao, xã Cà Lúi)				14,50				237.800,000	183.106,000			
	Đường từ Km96+900 Quốc lộ 19C ngã tư Trà Kê, xã Sơn Hội đến trạm bơm Ma Dao, xã Cà Lúi	Xã Tây Sơn	Năm 2012	Cấp V	14,50				237.800,000	183.106,000	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản

STT	Tài sản <i>(Chỉ tiết theo từng loại tài sản)</i>	Địa chỉ	Năm đưa vào sử dụng	Loại/cấp/hạng	Số lượng/Chiều dài (Km)	Diện tích (m2)			Giá trị (triệu đồng)		Tình trạng sử dụng của tài sản	Hình thức xử lý	Lý do xử lý
						Đất	Sàn sử dụng nhà	Cầu	Nguyên giá	Giá trị còn lại (đến 31/12/2024)			
(1)	(2)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)
XXXXXXXIII. Xã Tuy An Bắc													
A. Điều chuyển tài sản đường huyện về cho xã quản lý													
01	Điều chuyển tài sản do chuyển đoạn đường của tuyến đường huyện (ĐH.38 - đoạn từ Miếu bà Trang đến giáp đường ĐT 641 , đoạn xã An Định cũ) thành đường xã (ĐX.38 -Đoạn từ Miếu bà Trang đến giáp đường ĐT 641, đoạn xã Tuy An Bắc)				3,80				57.505,024	1.567,798			
	Đoạn từ Miếu bà Trang đến giáp đường ĐT 641, đoạn xã Tuy An Bắc	Xã Tuy An Bắc	Năm 1990	Cấp IV	3,80				57.505,024	1.567,798	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
B. Điều chuyển tài sản đường đô thị về cho xã quản lý													
01	Đường Võ Trung	Xã Tuy An Bắc	Năm 2010	ĐBT	0,50				50.448,828	29.138,814	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
02	Đường Mậu Thân	Xã Tuy An Bắc	Năm 2012	ĐBT	4,30				433.859,920	250.593,799	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
03	Đường cứu hoà số 1	Xã Tuy An Bắc	Năm 2010	ĐBT	0,11				1.793,000	1.013,045	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
04	Đường Trần Phú	Xã Tuy An Bắc	Năm 2002	ĐBT	3,58				160.358,882	55.240,243	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
05	Đường Võ Trứ	Xã Tuy An Bắc	Năm 2006	ĐBT	0,62				26.994,108	12.064,335	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
06	Đường Trần Rịa	Xã Tuy An Bắc	Năm 2006	ĐBT	1,08				46.795,974	20.882,997	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
07	Đường Ngân Sơn - Chí Thạnh	Xã Tuy An Bắc	Năm 1996	ĐBT	0,39				16.985,183	2.561,623	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
08	Đường Hải Dương	Xã Tuy An Bắc	Năm 1996	ĐBT	0,43				18.576,000	2.693,520	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
09	Đường số 7	Xã Tuy An Bắc	Năm 2012	ĐBT	0,76				32.832,000	29.520,000	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
10	Đường Nguyễn Thị Loan	Xã Tuy An Bắc	Năm 2006	ĐBT	0,23				4.044,199	1.923,652	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
11	Đường Ô Loan	Xã Tuy An Bắc	Năm 2007	ĐBT	0,13				2.204,803	1.080,744	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
12	Đường Châu Kim Huệ	Xã Tuy An Bắc	Năm 2008	ĐBT	0,93				15.159,000	7.655,295	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
13	Đường Nguyễn Hoa	Xã Tuy An Bắc	Năm 2006	ĐBT	0,12				1.956,000	870,420	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
14	Đường cứu hoà số 2	Xã Tuy An Bắc	Năm 2010	ĐBT	0,10				1.613,700	911,741	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
15	Đường Nguyễn Mỹ	Xã Tuy An Bắc	Năm 2006	ĐBT	0,12				195,600	870,420	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
XXXXXXXIV. Xã Tuy An Đông													
01	Điều chuyển tài sản do chuyển đoạn đường của tuyến đường huyện (ĐH.31- Đường giao thông từ xã An Thạch cũ đến Gành Đá Đĩa, xã An Ninh Đông cũ) thành đường xã (ĐX.31 -Đường giao thông từ Cầu Lò Gốm đến gành Đá Đĩa)				12,30				261.782,121	151.203,126			
	Đường giao thông từ Cầu Lò Gốm đến gành Đá Đĩa	Xã Tuy An Đông	Năm 2010	Cấp IV	12,30				261.782,121	151.203,126	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
02	Điều chuyển tài sản do chuyển đoạn đường của tuyến đường huyện (ĐH.35 - Giáp ĐT 649 (ngã ba Mã Đạo thôn Phú Lương) đến giáp xã Ô Loan (xã An Cư cũ)) thành đường xã (ĐX.35 - Đường giao thông ngã ba Mã Đạo thôn Phú Lương đến giáp xã Ô Loan)				2,72				38.624,000	21.822,560			
	Đường giao thông ngã ba Mã Đạo thôn Phú Lương đến giáp xã Ô Loan	Xã Tuy An Đông	Năm 2010	Cấp IV	2,72				38.624,000	21.822,560	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
XXXXXXXV. Xã Tuy An Nam													
01	Điều chuyển tài sản do chuyển đoạn đường của tuyến đường huyện (ĐH.32- Chí Thạnh, An Nghiệp, Anh Linh, An Thọ) thành đường xã (ĐX.32B -Chí Thạnh, An Nghiệp, Anh Linh, An Thọ đoạn xã Tuy An Nam)				2,10				37.860,230	7.792,484			
	Chí Thạnh, An Nghiệp, Anh Linh, An Thọ đoạn xã Tuy An Nam	Xã Tuy An Nam	Năm 1995	Cấp IV	2,10				37.860,230	7.792,484	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
02	Điều chuyển tài sản do chuyển đoạn đường của tuyến đường huyện (ĐH.39- An Mỹ, An Thọ) thành đường xã (ĐX.32B -Chí Thạnh, An Nghiệp, Anh Linh, An Thọ đoạn xã Tuy An Nam)				7,38			2.574,00	143.797,505	76.904,802			
02.1	Phần đường và các công trình phụ trợ gắn liền với đường (kể cả cầu có chiều dài dưới 25m)												
	Chí Thạnh, An Nghiệp, Anh Linh, An Thọ đoạn xã Tuy An Nam	Xã Tuy An Nam	Năm 2008	Cấp IV	6,98				128.353,505	68.642,262	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản

STT	Tài sản <i>(Chỉ tiết theo từng loại tài sản)</i>	Địa chỉ	Năm đưa vào sử dụng	Loại/cấp/hạng	Số lượng/Chiều dài (Km)	Diện tích (m2)			Giá trị (triệu đồng)		Tình trạng sử dụng của tài sản	Hình thức xử lý	Lý do xử lý
						Đất	Sàn sử dụng nhà	Cầu	Nguyên giá	Giá trị còn lại (đến 31/12/2024)			
(1)	(2)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)
02.2	Cầu đường bộ và các công trình phụ trợ cầu đường bộ; tài sản, thiết bị chuyên dùng phục vụ riêng biệt cho cầu đường bộ												
	Cầu Suối Cái	Xã Tuy An Nam	Năm 2009	BTCT	0,40			2574,00	15.444,000	8.262,540	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
XXXXXXXXVI. Xã Tuy An Tây													
01	Điều chuyển tài sản do chuyển đoạn đường của tuyến đường huyện (ĐH.32- Chí Thạnh, An Nghiệp, Anh Linh, An Thọ) thành đường xã (ĐX.32 - Chí Thạnh, An Nghiệp, Anh Linh, An Thọ đoạn xã Tuy An Tây)				17,10				385.813,775	79.409,120			
	Chí Thạnh, An Nghiệp, Anh Linh, An Thọ đoạn xã Tuy An Nam	Xã Tuy An Tây	Năm 1995	Cấp IV	17,10				385.813,775	79.409,120	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
02	Điều chuyển tài sản do chuyển đoạn đường của tuyến đường huyện (ĐH.33- Chí Thạnh, An Linh) thành đường xã (ĐX.33 - Chí Thạnh, An Linh đoạn xã Tuy An Tây)				3,68				56.192,401	76.157,500			
	Chí Thạnh, An Linh đoạn xã Tuy An Tây	Xã Tuy An Tây	Năm 2012	Cấp IV	3,68				56.192,401	76.157,500	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
03	Điều chuyển tài sản do chuyển đoạn đường của tuyến đường huyện (ĐH.34- 'An Hiệp, An Linh) thành đường xã (ĐX.34 - An Hiệp, An Linh đoạn xã Tuy An Tây)				4,90				76.610,048	48.729,668			
	An Hiệp, An Linh đoạn xã Tuy An Tây	Xã Tuy An Tây	Năm 2012	Cấp IV	4,90				76.610,048	48.729,668	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
04	Điều chuyển tài sản do chuyển đoạn đường của tuyến đường huyện (ĐH.37- An Nghiệp, An Linh) thành đường xã (ĐX.37 - An Hiệp, An Linh đoạn xã Tuy An Tây)				6,40				118.012,858	62.594,379			
	An Hiệp, An Linh đoạn xã Tuy An Tây	Xã Tuy An Tây	Năm 2007	Cấp IV	6,40				118.012,858	62.594,379	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
XXXXXXXXVII. Xã Vụ Bón													
01	Điều chuyển tài sản do chuyển đoạn đường của tuyến đường huyện (ĐH.06.03 - Đường Ea Phê đi xã Ea Kuang đến xã Vụ Bón, huyện Krông Pắc) thành đường xã (ĐX.06.03 -Đường GT từ cầu Suối đục, xã Ea Phê đi ngã ba xã Vụ Bón)				2,47				13.702,997	13.017,847			
	Đường GT từ cầu Suối đục, xã Ea Phê đi ngã ba xã Vụ Bón	Xã Vụ Bón	Năm 2023	Cấp IV miền núi	2,47				13.702,997	13.017,847	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
02	Điều chuyển tài sản do chuyển đoạn đường của tuyến đường huyện (ĐH.06.08- Đường GT từ xã Ea Kly đi xã Vụ Bón, huyện Krông Pắc) thành đường xã (ĐX.06.08 -Đường GT từ giáp xã Ea Kly đi cầu Krông Bông, xã Vụ Bón)				17,21			888,0	77.766,460	67.280,338			
02.1	Phần đường và các công trình phụ trợ gắn liền với đường (kể cả cầu có chiều dài dưới 25m)												
	Đường GT từ giáp xã Ea Kly đi cầu Krông Bông, xã Vụ Bón	Xã Vụ Bón		Cấp IV miền núi	17,10				58.352,913	56.894,090	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
02.2	Cầu đường bộ và các công trình phụ trợ cầu đường bộ; tài sản, thiết bị chuyên dùng phục vụ riêng biệt cho cầu đường bộ												
	Cầu Km15+851 xã Vụ Bón	Xã Vụ Bón	Năm 2009	BTCT	0,05			360,0	8.867,373	4.744,045	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
	Cầu Km 12+83, xã Vụ Bón	Xã Vụ Bón	Năm 2009	BTCT	0,04			288,0	5.434,842	2.907,640	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
	Cầu Km10+823, xã Vụ Bón	Xã Vụ Bón	Năm 2009	BTCT	0,03			240,0	5.111,332	2.734,563	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
XXXXXXXXVIII. Xã Xuân Cảnh													
01	Điều chuyển tài sản do chuyển đoạn đường của tuyến đường huyện (ĐH.02 - Lệ Uyên - Bình Thạnh) thành đường xã (ĐX.02 -Lệ Uyên - Bình Thạnh đoạn xã Xuân Cảnh)				5,10				3.891,000	2.723,700			
	Lệ Uyên - Bình Thạnh đoạn xã Xuân Cảnh	Xã Xuân Cảnh	Năm 2014	Cấp VI	5,10				3.891,000	2.723,700	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
02	Điều chuyển tài sản do chuyển đoạn đường của tuyến đường huyện (ĐH.06- Quốc lộ 1A - Hòa Thạnh) thành đường xã (ĐX.06 - Quốc lộ 1A - Hòa Thạnh đoạn xã Xuân Cảnh)				3,03				3.600,000	2.900,000			
	Quốc lộ 1A - Hòa Thạnh đoạn xã Xuân Cảnh	Xã Xuân Cảnh	Năm 2012	Cấp VI	3,03				3.600,000	2.900,000	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
03	Điều chuyển tài sản do chuyển đoạn đường của tuyến đường huyện (ĐH.07- Hòa Thọ - Hòa Lợi) thành đường xã (ĐX.07 - Hòa Thọ - Hòa Lợi đoạn xã Xuân Cảnh)				6,80				8.200,000	7.500,000			
	Hòa Thọ - Hòa Lợi đoạn xã Xuân Cảnh	Xã Xuân Cảnh	Năm 2012	Cấp V	6,80				8.200,000	7.500,000	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
04	Điều chuyển tài sản do chuyển đoạn đường của tuyến đường huyện (ĐH.09- Xuân Bình - Xuân Hải) thành đường xã (ĐX.09 - Xuân Bình - Xuân Hải đoạn xã Xuân Cảnh)				1,90			689,00	29.400,000	26.405,000			

STT	Tài sản <i>(Chỉ tiết theo từng loại tài sản)</i>	Địa chỉ	Năm đưa vào sử dụng	Loại/cấp/hạng	Số lượng/Chiều dài (Km)	Diện tích (m2)			Giá trị (triệu đồng)		Tình trạng sử dụng của tài sản	Hình thức xử lý	Lý do xử lý
						Đất	Sàn sử dụng nhà	Cầu	Nguyên giá	Giá trị còn lại (đến 31/12/2024)			
(1)	(2)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)
04.1	Phân đường và các công trình phụ trợ gần liền với đường (kể cả cầu có chiều dài dưới 25m)												
	Xuân Bình - Xuân Hải đoạn xã Xuân Cảnh	Xã Xuân Cảnh	Năm 2018	Cấp VI	1,79				14.900,000	12.605,000	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
04.2	Cầu đường bộ và các công trình phụ trợ cầu đường bộ; tài sản, thiết bị chuyên dùng phục vụ riêng biệt cho cầu đường bộ												
	Cầu Xuân Bình - Xuân Hải	Xã Xuân Cảnh	Năm 2018	BTCT	0,11			689,00	14.500,000	13.800,000	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
05	Điều chuyển tài sản do chuyển đoạn đường của tuyến đường huyện (ĐH.10B- Bình Thạnh - Đá Giăng) thành đường xã (ĐX.10B - Hòa Thọ - Hòa Lợi đoạn xã Xuân Cảnh)				8,60				6.596,000	4.617,000			
	Hòa Thọ - Hòa Lợi đoạn xã Xuân Cảnh	Xã Xuân Cảnh	Năm 2018	Cấp VI	8,60				6.596,000	4.617,000	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
XXXXXXXXIX. Xã Xuân Lành													
01	Điều chuyển tài sản do chuyển đoạn đường của tuyến đường huyện (ĐH.41- Lành Vân - Phú Lợi) thành đường xã (ĐX.41 - Lành Vân - Phú Lợi đoạn xã Xuân Lành)				10,20				146.880,000	135.961,884			
	Lành Vân - Phú Lợi đoạn xã Xuân Lành	Xã Xuân Lành	Năm 2012	Cấp V	10,20				146.880,000	135.961,884	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
02	Điều chuyển tài sản do chuyển đoạn đường của tuyến đường huyện (ĐH.47- Lành Trường - Đa Dù) thành đường xã (ĐX.47 - Lành Trường - Đa Dù đoạn xã Xuân Lành)				7,03				101.232,000	112.946,044			
	Lành Trường - Đa Dù đoạn xã Xuân Lành	Xã Xuân Lành	Năm 2012	Cấp V	7,03				101.232,000	112.946,044	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
XXXXXXXXX. Xã Xuân Lộc													
01	Điều chuyển tài sản do chuyển đoạn đường của tuyến đường huyện (ĐH.08- Chánh Lộc - Diêm Trường) thành đường xã (ĐX.08 - Chánh Lộc - Diêm Trường đoạn xã Xuân Lộc)				4,52				4.900,000	4.200,000			
	Chánh Lộc - Diêm Trường đoạn xã Xuân Lộc	Xã Xuân Lộc	Năm 2015	Cấp VI	4,52				4.900,000	4.200,000	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
02	Điều chuyển tài sản do chuyển đoạn đường của tuyến đường huyện (ĐH.10- Long Thạnh - Thôn 1 Xuân Hải) thành đường xã (ĐX.10 - Long Thạnh - Thôn 1 Xuân Hải đoạn xã Xuân Lộc)				7,95				3.500,000	3.500,000			
	Chánh Lộc - Diêm Trường đoạn xã Xuân Lộc	Xã Xuân Lộc	Năm 2024	Cấp VI	7,95				3.500,000	3.500,000	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
XXXXXXXXXI. Xã Xuân Phước													
01	Điều chuyển tài sản do chuyển đoạn đường của tuyến đường huyện (ĐH.43- Phước Lộc - A20) thành đường xã (ĐX.43 - Phước Lộc - A20 đoạn xã Xuân Phước)				7,38				106.272,000	81.829,440			
	Phước Lộc - A20 đoạn xã Xuân Phước	Xã Xuân Phước	Năm 2013	Cấp IV	7,38				106.272,000	81.829,440	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
02	Điều chuyển tài sản do chuyển đoạn đường của tuyến đường huyện (ĐH.45- Long Hà - Phước Lộc) thành đường xã (ĐX.45 -Long Hà - Phước Lộc đoạn xã Xuân Phước)				1,57				22.608,000	17.408,160			
	Long Hà - Phước Lộc đoạn xã Xuân Phước	Xã Xuân Phước	Năm 2013	Cấp V	1,57				22.608,000	17.408,160	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
03	Điều chuyển tài sản do chuyển đoạn đường của tuyến đường huyện (ĐH.46- Thạnh Đức - Gò Ôi) thành đường xã (ĐX.46 -Thạnh Đức - Gò Ôi đoạn xã Xuân Phước)				1,28				18.432,000	14.192,640			
	Long Hà - Phước Lộc đoạn xã Xuân Phước	Xã Xuân Phước	Năm 2013	Cấp V	1,28				18.432,000	14.192,640	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
XXXXXXXXXII. Xã Xuân Thọ													
01	Điều chuyển tài sản do chuyển đoạn đường của tuyến đường huyện (ĐH.01- Mỹ Lương - Hảo Nghĩa - Hảo Danh) thành đường xã (ĐX.01 - Mỹ Lương - Hảo Nghĩa - Hảo Danh đoạn xã Xuân Thọ)				11,10				85.000,000	68.000,000			
	Mỹ Lương - Hảo Nghĩa - Hảo Danh đoạn xã Xuân Thọ	Xã Xuân Thọ	Năm 2016		11,10				85.000,000	68.000,000	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
02	Điều chuyển tài sản do chuyển đoạn đường của tuyến đường huyện (ĐH.10- Bình Thạnh - Đá Giăng) thành đường xã (ĐX.10 - Bình Thạnh - Đá Giăng đoạn xã Xuân Thọ)				12,60				35.000,000	35.000,000			
	Bình Thạnh - Đá Giăng đoạn xã Xuân Thọ	Xã Xuân Thọ	Năm 2024		12,60				35.000,000	35.000,000	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
XXXXXXXXXIII. Xã Yang Mao													
1	Điều chuyển tài sản do chuyển tuyến đường huyện (ĐH.06 - Đường Buôn M'Nghí - Nhân Giang) thành đường xã ĐX.06-Đường Buôn M'Nghí - Nhân Giang				3,93				13.000,000	866,667			

STT	Tài sản <i>(Chỉ tiết theo từng loại tài sản)</i>	Địa chỉ	Năm đưa vào sử dụng	Loại/cấp/hạng	Số lượng/ Chiều dài (Km)	Diện tích (m2)			Giá trị (triệu đồng)		Tình trạng sử dụng của tài sản	Hình thức xử lý	Lý do xử lý
						Đất	Sàn sử dụng nhà	Cầu	Nguyên giá	Giá trị còn lại (đến 31/12/2024)			
(1)	(2)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)
	Đường Buôn M'Nghí - Nhân Giang	Yang Mao	2001	Cấp IV miền núi	3,93				13.000,000	866,667	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
2	Điều chuyển tài sản do chuyển tuyến đường huyện (ĐH.09 - Đường Cư Đrăm - Krông Á) thành đường xã ĐX.09 - Đường Cư Đrăm - Krông Á				29,00				42.000,000	2.800,000			
	ĐH.09_ Đường Cư Đrăm - Krông Á, Đoạn từ km0 - km29	Cư Đrăm	2005	Cấp IV miền núi	29,00				42.000,000	2.800,000	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
XXXXXXXXIV. Phường Bình Kiến													
A. Điều chuyển tài sản đường huyện về cho phường quản lý													
1	Điều chuyển tài sản do chuyển tuyến đường huyện (ĐH11 - Đường Đá bàn) thành đường xã (ĐX.11 - Đường Đá bàn)				10,60			160,00	303.300,000	233.541,000			
1.1	Phần đường và các công trình phụ trợ gắn liền với đường (kể cả cầu có chiều dài dưới 25m)												
	Đường Đá bàn	Phường Bình Kiến		Cấp IV	10,57				297.860,000	229.352,200	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
1.2	Cầu đường bộ và các công trình phụ trợ cầu đường bộ; tài sản, thiết bị chuyên dùng phục vụ riêng biệt cho cầu đường bộ												
	Cầu Minh Đức	Phường Bình Kiến		BTCT	0,03			160,00	5.440,000	4.188,800	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
02	Điều chuyển tài sản do chuyển tuyến đường huyện (ĐH12 - Đường Quốc lộ 1 - Viện điều dưỡng long thủy) thành đường xã (ĐX12 - Đường Quốc lộ 1 - Viện điều dưỡng long thủy)				1,75				49.175,000	37.864,750			
	Đường Quốc lộ 1 - Viện điều dưỡng long thủy	Phường Bình Kiến		Cấp IV	1,75				49.175,000	37.864,750	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
03	Điều chuyển tài sản do chuyển tuyến đường huyện (ĐH13 - Đường đi nghĩa trang Thọ Vực - dọc Kênh N1) thành đường xã (ĐX13 - Đường đi nghĩa trang Thọ Vực - dọc Kênh N1)				5,02				141.062,000	108.617,740			
	Đường đi nghĩa trang Thọ Vực - dọc Kênh N1	Phường Bình Kiến		Cấp IV	5,02				141.062,000	108.617,740	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
B. Điều chuyển tài sản đường đô thị về cho phường quản lý													
01	Đường Hùng Vương	Phường Bình Kiến	Năm 2010	ĐĐT	4,18				406.296,000	312.535,072	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
02	Đường Nguyễn Tất Thành	Phường Bình Kiến	Năm 2010	ĐĐT	3,32				322.704,000	248.482,080	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
03	Đường Lê Duẩn	Phường Bình Kiến	Năm 2010	ĐĐT	6,70				651.240,000	487.525,500	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
04	Đường Độc Lập	Phường Bình Kiến	Năm 2010	ĐĐT	2,61				253.692,000	194.366,126	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
05	Đường An Dương Vương	Phường Bình Kiến	Năm 2010	ĐĐT	1,70				165.240,000	112.266,000	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
06	Đường Lý Nam Đế	Phường Bình Kiến	Năm 2010	ĐĐT	1,80				174.960,000	134.719,200	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
07	Đường Trường Chinh	Phường Bình Kiến	Năm 2010	ĐĐT	0,69				67.068,000	51.642,360	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
08	Đường Trần Nhân Tông	Phường Bình Kiến	Năm 2010	ĐĐT	1,95				189.540,000	145.945,800	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
09	Đường Lê Đài	Phường Bình Kiến	Năm 2010	ĐĐT	0,52				50.544,000	38.918,880	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
10	Đường Lương Định Của	Phường Bình Kiến	Năm 2010	ĐĐT	0,23				21.870,000	16.839,900	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
11	Đường Võ Trứ	Phường Bình Kiến	Năm 2010	ĐĐT	0,98				94.770,000	72.972,900	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
12	Đường Trần Suyền	Phường Bình Kiến	Năm 2010	ĐĐT	0,28				27.216,000	20.956,320	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
13	Đường Hà Huy Tập	Phường Bình Kiến	Năm 2010	ĐĐT	1,58				153.576,000	118.253,520	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
14	Đường Mậu Thân	Phường Bình Kiến	Năm 2010	ĐĐT	2,32				225.372,126	173.536,537	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
15	Đường Trần Hào	Phường Bình Kiến	Năm 2010	ĐĐT	0,50				48.600,000	37.422,000	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
16	Đường No Trang Long	Phường Bình Kiến	Năm 2010	ĐĐT	0,23				21.870,000	16.839,900	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
17	Đường Nguyễn Hào Sứ	Phường Bình Kiến	Năm 2010	ĐĐT	2,35				228.420,000	175.883,400	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
18	Đường Tân Trào	Phường Bình Kiến	Năm 2010	ĐĐT	1,50				145.800,000	112.266,000	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
19	Đường Nguyễn Kim Vang	Phường Bình Kiến	Năm 2010	ĐĐT	0,34				33.048,000	25.446,960	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản

STT	Tài sản <i>(Chỉ liệt theo từng loại tài sản)</i>	Địa chỉ	Năm đưa vào sử dụng	Loại/cấp/hạng	Số lượng/Chiều dài (Km)	Diện tích (m2)			Giá trị (triệu đồng)		Tình trạng sử dụng của tài sản	Hình thức xử lý	Lý do xử lý
						Đất	Sàn sử dụng nhà	Cầu	Nguyên giá	Giá trị còn lại (đến 31/12/2024)			
(1)	(2)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)
20	Đường Nguyễn Văn Huyền	Phường Bình Kiến	Năm 2010	ĐĐT	2,20				213.840,000	164.656,800	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
21	Đường Huỳnh Nự	Phường Bình Kiến	Năm 2010	ĐĐT	0,21				20.412,000	15.717,240	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
22	Đường Võ Văn Dũng	Phường Bình Kiến	Năm 2010	ĐĐT	0,46				44.712,000	34.428,240	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
23	Đường Võ Văn Tần	Phường Bình Kiến	Năm 2010	ĐĐT	0,56				54.432,000	41.912,640	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
24	Đường Chi Lăng	Phường Bình Kiến	Năm 2010	ĐĐT	0,30				29.160,000	22.453,200	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
25	Đường Trần Rịa	Phường Bình Kiến	Năm 2010	ĐĐT	0,10				9.720,000	7.484,400	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
26	Đường Nguyễn Hoa	Phường Bình Kiến	Năm 2010	ĐĐT	0,10				9.720,000	7.484,400	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
27	Đường Lưu Văn Liêu	Phường Bình Kiến	Năm 2010	ĐĐT	0,10				9.720,000	7.484,400	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
28	Đường Nguyễn Mỹ	Phường Bình Kiến	Năm 2010	ĐĐT	0,10				9.720,000	7.484,400	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
29	Đường Chí Linh	Phường Bình Kiến	Năm 2010	ĐĐT	0,30				29.160,000	22.453,200	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
30	Đường Lê Văn Hưu	Phường Bình Kiến	Năm 2010	ĐĐT	0,56				54.432,000	41.912,640	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
31	Đường Trương Kiểm	Phường Bình Kiến	Năm 2010	ĐĐT	0,78				75.816,000	58.378,320	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
XXXXXXXXV. Phường Buôn Hồ													
A. Điều chuyển tài sản đường huyện về cho phường quản lý													
01	Điều chuyển tài sản do chuyển tuyến đường huyện (ĐH- Đường Buôn Hồ - Ea Blang - Ea Đrông - Phú Xuân (NT49) từ Km0+00-Km2+200) thành đường xã (ĐX.01a - Đường Buôn Hồ - Ea Blang -Ea Đrông - Phú Xuân (NT49) từ Km0+00-Km2+200)				2,20				31.680,000	22.651,200			
	Đường Buôn Hồ - Ea Blang -Ea Đrông - Phú Xuân (NT49) từ Km0+00-Km2+200	Phường Buôn Hồ	Năm 2022	Cấp III miền núi	2,20				31.680,000	22.651,200	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
B. Điều chuyển tài sản đường đô thị về cho phường quản lý													
01	Đường Phù Đồng	Phường Buôn Hồ	Năm 2015	Cấp IV miền núi	4,54				65.376,000	46.743,840	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
02	Đường Lý Chính Thắng	Phường Buôn Hồ	Năm 2021	Cấp IV miền núi	3,00				43.200,000	30.888,000	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
03	Minh Sơn (Y’ Jôn Niê Kdăm)	Phường Buôn Hồ	Năm 2015	Cấp IV miền núi	0,60				9.340,000	6.783,100	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
04	A Ma Jhao	Phường Buôn Hồ	Năm 2015	Cấp IV miền núi	0,53				8.982,000	6.665,130	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
05	A Mí Đoan	Phường Buôn Hồ	Năm 2015	Cấp IV miền núi	0,40				5.760,000	4.118,400	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
06	Ama Pui	Phường Buôn Hồ	Năm 2015	Cấp IV miền núi	0,69				9.936,000	7.104,240	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
07	AmaKhê	Phường Buôn Hồ	Năm 2015	Cấp IV miền núi	0,20				2.880,000	2.059,200	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
08	An Dương Vương	Phường Buôn Hồ	Năm 2015	Cấp IV miền núi	2,42				38.900,000	28.765,720	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
09	Ấu Cơ	Phường Buôn Hồ	Năm 2015	Cấp IV miền núi	4,30				64.020,000	46.267,800	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
10	Bà Huyện Thanh Quan	Phường Buôn Hồ	Năm 2015	Cấp IV miền núi	0,20				2.880,000	2.059,200	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
11	Bà Triệu	Phường Buôn Hồ	Năm 2015	Cấp IV miền núi	0,33				4.752,000	3.397,680	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
12	Bế Văn Đàn	Phường Buôn Hồ	Năm 2015	Cấp IV miền núi	0,30				4.320,000	3.088,800	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
13	Bùi Hữu Nghĩa	Phường Buôn Hồ	Năm 2015	Cấp IV miền núi	0,15				2.760,000	2.024,400	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
14	Bùi Huy Bích	Phường Buôn Hồ	Năm 2015	Cấp IV miền núi	0,90				12.960,000	9.266,400	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
15	Bùi Thị Xuân	Phường Buôn Hồ	Năm 2015	Cấp IV miền núi	0,16				2.304,000	1.647,360	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
16	Bùi Xuân Phái	Phường Buôn Hồ	Năm 2015	Cấp IV miền núi	0,80				12.520,000	9.161,800	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
17	Cao Đạt	Phường Buôn Hồ	Năm 2015	Cấp IV miền núi	0,83				11.952,000	8.545,680	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản

STT	Tài sản <i>(Chỉ liệt theo từng loại tài sản)</i>	Địa chỉ	Năm đưa vào sử dụng	Loại/cấp/hạng	Số lượng/Chiều dài (Km)	Diện tích (m2)			Giá trị (triệu đồng)		Tình trạng sử dụng của tài sản	Hình thức xử lý	Lý do xử lý
						Đất	Sàn sử dụng nhà	Cầu	Nguyên giá	Giá trị còn lại (đến 31/12/2024)			
(1)	(2)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)
18	Cao Xuân Huy	Phường Buôn Hồ	Năm 2015	Cấp IV miền núi	0,20				2.880,000	2.059,200	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
19	Chu Mạnh Trinh	Phường Buôn Hồ	Năm 2015	Cấp IV miền núi	1,30				20.302,000	14.848,150	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
20	Chu Văn An	Phường Buôn Hồ	Năm 2015	Cấp IV miền núi	0,30				6.292,000	4.853,740	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
21	Cổng Quỳnh	Phường Buôn Hồ	Năm 2015	Cấp IV miền núi	0,35				5.040,000	3.603,600	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
22	Cù Chính Lan	Phường Buôn Hồ	Năm 2015	Cấp IV miền núi	0,17				2.448,000	1.750,320	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
23	Dã Tượng	Phường Buôn Hồ	Năm 2015	Cấp IV miền núi	1,34				19.896,000	14.333,640	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
24	Đặng Nguyễn Căn	Phường Buôn Hồ	Năm 2015	Cấp IV miền núi	0,15				2.160,000	1.544,400	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
25	Đặng Tất	Phường Buôn Hồ	Năm 2015	Cấp IV miền núi	0,20				2.880,000	2.059,200	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
26	Đặng Thai Mai	Phường Buôn Hồ	Năm 2015	Cấp IV miền núi	1,00				14.400,000	10.296,000	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
27	Đặng Thùy Trâm	Phường Buôn Hồ	Năm 2015	Cấp IV miền núi	0,40				5.760,000	4.118,400	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
28	Đào Tấn	Phường Buôn Hồ	Năm 2015	Cấp IV miền núi	0,20				2.880,000	2.059,200	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
29	Đinh Công Tráng	Phường Buôn Hồ	Năm 2015	Cấp IV miền núi	0,70				10.080,000	7.207,200	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
30	Đinh Liễn	Phường Buôn Hồ	Năm 2015	Cấp IV miền núi	0,35				5.040,000	3.603,600	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
31	Đinh Núp	Phường Buôn Hồ	Năm 2015	Cấp IV miền núi	0,40				6.560,000	4.878,400	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
32	Đinh Tiên Hoàng	Phường Buôn Hồ	Năm 2015	Cấp IV miền núi	0,23				4.075,000	3.050,965	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
33	Đinh Văn Gió	Phường Buôn Hồ	Năm 2015	Cấp IV miền núi	0,30				4.320,000	3.088,800	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
34	Đoàn Khuê	Phường Buôn Hồ	Năm 2015	Cấp IV miền núi	0,60				8.640,000	6.177,600	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
35	Dương Đình Nghệ	Phường Buôn Hồ	Năm 2015	Cấp IV miền núi	0,22				3.168,000	2.265,120	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
36	Nguyễn Du	Phường Buôn Hồ	Năm 2015	Cấp IV miền núi	0,35				7.128,000	5.472,360	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
37	Nguyễn Trung Trực	Phường Buôn Hồ	Năm 2015	Cấp IV miền núi	1,79				25.776,000	18.429,840	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
38	Dương Văn Nga	Phường Buôn Hồ	Năm 2015	Cấp IV miền núi	0,17				2.448,000	1.750,320	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
39	Duy Tân	Phường Buôn Hồ	Năm 2015	Cấp IV miền núi	0,55				7.920,000	5.662,800	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
40	Giáp Hải	Phường Buôn Hồ	Năm 2015	Cấp IV miền núi	0,13				2.472,000	1.875,480	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
41	Hà Huy Tập	Phường Buôn Hồ	Năm 2015	Cấp IV miền núi	0,62				8.928,000	6.383,520	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
42	Hai Bà Trưng	Phường Buôn Hồ	Năm 2015	Cấp IV miền núi	0,48				9.501,000	7.259,235	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
43	Hải Thượng Lân Ông	Phường Buôn Hồ	Năm 2015	Cấp IV miền núi	2,40				40.471,000	30.473,625	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
44	Hải Triều	Phường Buôn Hồ	Năm 2015	Cấp IV miền núi	1,79				25.776,000	18.429,840	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
45	Hàm Nghi	Phường Buôn Hồ	Năm 2015	Cấp IV miền núi	1,50				22.800,000	16.518,000	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
46	Hàn Mặc Tử	Phường Buôn Hồ	Năm 2015	Cấp IV miền núi	0,50				7.200,000	5.148,000	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
47	Hồ Tùng Mậu	Phường Buôn Hồ	Năm 2015	Cấp IV miền núi	0,27				4.388,000	3.227,420	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
48	Hồ Xuân Hương	Phường Buôn Hồ	Năm 2015	Cấp IV miền núi	4,00				60.600,000	44.034,000	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
49	Hoàng Diệu	Phường Buôn Hồ	Năm 2015	Cấp IV miền núi	0,87				16.483,000	12.497,245	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
50	Hoàng Quốc Việt	Phường Buôn Hồ	Năm 2015	Cấp IV miền núi	4,10				79.649,000	62.307,375	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản

STT	Tài sản <i>(Chỉ liệt theo từng loại tài sản)</i>	Địa chỉ	Năm đưa vào sử dụng	Loại/cấp/hạng	Số lượng/Chiều dài (Km)	Diện tích (m2)			Giá trị (triệu đồng)		Tình trạng sử dụng của tài sản	Hình thức xử lý	Lý do xử lý
						Đất	Sàn sử dụng nhà	Cầu	Nguyên giá	Giá trị còn lại (đến 31/12/2024)			
(1)	(2)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)
51	Hoàng Việt	Phường Buôn Hồ	Năm 2015	Cấp IV miền núi	1,00				14.400,000	10.296,000	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
52	Huỳnh Tấn Phát	Phường Buôn Hồ	Năm 2015	Cấp IV miền núi	1,30				18.720,000	13.384,800	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
53	Huỳnh Thúc Kháng	Phường Buôn Hồ	Năm 2015	Cấp IV miền núi	0,45				6.480,000	4.633,200	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
54	Huỳnh Văn Bánh	Phường Buôn Hồ	Năm 2015	Cấp IV miền núi	0,25				3.600,000	2.574,000	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
55	Huỳnh Văn Cẩn	Phường Buôn Hồ	Năm 2015	Cấp IV miền núi	0,79				11.376,000	8.133,840	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
56	Huỳnh Văn Nghệ	Phường Buôn Hồ	Năm 2015	Cấp IV miền núi	0,55				7.920,000	5.662,800	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
57	Khúc Thừa Dụ	Phường Buôn Hồ	Năm 2015	Cấp IV miền núi	0,45				6.480,000	4.633,200	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
58	Kim Đồng	Phường Buôn Hồ	Năm 2015	Cấp IV miền núi	0,20				3.789,000	2.872,755	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
59	Lạc Long Quân	Phường Buôn Hồ	Năm 2015	Cấp IV miền núi	1,85				29.763,000	22.092,525	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
60	Lê Anh Xuân	Phường Buôn Hồ	Năm 2015	Cấp IV miền núi	0,50				7.200,000	5.148,000	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
61	Lê Chân	Phường Buôn Hồ	Năm 2015	Cấp IV miền núi	0,75				11.570,000	8.453,500	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
62	Lê Công Kiều	Phường Buôn Hồ	Năm 2015	Cấp IV miền núi	0,97				13.968,000	9.987,120	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
63	Lê Đại Hành	Phường Buôn Hồ	Năm 2015	Cấp IV miền núi	0,13				1.872,000	1.338,480	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
64	Lê Duẩn	Phường Buôn Hồ	Năm 2015	Cấp IV miền núi	0,60				10.282,000	7.696,450	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
65	Lê Đức Thọ	Phường Buôn Hồ	Năm 2015	Cấp IV miền núi	0,20				3.973,000	3.070,225	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
66	Lê Hồng Phong	Phường Buôn Hồ	Năm 2015	Cấp IV miền núi	0,15				3.785,000	2.950,025	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
67	Lê Hồng Sơn	Phường Buôn Hồ	Năm 2015	Cấp IV miền núi	0,90				12.960,000	9.266,400	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
68	Lê Huy	Phường Buôn Hồ	Năm 2015	Cấp IV miền núi	0,71				10.224,000	7.310,160	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
69	Lê Lai	Phường Buôn Hồ	Năm 2015	Cấp IV miền núi	0,11				1.584,000	1.132,560	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
70	Lê Lợi	Phường Buôn Hồ	Năm 2015	Cấp IV miền núi	0,53				12.351,000	9.538,815	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
71	Lê Minh Xuân	Phường Buôn Hồ	Năm 2015	Cấp IV miền núi	0,45				6.480,000	4.633,200	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
72	Lê Quang Đạo	Phường Buôn Hồ	Năm 2015	Cấp IV miền núi	0,50				8.550,000	6.430,500	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
73	Lê Quý Đôn	Phường Buôn Hồ	Năm 2015	Cấp IV miền núi	1,68				38.242,000	30.996,030	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
74	Lê Thị Hồng Gấm	Phường Buôn Hồ	Năm 2015	Cấp IV miền núi	0,11				1.584,000	1.132,560	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
75	Lê Văn Hưu	Phường Buôn Hồ	Năm 2015	Cấp IV miền núi	1,72				49.262,000	40.366,070	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
76	Lê Văn Sỹ	Phường Buôn Hồ	Năm 2015	Cấp IV miền núi	0,35				5.040,000	3.603,600	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
77	Lê Vù	Phường Buôn Hồ	Năm 2015	Cấp IV miền núi	0,90				14.310,000	10.434,150	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
78	Lương Định Của	Phường Buôn Hồ	Năm 2015	Cấp IV miền núi	0,60				10.889,000	8.122,985	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
79	Lương Thế Vinh	Phường Buôn Hồ	Năm 2015	Cấp IV miền núi	2,70				40.978,000	29.792,300	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
80	Lương Văn Can	Phường Buôn Hồ	Năm 2015	Cấp IV miền núi	0,47				6.768,000	4.839,120	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
81	Lưu Quang Vũ	Phường Buôn Hồ	Năm 2015	Cấp IV miền núi	0,22				3.168,000	2.265,120	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
82	Lý Chiêu Hoàng	Phường Buôn Hồ	Năm 2015	Cấp IV miền núi	0,25				3.600,000	2.574,000	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
83	Lý Công Bình	Phường Buôn Hồ	Năm 2015	Cấp IV miền núi	0,20				2.880,000	2.059,200	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản

STT	Tài sản <i>(Chỉ liệt theo từng loại tài sản)</i>	Địa chỉ	Năm đưa vào sử dụng	Loại/cấp/hạng	Số lượng/Chiều dài (Km)	Diện tích (m2)			Giá trị (triệu đồng)		Tình trạng sử dụng của tài sản	Hình thức xử lý	Lý do xử lý
						Đất	Sàn sử dụng nhà	Cầu	Nguyên giá	Giá trị còn lại (đến 31/12/2024)			
(1)	(2)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)
84	Lý Tự Trọng	Phường Buôn Hồ	Năm 2015	Cấp IV miền núi	2,85				42.862,000	30.974,290	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
85	Mạc Đăng Dung	Phường Buôn Hồ	Năm 2015	Cấp IV miền núi	0,50				7.200,000	5.148,000	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
86	Mạc Đình Chi	Phường Buôn Hồ	Năm 2015	Cấp IV miền núi	1,20				17.280,000	12.355,200	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
87	Mai Hắc Đế	Phường Buôn Hồ	Năm 2015	Cấp IV miền núi	2,83				41.426,000	29.740,910	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
88	Mai Thị Lựu	Phường Buôn Hồ	Năm 2015	Cấp IV miền núi	0,31				4.464,000	3.191,760	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
89	Mai Xuân Thưởng	Phường Buôn Hồ	Năm 2015	Cấp IV miền núi	0,50				7.700,000	5.610,500	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
90	Nam Cao	Phường Buôn Hồ	Năm 2015	Cấp IV miền núi	0,75				10.800,000	7.722,000	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
91	Ngô Đức Kế	Phường Buôn Hồ	Năm 2015	Cấp IV miền núi	0,60				8.640,000	6.177,600	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
92	Ngô Gia Khâm	Phường Buôn Hồ	Năm 2015	Cấp IV miền núi	0,14				2.016,000	1.441,440	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
93	Ngô Mây	Phường Buôn Hồ	Năm 2015	Cấp IV miền núi	0,20				2.880,000	2.059,200	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
94	Ngô Quyền	Phường Buôn Hồ	Năm 2015	Cấp IV miền núi	0,12				3.057,000	2.385,105	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
95	Ngô Sỹ Liên	Phường Buôn Hồ	Năm 2015	Cấp IV miền núi	0,65				9.360,000	6.692,400	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
96	Ngô Thị Nhậm	Phường Buôn Hồ	Năm 2015	Cấp IV miền núi	0,40				5.760,000	4.118,400	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
97	Ngô Thị Sĩ	Phường Buôn Hồ	Năm 2015	Cấp IV miền núi	0,46				6.624,000	4.736,160	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
98	Ngô Văn Sớ	Phường Buôn Hồ	Năm 2015	Cấp IV miền núi	0,14				2.016,000	1.441,440	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
99	Nguyễn An Ninh	Phường Buôn Hồ	Năm 2015	Cấp IV miền núi	0,34				4.896,000	3.500,640	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
100	Nguyễn Bá Ngọc	Phường Buôn Hồ	Năm 2015	Cấp IV miền núi	0,14				2.016,000	1.441,440	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
101	Nguyễn Bình	Phường Buôn Hồ	Năm 2015	Cấp IV miền núi	0,40				5.760,000	4.118,400	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
102	Nguyễn Bình Khiêm	Phường Buôn Hồ	Năm 2015	Cấp IV miền núi	0,37				59.669,000	43.490,945	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
103	Nguyễn Công Trứ	Phường Buôn Hồ	Năm 2015	Cấp IV miền núi	0,36				5.184,000	3.706,560	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
104	Nguyễn Cư Trinh	Phường Buôn Hồ	Năm 2015	Cấp IV miền núi	0,80				13.109,000	9.706,625	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
105	Nguyễn Đình Chiểu	Phường Buôn Hồ	Năm 2015	Cấp IV miền núi	0,55				9.809,000	7.296,785	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
106	Nguyễn Đình Hoàng	Phường Buôn Hồ	Năm 2015	Cấp IV miền núi	0,74				12.406,000	9.106,540	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
107	Nguyễn Đức Cảnh	Phường Buôn Hồ	Năm 2015	Cấp IV miền núi	0,44				6.336,000	4.530,240	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
108	Nguyễn Duy Trinh	Phường Buôn Hồ	Năm 2015	Cấp IV miền núi	0,60				10.669,000	7.993,555	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
109	Nguyễn Hiền	Phường Buôn Hồ	Năm 2015	Cấp IV miền núi	0,30				4.320,000	3.088,800	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
110	Nguyễn Hồng	Phường Buôn Hồ	Năm 2015	Cấp IV miền núi	1,20				18.280,000	13.220,200	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
111	Nguyễn Hữu Cảnh	Phường Buôn Hồ	Năm 2015	Cấp IV miền núi	0,12				1.728,000	1.235,520	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
112	Nguyễn Hữu Thọ	Phường Buôn Hồ	Năm 2015	Cấp IV miền núi	0,52				7.488,000	5.353,920	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
113	Nguyễn Hữu Tiên	Phường Buôn Hồ	Năm 2015	Cấp IV miền núi	0,50				7.200,000	5.148,000	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
114	Nguyễn Huy Tự	Phường Buôn Hồ	Năm 2015	Cấp IV miền núi	0,45				6.480,000	4.633,200	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
115	Nguyễn Huy Tường	Phường Buôn Hồ	Năm 2015	Cấp IV miền núi	0,80				13.636,000	10.067,140	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
116	Nguyễn Khuyến	Phường Buôn Hồ	Năm 2015	Cấp IV miền núi	0,23				3.312,000	2.368,080	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản

STT	Tài sản <i>(Chỉ liệt theo từng loại tài sản)</i>	Địa chỉ	Năm đưa vào sử dụng	Loại/cấp/hạng	Số lượng/Chiều dài (Km)	Diện tích (m2)			Giá trị (triệu đồng)		Tình trạng sử dụng của tài sản	Hình thức xử lý	Lý do xử lý
						Đất	Sàn sử dụng nhà	Cầu	Nguyên giá	Giá trị còn lại (đến 31/12/2024)			
(1)	(2)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)
117	Nguyễn Kim	Phường Buôn Hồ	Năm 2015	Cấp IV miền núi	0,60				8.640,000	6.177,600	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
118	Nguyễn Lân	Phường Buôn Hồ	Năm 2015	Cấp IV miền núi	0,30				4.320,000	3.088,800	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
119	Nguyễn Lương Bằng	Phường Buôn Hồ	Năm 2015	Cấp IV miền núi	3,00				47.027,000	34.198,355	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
120	Nguyễn Minh Châu	Phường Buôn Hồ	Năm 2015	Cấp IV miền núi	1,50				23.590,000	17.284,750	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
121	Nguyễn Tất Thành	Phường Buôn Hồ	Năm 2015	Cấp IV miền núi	4,16				62.342,000	45.086,510	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
122	Nguyễn Thái Bình	Phường Buôn Hồ	Năm 2015	Cấp IV miền núi	0,60				8.640,000	6.177,600	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
123	Nguyễn Thi	Phường Buôn Hồ	Năm 2015	Cấp IV miền núi	0,20				2.880,000	2.059,200	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
124	Nguyễn Thị Định	Phường Buôn Hồ	Năm 2015	Cấp IV miền núi	0,22				3.168,000	2.265,120	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
125	Nguyễn Thị Minh Khai	Phường Buôn Hồ	Năm 2015	Cấp IV miền núi	1,31				18.864,000	13.487,760	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
126	Nguyễn Thị Thập	Phường Buôn Hồ	Năm 2015	Cấp IV miền núi	3,00				43.200,000	30.888,000	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
127	Nguyễn Thiếp	Phường Buôn Hồ	Năm 2015	Cấp IV miền núi	0,35				5.040,000	3.603,600	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
128	Nguyễn Thuyền	Phường Buôn Hồ	Năm 2015	Cấp IV miền núi	0,10				1.440,000	1.029,600	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
129	Nguyễn Trãi	Phường Buôn Hồ	Năm 2015	Cấp IV miền núi	4,47				71.852,000	53.132,920	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
130	Nguyễn Tri Phương	Phường Buôn Hồ	Năm 2015	Cấp IV miền núi	0,38				7.532,000	5.817,980	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
131	Nguyễn Trọng Tuyển	Phường Buôn Hồ	Năm 2015	Cấp IV miền núi	0,13				1.872,000	1.338,480	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
132	Nguyễn Trung Trực	Phường Buôn Hồ	Năm 2015	Cấp IV miền núi	0,80				11.520,000	8.236,800	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
133	Nguyễn Tuân	Phường Buôn Hồ	Năm 2015	Cấp IV miền núi	0,60				8.640,000	6.177,600	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
134	Nguyễn Văn Cừ	Phường Buôn Hồ	Năm 2015	Cấp IV miền núi	0,50				7.900,000	5.753,500	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
135	Nguyễn Văn Linh	Phường Buôn Hồ	Năm 2015	Cấp IV miền núi	0,72				12.177,000	8.977,905	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
136	Nguyễn Văn Siêu	Phường Buôn Hồ	Năm 2015	Cấp IV miền núi	0,13				1.872,000	1.338,480	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
137	Nguyễn Văn Trỗi	Phường Buôn Hồ	Năm 2015	Cấp IV miền núi	0,30				4.320,000	3.088,800	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
138	Nguyễn Viết Xuân	Phường Buôn Hồ	Năm 2015	Cấp IV miền núi	1,80				26.420,000	18.965,300	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
139	Nguyễn Xí	Phường Buôn Hồ	Năm 2015	Cấp IV miền núi	0,40				5.760,000	4.118,400	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
140	Nguyễn Xuân Nguyên	Phường Buôn Hồ	Năm 2015	Cấp IV miền núi	0,55				7.920,000	5.662,800	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
141	Nơ Trang Long	Phường Buôn Hồ	Năm 2015	Cấp IV miền núi	2,20				52.786,000	42.701,900	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
142	Ơi Ất	Phường Buôn Hồ	Năm 2015	Cấp IV miền núi	0,60				9.990,000	7.345,350	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
143	Ông Ích Khiêm	Phường Buôn Hồ	Năm 2015	Cấp IV miền núi	0,30				4.320,000	3.088,800	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
144	Phạm Hồng Thái	Phường Buôn Hồ	Năm 2015	Cấp IV miền núi	1,20				18.862,000	13.858,100	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
145	Phạm Ngọc Thạch	Phường Buôn Hồ	Năm 2015	Cấp IV miền núi	0,14				2.016,000	1.441,440	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
146	Phạm Ngũ Lão	Phường Buôn Hồ	Năm 2015	Cấp IV miền núi	0,14				2.016,000	1.441,440	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
147	Phạm Phú Thứ	Phường Buôn Hồ	Năm 2015	Cấp IV miền núi	0,91				13.104,000	9.369,360	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
148	Phạm Văn Bạch	Phường Buôn Hồ	Năm 2015	Cấp IV miền núi	0,65				9.360,000	6.692,400	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
149	Phạm Văn Đồng	Phường Buôn Hồ	Năm 2015	Cấp IV miền núi	1,10				15.840,000	11.325,600	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản

STT	Tài sản <i>(Chỉ liệt theo từng loại tài sản)</i>	Địa chỉ	Năm đưa vào sử dụng	Loại/cấp/hạng	Số lượng/Chiều dài (Km)	Diện tích (m2)			Giá trị (triệu đồng)		Tình trạng sử dụng của tài sản	Hình thức xử lý	Lý do xử lý
						Đất	Sàn sử dụng nhà	Cầu	Nguyên giá	Giá trị còn lại (đến 31/12/2024)			
(1)	(2)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)
150	Phan Bội Châu	Phường Buôn Hồ	Năm 2015	Cấp IV miền núi	0,55				8.559,000	6.253,875	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
151	Phan Chu Trinh	Phường Buôn Hồ	Năm 2015	Cấp IV miền núi	0,48				8.487,000	6.398,955	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
152	Phan Đăng Lưu	Phường Buôn Hồ	Năm 2015	Cấp IV miền núi	0,15				2.160,000	1.544,400	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
153	Phan Đình Giót	Phường Buôn Hồ	Năm 2015	Cấp IV miền núi	0,11				1.584,000	1.132,560	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
154	Phan Đình Phùng	Phường Buôn Hồ	Năm 2015	Cấp IV miền núi	0,45				6.480,000	4.633,200	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
155	Phan Huy Chú	Phường Buôn Hồ	Năm 2015	Cấp IV miền núi	0,40				5.760,000	4.118,400	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
156	Phan Huy Ích	Phường Buôn Hồ	Năm 2015	Cấp IV miền núi	0,63				9.072,000	6.486,480	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
157	Phan Kiệm	Phường Buôn Hồ	Năm 2015	Cấp IV miền núi	4,30				61.920,000	44.272,800	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
158	Phan Văn Khỏe	Phường Buôn Hồ	Năm 2015	Cấp IV miền núi	0,34				4.896,000	3.500,640	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
159	Phó Đức Chính	Phường Buôn Hồ	Năm 2015	Cấp IV miền núi	0,50				7.200,000	5.148,000	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
160	Phùng Chí Kiên	Phường Buôn Hồ	Năm 2015	Cấp IV miền núi	0,55				9.270,000	6.830,550	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
161	Phùng Hưng	Phường Buôn Hồ	Năm 2015	Cấp IV miền núi	0,20				2.880,000	2.059,200	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
162	Phùng Khắc Khoan	Phường Buôn Hồ	Năm 2015	Cấp IV miền núi	0,24				3.956,000	2.903,540	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
163	Phùng Thị Chính	Phường Buôn Hồ	Năm 2015	Cấp IV miền núi	0,55				8.620,000	6.268,300	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
164	Quang Trung	Phường Buôn Hồ	Năm 2015	Cấp IV miền núi	0,99				29.109,000	23.932,065	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
165	Sư Vạn Hạnh	Phường Buôn Hồ	Năm 2015	Cấp IV miền núi	0,75				11.600,000	8.414,000	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
166	Tân Đà	Phường Buôn Hồ	Năm 2015	Cấp IV miền núi	0,23				3.312,000	2.368,080	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
167	Tán Thuật	Phường Buôn Hồ	Năm 2015	Cấp IV miền núi	1,10				15.840,000	11.325,600	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
168	Tăng Bạt Hổ	Phường Buôn Hồ	Năm 2015	Cấp IV miền núi	0,85				12.240,000	8.751,600	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
169	Thị Sách	Phường Buôn Hồ	Năm 2015	Cấp IV miền núi	0,12				1.728,000	1.235,520	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
170	Thù Khoa Huân	Phường Buôn Hồ	Năm 2015	Cấp IV miền núi	0,87				12.528,000	8.957,520	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
171	Tô Hiệu	Phường Buôn Hồ	Năm 2015	Cấp IV miền núi	0,10				1.440,000	1.029,600	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
172	Tô Hoài	Phường Buôn Hồ	Năm 2015	Cấp IV miền núi	0,32				4.608,000	3.294,720	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
173	Tô Ngọc Vân	Phường Buôn Hồ	Năm 2015	Cấp IV miền núi	0,14				2.016,000	1.441,440	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
174	Tô Vĩnh Diện	Phường Buôn Hồ	Năm 2015	Cấp IV miền núi	0,30				4.320,000	3.088,800	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
175	Tôn Thất Thuyết	Phường Buôn Hồ	Năm 2015	Cấp IV miền núi	1,30				20.625,532	15.147,417	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
176	Tôn Thất Tùng	Phường Buôn Hồ	Năm 2015	Cấp IV miền núi	0,20				2.880,000	2.059,200	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
177	Tổng Duy Tân	Phường Buôn Hồ	Năm 2015	Cấp IV miền núi	0,80				12.520,000	9.101,800	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
178	Trần Cảnh	Phường Buôn Hồ	Năm 2015	Cấp IV miền núi	0,40				5.760,000	4.118,400	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
179	Trần Cao Văn	Phường Buôn Hồ	Năm 2015	Cấp IV miền núi	0,30				4.320,000	3.088,800	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
180	Trần Đại Nghĩa	Phường Buôn Hồ	Năm 2015	Cấp IV miền núi	0,27				7.190,000	5.421,520	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
181	Trần Hoàn	Phường Buôn Hồ	Năm 2015	Cấp IV miền núi	0,40				5.760,000	4.118,400	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
182	Trần Hữu Trang	Phường Buôn Hồ	Năm 2015	Cấp IV miền núi	0,56				8.064,000	5.765,760	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản

STT	Tài sản <i>(Chỉ liệt theo từng loại tài sản)</i>	Địa chỉ	Năm đưa vào sử dụng	Loại/cấp/hạng	Số lượng/Chiều dài (Km)	Diện tích (m2)			Giá trị (triệu đồng)		Tình trạng sử dụng của tài sản	Hình thức xử lý	Lý do xử lý
						Đất	Sàn sử dụng nhà	Cầu	Nguyên giá	Giá trị còn lại (đến 31/12/2024)			
(1)	(2)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)
183	Trần Huy Liệu	Phường Buôn Hồ	Năm 2015	Cấp IV miền núi	0,80				14.720,000	11.276,800	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
184	Trần Khánh Dư	Phường Buôn Hồ	Năm 2015	Cấp IV miền núi	0,30				4.320,000	3.088,800	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
185	Trần Nguyễn Hân	Phường Buôn Hồ	Năm 2015	Cấp IV miền núi	1,23				17.712,000	12.664,080	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
186	Trần Nhật Duật	Phường Buôn Hồ	Năm 2015	Cấp IV miền núi	1,30				18.720,000	13.384,800	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
187	Trần Phú	Phường Buôn Hồ	Năm 2015	Cấp IV miền núi	0,50				10.232,000	7.952,600	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
188	Trần Quốc Hoàn	Phường Buôn Hồ	Năm 2015	Cấp IV miền núi	2,39				34.416,000	24.607,440	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
189	Trần Quốc Thảo	Phường Buôn Hồ	Năm 2015	Cấp IV miền núi	0,60				8.640,000	6.177,600	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
190	Trần Quốc Toàn	Phường Buôn Hồ	Năm 2015	Cấp IV miền núi	0,11				1.584,000	1.132,560	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
191	Trần Thủ Độ	Phường Buôn Hồ	Năm 2015	Cấp IV miền núi	0,28				4.032,000	2.882,880	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
192	Trần Văn Giàu	Phường Buôn Hồ	Năm 2015	Cấp IV miền núi	0,14				2.016,000	1.441,440	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
193	Trần Văn Ôn	Phường Buôn Hồ	Năm 2015	Cấp IV miền núi	0,50				7.200,000	5.148,000	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
194	Trần Văn Phụ	Phường Buôn Hồ	Năm 2015	Cấp IV miền núi	0,50				7.200,000	5.148,000	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
195	Trần Văn Trà	Phường Buôn Hồ	Năm 2015	Cấp IV miền núi	1,30				19.770,000	14.293,050	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
196	Trần Xuân Soạn	Phường Buôn Hồ	Năm 2015	Cấp IV miền núi	0,80				11.520,000	8.236,800	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
197	Trịnh Hoài Đức	Phường Buôn Hồ	Năm 2015	Cấp IV miền núi	0,70				10.080,000	7.207,200	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
198	Trịnh Văn Cẩn	Phường Buôn Hồ	Năm 2015	Cấp IV miền núi	0,38				7.404,000	5.699,580	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
199	Trương Vĩnh Kí	Phường Buôn Hồ	Năm 2015	Cấp IV miền núi	0,50				7.200,000	5.148,000	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
200	Tú Xương	Phường Buôn Hồ	Năm 2015	Cấp IV miền núi	0,95				13.680,000	9.781,200	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
201	Văn Cao	Phường Buôn Hồ	Năm 2015	Cấp IV miền núi	0,30				4.320,000	3.088,800	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
202	Văn Tiến Dũng	Phường Buôn Hồ	Năm 2015	Cấp IV miền núi	2,11				30.984,000	22.243,560	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
203	Vi Thủ An	Phường Buôn Hồ	Năm 2015	Cấp IV miền núi	0,44				6.336,000	4.530,240	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
204	Võ Nguyên Giáp	Phường Buôn Hồ	Năm 2015	Cấp IV miền núi	1,80				25.920,000	18.532,800	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
205	Võ Thị Sáu	Phường Buôn Hồ	Năm 2015	Cấp IV miền núi	0,55				7.920,000	5.662,800	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
206	Võ Trung Thành	Phường Buôn Hồ	Năm 2015	Cấp IV miền núi	0,35				5.040,000	3.603,600	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
207	Võ Văn Tấn	Phường Buôn Hồ	Năm 2015	Cấp IV miền núi	0,40				6.710,000	4.940,150	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
208	Vũ Thục Nương	Phường Buôn Hồ	Năm 2015	Cấp IV miền núi	0,22				3.168,000	2.265,120	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
209	Vũ Trọng Bình	Phường Buôn Hồ	Năm 2015	Cấp IV miền núi	0,73				10.512,000	7.516,080	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
210	Vũ Xuân Thiều	Phường Buôn Hồ	Năm 2015	Cấp IV miền núi	0,17				2.448,000	1.750,320	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
211	Xuân Quỳnh	Phường Buôn Hồ	Năm 2015	Cấp IV miền núi	0,10				1.440,000	1.029,600	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
212	Y Bih Alêô	Phường Buôn Hồ	Năm 2015	Cấp IV miền núi	0,25				4.950,000	3.856,500	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
213	Y Blôk Êban	Phường Buôn Hồ	Năm 2015	Cấp IV miền núi	0,45				8.230,000	6.295,700	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
214	Y Đôn	Phường Buôn Hồ	Năm 2015	Cấp IV miền núi	0,91				13.104,000	9.369,360	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
215	Y Jút	Phường Buôn Hồ	Năm 2015	Cấp IV miền núi	0,35				5.818,000	4.342,700	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản

STT	Tài sản <i>(Chỉ tiết theo từng loại tài sản)</i>	Địa chỉ	Năm đưa vào sử dụng	Loại/cấp/hạng	Số lượng/Chiều dài (Km)	Diện tích (m2)			Giá trị (triệu đồng)		Tình trạng sử dụng của tài sản	Hình thức xử lý	Lý do xử lý
						Đất	Sàn sử dụng nhà	Cầu	Nguyên giá	Giá trị còn lại (đến 31/12/2024)			
(1)	(2)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)
216	Y Ksor	Phường Buôn Hồ	Năm 2015	Cấp IV miền núi	0,21				4.374,000	3.444,660	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
217	Y Moan Ênuôl	Phường Buôn Hồ	Năm 2015	Cấp IV miền núi	0,90				12.960,000	9.266,400	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
218	Y Ngông Niê Kdam	Phường Buôn Hồ	Năm 2015	Cấp IV miền núi	0,80				11.520,000	8.236,800	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
219	Y Ni Ksor	Phường Buôn Hồ	Năm 2015	Cấp IV miền núi	0,70				10.080,000	7.207,200	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
220	Y Nuê BKrông	Phường Buôn Hồ	Năm 2015	Cấp IV miền núi	0,47				6.768,000	4.839,120	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
221	Y Thuyền Ksor	Phường Buôn Hồ	Năm 2015	Cấp IV miền núi	0,92				17.302,000	13.323,620	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
222	Y Yon Niê	Phường Buôn Hồ	Năm 2015	Cấp IV miền núi	1,00				21.100,000	16.661,000	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
223	Yết Kiêu	Phường Buôn Hồ	Năm 2015	Cấp IV miền núi	0,54				7.776,000	5.559,840	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
XXXXXXXXVI. Phường Buôn Ma Thuột													
A. Điều chuyển tài sản đường huyện về cho phường quản lý													
01	Điều chuyển tài sản do chuyển tuyến đường huyện (ĐH- Đường nối tiếp đường Phạm Ngũ Lão đến nối đường Tỉnh lộ 5) thành đường xã (ĐX.01 - Đường nối tiếp đường Phạm Ngũ Lão đến nối đường Tỉnh lộ 5)				5,69			540,00	31.680,000	22.651,200			
	Đường nối tiếp đường Phạm Ngũ Lão đến nối đường Tỉnh lộ 5	Phường Buôn Ma Thuột	Năm 2007	Cấp IV miền núi	5,61				164.045,600	77.921,660	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
01.1	Phần đường và các công trình phụ trợ gắn liền với đường (kể cả cầu có chiều dài dưới 25m)												
	Đường nối tiếp đường Phạm Ngũ Lão đến nối đường Tỉnh lộ 5												
01.2	Cầu đường bộ và các công trình phụ trợ cầu đường bộ; tài sản, thiết bị chuyên dùng phục vụ riêng biệt cho cầu đường bộ												
	Cầu 1 tại Km0+18	Phường Buôn Ma Thuột	Năm 2007	BTCT	0,04			270,00	8.640,000	4.104,000	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
	Cầu 2 tại Km5 + 672	Phường Buôn Ma Thuột	Năm 2007	BTCT	0,04			270,00	8.640,000	4.104,000	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
B. Điều chuyển tài sản đường đô thị về cho phường quản lý													
01	10 tháng 3	Phường Buôn Ma Thuột	Năm 2017	ĐĐT	7,80				361.213,673	279.940,597	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
02	30 tháng 4	Phường Buôn Ma Thuột	Năm 2017	ĐĐT	1,30				59.970,732	46.477,317	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
03	A Ma Pui	Phường Buôn Ma Thuột	Năm 2013	ĐĐT	0,36				24.300,000	15.916,500	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
04	A Ma Sa	Phường Buôn Ma Thuột	Năm 2013	ĐĐT	0,28				13.748,000	9.004,940	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
05	A Ma Quang	Phường Buôn Ma Thuột	Năm 2013	ĐĐT	0,38				18.805,300	12.317,472	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
06	Ama Khê	Phường Buôn Ma Thuột	Năm 2013	ĐĐT	0,37				98.550,000	64.550,250	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
07	Bà Triệu (Nguyễn Công Trứ - Nguyễn Tất Thành)	Phường Buôn Ma Thuột	Năm 2013	ĐĐT	0,50				33.750,000	22.106,250	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
08	Bà Triệu (Nguyễn Tất Thành - Lê Thánh Tông)	Phường Buôn Ma Thuột	Năm 2013	ĐĐT	0,19				12.825,000	8.400,375	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
09	Bạch Đằng	Phường Buôn Ma Thuột	Năm 2013	ĐĐT	0,30				4.890,000	3.202,950	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
10	Bể Ván Đàn	Phường Buôn Ma Thuột	Năm 2013	ĐĐT	0,42				20.474,700	13.410,929	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
11	Bùi Hữu Nghĩa	Phường Buôn Ma Thuột	Năm 2013	ĐĐT	0,27				13.355,200	8.747,656	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
12	Bùi Huy Bích	Phường Buôn Ma Thuột	Năm 2013	ĐĐT	0,46				22.586,000	14.793,830	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
13	Bùi Thị xuân	Phường Buôn Ma Thuột	Năm 2013	ĐĐT	0,48				23.568,000	15.437,040	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
14	Cao Bá Quát	Phường Buôn Ma Thuột	Năm 2013	ĐĐT	0,33				16.325,750	10.693,366	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
15	Cao Xuân Huy	Phường Buôn Ma Thuột	Năm 2013	ĐĐT	0,16				7.856,000	5.145,680	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
16	Chế Lan Viên	Phường Buôn Ma Thuột	Năm 2013	ĐĐT	0,36				17.676,000	11.577,780	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
17	Chu Mạnh Trinh	Phường Buôn Ma Thuột	Năm 2013	ĐĐT	0,27				13.232,450	8.667,255	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản

STT	Tài sản <i>(Chỉ liệt theo từng loại tài sản)</i>	Địa chỉ	Năm đưa vào sử dụng	Loại/cấp/hạng	Số lượng/Chiều dài (Km)	Diện tích (m2)			Giá trị (triệu đồng)		Tình trạng sử dụng của tài sản	Hình thức xử lý	Lý do xử lý
						Đất	Sàn sử dụng nhà	Cầu	Nguyên giá	Giá trị còn lại (đến 31/12/2024)			
(1)	(2)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)
18	Đặng Dung	Phường Buôn Ma Thuột	Năm 2013	ĐĐT	0,25				12.275,000	8.040,125	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
19	Đặng Thái Mai (Phan Chu Trinh - Chế lan Viên)	Phường Buôn Ma Thuột	Năm 2013	ĐĐT	0,12				5.892,000	3.859,260	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
20	Đặng Thái Mai (Chế lan Viên - Nguyễn Sơn)	Phường Buôn Ma Thuột	Năm 2013	ĐĐT	0,18				8.838,000	5.788,890	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
21	Đặng Thái Thân (Mai Hắc Đế - Hẻm 104)	Phường Buôn Ma Thuột	Năm 2013	ĐĐT	0,20				9.820,000	6.432,100	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
22	Đặng Thái Thân (Hẻm 104 - Giải Phóng)	Phường Buôn Ma Thuột	Năm 2013	ĐĐT	0,31				15.122,800	9.905,434	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
23	Đặng Trần Côn (Mai Hắc Đế - Ngã Ba)	Phường Buôn Ma Thuột	Năm 2013	ĐĐT	0,10				4.910,000	3.216,050	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
24	Đặng Trần Côn (Ngã Ba - Đường Khoa Y)	Phường Buôn Ma Thuột	Năm 2013	ĐĐT	0,28				13.698,900	8.972,780	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
25	Đặng Vũ Hiệp	Phường Buôn Ma Thuột	Năm 2013	ĐĐT	0,15				7.365,000	4.824,075	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
26	Đào Tấn	Phường Buôn Ma Thuột	Năm 2013	ĐĐT	0,41				19.885,500	13.025,003	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
27	Đào Duy Từ	Phường Buôn Ma Thuột	Năm 2013	ĐĐT	0,51				34.425,000	22.548,375	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
28	Điện Biên Phủ đoạn 1	Phường Buôn Ma Thuột	Năm 2013	ĐĐT	0,29				19.575,000	12.821,625	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
29	Điện Biên Phủ đoạn 2	Phường Buôn Ma Thuột	Năm 2013	ĐĐT	0,29				19.575,000	12.821,625	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
30	Điện Biên Phủ đoạn 3	Phường Buôn Ma Thuột	Năm 2013	ĐĐT	0,29				19.575,000	12.821,625	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
31	Điện Biên Phủ đoạn 4	Phường Buôn Ma Thuột	Năm 2013	ĐĐT	0,20				13.500,000	8.842,500	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
32	Đinh Lễ	Phường Buôn Ma Thuột	Năm 2013	ĐĐT	0,38				6.194,000	4.057,070	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
33	Đinh Công Tráng	Phường Buôn Ma Thuột	Năm 2013	ĐĐT	0,95				64.125,000	42.001,875	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
34	Đinh Tiên Hoàng	Phường Buôn Ma Thuột	Năm 2013	ĐĐT	1,70				239.001,600	156.546,048	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
35	Đỗ Nhuận	Phường Buôn Ma Thuột	Năm 2013	ĐĐT	0,45				7.335,000	4.804,425	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
36	Đỗ Xuân Hợp	Phường Buôn Ma Thuột	Năm 2013	ĐĐT	0,85				13.855,000	9.075,025	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
37	Đoàn Thị Diễm	Phường Buôn Ma Thuột	Năm 2013	ĐĐT	0,09				4.320,800	2.830,124	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
38	Đồng Khởi	Phường Buôn Ma Thuột	Năm 2013	ĐĐT	1,75				120.424,779	78.878,230	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
39	Đồng Sỹ Bình	Phường Buôn Ma Thuột	Năm 2013	ĐĐT	0,67				11.572,100	7.803,726	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
40	Dương Văn Nga	Phường Buôn Ma Thuột	Năm 2013	ĐĐT	0,46				7.416,500	4.857,808	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
41	Giải Phóng	Phường Buôn Ma Thuột	Năm 2013	ĐĐT	1,46				189.216,000	123.936,480	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
42	Giáp Hải	Phường Buôn Ma Thuột	Năm 2013	ĐĐT	0,21				10.458,300	6.850,187	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
43	Hà Huy Tập	Phường Buôn Ma Thuột	Năm 2013	ĐĐT	6,00				797.040,000	522.061,200	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
44	Hai Bà Trưng	Phường Buôn Ma Thuột	Năm 2013	ĐĐT	0,85				57.375,000	37.580,625	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
45	Hải Thượng Lân Ông	Phường Buôn Ma Thuột	Năm 2013	ĐĐT	0,20				9.820,000	6.432,100	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
46	Hải Triều	Phường Buôn Ma Thuột	Năm 2013	ĐĐT	0,20				9.820,000	6.432,100	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
47	Hàm Nghi	Phường Buôn Ma Thuột	Năm 2013	ĐĐT	0,20				9.820,000	6.432,100	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
48	Hàn Thuyên	Phường Buôn Ma Thuột	Năm 2013	ĐĐT	0,20				9.820,000	6.432,100	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
51	Hồ Tùng Mậu	Phường Buôn Ma Thuột	Năm 2013	ĐĐT	0,66				44.550,000	29.180,250	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
52	Hồ xuân Hương	Phường Buôn Ma Thuột	Năm 2013	ĐĐT	0,42				20.622,000	13.507,410	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản

STT	Tài sản <i>(Chỉ liệt theo từng loại tài sản)</i>	Địa chỉ	Năm đưa vào sử dụng	Loại/cấp/hạng	Số lượng/Chiều dài (Km)	Diện tích (m2)			Giá trị (triệu đồng)		Tình trạng sử dụng của tài sản	Hình thức xử lý	Lý do xử lý
						Đất	Sàn sử dụng nhà	Cầu	Nguyên giá	Giá trị còn lại (đến 31/12/2024)			
(1)	(2)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)
53	Hoàng Diệu (Lê Thánh Tông - Phan Chu Trinh)	Phường Buôn Ma Thuột	Năm 2013	ĐĐT	0,19				12.487,500	8.179,313	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
54	Hoàng Diệu (Phan Chu Trinh - Trương Công Định)	Phường Buôn Ma Thuột	Năm 2013	ĐĐT	1,55				104.895,000	68.706,225	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
55	Hoàng Việt	Phường Buôn Ma Thuột	Năm 2013	ĐĐT	0,10				4.910,000	3.216,050	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
56	Hoàng Đình Ái	Phường Buôn Ma Thuột	Năm 2013	ĐĐT	0,13				2.037,500	1.334,563	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
57	Hoàng Hoa Thám (Phan Bội Châu - Lương Thế Vinh)	Phường Buôn Ma Thuột	Năm 2013	ĐĐT	0,80				54.000,000	35.370,000	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
58	Hoàng Hoa Thám (Lương Thế Vinh - Y Ngông)	Phường Buôn Ma Thuột	Năm 2013	ĐĐT	0,40				27.000,000	17.685,000	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
59	Hoàng Thế Thiện	Phường Buôn Ma Thuột	Năm 2013	ĐĐT	0,80				13.040,000	8.541,200	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
60	Hùng Vương (Ngã sáu - Bà Triệu)	Phường Buôn Ma Thuột	Năm 2013	ĐĐT	0,64				42.862,500	28.074,938	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
61	Hùng Vương (Bà Triệu-ranh giới phường Tân Lập)	Phường Buôn Ma Thuột	Năm 2013	ĐĐT	0,89				242.006,500	158.514,258	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
62	Huy Cận	Phường Buôn Ma Thuột	Năm 2013	ĐĐT	0,06				978,000	640,590	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
63	Huỳnh Thúc Kháng	Phường Buôn Ma Thuột	Năm 2013	ĐĐT	0,43				21.211,200	13.893,336	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
64	Lê Lợi	Phường Buôn Ma Thuột	Năm 2013	ĐĐT	0,16				7.856,000	5.145,680	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
65	Lê Anh xuân	Phường Buôn Ma Thuột	Năm 2013	ĐĐT	0,10				4.910,000	3.216,050	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
66	Lê Cảnh Tuân	Phường Buôn Ma Thuột	Năm 2013	ĐĐT	0,90				14.670,000	9.608,850	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
67	Lê Duẩn (Ngã 6 đến Đình Tiên Hoàng)	Phường Buôn Ma Thuột	Năm 2013	ĐĐT	1,20				155.520,000	101.865,600	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
68	Lê Đại Càng	Phường Buôn Ma Thuột	Năm 2013	ĐĐT	0,23				3.749,000	2.455,595	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
69	Lê Đại Hành	Phường Buôn Ma Thuột	Năm 2013	ĐĐT	0,28				13.748,000	9.004,940	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
70	Lê Đức Thọ	Phường Buôn Ma Thuột	Năm 2013	ĐĐT	0,30				14.926,400	9.776,792	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
71	Lê Hồng Phong (Y Ngông - Nguyễn Thị Minh Khai)	Phường Buôn Ma Thuột	Năm 2013	ĐĐT	1,57				105.975,000	69.413,625	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
72	Lê Hồng Phong (Nguyễn Thị Minh Khai - Hết đường)	Phường Buôn Ma Thuột	Năm 2013	ĐĐT	0,17				11.137,500	7.295,063	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
73	Lê Quang Sung	Phường Buôn Ma Thuột	Năm 2013	ĐĐT	0,30				4.890,000	3.202,950	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
74	Lê Thánh Tông (Phan Bội Châu - Nguyễn Đình Chiểu)	Phường Buôn Ma Thuột	Năm 2013	ĐĐT	0,88				114.048,000	74.701,440	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
75	Lê Thánh Tông (Nguyễn Đình Chiểu - Lý Tự Trọng)	Phường Buôn Ma Thuột	Năm 2013	ĐĐT	0,94				121.824,000	79.794,720	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
76	Lê Thị Hồng Gấm	Phường Buôn Ma Thuột	Năm 2013	ĐĐT	1,02				68.850,000	45.096,750	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
77	Lê Văn Sỹ	Phường Buôn Ma Thuột	Năm 2013	ĐĐT	0,27				13.060,600	8.554,693	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
78	Lương Thế Vinh	Phường Buôn Ma Thuột	Năm 2013	ĐĐT	1,67				81.997,000	53.708,035	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
79	Lý Nam Đế (Nguyễn Tất Thành - Y Bih Aleo)	Phường Buôn Ma Thuột	Năm 2013	ĐĐT	0,26				17.853,750	11.694,206	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
80	Lý Nam Đế (Y Bih Aleo - Lê Thánh Tông)	Phường Buôn Ma Thuột	Năm 2013	ĐĐT	0,10				7.013,250	4.593,679	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
81	Lý Thái Tổ (Lý Tự Trọng - Nguyễn Hữu Thọ)	Phường Buôn Ma Thuột	Năm 2013	ĐĐT	1,06				137.376,000	89.981,280	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
82	Lý Thái Tổ (Nguyễn Hữu Thọ - Đồng Khởi)	Phường Buôn Ma Thuột	Năm 2013	ĐĐT	0,43				56.246,400	36.841,392	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
83	Lý Thường Kiệt	Phường Buôn Ma Thuột	Năm 2013	ĐĐT	1,09				73.575,000	48.191,625	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
84	Mạc Đình Chi	Phường Buôn Ma Thuột	Năm 2013	ĐĐT	0,95				64.125,000	42.001,875	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
85	Mạc Thị Bưởi	Phường Buôn Ma Thuột	Năm 2013	ĐĐT	0,65				43.875,000	28.738,125	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản

STT	Tài sản <i>(Chỉ liệt theo từng loại tài sản)</i>	Địa chỉ	Năm đưa vào sử dụng	Loại/cấp/hạng	Số lượng/Chiều dài (Km)	Diện tích (m2)			Giá trị (triệu đồng)		Tình trạng sử dụng của tài sản	Hình thức xử lý	Lý do xử lý
						Đất	Sàn sử dụng nhà	Cầu	Nguyên giá	Giá trị còn lại (đến 31/12/2024)			
(1)	(2)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)
86	Mai Hắc Đế	Phường Buôn Ma Thuột	Năm 2013	ĐĐT	2,46				166.117,500	108.806,963	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
87	Mai Xuân Thương	Phường Buôn Ma Thuột	Năm 2013	ĐĐT	0,55				37.125,000	24.316,875	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
88	Ngô Quyền	Phường Buôn Ma Thuột	Năm 2013	ĐĐT	1,06				71.550,000	46.865,250	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
89	Ngô Mây (Phan Bội Châu - Hoàng Diệu)	Phường Buôn Ma Thuột	Năm 2013	ĐĐT	0,15				10.125,000	6.631,875	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
90	Ngô Mây (Hoàng Diệu - Trần Phú)	Phường Buôn Ma Thuột	Năm 2013	ĐĐT	0,13				8.775,000	5.747,625	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
91	Ngô Đức Kế	Phường Buôn Ma Thuột	Năm 2013	ĐĐT	0,23				11.430,480	7.486,964	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
92	Ngô Gia Tự (Lý Thái Tổ - Hà Huy tập)	Phường Buôn Ma Thuột	Năm 2013	ĐĐT	0,22				14.850,000	9.726,750	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
93	Ngô Tất Tố	Phường Buôn Ma Thuột	Năm 2013	ĐĐT	0,19				12.757,500	8.356,163	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
94	Nguyễn Hồng	Phường Buôn Ma Thuột	Năm 2013	ĐĐT	0,18				8.690,700	5.692,409	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
95	Nguyễn Bính	Phường Buôn Ma Thuột	Năm 2013	ĐĐT	0,06				978,000	640,590	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
96	Nguyễn Bình Khiêm	Phường Buôn Ma Thuột	Năm 2013	ĐĐT	0,32				21.802,500	14.280,638	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
97	Nguyễn Nhạc	Phường Buôn Ma Thuột	Năm 2013	ĐĐT	0,34				5.542,000	3.630,010	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
98	Nguyễn Khuyến	Phường Buôn Ma Thuột	Năm 2013	ĐĐT	1,61				108.540,000	71.093,700	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
99	Nguyễn Du (Lê Duẩn - Cầu Chui)	Phường Buôn Ma Thuột	Năm 2013	ĐĐT	0,37				25.110,000	16.447,050	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
100	Nguyễn Du (Cầu Chui - Ngã 3 vào nghĩa địa tàu)	Phường Buôn Ma Thuột	Năm 2013	ĐĐT	0,94				63.315,000	41.471,325	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
101	Nguyễn Chanh	Phường Buôn Ma Thuột	Năm 2013	ĐĐT	0,20				9.697,250	6.351,699	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
102	Nguyễn Kim	Phường Buôn Ma Thuột	Năm 2013	ĐĐT	0,22				10.703,800	7.010,989	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
103	Nguyễn Sơn	Phường Buôn Ma Thuột	Năm 2013	ĐĐT	0,36				17.676,000	11.577,780	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
104	Nguyễn Lâm	Phường Buôn Ma Thuột	Năm 2013	ĐĐT	0,28				13.698,900	8.972,780	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
105	Nguyễn Hiền	Phường Buôn Ma Thuột	Năm 2013	ĐĐT	0,09				4.419,000	2.894,445	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
106	Nguyễn Công Hoan	Phường Buôn Ma Thuột	Năm 2013	ĐĐT	0,41				20.131,000	13.185,805	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
107	Nguyễn Công Trứ (Lê Hồng Phong - Đình Tiên Hoàng)	Phường Buôn Ma Thuột	Năm 2013	ĐĐT	0,52				35.100,000	22.990,500	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
108	Nguyễn Công Trứ (Đình Tiên Hoàng - Hùng Vương)	Phường Buôn Ma Thuột	Năm 2013	ĐĐT	1,18				79.650,000	52.170,750	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
109	Nguyễn Cư Trinh	Phường Buôn Ma Thuột	Năm 2013	ĐĐT	0,85				41.735,000	27.336,425	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
110	Nguyễn Đình Chiểu	Phường Buôn Ma Thuột	Năm 2013	ĐĐT	1,09				73.777,500	48.324,263	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
111	Nguyễn Đức Cảnh	Phường Buôn Ma Thuột	Năm 2013	ĐĐT	0,44				29.700,000	19.453,500	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
112	Nguyễn Duy Trinh	Phường Buôn Ma Thuột	Năm 2013	ĐĐT	0,30				4.890,000	3.202,950	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
113	Nguyễn Hữu Thầu	Phường Buôn Ma Thuột	Năm 2013	ĐĐT	0,85				13.855,000	9.075,025	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
114	Nguyễn Huy Tường	Phường Buôn Ma Thuột	Năm 2013	ĐĐT	0,15				7.365,000	4.824,075	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
115	Nguyễn Huy Tự	Phường Buôn Ma Thuột	Năm 2013	ĐĐT	0,75				36.825,000	24.120,375	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
116	Nguyễn Phi Khanh	Phường Buôn Ma Thuột	Năm 2013	ĐĐT	0,15				7.365,000	4.824,075	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
117	Nguyễn Tất Thành (đoạn từ Ngã 6 đến Phan Bội Châu - Đình Tiên Hoàng)	Phường Buôn Ma Thuột	Năm 2013	ĐĐT	0,30				38.880,000	25.466,400	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
118	Nguyễn Thái Học	Phường Buôn Ma Thuột	Năm 2013	ĐĐT	0,41				27.472,500	17.994,488	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản

STT	Tài sản <i>(Chỉ liệt theo từng loại tài sản)</i>	Địa chỉ	Năm đưa vào sử dụng	Loại/cấp/hạng	Số lượng/Chiều dài (Km)	Diện tích (m2)			Giá trị (triệu đồng)		Tình trạng sử dụng của tài sản	Hình thức xử lý	Lý do xử lý
						Đất	Sàn sử dụng nhà	Cầu	Nguyên giá	Giá trị còn lại (đến 31/12/2024)			
(1)	(2)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)
119	Nguyễn Thị Định	Phường Buôn Ma Thuột	Năm 2013	ĐĐT	0,55				71.280,000	46.688,400	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
120	Nguyễn Thị Minh Khai	Phường Buôn Ma Thuột	Năm 2013	ĐĐT	1,14				77.085,000	50.490,675	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
121	Nguyễn Thiếp	Phường Buôn Ma Thuột	Năm 2013	ĐĐT	0,80				39.280,000	25.728,400	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
122	Nguyễn Thông	Phường Buôn Ma Thuột	Năm 2013	ĐĐT	0,41				60.750,000	39.791,250	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
123	Nguyễn Trác	Phường Buôn Ma Thuột	Năm 2013	ĐĐT	0,70				11.410,000	7.473,550	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
124	Nguyễn Trãi	Phường Buôn Ma Thuột	Năm 2013	ĐĐT	0,55				37.125,000	24.316,875	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
125	Nguyễn Tri Phương	Phường Buôn Ma Thuột	Năm 2013	ĐĐT	1,35				91.260,000	59.775,300	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
126	Nguyễn Trung Trực	Phường Buôn Ma Thuột	Năm 2013	ĐĐT	0,23				15.315,203	10.031,458	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
127	Nguyễn Tuân	Phường Buôn Ma Thuột	Năm 2013	ĐĐT	1,00				16.300,000	10.676,500	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
128	Nguyễn Văn Trỗi	Phường Buôn Ma Thuột	Năm 2013	ĐĐT	0,43				29.025,000	19.011,375	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
129	Nguyễn Văn Bé	Phường Buôn Ma Thuột	Năm 2013	ĐĐT	0,14				6.677,600	4.373,828	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
130	Nguyễn Viết xuân	Phường Buôn Ma Thuột	Năm 2013	ĐĐT	0,45				30.037,500	19.674,563	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
131	Nơ Trang Long	Phường Buôn Ma Thuột	Năm 2013	ĐĐT	0,32				21.870,000	14.324,850	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
132	Nơ Trang Gùh	Phường Buôn Ma Thuột	Năm 2013	ĐĐT	1,36				92.070,000	60.305,850	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
133	Phạm Hồng Thái (Lê Duẩn - Đinh Tiên Hoàng)	Phường Buôn Ma Thuột	Năm 2013	ĐĐT	0,29				19.669,500	12.883,523	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
134	Phạm Hồng Thái (Đinh Tiên Hoàng - Hẻm phía đông di tích nhà dầy)	Phường Buôn Ma Thuột	Năm 2013	ĐĐT	0,53				35.775,000	23.432,625	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
135	Phạm Ngũ Lão (Hoàng Diệu - Nguyễn Thị Minh Khai)	Phường Buôn Ma Thuột	Năm 2013	ĐĐT	0,35				23.355,000	15.297,525	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
136	Phạm Ngũ Lão (Nguyễn Thị Minh Khai - Cầu suối Ea Ngay)	Phường Buôn Ma Thuột	Năm 2013	ĐĐT	0,50				33.750,000	22.106,250	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
137	Phan Bội Châu (Nguyễn Tất Thành - Mạc Đình Chi)	Phường Buôn Ma Thuột	Năm 2013	ĐĐT	2,15				141.750,000	92.846,250	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
138	Phan Chu Trinh (ngã 6 - Trần Hưng Đạo)	Phường Buôn Ma Thuột	Năm 2013	ĐĐT	0,96				124.027,200	81.237,816	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
139	Phan Chu Trinh (Trần Hưng Đạo - Lê Thị Hồng Gấm)	Phường Buôn Ma Thuột	Năm 2013	ĐĐT	1,42				183.643,200	120.286,296	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
140	Phan Đình Giót	Phường Buôn Ma Thuột	Năm 2013	ĐĐT	0,27				17.887,500	11.716,313	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
141	Phan Phù Tiên	Phường Buôn Ma Thuột	Năm 2013	ĐĐT	0,37				18.117,900	11.867,225	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
142	Phan Trọng Tuệ	Phường Buôn Ma Thuột	Năm 2013	ĐĐT	0,13				2.119,000	1.387,945	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
143	Phan Văn Khỏe	Phường Buôn Ma Thuột	Năm 2013	ĐĐT	0,15				7.365,000	4.824,075	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
144	Phùng Chí Kiên (Phan Bội Châu - Hoàng Diệu)	Phường Buôn Ma Thuột	Năm 2013	ĐĐT	0,15				7.365,000	4.824,075	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
145	Phùng Chí Kiên (Hoàng Diệu - Trần Phú)	Phường Buôn Ma Thuột	Năm 2013	ĐĐT	0,22				10.703,800	7.010,989	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
146	Quang Trung (Phan Chu Trinh - Hẻm 249 Phan Bội Châu)	Phường Buôn Ma Thuột	Năm 2013	ĐĐT	1,11				75.195,000	49.252,725	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
147	Quang Trung (Hẻm 249 Phan Bội Châu - Mạc Đình Chi)	Phường Buôn Ma Thuột	Năm 2013	ĐĐT	0,95				64.125,000	42.001,875	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
148	Sư Vạn Hạnh	Phường Buôn Ma Thuột	Năm 2013	ĐĐT	0,15				7.365,000	4.824,075	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
149	Sương Nguyệt Ánh	Phường Buôn Ma Thuột	Năm 2013	ĐĐT	0,13				6.432,100	4.213,026	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
150	Tán Thuật	Phường Buôn Ma Thuột	Năm 2013	ĐĐT	0,21				14.175,000	9.284,625	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
151	Tân Đà	Phường Buôn Ma Thuột	Năm 2013	ĐĐT	0,23				11.440,300	7.493,397	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản

STT	Tài sản <i>(Chỉ liệt theo từng loại tài sản)</i>	Địa chỉ	Năm đưa vào sử dụng	Loại/cấp/hạng	Số lượng/Chiều dài (Km)	Diện tích (m2)			Giá trị (triệu đồng)		Tình trạng sử dụng của tài sản	Hình thức xử lý	Lý do xử lý
						Đất	Sàn sử dụng nhà	Cầu	Nguyên giá	Giá trị còn lại (đến 31/12/2024)			
(1)	(2)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)
152	Tây Sơn	Phường Buôn Ma Thuột	Năm 2013	ĐĐT	0,90				14.670,000	9.608,850	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
153	Thăng Long (Đình Tiên Hoàng - sau SKH ĐT)	Phường Buôn Ma Thuột	Năm 2013	ĐĐT	0,16				10.462,500	6.852,938	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
154	Thăng Long (Lê Duẩn - Đình Tiên Hoàng)	Phường Buôn Ma Thuột	Năm 2013	ĐĐT	0,74				50.085,000	32.805,675	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
155	Thị Sách	Phường Buôn Ma Thuột	Năm 2013	ĐĐT	0,46				22.733,300	14.890,312	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
156	Tô Hiệu (Lê Thánh Tông - Lê Thị Hồng Gấm)	Phường Buôn Ma Thuột	Năm 2013	ĐĐT	0,23				11.096,600	7.268,273	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
157	Tô Hiến Thành	Phường Buôn Ma Thuột	Năm 2013	ĐĐT	0,41				19.885,500	13.025,003	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
158	Tô Vĩnh Diện	Phường Buôn Ma Thuột	Năm 2013	ĐĐT	0,24				11.980,400	7.847,162	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
159	Tôn Đức Thắng	Phường Buôn Ma Thuột	Năm 2013	ĐĐT	0,75				91.938,240	60.219,547	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
160	Tổng Duy Tân	Phường Buôn Ma Thuột	Năm 2013	ĐĐT	0,40				19.836,400	12.992,842	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
161	Trần Phú (Phan Chu Trinh - Ngô Máy)	Phường Buôn Ma Thuột	Năm 2013	ĐĐT	1,01				67.837,500	44.433,563	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
162	Trần Phú (Ngô Máy - Nguyễn Tri Phương)	Phường Buôn Ma Thuột	Năm 2013	ĐĐT	0,94				63.247,500	41.427,113	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
163	Trần Phú (Nguyễn Tri Phương - Nguyễn Trung trực)	Phường Buôn Ma Thuột	Năm 2013	ĐĐT	0,50				33.750,000	22.106,250	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
164	Trần Phú (Nguyễn Trung Trực - KDC Thành Nhất)	Phường Buôn Ma Thuột	Năm 2013	ĐĐT	0,20				13.500,000	8.842,500	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
165	Trần Bình Trọng	Phường Buôn Ma Thuột	Năm 2013	ĐĐT	0,61				40.837,500	26.748,563	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
166	Trần Cao Văn	Phường Buôn Ma Thuột	Năm 2013	ĐĐT	0,41				27.405,000	17.950,275	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
167	Trần Hưng Đạo (Hùng Vương - Nguyễn Tất Thành)	Phường Buôn Ma Thuột	Năm 2013	ĐĐT	0,35				23.625,000	15.474,375	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
168	Trần Hưng Đạo (Nguyễn Tất Thành - Phan Chu Trinh)	Phường Buôn Ma Thuột	Năm 2013	ĐĐT	0,59				39.825,000	26.085,375	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
169	Trần Hữu Dực	Phường Buôn Ma Thuột	Năm 2013	ĐĐT	0,32				5.216,000	3.416,480	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
170	Trần Hữu Trang	Phường Buôn Ma Thuột	Năm 2013	ĐĐT	0,13				6.235,700	4.084,384	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
171	Trần Huy Liệu	Phường Buôn Ma Thuột	Năm 2013	ĐĐT	0,45				21.898,600	14.343,583	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
172	Trần Khánh Dư	Phường Buôn Ma Thuột	Năm 2013	ĐĐT	0,75				36.579,500	23.959,573	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
173	Trần Nguyễn Hân	Phường Buôn Ma Thuột	Năm 2013	ĐĐT	0,47				22.880,600	14.986,793	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
174	Trần Nhật Duật	Phường Buôn Ma Thuột	Năm 2013	ĐĐT	1,19				80.392,500	52.657,088	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
175	Trần Quang Khải (Nguyễn Tất Thành - Ybih Aleo)	Phường Buôn Ma Thuột	Năm 2013	ĐĐT	0,21				14.377,500	9.417,263	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
176	Trần Quang Khải (Y Bih Aleo - Phan Chu Trinh)	Phường Buôn Ma Thuột	Năm 2013	ĐĐT	0,47				31.927,500	20.912,513	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
177	Trần Quốc Toàn	Phường Buôn Ma Thuột	Năm 2013	ĐĐT	0,41				19.885,500	13.025,003	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
178	Trần Quý Cáp (Nhà máy đèn - Võ Nguyên Giáp)	Phường Buôn Ma Thuột	Năm 2013	ĐĐT	2,00				32.600,000	21.353,000	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
179	Trần Văn Phụ	Phường Buôn Ma Thuột	Năm 2013	ĐĐT	0,41				27.567,000	18.056,385	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
180	Trường Chinh	Phường Buôn Ma Thuột	Năm 2013	ĐĐT	1,31				88.161,750	57.745,946	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
181	Trường Công Định	Phường Buôn Ma Thuột	Năm 2013	ĐĐT	0,66				44.347,500	29.047,613	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
182	Trường Đăng Quế	Phường Buôn Ma Thuột	Năm 2013	ĐĐT	0,55				8.965,000	5.872,075	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
183	Trường Hán Siêu	Phường Buôn Ma Thuột	Năm 2013	ĐĐT	0,18				8.838,000	5.788,890	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
184	Tú xương	Phường Buôn Ma Thuột	Năm 2013	ĐĐT	0,75				36.579,500	23.959,573	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản

STT	Tài sản <i>(Chỉ liệt theo từng loại tài sản)</i>	Địa chỉ	Năm đưa vào sử dụng	Loại/cấp/hạng	Số lượng/ Chiều dài (Km)	Diện tích (m2)			Giá trị (triệu đồng)		Tình trạng sử dụng của tài sản	Hình thức xử lý	Lý do xử lý
						Đất	Sàn sử dụng nhà	Cầu	Nguyên giá	Giá trị còn lại (đến 31/12/2024)			
(1)	(2)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)
185	Văn Cao	Phường Buôn Ma Thuột	Năm 2013	ĐĐT	0,40				19.762,750	12.944,601	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
186	Vạn Xuân	Phường Buôn Ma Thuột	Năm 2013	ĐĐT	0,48				17.624,000	11.543,720	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
187	Võ Nguyễn Giáp (đoạn đầu tuyến trùng với đường Đinh Tiên Hoàng)	Phường Buôn Ma Thuột	Năm 2013	ĐĐT	0,27				30.661,701	29.128,616	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
188	Võ Nguyễn Giáp (đoạn từ Đinh Tiên Hoàng đến giáp ranh phường Tân Lập)	Phường Buôn Ma Thuột	Năm 2013	ĐĐT	1,79				454.155,719	431.447,933	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
189	Võ Trung Thành	Phường Buôn Ma Thuột	Năm 2013	ĐĐT	0,30				4.890,000	3.202,950	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
190	Xô Viết Nghệ Tĩnh	Phường Buôn Ma Thuột	Năm 2013	ĐĐT	1,00				67.500,000	44.212,500	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
191	Xuân Diệu (Nguyễn Đình Chiểu - Y út Niê)	Phường Buôn Ma Thuột	Năm 2013	ĐĐT	0,27				13.257,000	8.683,335	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
192	Xuân Diệu (Y út Niê - Nguyễn Công Hoan)	Phường Buôn Ma Thuột	Năm 2013	ĐĐT	0,09				4.419,000	2.894,445	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
193	Y Ngông (Lê Duẩn - Mai Xuân Thường)	Phường Buôn Ma Thuột	Năm 2013	ĐĐT	2,00				135.000,000	88.425,000	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
194	Y Ngông (Mai Xuân Thường -Tĩnh lộ 1)	Phường Buôn Ma Thuột	Năm 2013	ĐĐT	2,00				32.600,000	21.353,000	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
195	Y Jút	Phường Buôn Ma Thuột	Năm 2013	ĐĐT	1,15				77.625,000	50.844,375	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
196	Y Ôn	Phường Buôn Ma Thuột	Năm 2013	ĐĐT	1,03				50.479,710	33.064,210	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
197	Y Bih AlêÔ	Phường Buôn Ma Thuột	Năm 2013	ĐĐT	1,05				51.707,210	33.868,223	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
198	Y Blô Ê Ban	Phường Buôn Ma Thuột	Năm 2013	ĐĐT	0,41				20.131,000	13.185,805	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
199	Y Moan E'Nuôl (Phan Chu Trinh - ranh giới Tân Lợi)	Phường Buôn Ma Thuột	Năm 2013	ĐĐT	1,90				128.250,000	84.003,750	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
200	Y Moan E'Nuôl (Ranh giới Tân Lợi - Cuối tuyến)	Phường Buôn Ma Thuột	Năm 2013	ĐĐT	0,40				27.000,000	17.685,000	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
201	Y Ứt Niê	Phường Buôn Ma Thuột	Năm 2013	ĐĐT	0,41				20.131,000	13.185,805	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
XXXXXXXXVII. Phường Cư Bao													
A. Điều chuyển tài sản đường huyện về cho phường quản lý													
01	Điều chuyển tài sản do chuyển tuyến đường huyện (ĐH.04- Đường từ Cư Bao - Bình Thuận - Ea Phê) thành đường xã (ĐX.04 - Đường giao thông từ Km1753+750 đường Hồ Chí Minh đi Phường Cư Bao)				11,80				183.019,000	133.216,405			
	Đường giao thông từ Km1753+750 đường Hồ Chí Minh đi Phường Cư Bao	Phường Cư Bao	Năm 2015	Cấp IV miền núi	11,80				183.019,000	133.216,405	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
02	Điều chuyển tài sản do chuyển tuyến đường huyện (ĐH.07- Đường từ Cư Bao đi xã Ea Tul (Cư Mgar)) thành đường xã (ĐX.07 - Đường giao thông từ phường Cư Bao đi xã Ea Tul)				5,30				86.636,000	64.369,000			
	Đường giao thông từ phường Cư Bao đi xã Ea Tul	Phường Cư Bao	Năm 2015	Cấp IV miền núi	5,30				86.636,000	64.369,000	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
03	Điều chuyển tài sản do chuyển tuyến đường huyện (ĐH.08- Đường từ Cư Bao đi xã Ea Kênh (Krông Pách)) thành đường xã (ĐX.08 - Đường giao thông từ phường Cư Bao đi xã Ea Phê)				3,95				64.680,000	48.079,200			
	Đường giao thông từ phường Cư Bao đi xã Ea Phê	Phường Cư Bao	Năm 2015	Cấp IV miền núi	3,95				64.680,000	48.079,200	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
04	Điều chuyển tài sản do chuyển tuyến đường huyện (ĐH.09- Đường giao thông từ Km1748+500 đường Hồ Chí Minh đi xã Bình Thuận (cũ)) thành đường xã (ĐX.09 - Đường giao thông từ Km1753+750 đường Hồ Chí Minh đi phường Cư Bao)				4,30				62.420,000	44.747,800			
	Đường giao thông từ Km1753+750 đường Hồ Chí Minh đi phường Cư Bao	Phường Cư Bao	Năm 2015	Cấp IV miền núi	4,30				62.420,000	44.747,800	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
05	Điều chuyển tài sản do chuyển tuyến đường huyện (ĐH.10- Đường giao thông từ xã Bình Thuận (cũ) đi xã Ea Siên) thành đường xã (ĐX.10 - Đường giao thông từ phường Cư Bao đi xã Cư Pong)				4,10				59.040,000	42.213,600			
	Đường giao thông từ phường Cư Bao đi xã Cư Pong	Phường Cư Bao	Năm 2015	Cấp IV miền núi	4,10				59.040,000	42.213,600	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
B. Điều chuyển tài sản đường đô thị về cho phường quản lý													
01	Phan Phu Tiên	Phường Cư Bao	Năm 2020	ĐĐT	0,53				8.863,000	6.595,555	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
02	Trần Quý Cáp	Phường Cư Bao	Năm 2020	ĐĐT	1,67				24.048,000	17.194,320	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản

STT	Tài sản <i>(Chỉ liệt theo từng loại tài sản)</i>	Địa chỉ	Năm đưa vào sử dụng	Loại/cấp/hạng	Số lượng/Chiều dài (Km)	Diện tích (m2)			Giá trị (triệu đồng)		Tình trạng sử dụng của tài sản	Hình thức xử lý	Lý do xử lý
						Đất	Sàn sử dụng nhà	Cầu	Nguyên giá	Giá trị còn lại (đến 31/12/2024)			
(1)	(2)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)
03	Trần khắc Chân	Phường Cư Bao	Năm 2020	ĐBT	0,42				7.232,000	5.348,480	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
04	Trịnh Công Sơn	Phường Cư Bao	Năm 2020	ĐBT	0,20				16.128,000	11.531,520	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
05	Phạm Kinh Ân	Phường Cư Bao	Năm 2020	ĐBT	0,20				2.880,000	2.059,200	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
06	Trương Hán Siêu	Phường Cư Bao	Năm 2020	ĐBT	0,30				4.320,000	3.088,800	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
07	Lê Văn Thiêm	Phường Cư Bao	Năm 2020	ĐBT	0,33				4.752,000	3.397,680	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
08	Trần Quang Khải	Phường Cư Bao	Năm 2020	ĐBT	0,79				11.376,000	8.133,840	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
09	Lê Ngọc Hân	Phường Cư Bao	Năm 2020	ĐBT	0,72				10.368,000	7.413,120	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
10	Cao Bá Quát	Phường Cư Bao	Năm 2020	ĐBT	0,24				3.456,000	2.471,040	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
11	Đặng Thái Thân	Phường Cư Bao	Năm 2020	ĐBT	0,24				4.156,000	3.136,040	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
12	Nguyễn Chánh	Phường Cư Bao	Năm 2020	ĐBT	0,37				5.328,000	3.809,520	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
13	Nguyễn Tiểu La	Phường Cư Bao	Năm 2020	ĐBT	0,13				1.782,000	1.338,480	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
14	Phan Kế Bính	Phường Cư Bao	Năm 2020	ĐBT	0,25				3.600,000	2.574,000	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
15	Lưu Trọng Lư	Phường Cư Bao	Năm 2020	ĐBT	0,26				3.744,000	2.676,960	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
16	Đào Duy Từ	Phường Cư Bao	Năm 2020	ĐBT	1,00				14.400,000	10.296,000	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
17	Ngô Tất Tố	Phường Cư Bao	Năm 2020	ĐBT	0,11				1.584,000	1.132,560	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
18	Lưu Hữu Phước	Phường Cư Bao	Năm 2020	ĐBT	0,16				2.304,000	1.647,360	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
19	Xuân Hồng	Phường Cư Bao	Năm 2020	ĐBT	0,22				3.168,000	2.265,120	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
20	Hoàng Văn Thụ	Phường Cư Bao	Năm 2020	ĐBT	0,85				12.124,000	8.751,600	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
21	Tổ Hữu	Phường Cư Bao	Năm 2020	ĐBT	0,54				8.276,000	6.034,840	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
22	Nguyễn Văn Huyền	Phường Cư Bao	Năm 2020	ĐBT	0,37				5.328,000	3.809,520	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
23	Nguyễn Thượng Hiền	Phường Cư Bao	Năm 2020	ĐBT	0,32				4.608,000	3.294,720	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
24	Thanh Tịnh	Phường Cư Bao	Năm 2020	ĐBT	0,36				5.184,000	3.706,560	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
25	Nguyễn Quốc Trị	Phường Cư Bao	Năm 2020	ĐBT	0,39				5.616,000	4.015,440	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
26	Nguyễn Thị Suốt	Phường Cư Bao	Năm 2020	ĐBT	0,41				5.904,000	4.221,360	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
27	Hoàng Hoa Thám	Phường Cư Bao	Năm 2020	ĐBT	0,18				2.592,000	1.853,280	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
28	Huyền Quang	Phường Cư Bao	Năm 2020	ĐBT	0,53				7.632,000	5.456,880	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
29	Trịnh Đình Tháo	Phường Cư Bao	Năm 2020	ĐBT	0,18				16.128,000	11.531,520	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
30	Cao Thắng	Phường Cư Bao	Năm 2020	ĐBT	0,15				4.320,000	3.088,800	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
31	Đào Duy Anh	Phường Cư Bao	Năm 2020	ĐBT	0,56				8.064,000	5.765,760	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
32	Nguyễn Chi Diệu	Phường Cư Bao	Năm 2020	ĐBT	0,36				5.184,000	3.706,560	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
33	Nguyễn Văn Bé	Phường Cư Bao	Năm 2020	ĐBT	0,36				5.184,000	3.706,560	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
34	Kỳ Đồng	Phường Cư Bao	Năm 2020	ĐBT	0,40				11.520,000	8.236,800	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
35	Nguyễn Thái Học	Phường Cư Bao	Năm 2020	ĐBT	0,46				6.624,000	4.736,160	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản

STT	Tài sản <i>(Chỉ tiết theo từng loại tài sản)</i>	Địa chỉ	Năm đưa vào sử dụng	Loại/cấp/hạng	Số lượng/Chiều dài (Km)	Diện tích (m2)			Giá trị (triệu đồng)		Tình trạng sử dụng của tài sản	Hình thức xử lý	Lý do xử lý
						Đất	Sàn sử dụng nhà	Cầu	Nguyên giá	Giá trị còn lại (đến 31/12/2024)			
(1)	(2)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)
36	Nguyễn Lâm	Phường Cư Bao	Năm 2020	ĐĐT	0,42				6.048,000	4.324,320	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
37	Vũ Hữu	Phường Cư Bao	Năm 2020	ĐĐT	0,19				2.592,000	1.853,280	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
38	Nguyễn Thị Chiến	Phường Cư Bao	Năm 2020	ĐĐT	0,18				2.592,000	1.853,280	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
XXXXXXXXVIII. Phường Đông Hòa													
A. Điều chuyển tài sản đường huyện về cho phường quản lý													
01	Điều chuyển tài sản do chuyển tuyến đường huyện (DH.87- Phước Bình - Vĩnh Xuân) thành đường xã (ĐX.87 - Phước Bình - Vĩnh Xuân đoạn phường Đông Hòa)				0,93				6.975,000	5.370,750			
	Phước Bình - Vĩnh Xuân đoạn phường Đông Hòa	Phường Đông Hòa	Năm 2015	Cấp IV	0,93				6.975,000	5.370,750	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
02	Điều chuyển tài sản do chuyển tuyến đường huyện (DH.88- Vườn Điều - Cầu đá cối) thành đường xã (ĐX.88 - Vườn Điều - Cầu đá cối đoạn phường Đông Hòa)				1,40				10.500,000	8.085,000			
	Vườn Điều - Cầu đá cối đoạn phường Đông Hòa	Phường Đông Hòa	Năm 2015	Cấp IV	1,40				10.500,000	8.085,000	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
03	Điều chuyển tài sản do chuyển tuyến đường huyện (DH.88- Vườn Điều - Cầu đá cối) thành đường xã (ĐX.88 - Vườn Điều - Cầu đá cối đoạn phường Đông Hòa)				5,57				41.775,000	32.166,750			
	Vườn Điều - Cầu đá cối đoạn phường Đông Hòa	Phường Đông Hòa	Năm 2015	Cấp IV	5,57				41.775,000	32.166,750	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
B. Điều chuyển tài sản đường đô thị về cho phường quản lý													
01	Nguyễn Tấn Thành	Phường Đông Hòa	Năm 2015	ĐĐT	0,90				46.658,100	35.926,737	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
02	Nguyễn Thị Minh Khai	Phường Đông Hòa	Năm 2015	ĐĐT	0,44				11.772,000	9.064,440	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
03	Ấu Cơ	Phường Đông Hòa	Năm 2015	ĐĐT	0,46				9.035,600	6.957,412	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
04	Lê Trung Kiên	Phường Đông Hòa	Năm 2015	ĐĐT	0,34				6.605,200	5.086,004	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
05	Lê Duẩn	Phường Đông Hòa	Năm 2015	ĐĐT	0,18				3.547,600	2.731,652	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
06	Đỗ Như Dạy	Phường Đông Hòa	Năm 2015	ĐĐT	0,44				8.584,800	6.610,296	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
07	Lê Lợi	Phường Đông Hòa	Năm 2015	ĐĐT	0,37				7.193,200	5.538,764	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
08	Trần Hưng Đạo	Phường Đông Hòa	Năm 2015	ĐĐT	0,88				17.169,600	13.220,592	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
09	Lý Thường Kiệt	Phường Đông Hòa	Năm 2015	ĐĐT	1,19				32.049,000	24.677,730	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
10	Lê Hồng Phong	Phường Đông Hòa	Năm 2015	ĐĐT	0,04				784,000	603,680	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
11	Hà Huy Tập	Phường Đông Hòa	Năm 2015	ĐĐT	0,08				1.568,000	1.207,360	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
12	Đường gom phía Đông	Phường Đông Hòa	Năm 2015	ĐĐT	0,58				11.368,000	8.753,360	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
13	Đường Hai Bà Trưng	Phường Đông Hòa	Năm 2015	ĐĐT	1,40				27.440,000	21.128,800	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
14	Đường Bà Triệu	Phường Đông Hòa	Năm 2015	ĐĐT	1,20				23.520,000	18.110,400	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
15	Đường Nguyễn Mỹ	Phường Đông Hòa	Năm 2015	ĐĐT	0,50				9.800,000	7.546,000	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
16	Đường Lê Thành Phương	Phường Đông Hòa	Năm 2015	ĐĐT	1,40				27.440,000	21.128,800	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
17	Đường Phan Lưu Thanh	Phường Đông Hòa	Năm 2015	ĐĐT	0,80				15.680,000	12.073,600	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
18	Đường Mạc Thị Bưởi	Phường Đông Hòa	Năm 2015	ĐĐT	0,45				8.820,000	6.791,400	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
19	Đường Xuân Diệu	Phường Đông Hòa	Năm 2015	ĐĐT	1,00				19.600,000	15.092,000	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
20	Đường Cao Bá Quát	Phường Đông Hòa	Năm 2015	ĐĐT	0,30				5.880,000	4.527,600	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
21	Đường Đoàn Thị Điểm	Phường Đông Hòa	Năm 2015	ĐĐT	0,30				5.880,000	4.527,600	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
22	Đường Tố Hữu	Phường Đông Hòa	Năm 2015	ĐĐT	0,30				5.880,000	4.527,600	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
23	Đường Hồ Xuân Hương	Phường Đông Hòa	Năm 2015	ĐĐT	0,35				6.860,000	5.282,200	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản

STT	Tài sản <i>(Chỉ tiết theo từng loại tài sản)</i>	Địa chỉ	Năm đưa vào sử dụng	Loại/cấp/hạng	Số lượng/Chiều dài (Km)	Diện tích (m2)			Giá trị (triệu đồng)		Tình trạng sử dụng của tài sản	Hình thức xử lý	Lý do xử lý
						Đất	Sàn sử dụng nhà	Cầu	Nguyên giá	Giá trị còn lại (đến 31/12/2024)			
(1)	(2)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)
24	Đường Nguyễn Công Trứ	Phường Đông Hòa	Năm 2015	ĐĐT	0,30				5.880,000	4.527,600	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
25	Đường Phan Đình Phùng	Phường Đông Hòa	Năm 2015	ĐĐT	1,30				25.480,000	19.619,600	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
26	Đường Nguyễn Tri Phương	Phường Đông Hòa	Năm 2015	ĐĐT	0,80				15.680,000	12.073,600	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
27	Đường Trần Khánh Dư	Phường Đông Hòa	Năm 2015	ĐĐT	1,20				23.520,000	18.110,400	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
28	Đường Chu Văn An	Phường Đông Hòa	Năm 2015	ĐĐT	0,80				15.680,000	12.073,600	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
29	Đường Ngô Quyền	Phường Đông Hòa	Năm 2015	ĐĐT	1,35				36.450,000	28.066,500	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
XXXXXXXXVIII. Phường Ea Kao													
A. Điều chuyển tài sản đường đô thị về cho phường quản lý													
01	Y Wang	Phường Ea Kao	Năm 2013	ĐĐT	6,54				106.602,000	69.824,310	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
02	30-4 (Vành đai phía Tây)	Phường Ea Kao	Năm 2018	ĐĐT	1,47				80.574,592	63.690,455	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
03	Mai Thị Lưu	Phường Ea Kao	Năm 2013	ĐĐT	1,05				17.115,000	11.210,325	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
04	Y Nuê	Phường Ea Kao	Năm 2013	ĐĐT	1,58				119.803,500	79.369,853	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
05	Tuệ Tĩnh	Phường Ea Kao	Năm 2013	ĐĐT	1,03				74.156,000	48.971,540	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
06	Nguyễn Trường Tộ	Phường Ea Kao	Năm 2013	ĐĐT	2,92				197.005,500	129.038,603	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
07	Sâm Brám	Phường Ea Kao	Năm 2013	ĐĐT	2,93				197.775,000	129.542,625	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
08	Nguyễn An Ninh	Phường Ea Kao	Năm 2013	ĐĐT	0,86				57.847,500	37.890,113	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
09	Phùng Hưng	Phường Ea Kao	Năm 2013	ĐĐT	0,83				56.025,000	36.696,375	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
10	Nay Thông	Phường Ea Kao	Năm 2013	ĐĐT	0,91				61.357,500	40.189,163	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
11	Lê Thị Riêng	Phường Ea Kao	Năm 2013	ĐĐT	0,60				29.460,000	19.296,300	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
12	Lê Chân	Phường Ea Kao	Năm 2013	ĐĐT	0,41				6.683,000	4.377,365	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
13	Y Đôn	Phường Ea Kao	Năm 2013	ĐĐT	0,18				8.838,000	5.788,890	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
14	Lạc Long Quân	Phường Ea Kao	Năm 2013	ĐĐT	0,18				8.838,000	5.788,890	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
15	A Dừa	Phường Ea Kao	Năm 2013	ĐĐT	0,27				34.992,000	22.919,760	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
16	Đặng Văn Ngừ (đường Ôi Ất cũ)	Phường Ea Kao	Năm 2013	ĐĐT	0,54				26.514,000	17.366,670	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
17	Đào Duy Anh	Phường Ea Kao	Năm 2013	ĐĐT	1,02				16.691,200	10.932,736	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
18	Y Jôn Niê	Phường Ea Kao	Năm 2013	ĐĐT	3,00				48.900,000	32.029,500	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
19	Đường giao thông Phùng Hưng	Phường Ea Kao	Năm 2018	ĐĐT	0,60				2.322,210	1.660,380	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
XXXXXXXXXIX. Phường Hòa Hiệp													
A. Điều chuyển tài sản đường huyện về cho phường quản lý													
01	Điều chuyển tài sản do chuyển tuyến đường huyện (DH.86- 'Đường từ ngã ba Hòa Hiệp Trung đến giáp ranh phường Phú Thạnh) thành đường xã (DX.86 -Đường từ ngã ba Hòa Hiệp Trung đến giáp ranh phường Phú Thạnh đoạn phường Hòa Hiệp)				6,80				191.080,000	147.131,600			
	Đường từ ngã ba Hòa Hiệp Trung đến giáp ranh phường Phú Thạnh đoạn phường Hòa Hiệp	Phường Hòa Hiệp	Năm 2015	Cấp IV	6,80				191.080,000	147.131,600	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
B. Điều chuyển tài sản đường đô thị về cho phường quản lý													
01	Đường Trần Phú (đường QH N7)	Phường Hòa Hiệp	Năm 2015	ĐĐT	1,27				24.892,000	19.166,840	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
02	Đường Tôn Thất Tùng (đường QH N5)	Phường Hòa Hiệp	Năm 2015	ĐĐT	1,28				3.447,900	2.654,883	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
03	Đường Nguyễn Hữu Dực (đường QH N10)	Phường Hòa Hiệp	Năm 2015	ĐĐT	1,55				4.185,000	3.222,450	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
04	Đường Lê Hanh (đường QH N12)	Phường Hòa Hiệp	Năm 2015	ĐĐT	1,64				4.422,600	3.405,402	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản

STT	Tài sản <i>(Chỉ tiết theo từng loại tài sản)</i>	Địa chỉ	Năm đưa vào sử dụng	Loại/cấp/hạng	Số lượng/Chiều dài (Km)	Diện tích (m2)			Giá trị (triệu đồng)		Tình trạng sử dụng của tài sản	Hình thức xử lý	Lý do xử lý
						Đất	Sàn sử dụng nhà	Cầu	Nguyên giá	Giá trị còn lại (đến 31/12/2024)			
(1)	(2)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)
05	Đường Nguyễn Văn Linh (đường 22)	Phường Hòa Hiệp	Năm 2015	ĐĐT	1,40				3.771,900	2.904,363	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
06	Đường Lư Giang (đường QH N13 - đường 23)	Phường Hòa Hiệp	Năm 2015	ĐĐT	1,65				4.449,600	3.426,192	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
07	Đường Hà Vĩ Tùng (đường QH N14 - đường 24)	Phường Hòa Hiệp	Năm 2015	ĐĐT	1,25				24.500,000	18.865,000	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
08	Đường Lương Tấn Thịnh (đường QH N29.1)	Phường Hòa Hiệp	Năm 2015	ĐĐT	3,40				66.640,000	51.312,800	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
09	Đường Hòa Hiệp (đường QH N17)	Phường Hòa Hiệp	Năm 2015	ĐĐT	3,64				71.265,600	54.874,512	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
10	Đường Hoàng Văn Thụ (đường QH N19)	Phường Hòa Hiệp	Năm 2015	ĐĐT	2,65				52.018,400	40.054,168	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
11	Đường Ngô Gia Tự (đường QH N20)	Phường Hòa Hiệp	Năm 2015	ĐĐT	0,66				12.936,000	9.960,720	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
12	Đường Trần Nhân Tông (đường QH N21)	Phường Hòa Hiệp	Năm 2015	ĐĐT	2,74				53.625,600	41.291,712	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
13	Đường Lý Tự Trọng (đường QH N28)	Phường Hòa Hiệp	Năm 2015	ĐĐT	0,90				17.640,000	13.582,800	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
14	Đường Lê Anh Xuân (Tuyến đường từ nhà ông Nguyễn Đình Lâu (KP. Phú Hiệp 2) - Công chào Văn hóa Phú Thọ.	Phường Hòa Hiệp	Năm 2015	ĐĐT	1,30				25.480,000	19.619,600	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
15	Đường Huỳnh Tấn Phát (Tuyến đường từ Lương Công Kính (KP. Phú Hòa) đến Ngã 3 Phú Thọ 2).	Phường Hòa Hiệp	Năm 2015	ĐĐT	1,08				21.168,000	16.299,360	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
16	Tuyến đường từ nhà ông Nguyễn Hưng đến công phụ Trung tâm Y tế thị xã	Phường Hòa Hiệp	Năm 2015	ĐĐT	0,74				14.504,000	11.168,080	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
XXXXXXXX. Phường Phú Yên													
A. Điều chuyển tài sản đường huyện về cho phường quản lý													
01	Điều chuyển tài sản do chuyển tuyến đường huyện (ĐH.87- Phước Bình - Vĩnh Xuân) thành đường xã (ĐX.87 - Phước Bình - Vĩnh Xuân đoạn phường Phú Yên)				2,32				17.400,000	13.398,000			
	Phước Bình - Vĩnh Xuân đoạn phường Phú Yên	Phường Phú Yên	Năm 2015	Cấp IV	2,32				17.400,000	13.398,000	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
B. Điều chuyển tài sản đường đô thị về cho phường quản lý													
01	Đường Hùng Vương	Phường Phú Yên	Năm 2015	ĐĐT	5,80				563.760,000	433.661,105	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
02	Đường Nguyễn Tất Thành				7,50				1.497.000,000	1.152.690,000			
02.1	Phần đường và các công trình phụ trợ gắn liền với đường (kể cả cầu có chiều dài dưới 25m)												
	Đường Nguyễn Tất Thành	Phường Phú Yên	Năm 2015	ĐĐT	6,38				622.080,000	479.001,600	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
02.2	Cầu đường bộ và các công trình phụ trợ cầu đường bộ; tài sản, thiết bị chuyên dùng phục vụ riêng biệt cho cầu đường bộ												
	Cầu Đà Rằng	Phường Phú Yên	Năm 2019	BTCT	1,10				429.000,000	330.330,000	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
	Cầu Đà Rằng (cũ)	Phường Phú Yên	Năm 2015	BTCT	1,10				420.420,000	323.723,400	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
	Cầu Bi	Phường Phú Yên	Năm 2015	BTCT	0,03				25.500,000	19.635,000	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
03	Đường Ngô Gia Tự	Phường Phú Yên	Năm 2015	ĐĐT	1,50				144.828,000	111.517,560	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
04	Đường Thăng Long	Phường Phú Yên	Năm 2015	ĐĐT	5,00				486.000,000	374.220,000	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
05	Đường Phan Chu Trinh	Phường Phú Yên	Năm 2015	ĐĐT	0,50				48.600,000	37.422,000	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
06	Đường Phạm Văn Đồng	Phường Phú Yên	Năm 2015	ĐĐT	0,30				29.160,000	22.453,200	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
07	Đường Nguyễn Thị Định	Phường Phú Yên	Năm 2015	ĐĐT	1,50				145.800,000	112.266,000	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
08	Đường Lạc Long Quân	Phường Phú Yên	Năm 2015	ĐĐT	1,50				145.800,000	112.266,000	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
09	Đường Chiến Thắng	Phường Phú Yên	Năm 2015	ĐĐT	1,10				48.600,000	37.422,000	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
10	Đường Ngô Thi Nhậm	Phường Phú Yên	Năm 2015	ĐĐT	0,37				35.964,000	27.692,280	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
11	Đường Ngô Sĩ Liên	Phường Phú Yên	Năm 2015	ĐĐT	0,18				17.496,000	13.471,920	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
12	Đường Phùng Chí Kiên	Phường Phú Yên	Năm 2015	ĐĐT	0,15				14.580,000	11.226,600	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
13	Đường Lê Vụ	Phường Phú Yên	Năm 2015	ĐĐT	0,26				25.272,000	19.459,440	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản

STT	Tài sản <i>(Chỉ tiết theo từng loại tài sản)</i>	Địa chỉ	Năm đưa vào sử dụng	Loại/cấp/hạng	Số lượng/Chiều dài (Km)	Diện tích (m2)			Giá trị (triệu đồng)		Tình trạng sử dụng của tài sản	Hình thức xử lý	Lý do xử lý
						Đất	Sàn sử dụng nhà	Cầu	Nguyên giá	Giá trị còn lại (đến 31/12/2024)			
(1)	(2)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)
14	Đường Phan Huy Chú	Phường Phú Yên	Năm 2015	ĐĐT	0,32				31.104,000	23.950,080	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
15	Đường Đoàn Khuê	Phường Phú Yên	Năm 2015	ĐĐT	0,30				29.160,000	22.453,200	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
16	Đường Tô Hiệu	Phường Phú Yên	Năm 2015	ĐĐT	0,10				9.720,000	7.484,400	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
17	Đường 27-7	Phường Phú Yên	Năm 2015	ĐĐT	0,15				14.580,000	11.226,600	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
18	Đường Đinh Tiên Hoàng	Phường Phú Yên	Năm 2015	ĐĐT	2,18				211.410,000	162.785,700	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
19	Đường Nguyễn Văn Linh	Phường Phú Yên	Năm 2015	ĐĐT	3,60				349.920,000	269.438,400	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
20	Đường Võ Thị Sáu	Phường Phú Yên	Năm 2015	ĐĐT	1,20				96.859,800	74.582,046	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
21	Đường Yết Kiêu	Phường Phú Yên	Năm 2015	ĐĐT	1,75				170.100,000	130.977,000	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
22	Đường Bùi Thị Xuân	Phường Phú Yên	Năm 2015	ĐĐT	0,31				30.132,000	23.201,640	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
23	Đường Kim Đồng	Phường Phú Yên	Năm 2015	ĐĐT	0,48				46.656,000	35.925,120	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
24	Đường Phạm Đình Quy	Phường Phú Yên	Năm 2015	ĐĐT	1,78				173.016,000	133.222,320	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
25	Đường 3-2	Phường Phú Yên	Năm 2015	ĐĐT	2,33				226.476,000	174.386,520	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
26	Đường Nguyễn Văn Trỗi	Phường Phú Yên	Năm 2015	ĐĐT	0,45				43.740,000	33.679,800	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
27	Đường Hồng Bàng	Phường Phú Yên	Năm 2015	ĐĐT	0,44				42.768,000	32.931,360	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
28	Đường Cao Bá Quát	Phường Phú Yên	Năm 2015	ĐĐT	0,42				40.824,000	31.434,480	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
29	Đường Trần Rền	Phường Phú Yên	Năm 2015	ĐĐT	1,20				96.859,800	74.582,046	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
30	Đường Cẩm Giang	Phường Phú Yên	Năm 2015	ĐĐT	0,14				13.608,000	10.478,160	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
31	Đường Nguyễn Hồng Sơn	Phường Phú Yên	Năm 2015	ĐĐT	0,50				29.160,000	22.453,200	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
32	Đường Xô Viết Nghệ Tĩnh	Phường Phú Yên	Năm 2015	ĐĐT	0,23				22.356,000	17.214,120	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
33	Đường Nguyễn Anh Hào	Phường Phú Yên	Năm 2015	ĐĐT	1,10				88.788,150	68.366,876	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
34	Đường Đồng Đa	Phường Phú Yên	Năm 2015	ĐĐT	1,80				173.016,000	133.222,320	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
XXXXXXXXXII. Phường Sóng Cầu													
A. Điều chuyển tài sản đường huyện về cho phường quản lý													
01	Điều chuyển tài sản do chuyển tuyến đường huyện (DH.02- Lệ Uyên - Bình Thạnh) thành đường xã (DX.02 - Lệ Uyên - Bình Thạnh đoạn phường Sóng Cầu)				1,85				1.409,000	986,300			
	Lệ Uyên - Bình Thạnh đoạn phường Sóng Cầu	Phường Sóng Cầu	Năm 2009	Cấp VI	1,85				1.409,000	986,300	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
02	Điều chuyển tài sản do chuyển tuyến đường huyện (DH.03- Trung Trinh - Vũng La) thành đường xã (DX.03 - Trung Trinh - Vũng La đoạn phường Sóng Cầu)				17,25				20.800,000	18.800,000			
	Trung Trinh - Vũng La đoạn phường Sóng Cầu	Phường Sóng Cầu	Năm 2009	Cấp V	17,25				20.800,000	18.800,000	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
03	Điều chuyển tài sản do chuyển tuyến đường huyện (DH.04- Vũng Chảo - Từ Nham) thành đường xã (DX.04 - Vũng Chảo - Từ Nham đoạn phường Sóng Cầu)				4,51				3.400,000	2.700,000			
	Vũng Chảo - Từ Nham đoạn phường Sóng Cầu	Phường Sóng Cầu	Năm 2009	Cấp VI	4,51				3.400,000	2.700,000	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
04	Điều chuyển tài sản do chuyển tuyến đường huyện (DH.05- Hòa Hiệp - Từ Nham) thành đường xã (DX.05 - Hòa Hiệp - Từ Nham đoạn phường Sóng Cầu)				10,22				5.800,000	4.900,000			
	Hòa Hiệp - Từ Nham đoạn phường Sóng Cầu	Phường Sóng Cầu	Năm 2010	Cấp VI	10,22				5.800,000	4.900,000	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
B. Điều chuyển tài sản đường đô thị về cho phường quản lý													
01	Đường Hùng Vương	Phường Sóng Cầu	Năm 2010	ĐĐT	0,30				1.440,000	1.200,000	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
02	Đường Lê Hồng Phong	Phường Sóng Cầu	Năm 2012	ĐĐT	1,30				5.000,000	4.800,000	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản

STT	Tài sản <i>(Chỉ tiết theo từng loại tài sản)</i>	Địa chỉ	Năm đưa vào sử dụng	Loại/cấp/hạng	Số lượng/Chiều dài (Km)	Diện tích (m2)			Giá trị (triệu đồng)		Tình trạng sử dụng của tài sản	Hình thức xử lý	Lý do xử lý
						Đất	Sàn sử dụng nhà	Cầu	Nguyên giá	Giá trị còn lại (đến 31/12/2024)			
(1)	(2)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)
03	Đường Phạm Văn Đồng	Phường Sóng Cầu	Năm 2001	ĐBT	3,70				27.900,000	26.900,000	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
04	Đường Yết Kiêu	Phường Sóng Cầu	Năm 2002	ĐBT	1,89				12.000,000	10.000,000	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
05	Đường Nguyễn Văn Linh	Phường Sóng Cầu	Năm 2003	ĐBT	2,23				14.200,000	13.845,000	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
06	Đường Hai Bà Trưng	Phường Sóng Cầu	Năm 2004	ĐBT	0,34				1.900,000	1.500,000	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
07	Đường Phan Bội Châu	Phường Sóng Cầu	Năm 2001	ĐBT	0,30				1.680,000	1.400,000	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
08	Đường Phan Đình Phùng	Phường Sóng Cầu	Năm 2005	ĐBT	0,18				1.150,000	950,000	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
09	Đường Bùi Thị Xuân	Phường Sóng Cầu	Năm 2006	ĐBT	0,18				720,000	700,000	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
10	Đường Ngô Quyền	Phường Sóng Cầu	Năm 2008	ĐBT	0,12				600,000	560,000	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
11	Đường Trần Hưng Đạo	Phường Sóng Cầu	Năm 2004	ĐBT	0,50				3.200,000	3.100,000	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
12	Đường Nguyễn Viết Xuân	Phường Sóng Cầu	Năm 2003	ĐBT	0,10				600,000	560,000	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
13	Đường Nguyễn Huệ	Phường Sóng Cầu	Năm 2011	ĐBT	0,40				1.900,000	1.800,000	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
14	Đường Lê Duẩn (gd1)	Phường Sóng Cầu	Năm 2008	ĐBT	2,10				1.200,000	1.100,000	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
15	Đường Lương Văn Chánh	Phường Sóng Cầu	Năm 2015	ĐBT	0,13				500,000	4.800,000	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
16	Đường Trần Bình Trọng	Phường Sóng Cầu	Năm 2015	ĐBT	0,13				600,000	580,000	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
17	Đường Nguyễn Trãi	Phường Sóng Cầu	Năm 2009	ĐBT	0,80				6.400,000	5.200,000	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
18	Đường phân khu trung tâm hành chính thị xã	Phường Sóng Cầu	Năm 2012	ĐBT	0,29				2.900,000	2.700,000	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
19	Đường 1 tháng 4	Phường Sóng Cầu	Năm 2018	ĐBT	1,00				14.400,000	14.000,000	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
20	Đường Lê Lợi	Phường Sóng Cầu	Năm 2014	ĐBT	0,51				5.300,000	5.100,000	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
21	Đường Lê Thành Phương	Phường Sóng Cầu	Năm 2002	ĐBT	1,00				4.800,000	4.500,000	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
22	Đường Hoàng Hoa Thám	Phường Sóng Cầu	Năm 2010	ĐBT	0,93				5.770,000	4.900,000	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
23	Đường Lý Thường Kiệt	Phường Sóng Cầu	Năm 2010	ĐBT	0,11				500,000	450,000	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
24	Đường Trần Quốc Toàn	Phường Sóng Cầu	Năm 2007	ĐBT	0,22				1.050,000	900,000	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
25	Đường Triệu Thị Trinh	Phường Sóng Cầu	Năm 2005	ĐBT	0,26				1.240,000	1.000,000	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
26	Đường Đoàn Thị Điểm	Phường Sóng Cầu	Năm 2013	ĐBT	0,75				4.500,000	4.300,000	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
27	Đường Võ Thị Sáu	Phường Sóng Cầu	Năm 2017	ĐBT	0,73				7.000,000	6.500,000	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
XXXXXXXXXIII. Phường Tân An													
A. Điều chuyển tài sản đường đô thị về cho xã quản lý													
01	Lý Thái Tổ (Nguyễn Hữu Thọ - Đồng Khởi)	Phường Tân An	Năm 2013	ĐBT	0,43				56.246,400	36.841,392	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
02	Tôn Đức Thắng	Phường Tân An	Năm 2013	ĐBT	0,71				91.938,240	60.219,547	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
03	Đồng Khởi (Giải phóng cũ)	Phường Tân An	Năm 2013	ĐBT	2,26				155.520,000	101.865,600	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
04	Phạm Hùng	Phường Tân An	Năm 2013	ĐBT	1,35				174.960,000	114.598,800	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
05	Nguyễn Xuân Nguyên	Phường Tân An	Năm 2013	ĐBT	1,20				155.520,000	101.865,600	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
06	Lý Tự Trọng	Phường Tân An	Năm 2013	ĐBT	0,96				64.806,750	42.448,421	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
07	Lê Thị Hồng Gấm	Phường Tân An	Năm 2013	ĐBT	1,02				68.850,000	45.096,750	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
08	Dã Tượng	Phường Tân An	Năm 2013	ĐBT	2,45				39.935,000	26.157,425	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
09	Trương Quang Giao	Phường Tân An	Năm 2013	ĐBT	0,60				9.780,000	6.405,900	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản

STT	Tài sản <i>(Chỉ liệt theo từng loại tài sản)</i>	Địa chỉ	Năm đưa vào sử dụng	Loại/cấp/hạng	Số lượng/Chiều dài (Km)	Diện tích (m2)			Giá trị (triệu đồng)		Tình trạng sử dụng của tài sản	Hình thức xử lý	Lý do xử lý
						Đất	Sàn sử dụng nhà	Cầu	Nguyên giá	Giá trị còn lại (đến 31/12/2024)			
(1)	(2)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)
10	Lê Văn Nhiều (Nguyễn Hồng Ứng - Trương Quang Tuấn)	Phường Tân An	Năm 2013	ĐBT	0,20				18.900,000	12.379,500	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
11	Lê Vụ	Phường Tân An	Năm 2013	ĐBT	0,60				40.500,000	26.527,500	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
12	Nguyễn Hồng Ứng	Phường Tân An	Năm 2013	ĐBT	0,50				33.750,000	22.106,250	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
13	Chu Văn An	Phường Tân An	Năm 2013	ĐBT	1,07				72.090,000	47.218,950	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
14	Lê Quý Đôn	Phường Tân An	Năm 2013	ĐBT	0,89				60.075,000	39.349,125	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
15	Nguyễn Hữu Thọ	Phường Tân An	Năm 2013	ĐBT	1,00				67.500,000	44.212,500	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
16	Hoàng Văn Thụ	Phường Tân An	Năm 2013	ĐBT	0,21				14.040,000	9.196,200	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
17	Phù Đồng	Phường Tân An	Năm 2013	ĐBT	0,21				14.006,250	9.174,094	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
18	Cao Thắng (Lê Quý Đôn - Nguyễn Hữu Thọ)	Phường Tân An	Năm 2013	ĐBT	0,21				13.972,500	9.151,988	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
19	Cao Thắng (Nguyễn Hữu Thọ - Đồng Khởi)	Phường Tân An	Năm 2013	ĐBT	0,83				56.025,000	36.696,375	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
20	Nguyễn Biểu	Phường Tân An	Năm 2013	ĐBT	0,21				13.905,000	9.107,775	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
21	Ngô Thị Nhậm (Lê Quý Đôn - Nguyễn Hữu Thọ)	Phường Tân An	Năm 2013	ĐBT	0,21				13.837,500	9.063,563	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
22	Ngô Thị Nhậm (Nguyễn Hữu Thọ - Đồng Khởi)	Phường Tân An	Năm 2013	ĐBT	0,65				43.875,000	28.738,125	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
23	Hàn Mạc Tử (Lê Quý Đôn - Nguyễn Hữu Thọ)	Phường Tân An	Năm 2013	ĐBT	0,20				13.770,000	9.019,350	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
24	Hàn Mạc Tử (Nguyễn Hữu Thọ - Đồng Khởi)	Phường Tân An	Năm 2013	ĐBT	0,26				17.550,000	11.495,250	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
25	Phạm Ngọc Thạch	Phường Tân An	Năm 2013	ĐBT	0,20				13.736,250	8.997,244	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
26	Nguyễn Thượng Hiền	Phường Tân An	Năm 2013	ĐBT	0,48				32.400,000	21.222,000	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
27	Phan Đăng Lưu	Phường Tân An	Năm 2013	ĐBT	0,48				32.400,000	21.222,000	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
28	Lý Chính Thắng	Phường Tân An	Năm 2013	ĐBT	0,78				39.468,000	25.851,540	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
29	Thái Phiên	Phường Tân An	Năm 2013	ĐBT	0,20				13.702,500	10.208,363	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
30	Ông Ích Khiêm	Phường Tân An	Năm 2013	ĐBT	0,21				13.803,750	9.041,456	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
31	Trần Quốc Tháo	Phường Tân An	Năm 2013	ĐBT	0,20				13.770,000	9.019,350	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
XXXXXXXXXIV. Phường Tân Lập													
A. Điều chuyển tài sản đường đô thị về cho phường quản lý													
01	Trần Quý Cáp	Phường Tân Lập	Năm 2013	ĐBT	5,10				83.130,000	54.450,150	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
02	Đam San	Phường Tân Lập	Năm 2013	ĐBT	1,10				142.560,000	93.376,800	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
03	Vô Thị Sáu	Phường Tân Lập	Năm 2013	ĐBT	0,45				30.375,000	19.895,625	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
04	Ama Jhao	Phường Tân Lập	Năm 2013	ĐBT	0,95				64.125,000	42.001,875	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
05	Hùng Vương (A ma Khê - A ma Jao)	Phường Tân Lập	Năm 2013	ĐBT	0,77				52.050,692	34.093,203	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
06	Hùng Vương (A ma Khê - A ma Jao)	Phường Tân Lập	Năm 2013	ĐBT	0,77				38.408,049	25.157,272	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
07	Hùng Vương (đoạn nối dài đến Trần Quý Cáp)	Phường Tân Lập	Năm 2013	ĐBT	0,70				47.250,000	30.948,750	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
08	Y Khu	Phường Tân Lập	Năm 2013	ĐBT	0,38				18.510,700	12.124,509	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
09	Y Bhin	Phường Tân Lập	Năm 2013	ĐBT	0,34				16.448,500	10.773,768	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
10	Cao Đạt	Phường Tân Lập	Năm 2013	ĐBT	0,11				5.401,000	3.537,655	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
11	Nay Der	Phường Tân Lập	Năm 2013	ĐBT	0,33				16.153,900	10.580,805	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
12	Đinh Núp	Phường Tân Lập	Năm 2013	ĐBT	0,95				46.807,030	30.658,605	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản

STT	Tài sản <i>(Chỉ tiết theo từng loại tài sản)</i>	Địa chỉ	Năm đưa vào sử dụng	Loại/cấp/hạng	Số lượng/Chiều dài (Km)	Diện tích (m2)			Giá trị (triệu đồng)		Tình trạng sử dụng của tài sản	Hình thức xử lý	Lý do xử lý
						Đất	Sàn sử dụng nhà	Cầu	Nguyên giá	Giá trị còn lại (đến 31/12/2024)			
(1)	(2)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)
13	Lê Minh Xuân	Phường Tân Lập	Năm 2013	ĐĐT	0,33				16.291,380	10.670,854	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
14	Pi Năng Tắc	Phường Tân Lập	Năm 2013	ĐĐT	0,24				11.882,200	7.782,841	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
15	Ngô Chí Quốc	Phường Tân Lập	Năm 2013	ĐĐT	1,00				16.300,000	10.676,500	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
16	A Mí Đoan	Phường Tân Lập	Năm 2013	ĐĐT	0,53				25.826,600	16.916,423	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
17	Xuân Thùy (Nguyễn Trọng Nhâm)	Phường Tân Lập	Năm 2013	ĐĐT	0,40				6.520,000	4.270,600	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
18	A Ma Sa	Phường Tân Lập	Năm 2013	ĐĐT	0,28				13.748,000	9.004,940	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
19	Y Linh Niê Kdăm	Phường Tân Lập	Năm 2013	ĐĐT	1,60				26.080,000	17.082,400	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
20	Thế Lữ	Phường Tân Lập	Năm 2013	ĐĐT	0,90				14.670,000	9.608,850	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
21	Y Ni Ksor	Phường Tân Lập	Năm 2013	ĐĐT	0,28				13.581,060	8.895,594	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
22	Nguyễn Đình Thi	Phường Tân Lập	Năm 2013	ĐĐT	1,00				16.300,000	10.676,500	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
23	Tăng Bạt Hổ	Phường Tân Lập	Năm 2013	ĐĐT	0,90				14.670,000	9.608,850	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
24	Y Ni Ksor	Phường Tân Lập	Năm 2013	ĐĐT	0,94				45.996,880	30.127,956	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
25	Lê Cảnh Tuấn	Phường Tân Lập	Năm 2013	ĐĐT	0,90				14.670,000	9.608,850	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
26	Má Hai (Huỳnh Thị Hường)	Phường Tân Lập	Năm 2013	ĐĐT	0,80				13.040,000	8.541,200	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
27	Y Som Niê	Phường Tân Lập	Năm 2013	ĐĐT	0,56				27.225,950	17.832,997	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
28	Rơ Chấm Yon	Phường Tân Lập	Năm 2013	ĐĐT	1,00				16.300,000	10.676,500	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
29	Nguyễn Sinh Sắc	Phường Tân Lập	Năm 2013	ĐĐT	0,90				44.190,000	28.944,450	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
30	Trần Kiên	Phường Tân Lập	Năm 2013	ĐĐT	0,90				44.190,000	28.944,450	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
31	Võ Nguyên Giáp	Phường Tân Lập	Năm 2013	ĐĐT	6,58				540.554,426	513.526,704	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
32	Y Thuýen Ksor	Phường Tân Lập	Năm 2013	ĐĐT	0,23				11.047,500	7.236,113	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
33	Đình Văn Gió	Phường Tân Lập	Năm 2013	ĐĐT	0,23				11.047,500	7.236,113	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
XXXXXXXXV. Phường Thành Nhất													
A. Điều chuyển tài sản đường đô thị về cho phường quản lý													
01	Nguyễn Thị Định	Phường Thành Nhất	Năm 2013	ĐĐT	5,76				746.875,728	489.203,602	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
02	Tổ Hữu	Phường Thành Nhất	Năm 2013	ĐĐT	2,20				319.807,767	219.706,978	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
03	10-3 (Vành đai phía Tây)	Phường Thành Nhất	Năm 2017	ĐĐT	0,27				12.503,550	10.065,358	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
04	30-4 (Vành đai phía Tây)	Phường Thành Nhất	Năm 2017	ĐĐT	1,43				66.222,507	53.309,118	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
05	Cầu 30-4 (Km3+98) đưa vào khai thác từ năm 2017	Phường Thành Nhất	Năm 2017	ĐĐT	0,03				35.712,000	25.534,080	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
06	Phan Huy Chú	Phường Thành Nhất	Năm 2013	ĐĐT	2,20				148.500,000	97.267,500	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
07	Phan Bội Châu (Trương Công Định - Mai Xuân Thưởng)	Phường Thành Nhất	Năm 2013	ĐĐT	0,70				47.250,000	30.948,750	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
08	Phan Bội Châu (Mai Xuân Thưởng 10/3)	Phường Thành Nhất	Năm 2013	ĐĐT	0,60				40.500,000	26.527,500	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
09	Trương Công Định	Phường Thành Nhất	Năm 2013	ĐĐT	0,66				44.347,500	29.047,613	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
10	Trần Phú (KDC Thành Nhất - Phan Bội Châu)	Phường Thành Nhất	Năm 2013	ĐĐT	0,18				12.150,000	7.958,250	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
11	Mai Xuân Thưởng (Từ Phan Bội Châu đến hết ranh giới Phường)	Phường Thành Nhất	Năm 2013	ĐĐT	0,95				64.125,000	42.001,875	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
12	Lê Lai	Phường Thành Nhất	Năm 2013	ĐĐT	0,31				21.127,500	13.838,513	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
13	An Dương Vương	Phường Thành Nhất	Năm 2013	ĐĐT	0,42				28.350,000	18.569,250	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản

STT	Tài sản <i>(Chỉ tiết theo từng loại tài sản)</i>	Địa chỉ	Năm đưa vào sử dụng	Loại/cấp/hạng	Số lượng/Chiều dài (Km)	Diện tích (m2)			Giá trị (triệu đồng)		Tình trạng sử dụng của tài sản	Hình thức xử lý	Lý do xử lý
						Đất	Sàn sử dụng nhà	Cầu	Nguyên giá	Giá trị còn lại (đến 31/12/2024)			
(1)	(2)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)
14	Nguyễn Trung Trực	Phường Thành Nhất	Năm 2013	ĐĐT	0,37				24.637,500	16.137,563	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
15	Nơ Trang Gùh (Mạc Đình Chi - Mai Xuân Thưởng)	Phường Thành Nhất	Năm 2013	ĐĐT	0,42				28.485,000	18.657,675	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
16	Mạc Đình Chi	Phường Thành Nhất	Năm 2013	ĐĐT	0,95				64.125,000	42.001,875	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
17	Thù Khoa Huân	Phường Thành Nhất	Năm 2013	ĐĐT	2,00				32.600,000	21.353,000	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
18	Lê Công Kiều	Phường Thành Nhất	Năm 2013	ĐĐT	0,30				14.730,000	9.648,150	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
19	Nam Quốc Cang	Phường Thành Nhất	Năm 2013	ĐĐT	0,30				14.730,000	9.648,150	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
20	Hàm Nghi	Phường Thành Nhất	Năm 2013	ĐĐT	0,20				9.820,000	6.432,100	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
21	Huỳnh Văn Bánh	Phường Thành Nhất	Năm 2013	ĐĐT	0,10				4.910,000	3.216,050	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
22	Phó Đức Chính	Phường Thành Nhất	Năm 2013	ĐĐT	0,10				4.910,000	3.216,050	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
23	Nguyễn Tiểu La	Phường Thành Nhất	Năm 2013	ĐĐT	0,10				4.910,000	3.216,050	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
24	Phan Kế Bính	Phường Thành Nhất	Năm 2013	ĐĐT	0,10				4.910,000	3.216,050	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
25	Trương Hán Siêu	Phường Thành Nhất	Năm 2013	ĐĐT	0,18				8.838,000	5.788,890	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
26	Trần Nhân Tông	Phường Thành Nhất	Năm 2013	ĐĐT	2,75				44.825,000	29.360,375	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
27	Đào Duy Anh	Phường Thành Nhất	Năm 2013	ĐĐT	0,35				5.705,000	3.736,775	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
28	Hoàng Hữu Nam	Phường Thành Nhất	Năm 2013	ĐĐT	0,80				13.040,000	8.541,200	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
29	Chu Văn Tấn	Phường Thành Nhất	Năm 2013	ĐĐT	0,94				15.354,600	10.057,263	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
30	Nguyễn Khoa Đăng	Phường Thành Nhất	Năm 2013	ĐĐT	1,05				17.180,200	11.253,031	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
31	Phan Văn Đạt	Phường Thành Nhất	Năm 2013	ĐĐT	2,40				21.166,000	13.863,730	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
32	Nguyễn Cảnh Dị	Phường Thành Nhất	Năm 2013	ĐĐT	0,48				7.824,000	5.124,720	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
33	Đào Doãn Địch	Phường Thành Nhất	Năm 2013	ĐĐT	0,90				14.670,000	9.608,850	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
34	Trần Quang Diệu	Phường Thành Nhất	Năm 2013	ĐĐT	1,00				16.300,000	10.676,500	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
35	Phạm Văn Bạch	Phường Thành Nhất	Năm 2013	ĐĐT	0,48				7.824,000	5.124,720	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
36	Nguyễn Cơ Thạch	Phường Thành Nhất	Năm 2013	ĐĐT	0,72				11.736,000	7.687,080	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
37	Nguyễn Phúc Chu	Phường Thành Nhất	Năm 2013	ĐĐT	0,72				11.736,000	7.687,080	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
38	Tạ Quang Bửu	Phường Thành Nhất	Năm 2013	ĐĐT	1,00				16.300,000	10.676,500	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
39	Hồ Giáo	Phường Thành Nhất	Năm 2013	ĐĐT	0,19				3.097,000	2.028,535	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
XXXXXXXXXVI. Phường Tuy Hòa													
A. Điều chuyển tài sản đường huyện về cho phường quản lý													
01	Điều chuyển tài sản do chuyển tuyến đường huyện (ĐH.21- Đường Giao thông từ Quốc lộ 25 đi thành phố Tuy Hòa) thành đường xã (ĐX.21 - Đường Giao thông từ Quốc lộ 25 đi thành phố Tuy Hòa đoạn phường Tuy Hòa)				4,63				34.725,000	26.043,750			
	Đường Giao thông từ Quốc lộ 25 đi thành phố Tuy Hòa đoạn phường Tuy Hòa	Phường Tuy Hòa	Năm 2009	Cấp VI	4,63				34.725,000	26.043,750	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
02	Điều chuyển tài sản do chuyển tuyến đường huyện (ĐH.22- Đường Giao thông từ QL25 đi thôn Thạnh Lâm, xã Hòa Quang Bắc) thành đường xã (ĐX.22 - Đường Giao thông từ QL25 đi thôn Thạnh Lâm, xã Hòa Quang Bắc đoạn phường Tuy Hòa)				3,70				52.540,000	39.405,000			
	Đường Giao thông từ QL25 đi thôn Thạnh Lâm, xã Hòa Quang Bắc đoạn phường Tuy Hòa	Phường Tuy Hòa	Năm 2009	Cấp V	3,70				52.540,000	39.405,000	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
03	Điều chuyển tài sản do chuyển tuyến đường huyện (ĐH.22- Đường Giao thông từ QL25 đi thôn Thạnh Lâm, xã Hòa Quang Bắc) thành đường xã (ĐX.22 - Đường Giao thông từ QL25 đi thôn Thạnh Lâm, xã Hòa Quang Bắc đoạn phường Tuy Hòa)				4,40				33.000,000	24.750,000			

STT	Tài sản <i>(Chỉ tiết theo từng loại tài sản)</i>	Địa chỉ	Năm đưa vào sử dụng	Loại/cấp/hạng	Số lượng/Chiều dài (Km)	Diện tích (m2)			Giá trị (triệu đồng)		Tình trạng sử dụng của tài sản	Hình thức xử lý	Lý do xử lý
						Đất	Sàn sử dụng nhà	Cầu	Nguyên giá	Giá trị còn lại (đến 31/12/2024)			
(1)	(2)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)
	Đường Giao thông từ QL25 đi thôn Thạnh Lâm, xã Hòa Quang Bắc đoạn phường Tuy Hòa	Phường Tuy Hòa	Năm 2009	Cấp VI	4,40				33.000,000	24.750,000	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
B. Điều chuyển tài sản đường đô thị về cho phường quản lý													
01	Đường Hùng Vương (đoạn từ Cầu Hùng Vương - Nguyễn Hữu Thọ)	Phường Tuy Hòa	Năm 2009	ĐBT	3,38				328.536,000	252.719,747	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
02	Đường Trần Hưng Đạo	Phường Tuy Hòa	Năm 2009	ĐBT	3,08				299.376,000	224.532,000	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
03	Đường Nguyễn Huệ	Phường Tuy Hòa	Năm 2009	ĐBT	2,70				262.440,000	202.078,800	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
04	Đường Nguyễn Tất Thành	Phường Tuy Hòa	Năm 2009	ĐBT	3,15				306.180,000	824.780,880	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
05	Đường Lê Lợi	Phường Tuy Hòa	Năm 2009	ĐBT	2,20				213.840,000	164.656,800	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
06	Đường Lê Duẩn	Phường Tuy Hòa	Năm 2009	ĐBT	10,80				1.049.760,000	785.862,000	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
07	Đường Độc Lập	Phường Tuy Hòa	Năm 2009	ĐBT	3,36				326.592,000	250.218,461	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
08	Đường Nguyễn Hữu Thọ	Phường Tuy Hòa	Năm 2009	ĐBT	3,00				291.600,000	222.286,680	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
09	Đường Trần Kiệt	Phường Tuy Hòa	Năm 2009	ĐBT	2,50				243.000,000	187.110,000	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
10	Đường Trần Phú	Phường Tuy Hòa	Năm 2009	ĐBT	3,50				340.200,000	246.985,200	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
11	Đường Điện Biên Phủ	Phường Tuy Hòa	Năm 2009	ĐBT	1,70				165.240,000	127.234,800	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
12	Đường Nguyễn Trãi	Phường Tuy Hòa	Năm 2009	ĐBT	3,50				340.200,000	261.954,000	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
13	Đường Duy Tân	Phường Tuy Hòa	Năm 2009	ĐBT	1,07				104.004,000	78.586,200	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
14	Đường Tổ Hữu	Phường Tuy Hòa	Năm 2009	ĐBT	0,35				34.020,000	26.195,400	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
15	Đường Nguyễn Bình Khiêm	Phường Tuy Hòa	Năm 2009	ĐBT	0,45				43.740,000	33.679,800	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
16	Đường Lê Thánh Tôn	Phường Tuy Hòa	Năm 2009	ĐBT	1,00				97.200,000	59.875,200	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
17	Đường Tân Đà	Phường Tuy Hòa	Năm 2009	ĐBT	0,50				48.600,000	37.422,000	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
18	Đường Hoàng Diệu	Phường Tuy Hòa	Năm 2009	ĐBT	0,25				24.300,000	18.711,000	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
19	Đường Nguyễn Du	Phường Tuy Hòa	Năm 2009	ĐBT	0,70				68.040,000	50.893,920	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
20	Đường Mai Xuân Thưởng	Phường Tuy Hòa	Năm 2009	ĐBT	0,90				87.480,000	67.359,600	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
21	Đường Nguyễn Thái Học	Phường Tuy Hòa	Năm 2009	ĐBT	1,30				126.360,000	97.297,200	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
22	Đường Trường Chinh	Phường Tuy Hòa	Năm 2009	ĐBT	3,11				243.000,000	187.110,000	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
23	Đường Lê Văn Xuyến	Phường Tuy Hòa	Năm 2009	ĐBT	0,20				19.440,000	14.968,800	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
24	Đường Trần Suyền	Phường Tuy Hòa	Năm 2009	ĐBT	0,61				60.264,000	178.877,160	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
25	Đường Phạm Hồng Thái	Phường Tuy Hòa	Năm 2009	ĐBT	0,22				21.384,000	16.465,680	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
26	Đường Lương Văn Chánh	Phường Tuy Hòa	Năm 2009	ĐBT	1,00				97.200,000	74.844,000	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
27	Đường Lê Thành Phương	Phường Tuy Hòa	Năm 2009	ĐBT	1,10				106.920,000	82.328,400	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
28	Đường Văn Cao	Phường Tuy Hòa	Năm 2009	ĐBT	0,82				79.704,000	61.372,080	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
29	Đường Chu Mạnh Trinh	Phường Tuy Hòa	Năm 2009	ĐBT	0,10				9.720,000	7.334,712	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
30	Đường Trần Cao Văn	Phường Tuy Hòa	Năm 2009	ĐBT	0,45				43.740,000	33.679,800	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
31	Đường Chu Văn An	Phường Tuy Hòa	Năm 2009	ĐBT	0,74				71.928,000	55.384,560	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
32	Đường Phan Đình Phùng	Phường Tuy Hòa	Năm 2009	ĐBT	0,90				87.480,000	67.359,600	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
33	Đường Lê Trung Kiên	Phường Tuy Hòa	Năm 2009	ĐBT	1,47				142.884,000	110.020,680	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản

STT	Tài sản <i>(Chỉ tiết theo từng loại tài sản)</i>	Địa chỉ	Năm đưa vào sử dụng	Loại/cấp/hạng	Số lượng/Chiều dài (Km)	Diện tích (m2)			Giá trị (triệu đồng)		Tình trạng sử dụng của tài sản	Hình thức xử lý	Lý do xử lý
						Đất	Sàn sử dụng nhà	Cầu	Nguyên giá	Giá trị còn lại (đến 31/12/2024)			
(1)	(2)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)
34	Đường Phan Bội Châu	Phường Tuy Hòa	Năm 2009	ĐĐT	0,14				13.608,000	10.478,160	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
35	Đường Yersin	Phường Tuy Hòa	Năm 2009	ĐĐT	0,47				45.684,000	35.476,056	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
36	Đường Huỳnh Thúc Kháng	Phường Tuy Hòa	Năm 2009	ĐĐT	0,54				52.488,000	40.340,916	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
37	Đường Hà Huy Tập	Phường Tuy Hòa	Năm 2009	ĐĐT	1,58				153.576,000	118.253,520	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
38	Đường Lê Quý Đôn	Phường Tuy Hòa	Năm 2009	ĐĐT	0,35				34.020,000	26.195,400	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
39	Đường Hàm Nghi	Phường Tuy Hòa	Năm 2009	ĐĐT	0,53				51.516,000	39.367,944	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
40	Đường Lương Tấn Thịnh	Phường Tuy Hòa	Năm 2009	ĐĐT	0,59				57.348,000	44.157,960	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
41	Đường Lý Thái Tổ	Phường Tuy Hòa	Năm 2009	ĐĐT	1,05				16.756,881	15.500,115	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
42	Đường Nguyễn Công Trứ	Phường Tuy Hòa	Năm 2009	ĐĐT	1,90				184.680,000	142.203,600	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
43	Đường Nguyễn Trường Tộ	Phường Tuy Hòa	Năm 2009	ĐĐT	0,37				35.964,000	27.692,280	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
44	Đường Lý Thường Kiệt	Phường Tuy Hòa	Năm 2009	ĐĐT	1,09				105.948,000	81.579,960	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
45	Đường Nguyễn Văn Cừ	Phường Tuy Hòa	Năm 2009	ĐĐT	0,80				77.760,000	59.875,200	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
46	Đường Lý Tự Trọng	Phường Tuy Hòa	Năm 2009	ĐĐT	0,80				77.760,000	59.875,200	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
47	Đường Đồng Khởi	Phường Tuy Hòa	Năm 2009	ĐĐT	0,59				57.348,000	44.157,960	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
48	Đường Nguyễn Thị Minh Khai	Phường Tuy Hòa	Năm 2009	ĐĐT	0,59				57.348,000	44.157,960	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
49	Đường Bạch Đằng	Phường Tuy Hòa	Năm 2009	ĐĐT	3,10				301.320,000	232.016,400	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
50	Đường Nguyễn Trung Trực	Phường Tuy Hòa	Năm 2009	ĐĐT	1,60				155.520,000	119.750,400	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
51	Đường Trần Quý Cáp	Phường Tuy Hòa	Năm 2009	ĐĐT	0,84				81.648,000	62.868,960	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
52	Đường Trần Bình Trọng	Phường Tuy Hòa	Năm 2009	ĐĐT	0,63				61.236,000	46.852,344	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
53	Đường Ngô Quyền	Phường Tuy Hòa	Năm 2009	ĐĐT	0,82				79.704,000	61.372,080	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
54	Đường Trần Quốc Toản	Phường Tuy Hòa	Năm 2009	ĐĐT	1,00				97.200,000	74.844,000	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
55	Đường Mậu Thân	Phường Tuy Hòa	Năm 2009	ĐĐT	3,00				291.429,474	224.400,695	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
56	Đường Nguyễn Chí Thanh	Phường Tuy Hòa	Năm 2009	ĐĐT	0,79				76.885,200	59.201,604	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
57	Đường Trần Nhật Duật	Phường Tuy Hòa	Năm 2009	ĐĐT	0,30				29.160,000	22.453,200	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
58	Đường Nguyễn Đình Chiểu	Phường Tuy Hòa	Năm 2009	ĐĐT	0,80				77.274,000	59.500,980	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
59	Đường Huỳnh Trần Công Chúa	Phường Tuy Hòa	Năm 2009	ĐĐT	0,37				35.964,000	27.692,280	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
60	Đường Vành Đai Hưng Phú	Phường Tuy Hòa	Năm 2009	ĐĐT	0,42				40.435,200	31.135,104	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
61	Đường Trần Quốc Toản	Phường Tuy Hòa	Năm 2009	ĐĐT	0,14				13.608,000	10.478,160	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
62	Đường Tuệ Tĩnh	Phường Tuy Hòa	Năm 2009	ĐĐT	0,57				55.404,000	42.661,080	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
63	Đường Phù Đồng	Phường Tuy Hòa	Năm 2009	ĐĐT	0,57				55.404,000	42.661,080	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
64	Đường Nguyễn Đức Cảnh	Phường Tuy Hòa	Năm 2009	ĐĐT	1,35				131.220,000	101.039,400	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
65	Đường Phan Đăng Lưu	Phường Tuy Hòa	Năm 2009	ĐĐT	0,35				34.020,000	26.195,400	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
66	Đường Trương Định	Phường Tuy Hòa	Năm 2009	ĐĐT	0,30				29.160,000	22.453,200	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
67	Đường Nguyễn Thế Bảo	Phường Tuy Hòa	Năm 2009	ĐĐT	0,10				9.720,000	7.484,400	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
68	Đường Tây Sơn	Phường Tuy Hòa	Năm 2009	ĐĐT	0,23				22.356,000	17.214,120	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản

STT	Tài sản <i>(Chỉ tiết theo từng loại tài sản)</i>	Địa chỉ	Năm đưa vào sử dụng	Loại/cấp/hạng	Số lượng/Chiều dài (Km)	Diện tích (m2)			Giá trị (triệu đồng)		Tình trạng sử dụng của tài sản	Hình thức xử lý	Lý do xử lý
						Đất	Sàn sử dụng nhà	Cầu	Nguyên giá	Giá trị còn lại (đến 31/12/2024)			
(1)	(2)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)
69	Đường Lương Thế Vinh	Phường Tuy Hòa	Năm 2009	ĐĐT	0,40				38.880,000	29.937,600	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
70	Đường Nguyễn Văn Huyền	Phường Tuy Hòa	Năm 2009	ĐĐT	1,45				140.940,000	164.656,800	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
71	Đường Đào Duy Tùng	Phường Tuy Hòa	Năm 2009	ĐĐT	0,84				81.648,000	62.868,960	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
72	Đường Trần Quang Diệu	Phường Tuy Hòa	Năm 2009	ĐĐT	0,42				40.386,600	31.097,682	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
73	Đường Hai Bà Trưng	Phường Tuy Hòa	Năm 2009	ĐĐT	0,42				40.386,600	31.097,682	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
74	Đường Nguyễn Thiếp	Phường Tuy Hòa	Năm 2009	ĐĐT	0,10				9.720,000	7.484,400	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
75	Đường Nguyễn Côn	Phường Tuy Hòa	Năm 2009	ĐĐT	0,15				14.312,700	11.020,779	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
76	Đường Tô Hiến Thành	Phường Tuy Hòa	Năm 2009	ĐĐT	0,10				9.744,300	7.503,111	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
78	Đường Bà Huyện Thanh Quan	Phường Tuy Hòa	Năm 2009	ĐĐT	0,55				53.460,000	41.164,200	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
79	Đường Tô Nào	Phường Tuy Hòa	Năm 2009	ĐĐT	0,16				15.552,000	11.975,040	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
80	Đường Tô Ngọc Trác	Phường Tuy Hòa	Năm 2009	ĐĐT	0,12				11.664,000	8.981,280	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
81	Đường Đào Tấn	Phường Tuy Hòa	Năm 2009	ĐĐT	0,22				21.384,000	16.465,680	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
82	Đường Đào Trí	Phường Tuy Hòa	Năm 2009	ĐĐT	0,28				27.216,000	20.956,320	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
83	Đường Trần Huy Liệu	Phường Tuy Hòa	Năm 2009	ĐĐT	0,23				22.356,000	17.214,120	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
84	Đường Song Hành	Phường Tuy Hòa	Năm 2009	ĐĐT	1,16				112.752,000	86.819,040	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
85	Đường Lê Văn Hưu	Phường Tuy Hòa	Năm 2009	ĐĐT	0,56				54.432,000	41.912,640	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
86	Đường Trương Kiểm	Phường Tuy Hòa	Năm 2009	ĐĐT	0,78				75.816,000	58.378,320	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
87	Đường Côn Sơn	Phường Tuy Hòa	Năm 2009	ĐĐT	0,72				69.984,000	53.887,680	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
88	Đường Mạc Đình Chi	Phường Tuy Hòa	Năm 2009	ĐĐT	0,10				9.720,000	9.234,000	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
89	Đường Hải Dương	Phường Tuy Hòa	Năm 2009	ĐĐT	0,80				77.760,000	59.875,200	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
90	Đường Trần Quốc Tuấn	Phường Tuy Hòa	Năm 2009	ĐĐT	0,45				43.740,000	33.679,800	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
91	Đường Hoàng Văn Thụ	Phường Tuy Hòa	Năm 2009	ĐĐT	0,21				20.412,000	15.717,240	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
92	Đường Phạm Ngọc Thạch	Phường Tuy Hòa	Năm 2009	ĐĐT	1,05				102.060,000	78.586,200	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
93	Đường Mạc Thị Bưởi	Phường Tuy Hòa	Năm 2009	ĐĐT	0,70				68.040,000	52.390,800	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
XXXXXXXXXVII. Phường Xuân Đài													
B. Điều chuyển tài sản đường đô thị về cho phường quản lý													
01	Đường Nguyễn Hồng Sơn	Phường Xuân Đài	Năm 2012	ĐĐT	5,35				25.600,000	24.500,000	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
02	Đường Kim Đồng	Phường Xuân Đài	Năm 2006	ĐĐT	0,19				1.200,000	1.050,000	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
03	Đường Lê Văn Tám	Phường Xuân Đài	Năm 2006	ĐĐT	0,14				560,000	490,000	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản
04	Đường Phạm Văn Đồng	Phường Xuân Đài	Năm 2001	ĐĐT	2,48				24.800,000	23.587,000	Còn sử dụng được, sử dụng đúng mục đích	Điều chuyển tài sản	Thay đổi cơ quan quản lý tài sản